HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 42, tháng 8 & 9 năm 1998



TUYỂN TẬP THƠ VĂN



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714)265-1394 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ, số 42 tháng 8 & 9 / 1998

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

chủ biên

Khánh Trường

Phụ tá chủ biên

Phạm Việt Cường

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer gửi bài kèm đĩa (ghi rõ nhu liệu đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Số đăng ký tại quốc hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



tranh Đinh Cường

HỢP LƯU

SỐ 42 THÁNG 8 & 9 / 1998

TUYỂN TẬP THƠ VĂN



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Võ Đình: Tháng Tám 1996, *sơn dầu*





THƯ TÒA SOẠN



Từ lúc ra đời đến nay, đây là lần thứ hai Hợp Lưu bị trở ngại kỹ thuật, "phần cứng" của máy bị hỏng, và do bản tính... lười của người phụ trách đánh máy, lay-out bài vở, hầu hết hồ sơ nằm trong máy chưa được sang ra đĩa. Kết quả: toàn bọ bản thảo Hợp Lưu số 42 cơ bản đã hoàn tất đều bị ném vào... hư vô!

Do phải làm lại từ đầu, và vì chủ biên phải đi xa một thời gian ngắn (1/2 tháng), nên bằng mọi giá, Hợp Lưu phải hoàn tất phần lay-out hầu mang đến nhà in trước ngày 15 tháng 7. Chắc chắn số báo này khó tránh khỏi những sơ xuất kỹ thuật, rất mong độc giả cảm thông.

Cũng vì trục trặc máy móc, Mục *Ngày... Tháng* do Nghi Lâm tạm thời phụ trách đã không đi được trong số này. Cũng may, nhà văn Lệ Hằng đã "chữa lửa" kịp thời, bằng hai tạp bút rất hay của chị. Tòa soạn thay mặt độc giả cảm ơn nhà văn Lệ Hằng, dù rất bận rộn với ba cuốn sách vừa phát hành, chị vẫn chung vai gách vác sự rủi ro của Hợp Lưu.

Và cũng vì trục trặc máy móc, list độc giả dài hạn nằm trong máy đã được cập nhật biến mất, tòa soạn buộc phải dùng danh sách còn giữ được ngoài đĩa cách đây một tháng. Có nghĩa, số này chắc chắn có nhiều độc giả không nhận được báo, hoặc nhận được với giấy báo hết hạn (trong khi đã gia hạn). Tòa soạn xin lỗi, và xin những vị nào nằm trong trường hợp vừa nêu hãy liên lạc với tòa soạn (qua mail hoặc điện thoại) để chúng tôi điều chỉnh.

Trên dưới một năm nay, công việc trị sự Hợp Lưu phần nào tắc trách, bài văn hữu gửi về không được chủ biên trả lời nhanh và đủ, danh sách độc giả dài hạn lầm lộn nhiều (có vị mua hạng nhất bị đưa xuống hạng tư, hoặc ngược lại, có vị đã gia hạn vẫn nhận được giấy báo, hoặc ngược lại), những văn hữu có bài chọn đăng không nhận được báo biếu và thư cảm ơn, nhiều bài đã có thư báo "sẽ đi" nhưng sau đó, khi di chuyển tòa soạn về địa điểm

mới, chúng tôi để thất lạc)...

Để chấn chỉnh lại tình trạng trị sự tắc trách vừa nói, cách duy nhất là phải tăng thêm nhân sự. Nhưng giải pháp này xem ra vô phương thực hiện. Vì vậy rất mong độc giả giúp chúng tôi bằng cách báo ngay cho tòa soạn biết những lầm lộn nếu có. Phần chúng tôi, kể từ nay, sẽ gửi giấy báo gia hạn đến quí độc giả TRƯỚC NGÀY HẾT HẠN MỘT SỐ BÁO (ví dụ số báo hết hạn là 44, thì từ số 43, độc giả sẽ nhận được giấy báo lần thứ nhất). Trên góc phải của giấy báo, độc giả sẽ đọc thấy chữ số 1 màu trắng nằm trong vòng tròn đen, để chỉ giấy báo được gửi lần thứ nhất, nếu vì lý do nào đó quí độc giả chưa thể gia hạn, chúng tôi sẽ gửi tiếp giấy báo lần thứ hai (ghi số 2, cũng trên góc phải) đúng với số báo cuối cùng của chu kỳ mua báo. Sau đó, nếu vẫn chưa nhận được gia hạn, chúng tôi sẽ gửi tiếp một giấy báo nữa (lần thứ 3). Sau ba lần thông báo, quí độc giả nào chưa gia hạn, là đã gián tiếp cho chúng tôi biết thôi mua, chúng tôi sẽ xóa tên trong danh sách.

Chúng tôi hiểu rằng đời sống của mỗi chúng ta là rất bận rộn, không thể nào nhớ hết những điều cần nhớ, làm hết những việc cần làm, nên nếu có quên lãng một mẩu giấy báo gia hạn thì cũng chả có gì đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, để giúp Hợp Lưu có phương tiện sống còn, chúng tôi thiết tha mong quí độc giả viết check và gửi ngay về toàn soạn kèm mẩu gia hạn khi vừa nhận được thông báo, nếu quí độc giả còn muốn đọc và yểm trợ Hợp Lưu.

Hợp Lưu số này là một tuyển tập biên khảo, thơ văn, gồm nhiều sáng tác mới nhất của các nhà văn, nhà thơ trong ngoài nước. Điểm đặc biệt là đa số các tác phẩm đều của phái nữ. Hiện tượng rất nhiều nhà văn nữ xuất hiện trong vài năm gần đây, và hầu hết đều viết hay, là một hiện tượng cần được nghiên cứu. Nhà thơ Phạm Việt Cường sẽ lần lượt phỏng vấn tất cả các nhà văn nữ trong và ngoài nước, để có thể qua loạt phỏng vấn này, chúng ta sẽ tìm ra một đáp số chính xác cho hiện tượng vừa nêu.

HỢP LƯU



NGUYỄN HỮU LÊ

TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRONG VĂN HỌC XÉT TỪ LÁT CẮT ĐỒNG ĐẠI

(Phần 1:Các thành phần căn bản của cấu trúc tư duy nghệ thuật)



Xét trong cùng một thời đại lịch sử, tư duy nghệ thuật trong văn học cũng có sự biến đổi vô cùng phong phú. Như các bài viết trước đây chúng tôi đã có dịp công bố, vì không phải hướng tới chân lý khách quan như đặc thù của các bộ môn khoa học, tư duy nghệ thuật luôn tìm tòi và phát hiện những khả năng gây hứng thú trong công chúng. Trong đại đa số trường hợp, khái niệm "phát triển" trong văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung thường bao hàm một ý nghĩa tương đối.Chính xác hơn, có thể diễn đạt sự biến thiên đa dạng trong văn học (nhưng không phải theo chiều hướng phát triển, cái sau phủ định cái trước, cái mới phủ định cái cũ như thường thấy trong các ngành khoa học) bằng từ "đổi mới". Lẽ dĩ nhiên, tư duy nghệ thuật đổi mới trong sự thừa hưởng thành quả của cái cũ, nó được "lạ hóa" trên nền tảng của cái đã "quen".

Đứng về phương diện lý luận tiếp nhận, các nhà nghiên cứu thường đặt câu hỏi: Tại sao đứng trước cùng một đối tượng quan sát, một "thực tại tự thân", mỗi nhà văn khác nhau cho ra đời những sản phẩm nghệ thuật khác nhau, với những cá tính sáng tạo độc đáo?

Để diễn đạt một cách giản dị, ta có thể lấy ví dụ từ các đề ra của thầy

giáo nghành văn chương cho học trò phổ thông trong giờ tập làm văn.Không phải tất cả học trò đều trả lời đúng một "đáp án" được chọn làm chuẩn của hội đồng giáo viên.Trong một số trường hợp, học sinh giỏi văn, tiếc thay lại thường đi rất xa ra khỏi những kinh viện của "đáp án".Và kết quả là , những học sinh giỏi, biết làm "lạ hóa" vấn đề quen thuộc trong cách quan sát thực tại thường bị đánh hỏng oan.

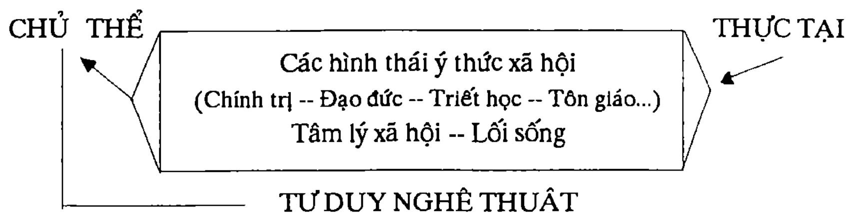
Để giải đáp những vấn đề rắc rối này, ngành lý luận văn học đã có những tìm tòi khả quan.Trong vài ba thập niên gần đây, giới nghiên cứu bắt đầu hướng tới việc khám phá mối quan hệ phức tạp giữa chủ thể và khách thể, giữa văn bản và những yếu tố ngoài văn bản, giữa tác phẩm và công chúng nghệ thuật.v.v...

Và cũng giống như sáng tác văn học, trong lý luận nghiên cứu cũng có những cú sốc gây sóng gió ồn ào. Điều đáng chú ý là cứ sau một phát kiến, người ta thường nhiệt tình cổ động nó, thử vận dụng nó vào phân tích tác phẩm.Số "đệ tử" của phát kiến mới này thường gia tăng trong thời kỳ đầu để rồi rơi rụng dần trong giai đoạn kế tiếp.Vấn đề rắc rối là khi vận dụng, người ta vẫn cứ không đánh bạt nổi cái hồ nghi là hình như vẫn chưa thật thuyết phục? Số lượng ngoại lệ được tìm ra ngày mỗi tăng.

Nguyên nhân căn bản nằm ở đâu?

Khác với khoa học tự nhiên, đối tượng nghiên cứu của nghành văn học là những sáng tạo tinh thần biến đổi không ngừng và đa dạng trong không gian và trong thời gian.Tư duy nghệ thuật không phải là cấu trúc khép kín mà là một hệ thống mở.Văn bản dù đã được định hình trong một ấn bản cố định nào đó nhưng không vì thế mà tư duy nghệ thuật đã kết thúc vai trò sáng tạo của nó.Khi bắt gặp công chúng cái văn bản "chết" kia mới thật sự có sức sống hữu cơ,mới bắt đầu quá trình đồng sáng tạo giữa công chúng và tác giả.Nếu chỉ nghiên cứu văn bản "chết" nhà khoa học chẳng khác gì người thợ lặn bắt cá bằng tay. Con cá bơi năng động, người thợ săn cố rình một "điểm chết" để chộp. Kết quả là thường chỉ sờ đượv cái đuôi cá.

Trong sơ đồ về các mối quan hệ phức tạp giữa thực tại- chủ thể - tư duy nghệ thuật (Xem bản vẽ). Chúng tôi lưu ý bạn đọc rằng; trướcibịchủthểđồng hóa, "thực tại vô ngã" đã phải "chui" qua hàng loạt



"tấm lọc" của chủ thể như: Các hình thái ý thức xã hội - tâm lý xã hội - lối sống... Sau khi đã qua cái "màng lọc" đó, cái "thực tại" ban đầu đã tan biến, nhường chỗ cho một "cách nhìn thực tại" trong tư duy nghệ thuật, một loại sản phẩm đặc tả sống động chân dung chủ thể. Lý do của cái "lạ hóa" trong văn học là ở chỗ đó.

Thực ra dùng chữ "vô ngã" là một khái niệm không chuẩn. Chính xác hơn, trước khi qua cái "màng lọc" chủ thể, ta đã có cái "thực tại đa ngã". Thực tại của cõi người, tự thân nó đã nhuốm máu sắc nhân tính, cái tôi, tính xã hội hóa nhưng ở dạng thô, dạng chất liệu tản mác. Nếu làm phép thống kê toán học thuần túy, trong 24 giờ đồng hồ mỗi ngày của từng con người có không ít hơn 80% thời gian sống vô cảm với thời gian vật lý, với hàng đống công việc nghĩ suy ngập đầu, số ít ỏi phần trăm còn lại người ta mới dùng nó để thực hiện hàng loạt mọi giá những ham muốn đời thường ngày càng đánh bật con người ra khỏi thời gian nhân tính. Gã thương gia cay cú ăn thua trước thời vận đỏ đen, thời gian bộc lộ tình cảm duy nhất hiếm hoi của y thường là cảm giác sung sướng khi đếm tiền. Các ngài viện sỹ suốt đời bận tâm chẳng hạn việc tìm ra thêm một hành tinh mới trong cái vũ trụ mông lung này nên các ngài ấy thường giam các bà vợ trẻ đẹp của mình trong quên lãng.Bọn văn nhân thì suốt ngày nói chuyện tình cảm yêu đương, trừ tình yêu dành cho vợ mình, và thường thì các bà vợ phải xắn váy quai cồng gánh vác giang san gia đình để cho các vị ấy có thời gian bốc thơm lẫn nhau v.v...Trong bối cảnh đó, tư duy nghệ thuật đóng vai trò kích thích gia tăng thời gian nhân tính, giảm bớt thời gian vô cảm và gây hứng thú cho độc giả bằng những cách khác nhau để tập hợp, nối kết những mảnh vụn tình cảm, nội tâm vương vãi tản mác trong đời thường.

Tư duy nghệ thuật với tư cách là sản phẩm của cá tính sáng tạo của chủ thể, được "lạ hóa" sau khi đã qua quá trình sàng lọc kể trên. Bởi thế, chủ thể sáng tạo thường được đặt lên "bàn cân" để đo lường cái "phông văn hóa" của anh ta như học vấn (kiến thức khoa học về các hình thái ý thức xã hội), vốn sống (khả năng thâm nhập vào đời sống nhân bản ở "tầng trệt" như tâm lý xã hội—lối sống).Và cuối cùng là thao tác tư duy để lựa chọn và thể hiện cấu trúc của tác phẩm văn học.Người được coi là có năng khiếu sáng tạo thường được nhấn mạnh ở đặc trưng cuối này.Cùng có một vốn văn hóa và sự am hiểu con người xã hội, nhưng chỉ có thể trở thành nhà văn thuộc số người biết thao tác cấu trúc để xây dựng nên tác phẩm.Rất nhiều người có khả năng nói lên điều quan trọng là "viết cái gì" nhưng sẽ xuất hiện không nhiều trong số đó biết khả năng "viết như thế nào".

*

Trong sơ đồ cấu trúc các tầng bậc của "phông văn hóa" của chủ thể cho thấy tầng gần tư duy nghệ thuật hơn cả chính là cái "tầng trệt" TÂM LÝ XÃ HỘI—-LỐI SỐNG.Trước khi được cấu thành tư duy nghệ thuật, không có nhà văn nào lại không cho cái thực tại của mình vào "cân , đong, đo đếm" ở đây. Điều khác biệt là ở chỗ, có những nhà văn chỉ sử dụng mỗi "tầng trệt" này cho cấu trúc tác phẩm, trong khi có những nhà văn khác vừa sử dụng "tầng trệt", vừa tìm tòi tương đồng cấu trúc ở tầng hình thái ý thức xã hội để xây dựng tác phẩm.

Hồ Trường An chẳng hạn, rất có sở trường sử dụng "tầng trệt" tâm lý xã hội-lối sống. Ngoài sự chính xác của chi tiết về các thổ ngữ, phong tục tập quán, tư duy nghệ thuật của Hồ Trường An thường cho bạn đọc những hứng thú bất ngờ từ những phản ứng tâm lý hồn nhiên dân giã của nhân vật. Đọc văn ông, bạn đọc không phải đánh vật vất vả với chữ nghĩa để truy tìm những ẩn ý. Cái lạ hóa trong văn ông có lẽ là một cách nhìn "vờ ngây thơ" chân quê để đối lập một cách sắc sảo với văn minh đô thị tiềm ẩn trong công chúng, người đọc.

Nhiều bài thơ về nông thôn của Nguyễn Bính đã làm bật nổi vẻ đẹp chân quê một thời. Nhớ Nguyễn Bính, không ai không nhớ cái tài "lạ hóa" bằng "hương đồng cỏ nội" trong thơ ông.

Nguyễn Huy Thiệp hay Phạm Thị Hoài có hoài vọng lớn hơn. Các nhà văn này không chỉ sử dụng "tầng trệt" thuần túy mà còn muốn thông qua nó để "giật dây" cả hệ thống "tầng thượng" như chính trị, triết học, đạo đức, tôn giáo v.v...

Muốn làm được điều này, tác giả không thể cứ lười biếng nhét vào mồm nhân vật của mình những triết lý, hoặc những minh họa mô phỏng chính trị, luân lý .Điều quan trọng hơn là phải vạch được mối liên hệ tương đồng cấu trúc giữa cái vẻ ngoài của "tầng trệt" và chiều sâu, liên hệ ngầm của "tầng thượng". Trong truyện ngắn "Muối của rừng" của Nguyễn Huy Thiệp lòng ham mê săn bắn của ông Diểu đã bị chặn đứng bởi những hành vi "động vật cao cấp" tương đồng với "ý thức nhân tính " bậc cao của con người của bầy khỉ. Cách hành xử vị tha, bảo vệ đùm bọc lẫn nhau vừa cao cả vừa bi hùng của bầy khỉ trước mũi súng ông Diểu, đã làm người thợ săn đánh rơi chức năng chuyên nghiệp của mình. Sự thức tỉnh của nhân tính mạnh hơn thú tính bản năng. Người thợ săn trần truồng chiến bại trở về tay không, mất cả vũ khí, trong niềm vui của một nhà thơ, hay nói chính xác hơn , trong niềm vui của một nhân cách văn hóa, thanh thản vô bờ trước vẻ đẹp kỳ vỹ của thiên nhiên.

Sức hấp dẫn của truyện ngắn này là ở mối liên hệ ngầm giữa tâm lý xã hội và triết lý nhân sinh.Nó tạo cho bạn đọc những liên tưởng nghệ thuật

nhiều chiều, không kết thúc.

Tập truyện vừa "Marie Sến" của Phạm Thị Hoài lại cho ta những phát kiến loại khác.

Trong truyện "Marie Sến", tác giả dùng cái "tầng trệt" Tâm lý xã hội—Lối sống để "nhại lại" những thói quen rởm, nhàm của đám đông thường thấy ở các sắc tộc nhược tiểu. Thiếu bản lĩnh văn hóa độc lập, mỗi cá thể trong đám đông này là một "hòn bi" tròn trịa của những "hòn bi cá thể" khác.Ngay những kẻ muốn học đòi thiên hạ, cố tỏ ra mình khác những "hòn bi" kia cũng không tránh khỏi kệch cỡm, vì họ chỉ bắt chước được tha nhân cái vẻ ngoài, cái khuôn mẫu tác phong đơn điệu. Một dân tộc phi cá tính, sản phẩm nô lệ của một thời , hay chính xác hơn là một chuỗi kế tiếp nhau các thời đại lịch sử. Cái "tầng trệt" "nhại lại" này tự nó đã phản ánh khá chính xác cái nghèo nàn của ý thức xã hội người Việt, không loại trừ cả những nhân vật mang danh trí thức.Tiếng cười trong Marie Sến là tiếng cười thâm sâu, có cái tàn nhẫn đủ mức cần phải có.

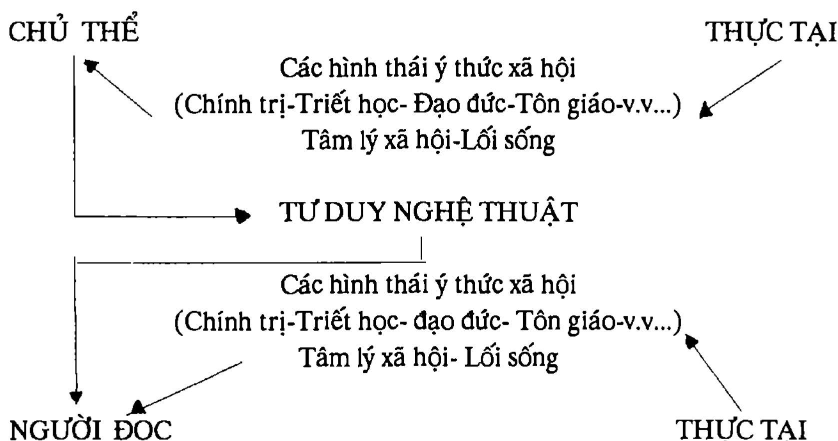
Còn có thể kể ra nhiều dẫn chứng khác nữa về mối quan hệ đa tầng này. Vũ Trọng Phụng một thời tâm đắc với triết lý "vô nghĩa lý". Các nhà văn phong kiến đánh vật vất vả với mấy chữ "tài mệnh" "chính-tà" "thiện-ác"... Nói tóm lại, mỗi nhà văn, mỗi giai đoạn cuộc đời đều chọn cho mình một thứ tâm đắc để mà gửi gắm. Ý tưởng muốn vượt ra khỏi khuôn khổ thời đại mình để sống với mai hậu thường bắt nguồn từ những tìm tòi vất vả, công phu kể trên.

Tất cả những điều này lại vẫn chưa nói lên được gì nhiều, nếu nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc chỉ ra những triết lý tiềm ẩn trong tác phẩm, cho dù việc này vốn không đơn giản và cũng rất đáng được ghi nhận. Việc chỉ ra những liên hệ ngầm giữa cấp chi tiết và cấp chỉnh thể, giữa cái vẻ ngoài và cấu trúc nội tại vẫn chưa giải đáp được nghi vấn tại sao chỉ có tư duy nghệ thuật mới tạo nên được hứng thú đặc biệt, trong khi bản thân các hình tái ý thức xã hội khác góp phần tạo nên nó lại không mang đặc điểm này. Thưởng thức một món ăn ngon, người không sành chuyện bếp núc gật gù khen: Tuyệt hảo; người hiểu biết hơn chút ít liền phán:Tronng này chắc chắn có bột ngọt. Chỉ có người nấu bếp là tủm tỉm cười, không tham gia phán xét.

(Phần 2:Đặc tính đối thoại và giao tiếp của tư duy nghệ thuật.)

Trong mục "Các thành phần cơ bản của cấu trúc tư duy nghệ thuật" chúng tôi đã có dịp đề cập đến khả năng giao tiếp và hoạt động đồng sáng tạo giữa tư duy nghệ thuật và công chúng. Phần tiếp theo này của bài viết

Sơ đồ a :



sẽ đi sâu khảo sát đặc thù kể trên với những biểu hiện phong phú và phức tạp của nó. Nếu như sự đồng hóa thực tại của chủ thể sáng tạo qua "lăng kính" các hình thái ý thức xã hội, tâm lý xã hội và lối sống ...để hình thành tư duy nghệ thuật là một qúa trình chưa khép kín thì phần tiếp theo của sơ đồ cho ta một cách nhìn về chu trình mở trong hoạt động giao tiếp.Khác với quá trình sáng tạo tư duy nghệ thuật, trong đó chủ thể sáng tạo chỉ hướng tới ý đồ giao tiếp bằng tư duy nghệ thuật(Theo chiều mũi tên), quá trình tiếp nhận tư duy nghệ thuật của công chúng là hoạt động so sánh (có ý thức hay vô thức) giữa kinh nghiệm văn hóa của mình và của tác phẩm. (Chiều mũi tên ngược). Chính thao tác so sánh này thường bật ra những phát kiến của hứng thú sáng tạo, những ý nghĩa mới vốn không chứa đựng trực tiếp bằng ký tự trong văn bản. (Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này bằng các ví dụ cụ thể trong phần 2b của bài viết này; phần "Từ đặc tính đối thoại và giao tiếp đến khả năng tạo nghĩa ngoài văn bản của tư duy nghệ thuật"). Lẽ dĩ nhiên, trước khi khảo sát hoạt động giao tiếp giữa công chúng và văn bản, chúng ta không thể không khảo sát ý đồ giao tiếp của chủ thể sáng tạo. Ý đồ này không nhất thiết dự đoán trước được tất cả mọi khả năng tạo nghĩa trong hoạt động giao tiếp, thậm chí có khi dự đoán sai lạc, nhưng nó đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Đối với nhà văn, nó vừa là tác nhân kích thích, vừa là người biên tập vô hình, vừa là chủ thể nhạy bén với những phát kiến bất ngờ của vô thức để thay đổi ý đồ sáng tạo ban đầu cho phù hợp với tình hình mới.

2a. Ý đồ sáng tạo của nhà văn và đặc tính đối thoại và giao tiếp của tư duy

nghệ thuật:

Để viết một tác phẩm, nhất là các tác phẩm dài hơi, nhà văn không thể chỉ tin vào sự bừng sáng bất thần của vô thức mà còn phải có quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng . Có thể ví như một đầu bếp, thao tác chuẩn bị của nhà văn thường hướng tới nhu cầu của đối tượng phục vụ trực tiếp của mình. (Ngay cả trường hợp nhà văn từ chối phục vụ tha nhân thì cái mà anh ta viết ra cũng không thoát khỏi ràng buộc đó, ít nhất cũng là ráng buộc với thị hiếu thẩm mỹ của chính mình.)

Bộ trường thiên tiểu thuyết "Sông côn mùa lũ"của Nguyễn Mộng Giác có thể coi là một ví dụ tiêu biểu để chúng ta khảo sát mối quan hệ này. Điều thú vị có thể thấy trước được là tác giả của nó có một ý đồ rõ trong cách lựa chọn; lý do lựa chọn cũng như độ chênh giữa ý đồ ban đầu và quá trình sáng tạo. Với lý do nào, Nguyễn Mộng Giác đã quyết định lựa chọn xây dựng bộ trường thiên này trên cơ sở một bối cảnh lịch sử đã thuộc về quá khứ ?Đây không phải là một dự đồ ngẫu hứng vì: -Qúa khứ vốn là một lĩnh vực chỉ còn tồn tại trên tư liệu lưu trữ như sử liệu hoặc kinh nghiệm gián tiếp, điều này vốn bất lợi cho chủ thể sáng tạo vốn chỉ có sở trường trong kinh nghiệm giao tiếp của xã hội hiện đại.Nó cũng sẽ bất lợi đối với công chúng hiện nay là đối tượng giao tiếp xa lạ với những kinh nghiệm tâm lý và kinh nghiệm xã hội hàng trăm năm về trước. Trên cơ sở đó chúng ta có thể gạt ra một bên giả thiết về ý đồ của tác giả là muốn tái hiện lại một "bối cảnh xã hội" mà bản thân nó đã không để lại mấy dấu tích cho hậu thế ngoài vài cuốn chính sử, huyền thoại vừa sơ sài vừa có độ tin cậy thấp. Đơn giản là điều này nằm ngoài khả năng của tác giả cũng như chức năng của tư duy nghệ thuật. Tác giả có thể mượn lịch sử để phê phán xã hội hiện tại chăng? Điều này có thể có, có thể không, nhưng nó không quan trọng vì đó cũng chỉ là lý do chính trị, nằm ngoài ý đồ tư duy nghệ thuật.Nếu một nhà văn nào đó chỉ nhăm nhăm với những ý đồ chính trị loại này để làm văn thì cái mà anh ta đạt được cùng lắm cũng chỉ là một mô phỏng chính trị để chửi xéo một ai đó ở ngoài đời. Kết quả gặt hái loại này không bõ phải tốn công tốn sức đến thế.

Vậy khi lựa chọn một quá khứ như đã nói, Nguyễn Mộng Giác nhằm tới ý đồ gì? Căn cứ vào tác phẩm, càng thấy rõ, Nguyễn Mộng Giác vừa dựa vào chính sử cũng như huyền thoại lại vừa muốn đối thoại với chính sử và huyền thoại.Ý đồ lựa chọn quá khứ của lịch sử với tác giả chính là ý đồ đối thoại:Đối thoại cả với chính sử, những kiến thức lịch sử lẫn những quan niệm nhân bản về các nhân vật lịch sử.Trong lòng công chúng bạn đọc quan niệm nhân bản này đã bị chính sử hoặc huyền thoại cộng với cách tuyên truyền một chiều của sử gia ngày nay với ý đồ chính trị thiển cận làm

cho méo mó. Tuy nhiên Nguyễn Mộng Giác như đã nói, không có ý đồ điều chỉnh lại những giá trị lịch sử hoặc chính trị. Đưa ra một kiểu nhận thức nhân văn mới về các nhân vật lịch sử hữu danh và vô danh, Nguyễn Mộng Giác nhằm tạo ra hiệu ứng đối thoại trong hoạt động giao tiếp giữa công chúng và tác phẩm. Chọn đề tài lịch sử, ông tiết kiệm được rất nhiều những "trữ lượng văn hóa" ngầm ngoài văn bản. Công chúng và người sáng tác có chung một điểm để xuất phát (mặc nhiên phải thừa nhận độ chênh tất yếu giữa các người đọc cá biệt) là quan niệm chung hoặc ấn tượng chung về Nguyễn Huệ cũng như các nhân vật lịch sử thời đại ông ta. Khi Nguyễn Mộng Giác đưa ra cách nhìn của mình, đưa ra các nhân vật với sức sống nội tại máu thịt của mình thì quá trình giao tiếp và đối thoại ngầm định sẽ bắt đầu.

Quá trình giao tiếp này thường xảy ra theo hai chiều hướng:

Giao tiếp tương khắc và giao tiếp tương đồng. Khi xây dựng nhân vật văn học có khuôn mẫu từ lịch sử nhà văn thường bắt gặp ngay lập tức giao tiếp tương khắc của công chúng. Đó là khi bản mẫu có trong chính sử hoặc ngoài đời cãi nhau với nhân vật văn học. Về mặt lịch sử, nhà văn không thể không vi phạm "luật chơi"tối kỵ của lịch sử là tính hư cấu. Hư cấu nhằm làm con người nhân bản sinh động hơn, chân thật hơn nhưng nó lại thường trái với những khuôn mẫu xơ cứng của các nhân vật lịch sử.Cái nhìn nhân bản là của riêng tác giả ngay cả khi tác giả xây dựng một nhân vật thuộc về lịch sử, thuộc về một "khuôn mẫu" chung nào đó. Có nhà phê bình văn học ở hải ngoại đã chê cái tâm lý nhân vật bị hiện đại hóa có trong bộ trường thiên này vì đơn giản là nó không có vẻ giống với quan niệm của nhà phê bình về các nhân vật lịch sử, hoặc nó không có vẻ giống với loại tâm lý mà nhà phê bình cho là (theo phỏng đoán) đã thuộc về quá khứ tuyệt đối.

Khi chọn gia đình họ Nguyễn Tây Sơn làm các nhân vật trung tâm của tác phẩm, Nguyễn Mộng Giác có ý thức "đồng hóa", "tiêu hóa" chính sử hoặc huyền thoại cho mục tiêu nhân bản của tư duy nghệ thuật. Nhân vật của ông chỉ bị chính sử quy định về bối cảnh lịch sử, trang phục, một số sự kiện chính của diễn biến lịch sử. Phần còn lại là con người nhân bản với những tình huống tâm lý xã hội, là nhân vật máu thịt của tác giả. Ở đây ông sẽ bắt gặp hiệu ứng tương đồng của công chúng hoặc nói chính xác hơn là hiệu ứng đồng cảm của công chúng với loại nhân vật đã được lột xác qua cách nhìn của Nguyễn Mộng Giác.

Tác giả đã lựa chọn những gì mới bổ sung cho những con người xơ cứng của chính sử? Đó là cách ứng xử và phản ứng tâm lý của nhân vật trước những tình huống có vấn đề. Đó là những bối cảnh và chi tiết có khả năng làm bộc lộ rõ nhất cá tính của con người nhân bản của từng nhân

vật.Với Nguyễn Huệ chẳng hạn, Nguyễn Mộng Giác không bỏ nhiều thời gian khai thác bình diện con người chính sử, ngược lại những hành vi hoặc những tình huống tâm lý đầy mâu thuẫn của nhân vật này được tác giả đặc tả một cách tỉ mỉ. Huệ, con người biết yêu đương đắm đuối, biết nhạy cảm sẻ chia với người yêu (An), với bạn chí cốt (Lãng), biết sống có nghĩa với thầy (Giáo Hiến) lại là con người dần dần trưởng thành như một nhà chính trị lắm thủ đoạn, biết phản bội khi cần thiết vì những mục tiêu chính trị, vì sức cám dỗ của ngôi thứ quyền lực. Huệ có cá tính mạnh, sâu và vì thế quá trình tha hóa của nhân vật này đã gây được hiệu ứng buồn bã, tang thương trước thế sự điên đảo trong người đọc. Một nhân vật có văn hóa, có chiều sâu tâm lý khi bị tha hóa thì sức công phá của nó trong lòng bạn đọc thật đáng kể so với các nhân vật lịch sử võ biền khác cùng thời đại này. Trước khi xây dựng nhân cách văn hóa của Huệ, tác giả đã chuẩn bị nhân vật giáo Hiến. Đây là nhân cách văn hóa thánh thiện và hiếm có của tác phẩm. Giáo Hiến không thuộc về loại quan văn ngu trung, nhưng do nhìn thế cuộc chính trị dưới nhãn quan văn hóa và đạo lý nên ông đã bị chính trị bật ra bên lề.Ông có ích cho một lý tưởng hơn là những mục tiêu chính trị cụ thể. Khác với thời trẻ, khi đã "đủ lông đủ cánh" Huệ chỉ tiếp thu giáo Hiến những gì có lợi cho con người chính trị. Sau này chính Huệ chứ không phải ai khác đã bỏ rơi gia đình giáo Hiến, nghĩa là cùng một lúc phản bội tình yêu, tình bằng hữu và tình thầy trò.

Đó là con người nhân bản của Nguyễn Huệ.

Nguyễn Mộng Giác triệt để khai thác những xung khắc dưới màu sắc nhân tính hơn là những xung khắc chính trị khi đặc tả chân dung các nhân vật lịch sử.Nói chính xác hơn thành công của nhân vật của Nguyễn Mộng Giác không thuộc về thế mạnh tái hiện hoặc làm rõ hơn con người chính trị trong chính sử mà chính là ở chỗ khai thác chiều sâu nhân bản. Cùng đề tài này trong tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc, các nhân vật lịch sử chỉ được khai thác ở khía cạnh mưu mô chính trị để thoán diệt lẫn nhau. Ngay cả mưu mô chính trị trong "Sông Côn mùa lũ", cũng đã bị nhân tính hóa. Đoạn xử tử một chiến hữu Tây Sơn là mẹo cai trị của người cầm đầu nhă12m xoa dịu một sắc tộc thiểu số được tác giả khai thác triệt để ở khía cạnh phi nhân tàn ác của chúng. Cái chết oan ức của nạn nhân được đặc tả chậm rãi dưới nhiều điểm nhìn khác nhau: Nó hằn sâu trong ký ức của An, của ông giáo Hiến và của nhiều người khác chứng kiến *"... Cây gậy trật tự lại ấn mạnh vào ngực ông, như để răn đe phòng xa sự hỗn loạn. Nhờ tò mò ông quên cả đau đớn. Một tốp độ bảy tám người áp giải tội nhân tiến ra cổng. Đi đầu có Biện Nhạc và Năm Ngạn. Tội nhân mặc quần đùi đen, đi chân đất, thân khoác một cái áo cộc tay màu chàm. Hai tay bị trói thúc ké ra sau*

lưng, khiến thân thể hơi khòm xuống, bước đi như muốn đổ về phía trước. Cách trói cũng buộc tên cướp phải cúi đầu xuống, tóc rối bời. Ngoài cách đi hơi khật khưởng thiếu vẻ ngang tàng, mọi người đều thấy tên cướp không có gì khác thường. Họ thất vọng tiếc rẻ cái công chen lấn. Sự tầm thường tội nghiệp đang diễn ra trước mắt họ không giống với hình ảnh hung dữ hiên ngang trong trí tưởng tượng.

Tên cướp đến gần hơn. Lòng ông giáo chợt nôn nao khi nhận trên đầu tên cướp, một mảnh băng màu chàm phủ chéo bên trán. Chân ông giáo tự nhiên run, mặt tái mét. Ông không lầm. cậu thanh niên buôn muối bị chém trọng thương đây mà! Tại sao lại có chuyện này? Đúng lúc đó, nạn nhân cũng vừa ngước lên, bạo dạn nhìn thẳng vào đám đông. Anh ta nhìn thấy ông giáo. Quên cả mọi sự, anh ta đứng dừng lại. Ông giáo lạnh cóng cả hai tay và xương sống khi đọc thấy trong đôi mắt ấy sự sững sờ, oán hận, căm thù tột độ. Một người áp giải xô anh ta bước tới.Anh ta suýt ngã chúi, rồi lấy lại được thăng bằng, trước khi đi tiếp còn cố ngoảnh đầu nhìn về phía ông giáo một lần chót.

Cảm xúc mạnh dâng lên, ông giáo thấy nghẹn nơi cổ họng.Cố chen ra khỏi đám đông, ông thất thểu lê bước về nhà.Mọi sự diễn ra sau đó, ông chỉ nghe các con ông kể lại theo lối nhìn của từng đứa.Những mẩu mô tả ấy, có cái phù hợp nhau, có cái mâu thuẫn nhau, đại khái ông biết rằng đích thân Năm Ngạn dẫn tội nhân giao cho toán người Thượng bảo với họ rằng đây là kẻ đã ra tay giết chết nhiều người Ba na để tranh độc quyền nguồn lợi muối, kẻ gây nên sự bất hòa đáng tiếc giữa hai bên Kinh Thượng, kẻ đáng bị hành quyết công khai theo cách của người Thượng để răn chúng.Biết mình sắp trở thành con dê tế thần, nạn nhân vùng vẫy gào khóc.Nhưng đã muộn.Toán ngườii Thượng chộp lấy anh.Sợ quá, anh chỉ còn là cái xác bạc nhược, thôi vùng vẫy la khóc.Người ta lôi anh đi.Chân anh khuỵu xuống không bước nổi.Người ta xốc nách anh như xách cánh một con gà.Hai bàn chân trần của anh lê trên đường đất, làm tung một làn bụi đỏ.Người ta chọn một mô đất cao trước cổng,cột anh và o một thân cây ké đã chặt ngọn, cao vừa tầm người.Anh ta đã mất cả ý thức về sự sống chết, mắt lơ láo nhìn quanh không hiểu nổi mình đang ở đâu, việc gì đang xẩy ra. Thảm kịch nhờ đó kết thúc lặng lẽ.Khi sáu người Thượng lực lưỡng đứng cách nạn nhân không đầy một con sào giương sáu cây cung khoẻ, lắp sáu cây tên nhọn và ấn vào sáu cái lẩy. Một tiếng hự nhỏ và nghẹn phát ra lần cuối cùng của một đời người mất biệt theo gió.Ở xa không ai nghe rõ thứ âm thanh giã biệt nhỏ nhoi ấy cả."

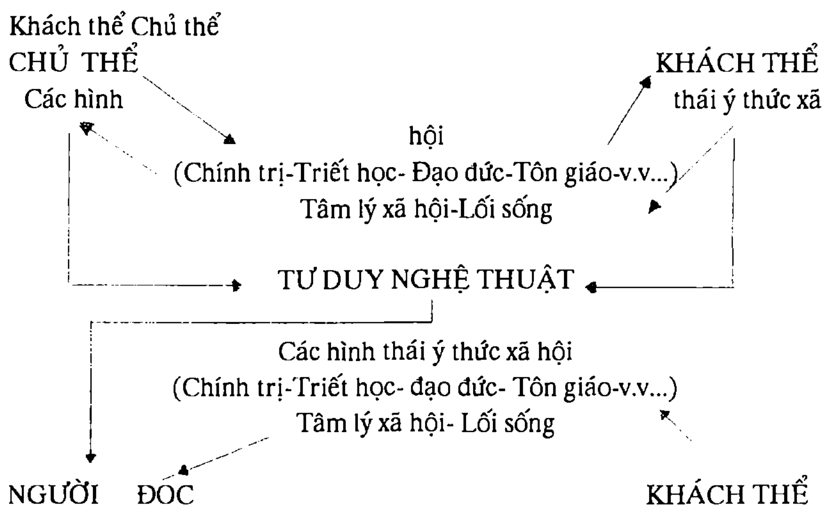
Ngoài đoạn văn được dẫn trên, cái chết của con người vô danh bị bắt làm vật hy sinh này còn được mô tả dưới cách nhìn của An, của Lãng, với một số lượng trang nhiều hơn (Tr.264 - 265 - 266 - 267 - 268 - 269 - 270 -

271 - 272 - 273). Cuối cùng tác giả để cho Huệ phát ra câu nói:"Không thể làm khác được" đã hé mở ngay từ tập một này một chân dung Nguyễn Huệ khác với cách nhìn của chính sử và đó cũng là sự bắt đầu quá trình"cãi vã" tay đôi giữa con người nhân bản và con người chính trị trong nhân vật lịch sử Nguyễn Huệ. Những chi tiết này không quan trọng đối với sử gia và cách nhìn của các tác giả tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc. Cùng lắm nó chỉ được kể vắn tắt bằng một câu. Nhưng dưới cái nhìn nhân bản của Nguyễn Mộng Giác, những trang viết trên để lại ấn tượng sâu đậm trong người đọc. Ý đồ này được tác giả thực hiện nhất quán. Nói theo cách nói màu mè của các nhà lý luận là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt toàn bộ tác phẩm.

2b-Từ đặc tính đối thoại và giao tiếp đến khả năng tạo nghĩa ngoài văn bản của tư duy nghệ thuật.

Trong một bài viết cùng đề tài đã có dịp công bố (Xin xem:"Những đặc tính bướng bỉnh của tư duy nghệ thuật trong văn học".Hợp lưu số 40, tháng 4&5/98) chúng tôi đã có dịp phê phán quan niệm đối lập siêu hình giữa chủ thể và khách thể trong hoạt động nghiên cứu và cảm thụ văn học.

Sơ đồ b :



Để cụ thể hóa hơn nữa vấn đề rắc rối này, xin bạn đọc tham khảo sơ đồ b, trong đó khái niệm thực tại được thay bằng một cách hiểu khác là khách thể(đối lập với chủ thể). Tuy nhiên, trong hoạt động sáng tạo, chủ thể và khách thể luôn luôn có khả năng chuyển hóa lẫn nhau. Trong đoạn văn vừa trích dẫn ở phần trước cho thấy khi tác giả đứng về phía cái nhìn

của ông giáo Hiến thì vai người kể chuyện quan sát chính là chủ thể, đối lập với nó là khách thể bao gồm toàn cảnh vụ giết người, là những chứng nhân khác và nạn nhân được mô tả dưới thái độ và cách đánh giá của giáo Hiến. Chính bản thân thái độ và cách đánh giá này đã mách bảo ta tính khách quan siêu hình của khách thể trong văn học là không có thật.Và ở một chỗ khác khi tác giả đứng về phía cái nhìn của An chẳng hạn, lại cho ta một khía cạnh khai thác khác của thái độ và cách đánh giá của An, đồng thời bản thân An vừa đóng vai khách thể, là đối tượng bị quan sát ở đoạn trước , đến đoạn này lại trở thành chủ thể quan sá t.Nhìn vào sơ đồ (b) vì chủ thể và khách thể luôn có khả năng chuyển hóa nên chiều hướng của mũi tên thay vì chỉ vận động một chiều (sơ đồ a) đã chuyển thành vân động hai chiều để thích ứng với quá trình chuyển hóa mới.Như vậy, cái mà ta quen gọi là thực tại chỉ là một khái niệm ảo và cách tư duy coi thực tại là cái gì đó tồn tại khách quan bên ngoài chủ thể chỉ là một nhầm lẫn. Có cái thực tại vật lý, thực tại vô ngã là khách quan, nhưng nó không phải là đối tượng của văn học.Thực tại được dùng cho văn học là một khái niệm ảo, nhằm chỉ đối tượng quan sát bao gồm những cá thể con người hoặc cách nhìn, cách suy nghĩ của con người. Cặp phạm trù chủ thể khách thể trong văn học thường xuyên có khả năng chuyển hóa lẫn nhau. Nếu thể hiện thành sơ đồ thì mỗi cá thể của thực tại ảo kia đều có khả năng chuyển hóa thành một chủ thể tâm lý, chủ thể ý thức hệ và ngược lại. Ở nước Nga có một loại búp bê, một thứ đồ chơi (tên phiên âm: Matrioska) mà mỗi khi mở ra, trong bụng nó lại có con búp bê giống hệt nó, và ở bên trong con búp bê "con" này lại chứa những con búp bê "con" khác nữa. Khái niệm "mẹ" và "con" của thứ đồ chơi này cũng luôn luôn chuyển hóa lẫn nhau, về lý thuyết là cho tới vô tận.

Quá trình chuyển hóa liên tục mối quan hệ chủ thể khách thể trong tác phẩm kéo theo hệ quả là thường xuyên có khả năng xẩy ra sự khác biệt trong khả năng quan sát, cách quan sát và nội dung quan sát. Chính độ chênh này góp phần kích thích cách đọc tích cực trong độc giả. Phản ứng tâm lý của người đọc như tức tối, giận dữ, (trong trường hợp bất đồng với cách xử lý của tác giả) hoặc vỗ đùi khoái trá hét tướng lên: "Tiên sư anh Tào Tháo" (Nhân vật của Nam Cao) đều là dấu hiệu đồng sáng tạo và kích thích khả năng tạo nghĩa ngoài văn bản.

Trong "Sông Côn mùa lũ", bầu không khí chính trị có lưu trong chính sử, dưới cách nhìn chính sử như trung quân, ngu trung, phò Hoàng Tôn hay không phò Hoàng Tôn cũng là một hướng khai thác của tác giả. Quan hệ giữa Huệ và biện Nhạc ai chính ai tà. Nguyễn Mộng Giác đã sử dụng nhiều tư liệu của chính sử, thậm chí có chỗ còn sử dụng nguyên văn các tư

liệu lịch sử(Hoàng Lê nhất thống chí hay Phủ biên tạp lục...). Tại sao Nguyễn Mộng Giác buộc phải tôn trọng những sự kiện và bầu không khí chính trị căn bản có trong chính sử? Chắc bạn đọc sẽ không khỏi ngạc nhiên khi tác giả bài viết này cho rằng ngay cả sự tôn trọng đến mức nào đó sự kiện và bầu không khí chính trị có trong chính sử lại cũng là do nhu cầu tự thân của tư duy nghệ thuật. Tác giả "Sông Côn mùa lũ" có ý đồ như đã nói, muốn đối thoại với cái chính sử đã đóng đinh trong công chúng thưởng ngoạn văn học. Muốn vậy, tác giả phải tạo ra độ tin cậy cho người đọc biết rằng toàn bộ sự kiện cốt truyện có trong bộ tiểu thuyết này chính là nói về triều đại Quang Trung Nguyễn Huệ chứ không phải là một bối cảnh chính trị hư cấu. Chỉ sau khi đã gây được độ tin cậy này, tác giả mới có cơ hội để đối thoại. Trong trường hợp ngược lại, công chúng văn học sẽ nhìn bộ tiểu thuyết như một hư cấu tuyệt đối và không liên quan gì đến cái chính sử hoặc huyền thoại đáng tin cậy trong họ cả và hiệu ứng đối thoại sẽ không xẩy ra. Trong "Sông Côn mùa lũ" có một cốt truyện chính sử đan quyện với một cốt truyện hư cấu nghệ thuật, có một Nguyễn Mộng Giác giả vờ đóng vai biên khảo và một Nguyễn Mộng Giác nhà văn. Sự chuyển hóa vai trò này thường xuyên tạo cơ hội cho độ chênh giữa lịch sử của tiểu thuyết và lịch sử của chính sử cũng như độ chênh giữa nhân vật lịch sử và nhân vật văn học. Cách đây 10 năm, Nguyễn Huy Thiệp cũng mượn "cái đinh" lịch sử để mắc lên đó tác phẩm nghệ thuật của mình. Chân dung niềm tin vào cuộc đời. Từ một tiểu thư hồn nhiên đài các, nhạy cảm, An lần lượt cầm tù cái phần người cao cả trong mình để bắt đầu thích nghi với một ông chồng quá bé nhỏ để có thể trở thành người bạn đời lý tưởng của mình. An thích nghi với cái tầm thường của đời thường xuất sắc đến nỗi sau này chính Huệ và Lãng cũng ngờ ngợ khi gặp lại. Cái xuất sắc của Nguyễn Mộng Giác trong phân tích tâm lý của người phụ nữ này chính là sự phát hiện hai phần người không biết ai mạnh hơn ai trong một con người khiến An trở thành một cá tính khó phai mờ trong độc giả. Cũng cái con người ngỡ đã an phận một cách kỳ lạ với đời thường ấy thỉnh thoảng rạng rỡ lên khi hay tin người cũ lập nên một công trạng mới và đến cuối tác phẩm người quả phụ vô danh này một lần nữa làm cái công việc đáng cảm động là lặn lội ra Phú Xuân để vĩnh biệt Huệ, vĩnh biệt một qúa khứ, một cuộc đời

Chính những bước ngoặt cá tính của An góp phần soi sáng những mâu thuẫn trong con người Huệ. Huệ của chính sử không có cái án lương tâm loại này. Huệ của Nguyễn Mộng Giác vừa là ân nhân vừa là kẻ thù của cái gia đình bé nhỏ của ông Giáo.Trong cơn lốc lịch sử cái logic nghiệt ngã của thực tiễn đã không thể dễ dàng gạt tàn bạo ra một bên như logic huyền thoại. Nhân vật Huệ của Nguyễn Mộng Giác không chỉ để lại cái vẻ vang

thoại. Nhân vật Huệ của Nguyễn Mộng Giác không chỉ để lại cái vẻ vang mà còn để lại cái bất toàn, gây cái cảm giác ấm ức khó lý giải trong lòng bạn đọc.

Bản thân lịch sử, đạo đức và các hình thái ý thức xã hội độc lập không gây được hấp dẫn, nhưng cuộc đối thoại tay ba giữa chính sử, đạo lý và những giá trị nhân bản sẽ tạo ra được những tình huống có vấn đề hấp dẫn. Cuộc sống tự nó không bó buộc vừa với bất kỳ một khuôn mẫu ý thức hệ chật hẹp nào. Điều đó cũng còn có nghĩa là nghệ thuật phải biết đồng hóa lịch sử để làm phong phú thêm cho mình chứ không phải chỉ làm nô lệ thuần túy cho chính sử.

Hiệu ứng đối thoại đối với công chúng và khả năng tạo nghĩa ngoài văn bản của tư duy nghệ thuật là một vấn đề phức tạp. Chừng nào nhà văn gây được phản ứng tâm lý đa dạng trong người đọc thì chừng đó tác phẩm của anh ta mới bắt đầu một cuộc sống mới.

Trên đây mới chỉ là vài cách đọc "Sông Côn mùa lũ" như là những ví dụ gợi ý.Từng độc giả riêng biệt và kinh nghiệm văn hóa riêng của mỗi người sẽ cho phép nhiều khả năng tạo nghĩa ngoài văn bản khác. Kẻ tâm đắc với những quy luật vận hành của triết lý thịnh suy, dâu bể tang thương sẽ khai thác khía cạnh biến dịch của thời gian và nhân tình thế thái. Người thích so sánh các thể chế chính trị sẽ tìm thấy những nét lặp lại lịch sử trong xã hội đương đại(sự tha hóa con người trước sức cám dỗ cuả quyền lực, sức phá hoại mù quáng của cơ chế chính trị v.v...). Lớp trẻ chỉ bận tâm đến tình yêu hoặc những chi tiết ly kỳ của cốt truyện cũng sẽ tìm được cái để tâm đắc. Ngoại trừ một số câu văn viết dễ dãi, một số tình tiết bị phình ra quá đáng, bộ tiểu thuyết trường thiên này đã kích thích được hiệu ứng đối thoại trong độc giả. Đó là thành công đáng ghi nhận hơn cả của Nguyễn Mộng Giác với tư cách là chủ thể sáng tạo.

Các phương pháp kích thích hiệu ứng đối thoại trong độc giả của từng nhà văn và từng khuynh hướng sáng tác trong các giai đoạn lịch sử khác nhau cũng là một hướng quan sát thú vị.Vấn đề này sẽ tiếp tục được giải quyết trong một bài viết khác.

NGUYỄN HỮU LÊ



ĐOÀN XUÂN KIÊN

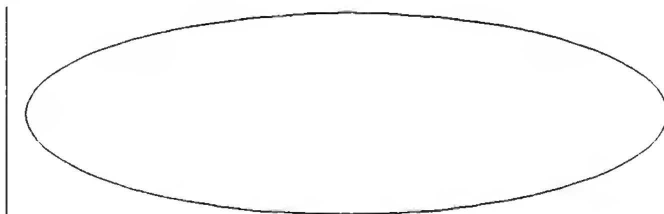
HỌC ĐỌC Ở GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN



1. Học đọc ở giai đoạn đầu tiên là gì ?

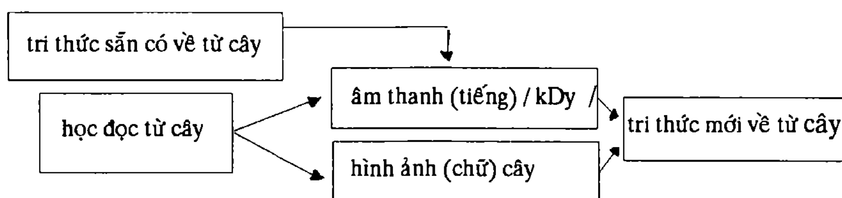
Một tri thức mới về ngôn ngữ

1.1 Học đọc ở giai đoạn đầu tiên là một cách nói khác về một sự học tập ngôn ngữ mà trong nghề dạy học ở Việt Nam vẫn thường gọi là: "học đánh vần", "học vần quốc ngữ". Đấy là giai đoạn mà học viên được chỉ dạy cách nhận biết một từ qua một chữ viết tương ứng với từ mà người ấy có thể đã từng nghe biết. Nói cách khác, đây là giai đoạn mà học viên tập kết hợp hai hình ảnh khác nhau của một từ để trở thành một tri thức mới về ngôn ngữ. Nói thế là mặc nhiên thừa nhận rằng học viên đã có sẵn một vốn hiểu biết về ngôn ngữ qua việc nói năng thường ngày với người chung quanh. Hãy mượn lại một thí dụ trong giáo trình của Saussure (1972: 97 sq.) về từ *"cây"*:



Hình 1.1a: tương quan giữa sự kiện và hình ảnh ngôn ngữ

Kể từ khi đứá trẻ thơ bắt đầu bập bẹ học nói đến khi cháu vào trường mẫu giáo, có thể đã hơn một lần cháu bé đã nghe đến từ cây rồi. Khi nghe nhắc đến tiếng cây, cháu hình dung được ngay hình ảnh cái cây. Hiểu biết về từ "cây " là một tri thức có sẵn trong quá trình nói năng giao tiếp cuả một người trong xã hội. Nhưng nếu từ đây mà không tiến thêm một bước để học đọc thì tri thức cuả người đó vẫn chỉ là tri thức về khái niệm và những từ chỉ khái niệm hoàn toàn thuộc vào vốn từ ngữ qua âm thanh, người đó vẫn "mù chữ". Học đọc ở giai đoạn đầu tiên chính là một công trình đầu tiên để phá "mù chữ", để người học có thêm một tri thức mới về ngôn ngữ:



Hình 1.1b: tương quan giưã tiếng và chữ trong tiến trình học đọc

1.2 Học đọc ở giai đoạn đầu tiên thường bắt đầu ở tuổi thơ, khi đứá trẻ bắt đầu đến tuổi vào trường. Hệ thống giáo dục nhà trường tại các mước hiện nay hầu như đều thưà nhận tuổi bắt đầu học đọc là ở lớp đầu tiên cuả giáo dục bậc tiểu học, khi trẻ đã khoảng 6 tuổi. Tuy nhiên, có những trẻ khi vào lớp đầu tiên ở trường tiểu học đã có một số vốn nào đó về chữ cái, thậm chí còn có thể đọc được một số ít từ thông thường như chữ viết tên các cháu chẳng hạn. Nói thế nghiã là các cháu bé trước tuổi vào trường tiểu học có thể đã có học đọc, nhưng chỉ là những vốn liếng rời rạc, chưa toàn bộ. Vì quy định sư phạm ở tại nhiều nước đã không đưa việc dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên vào chương trình huấn luyện đào tạo cô giáo mẫu giáo. Điều đó không cản trở một nhà giáo nổi tiếng thế giới là Maria Montessori khi bà chủ trương hạ tuổi vưà sức học đọc ở giai đoạn đầu tiên khi trẻ lên bốn. Cho nên, khi nói đến tuổi vưà sức học là nói đến một thứ quy ước xã hội hơn là khẳng định cuả tâm lí học phá riển trẻ em. Có một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập nói chung, và học đọc, nói riêng- cuả trẻ là yếu tố hoàn cảnh gia đình-xã hội mà trẻ được sinh hoạt hằng ngày. Cơ hội học tập về thế giới chung quanh các cháu càng nhiều thì vốn tri thức tiền học đường cuả các cháu càng tăng; và tuổi vưà sức cuả các cháu có thể phát triển sớm hơn tuổi thật cuả các cháu.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh xã hội khó khăn, có thể nhiều người đã

lớn tuổi mới bắt đầu học đọc. Ở Việt Nam chẳng hạn, vào khoảng cuối những năm 1930, Hội Truyền Bá Quốc Ngữ đã phát động phong trào chống mù chữ (quốc ngữ) cho người lớn tuổi; rồi tiếp đến là phong trào "bình dân học vụ" vào những năm kháng chiến chống Pháp và sau hiệp định Genève 1954. Về mặt giáo dục thì đấy chính là những đợt dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên cho người lớn.

Việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên cho trẻ con và người lớn có những điểm giống nhau là ở chặng nhận ra mặt chữ; nhưng việc học đọc còn là để hiểu và áp dụng vào hoạt động ngôn ngữ cuả học viên. Ở điểm này thì việc học đọc cuả trẻ và cuả người lớn không còn như nhau nưã, vì nó đã hoà vào vốn tri thức tổng quát cuả học viên.

1.3 Khi nói học đọc một từ hay một bản văn, là ngụ ý học đọc và hiểu ý nghiã cuả từ hay bản văn đó, rồi người học sẽ có một đáp ứng nào đó đối với từ hay bản văn; có thể là để mở rộng thêm một kiến thức cho mình, có thể là để gợi lên một thái độ, một cảm xúc nào đó đối với cái từ hay cái bản văn mình vưà đọc (và hiểu), cũng có thể là để phê phán nội dung ý nghiã cuả từ hay bản văn đó. Học đọc không phải chỉ là tiếp nhận một cách thụ động một khối chữ cái vô hồn vô nghiã. Học đọc dù ở giai đoạn đầu tiên-phải là một hoạt động cuả tri giác để tiếp nhận một kiến thức nào đó. Nếu một học viên được trao cho một bản văn hay một từ cuả một ngôn ngữ mà anh ta chưa hề biết qua, thì việc đọc bản văn hay từ ngữ này chưa phải là học đọc, đó chỉ là tập phát âm những âm thanh vô nghiã đối với anh.

Tóm lại, khi nói đến "học đọc ở giai đoạn đầu tiên" là nói đến:

1. học nhận ra một từ dưới dạng chữ viết (tức là những đường nét vẽ các chữ cái cuả từ). Những từ mà học viên học dọc là những từ có thể họ đã từng được nghe, biết qua ngả ngôn ngữ nói, hoặc là chưa nghe qua bao giờ nhưng có thể nhận biết ý nghiã cuả chúng. Nói khác đi, học đọc chỉ là một giai đoạn nối tiếp giai đoạn thu thập vốn từ có sẵn bằng âm thanh;

2. một quá trình học tập phức tạp cuả não bộ con người, trong đó tri giác thu nhận bằng mắt phối hợp với tri giác thu qua ngả khác hiện đã lưu trữ trong óc, để chuyển thành một tri thức mới.

Vốn từ có sẵn

1.4 Kết luận thứ nhất đã được kiểm nghiệm từ những thành quả nghiên cứu tâm lí ngôn ngữ học. Mỗi trẻ thơ từ khi bập bẹ tập nói đã hình thành một số khuôn mẫu ngữ âm mà cáu cháu thường nghe những người chung quanh nói với nhau hoặc nói với các cháu. Ruth Weir nghiên cứu các kiểu bi bô cuả một cháu bé người Hoa khác nhiều với một cháu người Mĩ, người

Nga và một cháu người Ả Rập lúc đang chơi đuà với mẹ các cháu. Các bà mẹ người Hoa nhận ra được ngay tiếng bi bô cuả cháu bé người Hoa, trong khi các bà mẹ cũng có thể nhận ra ngay giọng bi bô cuả con mình, nhưng không bà nào phân biệt được giọng bi bô cuả các cháu kia. Cháu bé người Hoa phát ra những âm đơn tiết, một đặc trưng cuả tiếng Hoa, trong khi cháu bé Mĩ bi bô những tiếng đa tiết, có cả dấu nhấn nưã. Điều đó cho thấy là trẻ thơ mặc dù chưa nói được tiếng nào có ý nghiã, dường như đã tiếp nhận ngôn ngữ qua những âm thanh lời nói chúng quen nghe mỗi ngày (Aitchison, 1983). Đến tuổi vào lớp 1, trung bình các cháu bé có thể nghe hi được khoảng từ 2 ngàn (Chall, 1983) đến 10 ngàn từ (Jackendoff, 1993). Đấy là vốn từ có sẵn trước tuổi vào trường mà các cháu bé đều có được trong điều kiện sống bình thường. Và đây là một điều kiện cần có để giúp cáu cháu bé có thể bước vào học đọc.

1.5 Vấn đề đặt ra là: có phải vốn từ có sẵn là một điều kiện cần thiết ? Nghiên cứu trường hợp những cháu bé bị biệt lập khỏi đời sống xã hội con người từ lúc sơ sinh đến tuổi thiếu niên như trường hợp Isabelle và Genie, có thể thấy là khi được phát hiện vào tuổi đã lớn (Isabelle lên sáu, Genie mười ba), một mặt việc học và hiểu ngôn ngữ cuả các cháu rất chậm chạp, khó khăn, nhất là Genie, một mặt vốn từ gần như không có gì, và trình dộ phát triển tâm lí chỉ ở tuổi lên một. Sau bảy tháng điều trị, Genie chỉ nói dược những câu một hai từ, và số vốn từ chỉ khoảng 200. Một trường hợp đáng chú ý khác là một phụ nữ trên là Chelsea bị điếc bẩm sinh nhưng chẩn trị là đần độn. Mặc dù được nuôi dạy trong một gia đình bình thường, Chelsea không được học ngôn ngữ một cách bình thường; mãi đến khi 31 tuổi, cô mới được đeo máy nghe. Sau chín năm học, Chelsea chỉ có được vốn từ là 2000. (cf. Jackendoff, 1993: 120-122)

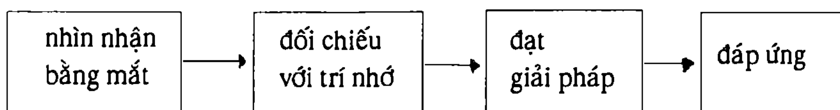
Những trường hợp vưà kể rất đáng chú ý phân tích nhiều mặt quan trọng khác, nhưng chỉ xét riêng về mặt học đọc thì số vốn từ quá ít ỏi, và sự phát triển tư duy ngôn ngữ không bình thường, đã khiến cho việc học ngôn ngữ nói chung ở những bước đầu hầu như không tiến bộ là bao.

Quay trở lại những trường hợp trẻ bình thường, như các cháu bé trong những gia đình di dân tại các nước, phải học tiếng mẹ đẻ trong điều kiện vốn từ tiếng mẹ đẻ nghèo nàn. Việc học đọc trở thành khó khăn, nếu không nói là không tiến bộ gì. Có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng trên. Một trong những nguyên nhân đó là vì hoàn cảnh chung cuả các gia đình di dân, các trẻ em không được nhiều điều kiện tốt để nghe và nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ trong gia đình và ngoài đường phố, vì thế mà các cháu thiếu quá nhiều vốn từ sẵn có trong đầu. Học tiếng mẹ đẻ trong tình

cảnh thiếu thốn đó không mấy hứng thú cho lắm, nếu bị đưa ngay vào giai đoạn học đọc.

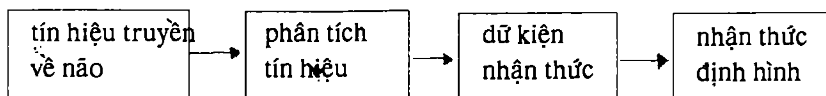
Tiến trình học đọc

1.6 Trẻ học đọc là bắt đầu một tiến trình học tập ngôn ngữ khác với những kiến thức ngôn ngữ cháu đã thu được từ trước. Lần đầu tiên tiếp xúc với những chữ cái xếp nối đuôi nhau, hoàn toàn mới lạ, trí óc của cháu bé phải vận dụng những thao tác trong một tiến trình nhận thức có thể phác lại như sau:



Hình 1.6a: Những chặng của tiến trình nhận thức

Đây là tiến trình của nhận thức thông thường, y hệt một quá trình xử lí dữ kiện thông tin của máy điện toán. Đứa trẻ nhận ra cái gì trước tiên - một toàn khối các con chữ, hay là những con chữ rời rạc ghép bên nhau ? Các nhà tâm lí đưa ra hai giải thuyết về nhận thức ban đầu này, như sau: một thuyết thì cho rằng trẻ nhận ra cái toàn khối, cái khái quát trước, một cách giải thích thứ nhì cho rằng trẻ nhận ra những nét chi tiết và chúng đối chiếu với kho trí nhớ về những nhận thức có sẵn, theo mô hình nhận thức phức tạp nhiều chặng:



Hình 1.6b: Tiế n trình nhậ n thứ c từ tín hiệ u

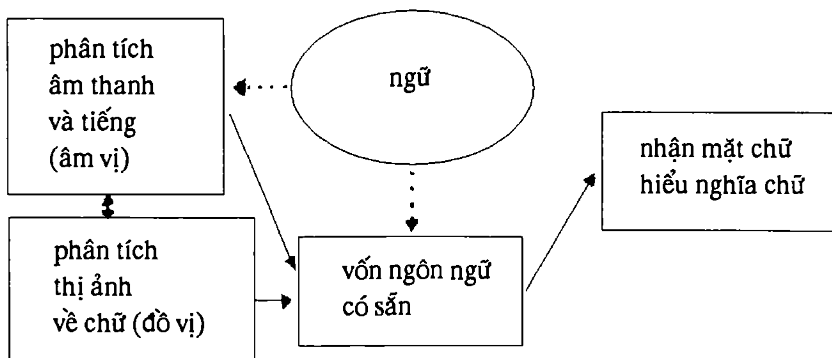
Vấn đề đặt ra ở đây là: những tín hiệu nào đưa vào từ bên ngoài sẽ là những dữ kiện cần cho việc học đọc ? Một loạt thí nghiệm tâm lí giáo dục gần đây cho phép khẳng định là những tín hiệu về hình ảnh âm thanh và hình ảnh thi giác là những yếu tố đóng vai trò chính của việc đọc và viết của trẻ; trong khi đó thì không có chứng liệu rõ ràng cho phép khẳng định là những hiểu biết về vần và ghép vần, mà trẻ có thể được học từ khi lên hai ba tuổi, góp phần quan trọng trong việc học đọc (Goswami & Bryant, 1990: 112).

Những thực nghiệm tâm lí giáo dục cũng cho phép khẳng định rằng

trẻ học đọc ở giai đoạn đầu là đọc toàn khối chữ chứ không phải là lần từ những âm và chữ cái để nhận ra mặt chữ (Goswami & Bryant, 1990:46). Trẻ cũng nhận ra một toàn khối từ dễ dàng hơn những chữ cái ghép rời rã, và hiển nhiên là chúng nhận ra một từ có thực, có ý nghiã dễ hơn là một khối chữ cái vô nghiã lí.

Một điều quan trọng khác nưã cho thấy là việc đối chiếu với kho trí nhớ về ngôn ngữ (nói) có vai trò quan trọng đối với tiến trình học đọc cuả trẻ: trẻ có thể nhận ra một từ nào đó từ việc suy đoán để đi đến xác định nhận thức về chữ viết. Khi nhận ra mấy chữ " Bốn năm..." trong một ngữ cảnh nhất định, trẻ có thể nhận ra chữ tiếp là "...trước", nhờ khả năng đối chiếu qua lại trong vốn ngôn ngữ có sẵn.

Tất cả những khâu nhận thức trên đây có thể ghi lại trong một mô hình khái quát như sau:



Hình 1.6c: Tiến trình nhận thức trong học đọc

Như thế thì quá trình học đọc là một chặng nhiều thao tác cuả nhận thức ngôn ngữ, trong đó nổi lên rõ sự phối hợp hai khả năng phân tích và tổng hợp hình ảnh thị giác và hình ảnh thính giác của từ. Nhận mặt chữ chính là một cách nói đơn giản cuả cả một vận hành phức tạp cuả tâm lí ngôn ngữ.

Trên kia cũng có nhắc qua là học đọc nhắm mục tiêu sau cùng là hiểu một từ hay một bản văn."Hiểu" là kết quả cuả nhận thức dẫn đến những phản ứng đối với nội dung ý nghiã cuả từ hay bản văn. Đây là sự nhận thức năng động mà giáo dục có thể góp phần xây dựng cho trẻ trong quá trình học tập nói chung, và học đọc nói riêng. Mục tiêu sau cùng này thường không được chú ý đầy đủ trong các giáo trình biên soạn cho việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên. Nếu dừng lại ở chặng nhận ra mặt chữ thì việc học đọc chưa hoàn tất, vì mới chỉ là một phần cuả học đọc, vì nhìn từ một khiá cạnh

phát triển qua thời gian, học đọc là một tiến trình học tập gồm ba giai đoạn: giai đoạn chuyển tiếp từ nhận thức từ ngữ nói sang nhận thức từ ngữ viết — giai đoạn sản sinh vốn từ, tức là khi trẻ đã có thể nhận mặt chữ và hiểu ýnghiã một cách vô thức — giai đoạn tạo sinh, tức là khi mà phản ứng ngôn ngữ viết đã trở nên thành thạo, và đọc và viết đã trở nên một hoạt động có khả năng diễn đạt sinh động (Frie 2).

Tóm lại, học đọc ở giai đoạn đầu tiên đối với trẻ là một kinh nghiệm rất mới mẻ. Sự học tập này không phải là một tiến trình nhận thức đơn giản mà phức tạp, không phải thụ động mà là năng động và giúp phát triển tri thức cuả trẻ về mặt ngôn ngữ qua việc kết hợp những kiến thức về ngôn ngữ nói với hình thái ngôn ngữ viết. Trong quá trình học đọc, vốn từ sẵn có trước khi học đọc là điều kiện cần thiết, mà thiếu nó thì tiến trình học đọc sẽ trở nên khó khăn vất vả, và có nhiều phần thất bại. Trước nay, khi nói đến học đọc ở giai đoạn đầu tiên, chúng ta quen nói là "học đánh vần chữ quốc ngữ". Nói thế chỉ đúng một phần thôi, vì "đánh vần" là ghép các chữ cái để thành một chữ, nghiã là kết hợp giưã hình ảnh âm thanh và hình ảnh thị giác cuả một từ. Đó chỉ là một công đoạn trong một tiến trình phức tạp cuả việc học đọc mà thôi. Hoặc giả nếu cho rằng "đánh vần" được xem như là kết quả tập thành cuả tiến trình học đọc một từ, thì vấn đề vẫn phải là tìm hiểu kĩ về tiến trình học tập đó iúp chóng đạt được kết quả. Chính vì tiến trình học đọc là một quá trình phức tạp và tế nhị, chúng tôi đã hết sức tránh không tạo những định kiến dễ dãi khi cố tình không dùng những cách nói quen dùng như "học vần quốc ngữ" hoặc "học đánh vần". Đến bây giờ chúng ta có thể trở về nhìn lại mấy lối gọi tên này để thấy rằng chúng chỉ là một với những gì chúng ta đang bàn ở đây. Sở dĩ chúng tôi không muốn dùng lại ngay những tên gọi đã quen dùng, là cốt để có dịp trình bày cùng bạn đọc những khúc mắc cuả một vấn đề ngỡ là đơn giản.

2. Những phương pháp dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên

Những phương pháp dạy đọc thường dùng

2.1 Dưới đây là một số những phương pháp dạy đọc quen thuộc trong việc dạy đọc thường được áp dụng tại các nước phương tây, và dạy đọc chữ viết theo lối ghi âm:

1 Phương pháp A-B-C:

Đây là một phương pháp lâu đời nhất, bắt đầu bằng cách dạy cho trẻ gọi được tên cuả những chữ cái. Chẳng hạn như chữ xê [c] cá, chữ bê [b] bò,

chữ gờ [gh] ghe... Bằng mọi sáng kiến, các nhà giáo dục tạo cơ hội cho trẻ nhận mặt các chữ cái (hộp chữ cái, bánh hình chữ cái, hình vẽ vui mắt về các chữ cái... Những tài liệu bên phương tây có những quyển sách giáo khoa rất lâu đời nay còn giữ được cho thấy cách trình bày bài vở hoàn toàn theo phương pháp này. Đặc biệt là vào thế kỉ XVIII, các sách học đã có hình ảnh minh hoạ, và những câu thí dụ để gây hứng thú và gợi ý áp dụng.

Ở Việt Nam, không có nhiều những tài liệu cũ để lại, nhưng một vài lời ngắn ngủi trong Lời Tiểu Dẫn sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư (1918) cho ta hình dung được là trước khi sách này được soạn ra, người Việt học đánh vần chữ "quốc ngữ" làtheo phương pháp a-b-c.

2 Phương pháp dạy nguyên tiếng một:

Một quyển giáo khoa in từ thế kỉ XVII (hình 2.2b) soạn theo lối này. Thầy giáo dạy các từ đặt trong ngữ cảnh rõ rệt để cốt cho hiểu ý nghĩa cuả chúng mà không đếm xỉả gì đến a-b-c cuả chúng. Chẳng hạn, bài ở trang 75 quyển *Visible Words* (1657) dạy các từ liên quan đến việc cắt tóc (barber-barbershop-hair-bear-sizzars...). Một tác giả đã cắt nghiã quan điểm cuả ông như sau: " Có lẽ việc đứá trẻ cần phải biết các chữ cái không phải chuyện quan trọng trước khi nó được dạy đọc. Nó chỉ cần nhìn vào mặt chữ mà đọc lên theo giọng thầy đọc, rồi lại được cắt nghiã cho; sau đó nó muốn học phân tích chữ viết và gọi tên các chữ cái thì hãy làm" (*Worcester Primer*, 1828).

Phương pháp dạy tiếng một còn được hỗ trợ thêm với lí thuyết Gestalt rất thịnh hành vào những năm 1930. Thuyết Gestalt cho rằng con người nhận thức sự vật là ở cái tổng thể chứ không phải qua từng chi tiết. (*Gestalt* có nghiã là hình thể toàn diện).

Ở phương đông thuả xưa học chữ viết hình khối vuông chứ không theo mẫu tự latin, lối học ở giai đoạn đầu tiên là đọc thuộc lòng các sách Ấu học như Tam Tự Kinh, có thể xem là áp dụng phương pháp nhìn mặt chữ mà đọc theo cho thuộc, lối học "từng tiếng một".

3 Phương pháp dạy nguyên câu:

Phương pháp này cho rằng nên dạy trẻ từng câu trọn vẹn viết ra bảng, rồi đọc to lên. Rồi tiếp đên câu khác, cũng viết ra và đọc to. Khi trẻ nhận ra rằng có mộtmối liên hệ giưã chữ viết và giọng đọc chứ không phải là ngẫu nhiên, chúng sẽ dần dần học được cách liên hệ hai mặt này cho đúng và áp dụng vào những câu mới học về sau này.

Phương pháp dạy nguyên câu được đề xướng vào khoảng cuối thế kỉ XIX có lẽ chỉ là một lối phản ứng lại tính cách cực đoan cuả phương pháp

dạy nguyên tiếng một mà thôi, nhưng cũng đã gây nổi chú ý một thời.

4 Phương pháp ngữ âm:

Phương pháp ngữ âm nói chung là những lối dạy cùng nhắm dạy trẻ âm cuả các chữ cái, chứ không chỉ đọc tên các chữ cái mà đủ; kế đó là kết hợp từng tiếng tương ứng với chữ viết cuả chúng. Điểm mấu chốt cuả phương pháp ngữ âm là sự chú trọng đến việc phân tích các từ được học. Có lẽ vì thế mà những người phê bình phương pháp này thường hay viện lẽ là nó "chú trọng đến phát âm", thật ra thì không phải chỉ là thế. Phương pháp ngữ âm hiểu một cách nghiêm chỉnh, là phương pháp dạy trẻ hệ thống ngữ âm và liên kết ngữ âm với hình thái chữ viết cuả chúng. Phương pháp ngữ âm rất quan tâm đến những yếu tố sau đây: một mặt, cần phải sắp xếp ngữ âm thật xác đáng để làm rõ tính hệ thống cuả nó; mặt khác, phải quan tâm đến vốn ngữ âm sẵn có nơi trẻ.

Những cuộc nghiên cứu sâu rộng đều ghi nhận rằng phương pháp ngữ âm đạt hiệu quả rất cao với các lớp nhỏ, ở giai đoạn đầu cuả dạy đọc (Chall, 1967). Đặc biệt là cuộc nghiên cứu lượng giá cuả Adams (1990) gần đây lại càng nồng nhiệt đối với phương pháp ngữ âm, và cũng xem xét lại toàn bộ các yếu tố để cho một phương pháp ngữ âm đúng nghiã và có hiệu quả. Đó là: một hệ thống ngữ âm chặt chẽ bao gồm những đơn vị ngữ âm và những tiến trình kết hợp ngữ âm khác nhau, sự quan tâm đến tính vưà sức và khả năng ngôn ngữ sẵn có cuả học sinh, tiến trình dạy kết hợp hình ảnh ngữ âm và thị ảnh về chữ viết...

5 Phương pháp "ngữ học":

Trong thời gian thế chiến II, đương khi phương pháp dạy nguyên tiếng một đang thịnh, một phần vì lí thuyết Gestalt đang là món thời thượng, phần khác là giáo dục phương tây đang chuộng phong trào "tiến bộ", "sáng tạo". Bỗng xảy ra một biến cố lớn: một nhà báo tên là Rudolf Flesh xuất bản quyển sách *Why Johnny Can't Read* (1955), kết án nặng nề lối dạy trẻ đọc theo lối học từng tiếng một mà quên lối ngữ âm. Quyển sách đã dấy lên làn sóng phản đối việc dạy đọc bằng phương pháp dạy nguyên từng tiếng một để quay về với phương pháp "nhìn-và-đọc" kết hợp với phương pháp ngữ âm. Các nhà ngữ học miêu tả Mĩ tham gia biên soạn sách dạy học vần cho trẻ Mĩ. Một trang sách do Bloonfield soạn chẳng hạn, cho thấy một loạt các từ có cùng một mô hình ngữ âm giống nhau: a rap - a gap - dad - had - a map. Pat had a bat....(Bloomfield, & Barnhart, *Let's Read*, p.1. , 1963). Các tác giả chọn từ cho bài dạy theo ngữ âm cuả chúng, và cũng là những từ họ cho là thường gặp trong vốn từ cuả trẻ em Mĩ.

Không lâu sau đó, công chúng nhận ra những điều không ổn cuả phương pháp gọi là “ngữ học” này. Trước hết là nó tỏ ra lạc hậu với trào lưu ngữ học đương đại, sau nưã là phương pháp này không nắm đúng yêu cầu phát triển tâm lí cuả trẻ khi chọn lọc từ ngữ theo ngữ âm mà hi sinh những yếu tố khác, chẳng hạn ý nghiã, và mức độ thông dụng cuả từ được chọn.

Hai chủ trương dạy: “nhìn-và-đọc” và “nghe-và-đọc”

2.2 Lịch sử cuả khoa giáo dục ngôn ngữ đã kinh qua nhiều chặng phát triển, cả ở phương đông cũng như phương tây, mà chung quy lại là những tranh cãi bất tận giưã hai chủ trương chính: một là chủ trương dạy theo lối “nhìn-và-đọc”, và một chủ trương khác là “nghe-và-đọc”. Thật ra, cách gọi tên hai chủ trương dạy học này không thuần nhất ở các nơi. Tại lục điạ châu Âu và Nam Mĩ, các nhà giáo dục gọi tên phương pháp “nhìn-và-đọc” là phương pháp “tổng hợp”, và họ gọi phương pháp"nghe-và-đọc” là phương pháp"phân tích”. Có thể nói là trong một thời kì dài cho đến nay, vẫn chỉ có hai khuynh hướng lớn này thay chân nhau chiếm lĩnh vai trò chủ đạo trong việc dạy học đọc. Điểm khác nhau chính yếu giưã hai chủ trương này là, như Chall (1967) đã phân tích, những phương pháp gộp chung vào chủ trương “nhìn-và-đọc” nhấn mạnh vào việc nhận biết nội dung ý nghiã cuả ngôn ngữ viết, còn những người theo chủ trương “nghe-và-đọc” thì chú trọng đến cơ chế giải mã ngôn ngữ viết tương ứng với ngôn ngữ nói hật ra, cả hai khuynh hướng này đều bao gồm “một quá trình phân tích giưã hai tổng hợp” mà thôi, chỉ khác chăng là một đàng ("nhìn-và-đọc") chú trọng nhiều hơn đến tổng hợp, còn đàng kia ("nghe-và-đọc") chú trọng phân tích hơn mà thôi.

Có quan niệm cho rằng phương pháp “nhìn-và-đọc” thích hợp với những ngôn ngữ như tiếng Anh, nghiã là những ngôn ngữ phức tạp vì có nhiều sai biệt giưã nói và viết; còn phương pháp “nghe-và-đọc” thích hợp với những ngôn ngữ như tiếng Spanish, vì giưã tiếng nói và chữ viết có nhiều điểm tương ứng. Thật ra thì không phải cấu trúc ngôn ngữ là vấn đề, vì hầu như đâu đâu cũng có những tranh cãi không dứt giưã hai chủ trương vưà kể. Trong một bản nghiên cứu đối chiếu về việc dạy đọc tại 14 quốc gia khác nhau, Downing (1973) nhận thấy là những tranh luận giưã hai khuynh hướng dạy học này diễn ra ở cả những nước như Nhật và Trung Hoa, là những nước có cấu trúc ngôn ngữ khác hẳn cuả phương tây.

2.3 Trên đây là sơ lược những phương pháp dạy đọc ở giai đoạn đầu nối nhau tại các nước. Các phương pháp trên đây không đi ra ngoài hai xu

hướng nêu ở đoạn 2.1 trên kia. Tất cả các phương pháp trên có thể đã thích hợp với một điều kiện hoàn cảnh này nhưng lại không thích hợp trong hoàn cảnh khác. Nhưng có một điểm đáng chú ý là tất cả các phương pháp đều như là những mảnh nhỏ cuả một tổng thể. Có lẽ một phương pháp có hiệu quả phải hội đủ những tính chất cuả các phương pháp trên đây: vừa chú ý đến ngữ âm vừa giúp trẻ tìm thấy tương quan giưã âm và chữ, vừa giúp trẻ nhận ra cái toàn thể (từ, câu) vừa giúp phân tích ra từng thành phần nhỏ, vừa giúp trẻ nhận ra hệ thống ngữ âm vừa giúp chúng hiểu ý nghiã cuả bản văn (chữ viết). Đó là những luận điểm mà Adams (1990) đã muốn chuyển đạt khi đánh giá lại phương pháp ngữ âm mà bà cho là có khả năng cao nhất trong việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên.

Tóm lại, học đọc ở bước đầu tiên là một quá trình tâm lí sư phạm và ngôn ngữ phức tạp. Phương pháp dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên sẽ có tác dụng lớn đối với trẻ trong suốt quá trình giáo dục ở nhà trường. Những tranh luận về phương pháp dạy học đọc ở bước đầu là những nỗ lực cuả nhà giáo dục về cả hai mặt: cải tiến phương pháp sư phạm và giúp đỡ học viên phát triển tư duy ngôn ngữ viết ở mức độ cao nhất.

ĐOÀN XUÂN KIÊN

Tham khảo

Adams, Marilyn J. (1990) *Beginning To Read. Thinking and Learning about Print*. Cambridge, Mass.: MIT Press.

Aitchison, Jean (1983) *The Articulate Mammals - An introduction to Psycholinguistics*. (2nd ed.) London: Hutchinson.

Chall, Jeanne S. (1967) *Learning To Read. The Great Debate.*

New York: McGraw-Hill.

———————(1983) *Stages of Reading Development.*

New York: McGraw-Hill

Crowder, Robert (1982) *The Psychology of Reading An Introduction.*Oxford: Oxford Uni. Press

Downing, John (1979) *Reading and Reasoning.* London: Chambers

Fries, Charles (1962) *Linguistics and Reading.*

New York: Holt, Rinehart & Winston, Inc.

Goswami, Usha & Bryant, Peter (1990) *Phonological Skills and Learning To Read.* Hove: Lawrence Erlbaum Associates

Jackendoff, Jay (1993) *Patterns in the Mind- Language and Human Nature*. New York: Harvester Wheatsheaf.
Romaine, Suzanne (1984) *The Language of Children and Adolescents- The Acquisition of Communicative Competence.*

Oxford: Basil Blackwell.
Saussure, Ferdinance (1972) *Cours de Linguistique Générale.*

(édition critique préparé par Turillo de Mauro). Paris: Payothèque.
Smith, Frank (1988) *Understanding Reading* (4th ed.).
Hillsdale, New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates Publishers
Trần, Trọng Kim, et al. (1935) *Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết)* Lớp Đồng Ấu (bản in thứ 18).
Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp.



THỤY KHUÊ

NGUYÊN SA (1932-1998)



Những năm 54-60, miền Nam khi chào cờ mọi người phải hát bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống, miền Bắc học trò phải học thơ Bác Hồ, thì ở sân trường miền Nam, học trò tình tự với nhau bằng thơ Nguyên Sa. Cái khác nhau giữa vị nguyên thủ quốc gia và nhà thơ là ở chỗ ấy: Một bên, người ta *phải hát, phải học*. Một bên *khơi khơi đi vào lòng người, không thông hành, không gõ cửa* và khi đã đột nhập vào rồi thì dù tẩy não nó cũng không ra.

Áo Lụa Hà Đông, Cần Thiết, Tuổi Mười Ba, Paris Có Gì Lạ Không Em... những bài thơ Nguyên Sa đã đi vào tuổi trẻ miền Nam những năm 60 và ở lại trong lòng người như thế:

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng.

Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở xung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bầy vội vã vào trong hồn mở cửa.

Gặp một bữa anh mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chép lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu.

Em không nói đã nghe từng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt.

Em chợt đến, chợt đi anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi tiếng thơ buồn vọng lại.

Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi xám hối chạy trên môi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng.

Em ở đâu hỡi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.
(Áo lụa Hà Đông)

Nguyên Sa thuộc lớp người muốn canh tân văn học. Cuối thập niên 50, ở Pháp về, hành trang nặng gánh Sartre, Camus, ông dạy triết học trong những lớp luyện thi tú tài, thời ấy gọi là cua riêng. Cua riêng của thầy Trần Bích Lan lúc nào cũng đông nghẹt học trò. Triết học, nơi ông, là triết học xuống đường, thực dụng, triết học bình dân, dễ hiểu, hợp với tạng học trò. Trong lớp, dù là giờ Tâm lý học, Đạo đức học hay Triết học hiện sinh, học trò không thể ngủ gật vì những bản thể, những siêu hình, những hư vô, những phương pháp luận... lọc qua lăng kính Trần Bích Lan, đã trở thành những tiếng cười châm biếm Tú Xương, Xuân Hương... những câu hát đối hóm hỉnh giữa gái Cầu Lim, trai Nội Duệ... Trần Bích Lan đến với tuổi trẻ qua ngả học đường bằng hình ảnh người thầy Tây học, hiện sinh, tài hoa và thơ mộng.

Rồi *Thơ Nguyên Sa* ra đời. Ra đời trong bối cảnh Mai Thảo *giã từ Hà Nội,* Vũ Thành mơ *giấc mơ hồi hương,* Thanh Tâm Tuyền *không còn cô độc,* Cung Trầm Tưởng, Phạm Duy hát *tiễn em,* giữa *mùa thu Paris*. Vũ Khắc Khoan mộng thấy *thần tháp rùa.* Nhật Tiến bước vào *thềm hoang.* Vũ Bằng nhớ *miếng ngon Hà Nội.* Bình Nguyên Lộc *ký thác* cho *đò dọc*. Võ Phiến viết *chữ tình.* Nguyễn Văn Trung đang *nhận định*, Vũ Hoàng Chương mang *tâm sự kẻ sang Tần*. Đinh Hùng lạc trong *mê hồn ca...*

Hồi ấy, như Nguyên Sa kêu gọi: Chúng ta tức là những người bạn của ông- không hô hào đổi mới suông. "Chúng ta" phải *đánh đổ những người đi trước bằng tác phẩm văn học.* "Chúng tôi" muốn đổi mới văn học, tác phẩm của chúng tôi đây, các anh đọc xem có được không? Trước những xông xáo xuống đường của Sáng Tạo, Nhất Linh làm thinh lên suối Đa Mê tu tiên, Vũ Hoàng Chương khề khà *Kinh Kha hề Kinh Kha* và Đinh Hùng miệt mài trên đường vào tình sử, Nguyên Sa hóm hỉnh ném vào sân trường trung và đại học, những hình ảnh bất ngờ:

Hôm nay Nga buồn như con chó ốm
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh
Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình
Để anh giận sao chả là nước biển.
(Nga)

Và học trò yêu ngay, chấp nhận ngay. Họ dấu thơ Nguyên Sa trong áo, họ tán nhau bằng thơ Nguyên Sa. Nhưng học sinh, sinh viên không phải là một giai cấp. Đời sinh viên chỉ có một thời. Đời sinh viên sẽ chấm dứt như tuổi trẻ. Nhưng thơ Nguyên Sa ở lại. Tại sao? Tại vì nó đã tạo được một mốc thời đại.

Nguyên Sa không đổi mới vần điệu. Cũng không làm thơ tự do. Ông vẫn dùng vần điệu của thơ tiền chiến. Thơ ông cũng không sâu sắc gì, ông nói trực tiếp, không ngụ ý hàm ngôn qua ẩn dụ. Ông trải ẩn dụ ra để chúng trở về với thực tế so sánh, đơn giản và dễ hiểu như để nói với học trò. Tóm lại, ông đi thẳng vào câu chuyện yêu đương, ở chỗ con trai còn rụt rè chưa dám tán, ông nói phắt hộ:

Không có anh lấy ai đưa em đi học về
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học
Ai lau mắt cho em ngồi khóc
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa.
(Cần thiết)

Cái tình ở đây là tình học trò, bồ bịch, Tây gọi là copain, copine, hơn là tình yêu da diết và say đắm của tuổi đã lớn như trong thơ Xuân Diệu, Hàn Mạc Tử... Thơ Nguyên Sa dò dẫm, vụng về như tuổi trẻ mới vào đời:

Chân dìu bước mà mắt nhìn vương vướng
Nàng đến gần tôi chỉ dám quay đi
Cả những giờ bên lớp học trường thi
Tà áo khuất thì thầm chưa phải lúc.
(Tuổi mười ba)

Nhưng thơ Nguyên Sa cần thiết và trực tiếp cho thời mới lớn. Cần thiết và trực tiếp cho giai đoạn đổi mới.

Cần thiết vì ở một thời điểm mới, nếu muốn đánh đổ quá khứ tiền chiến của các bậc đàn anh, không lẽ lại vẫn nhai đi nhai lại một hình ảnh *người em sầu mộng* của Lưu Trọng Lư đã cũ mèn. Mà phải tạo ra một nàng thơ mới, mốt hơn, điệu hơn. Nàng thơ này không thể tìm thấy trong "Liên, đêm mặt trời tìm thấy" của Thanh Tâm Tuyền với những ý thức chạy ngược trong tiềm thức hoang loạn, học trò không hiểu gì cả.

Cũng không thể là "người em" tóc vàng xứ tuyết *lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế* của Cung Trầm Tưởng. Người em không thể đầm đặc như thế.

Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến không tạo được các *người em* Biên Hòa, Bình Định, vì họ có vẻ không sành thơ.

Nguyên Sa đã tạo được một mẫu *người em* lý tưởng: người em *Bắc Kỳ tóc ngắn*, mặc *áo lụa Hà Đông* và *người em* này đã tức khắc thay thế *người em ngồi bên cửa sổ* của Lưu Trọng Lư trong tư thế văn học và trong lòng người.

Em bây giờ tức là em những năm 60- phải là em *Bắc kỳ di cư*. Sau này Nguyễn Tất Nhiên có cóp lại mẫu *người em* của Nguyên Sa, nhưng hơi muộn. Thời Nguyễn Tất Nhiên, các "em Bắc kỳ di cư" tóc đã điểm sương rồi. Văn học hải ngoại chưa có "người em". Rồi "người em Linda mặt ngang" của Đỗ Kh. có trở thành "người em hải ngoại" đi trước thời đại chăng?

Sự thành công của mẫu hình *người em tóc ngắn, áo lụa Hà Đông, buồn như con chó đói, như con mèo ngái ngủ* của Nguyên Sa phản ánh tính cách áp đảo của văn học di cư ở miền Nam, những năm chia đôi đất nước.

Người Bắc di cư, mang theo mỗi người một hình ảnh Hà Nội trong lòng, vào hội họa, thi ca, tiểu thuyết... Những tên tuổi như Nguyễn Gia Trí,

Tạ Tỵ, Thái Tuấn, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến, Mặc Đỗ, Mặc Thu, Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Cung Trầm Tưởng... thời 54-60 vẫn còn chưa rũ được hơi hướng Hà Nội của họ. Duy nhất, có Phạm Duy, và cùng lắm Phạm Đình Chương, vượt trên tính địa phương, làng xóm để tìm đến với tất cả mọi miền, ngay trong những ngày đầu của thời kỳ chia đôi đất nước bằng *Tình Ca, Tình Hoài Hương, Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Hội Trùng Dương...*

Cho nên, sự thành công của Nguyên Sa là đã vẽ được một *người em* mới, điển hình cho một thế hệ tình yêu mới, một giai đoạn văn hóa tư tưởng mới.

Sau này khi sang Mỹ, Nguyên Sa cho xuất bản tập *Thơ Nguyên Sa II*, mượt mà hơn, đầy nhục cảm và đớn đau hơn:

Anh. nắm tay cho chặt tiếng đàn
Tiếng mềm hơi thở, tiếng thơm ngoan
Khi nghe tiếng lạnh vào da thịt
Nhớ tiếng thơ về có tiếng em.
(Em gầy như liễu trong thơ cổ)

Nhưng thơ ông không còn được mọi người chú ý đến nữa. Thơ ông đã trở thành *cổ điển.* Ngày trước, ông mở đường; bây giờ ông đi đoạn hậu. Đoạn hậu cho một giai đoạn khó khăn, giai đoạn mà những người cũ đã lần lượt ra đi và lớp người mới chưa thật sự thành hình.

Một bông hồng cho văn nghệ

Những suy tưởng về sáng tạo, về sự hình thành một tác phẩm nghệ thuật, về khái niệm thẩm mỹ học... ít thấy xuất hiện trong văn học Việt Nam. Có lẽ đó là lý do khiến Nguyên Sa viết *Một Bông Hồng Cho Văn Nghe* năm 1967. Đây là một trong những tác phẩm hiếm hoi có tính cách triết học thực dụng trong đời sống tư tưởng và văn nghệ.

Một Bông Hồng Cho Văn Nghệ đối với Nguyên Sa tương tự như *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* đối với Nhất Linh. Cả hai đều tóm lược những kinh nghiệm và suy tưởng của người cầm bút, sau giai đoạn sống và sáng tác.

Nhất Linh chủ yếu nghiêng về kỹ thuật xây dựng tiểu thuyết mà Thạch Lam đã có lần đề cập đến trong *Xuôi Dòng*; Nguyên Sa mổ xẻ vấn đề suy tưởng trong sáng tác nghệ thuật. Nguyên Sa đi từ: Tình cảnh nhà văn Việt Nam những năm năm mươi, sáu mươi để tìm chỗ đứng của văn học

nghệ thuật Việt Nam trong tình thế hiện đại, để bày tỏ về sự giàu có và nghèo nàn của văn học nghệ thuật ta, để đào sâu nỗi cần thiết suy tưởng về nghệ thuật ngõ hầu nhìn kỹ ý thức nghệ thuật, đến sự sáng tạo đề tài và khái niệm thẩm mỹ học.

Những suy nghiệm đó bắt nguồn từ nhận thức về sự *cô đơn*. Sự cô đơn của thế hệ năm mươi, sáu mươi, thế hệ Nguyên Sa, mà ông gọi là "sự cô đơn của thế hệ không có đàn anh". Đây không phải là sự cô đơn trừu tượng, nhập tâm nhập tủy của người cầm bút trước trang giấy trắng mà các triết gia chuyên nghiệp hay bàn đến. Đây là cái cô đơn hiện thực, sờ mó được, những thiếu vắng, mất mát, ly tán, kiệt quệ của thế hệ làm văn nghệ sau ngày chia đôi đất nước. Nguyên Sa viết: *"Chúng ta bước vào một ngôi nhà trống rỗng, một khu vườn bỏ hoang, một vũ trụ không người, chẳng có ai trước mặt thật. [...] Bọn họ đâu cả rồi? [...] Chiến tranh đã trổ ra trăm cánh tay móng nhọn, trăm đầu miệng rộng răng to để cướp mất người này bằng cánh tay vũ khí, xóa mất người kia bằng hàm răng chính trị. Người bị thủ tiêu. Khái Hưng đấy. Người phiêu bạt rừng núi, ở quê, người chẳng về, đứng lại tê liệt ở bên kia vĩ tuyến, lặng lẽ rút khỏi thế giới văn nghệ hoặc khoác lên vai chiếc áo chính ủy. Như những tác giả L êng, Vang Bóng Một Thời, Gửi Hương Cho Gió. Mất cả. Mất cả. [...]*

Các anh hãy tưởng tượng tác giả Đoạn Tuyệt đứng giữa bìa báo, bao bọc bởi những Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Tuân thì khuôn mặt văn nghệ những năm năm mươi, sáu mươi sẽ khác đi không biết thế nào? Các anh thử nghĩ đi." (Một Bông Hồng Cho Văn Nghệ, trang 18-19-20)

Người đi sau, không có người đi trước để cản đường. *Nguyên Sa đã nhận thấy sự trống rỗng ấy rất sớm.* Trước những bài báo đả kích Tự Lực Văn Đoàn, Nhất Linh không nói gì. Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương im lặng. Lớp đàn anh còn lại, đây một người, kia một người, đã "*không hợp thành một lớp người*" để đòi hỏi "chúng tôi" phải tận lực chống, phải vượt qua hay xin gia nhập họ. Chúng tôi tức thế hệ Nguyên Sa- đã phải *"múa gậy trong khoảng không"*, đã phải *"đối thoại với chính mình"*, phản kháng chính mình, không biết là mình đã tìm ra được *"những miếng võ ghê gớm"* hay là chỉ *"múa may hỗn loạn"*.

Thế hệ năm mươi, sáu mươi, ngoài cái cô đơn siêu hình của người cầm bút còn thêm cái cô đơn hiện thực của một dân tộc nghèo đói, ly tán chiến tranh. *"Nhà văn, nhà thơ chỉ có số phận mà dân tộc nó có"*.

Những trống rỗng mà Nguyên Sa nhận thấy ở thế hệ ông vẫn còn kéo

dài cho đến bây giờ. Nỗi cô đơn này, người cầm bút hiện nay ở trong cũng như ngoài nước, đều gặp phải, như một cái rớp. Thế hệ nhà văn hôm nay vẫn đứng trước một trống vắng, một thực tại không có đàn anh hoặc đàn anh còn sống mà kể như không có, họ không còn là một lực lượng văn học đáng kể, không còn là những lực cản đường để kẻ đi sau có thể phản kháng, đạp đổ mà xông tới những cái khác, hoặc cổ võ họ để xin gia nhập họ. Đàn anh của thế hệ hôm nay cũng bị dập vùi trong trận chiến rồi trong hòa bình di tản, trong những chiến dịch luân hồi trói và cởi trói văn nghệ.

Sự cô đơn của thế hệ hôm nay vẫn còn dai dẳng, vẫn còn "nhập cuộc". Sự cô đơn này nằm trong khối cô đơn khổng lồ, bao trùm toàn diện những người cầm bút nhược tiểu.

Đã biết bao lần những người làm văn nghệ Việt Nam tự hỏi: Tại sao văn nghệ chúng ta khựng lại? Chúng ta không thật sự bằng lòng với nền văn học hiện đại của mình, nền văn nghệ này phải tự kiểm và tìm ra những cần thiết để tiến bộ. Nguyên Sa cũng như những người làm văn nghệ thông thạo tình hình văn học thế giới, biết rõ hơn ai hết, là dù nền văn nghệ Việt Nam còn có những chỗ chưa hoàn hảo, chưa thật sự đáp ứng lòng mong muốn của mọi người, nhưng với những kết quả đã thu lượm được của những người đi trước, với những tác phẩm văn học của thế kỷ XVIII, XIX, XX, văn học Việt Nam, từ Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn, Tản Đà, Nguyễn Khuyến... đến văn học tiền chiến, văn học trong thời kỳ chia đôi đất nước và cả hiện tại bây giờ, với những thành tựu tác phẩm đã đạt được, văn học Việt Nam có thể ngẩng đầu. Chúng ta không có gì hổ thẹn cả. Nhưng tại sao văn học ta vẫn phải đứng *hàng ghế chót của đại sảnh,* đứng chỗ *chầu rìa* trong khung cảnh văn học thế giới? Tại sao? Tại sao?

Bởi văn học của một nước chỉ có chỗ đứng mà dân tộc nó có, chỗ đứng của một dân tộc nhược tiểu, nghèo đói, chiến tranh, tan rã.

Ở thời Nguyên Sa viết *Một Bông Hồng Cho Văn Nghệ* mọi người xôn xao hỏi nhau: Sách của ai sắp được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp? Nghe nói người này sắp được dịch, người kia sắp được dịch? Nhưng rồi cuối cùng vẫn trơ ra một vài tên sách, một vài địa chỉ xuất bản. Nghe nói Nhất Linh, nghe nói Vũ Hoàng Chương... sắp được dịch nhưng không thấy, không chắc gì cả. Kiều và Chinh Phụ Ngâm có được dịch ra Pháp ngữ với tư cách tài liệu sưu tầm. Nguyên Sa viết: *Giới văn học nghệ thuật Pháp-Anh không bàn đến Nguyễn Du như ta bàn đến Victor Hugo, Lamartine, Byron hay*

Keats. Nghĩa là ngay khi được phiên dịch, tác phẩm của văn học nghệ thuật ta vẫn đứng ở cái chỗ khốn nạn ấy: hàng ghế chót của đại sảnh, chỗ chầu rìa trong thiên đường của anh thánh đàn em, mà cả các thánh đàn anh, cả Thượng Đế, nếu có, đều không biết tên, không biết mặt [...]

Sartre có thể, hoặc đã làm, hoặc muốn làm cái việc đọc Dos Passos bằng Anh ngữ. Evtouchenko có thể đã thử đọc Eluard nguyên tác, nhưng có nhiều hy vọng họ không biết đến Nguyễn Du và cũng chẳng bao giờ nẩy ra ý muốn, dù chỉ là ý muốn, đọc các nhà văn, nhà thơ ta qua nguyên tác.

Các người làm văn học nghệ thuật Tây phương này chắc chắn không có một quan niệm kỳ thị. Vả lại họ có thể biện bạch: không thể học hết mọi thứ tiếng để đọc văn của mỗi nước. Tôi cũng chẳng nghĩ như thế bao giờ. Nhưng đấy tôi chỉ muốn nói đến một sự thực đơn giản: Chỗ đứng sáng chói của Tây phương trên thế giới ngày nay, Tây phương Mỹ cũng như Nga, Anh cũng như Pháp đã mang lại cho văn học nghệ thuật của họ cái chỗ đứng sáng chói. Và trong vùng sáng chói lòa đó, dù không chủ trương ý thức và hữu ý, các nhà văn học nghệ thuật Tây phương vẫn bị lóa mắt, không còn nhìn thấy trong vùng bóng tối, do đó chỗ đứng của văn học nghệ thuật các nước nhỏ, đã hoặc đang bị trị, nghèo đói, trong đó có ta, đã bị lệch lạc vì chỗ đứng của quốc gia, lại càng bị lu mờ hơn nữa vì khuynh hướng kỳ thị vô thức. (Một Bông Hồng Cho Văn Nghệ, trang 50 và 64)

Tất cả những điều Nguyên Sa nói trên đây vẫn còn đúng, vẫn còn xẩy ra bây giờ.

Có thể bây giờ người ta tìm dịch các tác phẩm Việt Nam nhiều hơn năm 67, nhưng chúng ta đừng vội mừng. Tìm dịch để thỏa mãn nhu cầu exotisme, để chứng tỏ sự mở cửa của văn minh Tây phương, để thỏa mãn niềm tự tôn dân chủ, nâng đỡ những tác giả dissident, hơn là tìm dịch vì *muốn thật sự tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, tìm hiểu văn hóa của một nước "nhược tiểu".

Bản dịch tiếng Anh của *Nỗi Buồn Chiến Tranh,* nghe đâu bán rất chạy, nhưng nếu so với nguyên tác, nghe đâu cũng lại rất đáng buồn. Hiện nay ở Pháp có những nhà xuất bản chạy về Việt Nam, tìm cách ký những giao kèo rất rẻ với các tác giả, và tìm người dịch vội vàng, cũng rất rẻ, để về Pháp, họ nhờ người Pháp viết lại bằng thứ tiếng Pháp gẫy gọn. Sách bán được. Sống được. Nghề buôn bán văn nghệ nhược tiểu này khá thịnh hành. Khởi sắc. Sống được. Niềm cay đắng là chính các nạn nhân "được dịch" vẫn tin tưởng ở cái hào quang "được dịch" mà không có phương tiện để kiểm chứng cái sự dịch kia nó đã xẩy ra như thế nào. Khuynh hướng *kỳ thị vô ý thức* của những người làm văn nghệ Tây phương mà Nguyên Sa đề cập đến

năm 67, nay trở thành một *khuynh hướng trao đổi,* thành sự *cởi mở, giao lưu* mang lại rất nhiều lợi điểm xã hội, chính trị, tiếc rằng những lợi điểm này không dành cho văn học.

Nếu chúng ta nhìn rộng ra đến những cuộc hội thảo quốc tế Việt học, chúng vẫn xẩy ra bằng tiếng Pháp, tiếng Anh một cách tự nhiên mà người được mời cũng như người tổ chức không thấy một trở ngại gì. Người duy nhất phản đối việc tiếng Việt không được sử dụng ở các hội nghị quốc tế Việt học hiện nay là giáo sư Nguyễn Văn Trung, còn tất thẩy giới trí thức Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, tham dự hội nghị đều mũ ni che tai, hồ hởi chấp nhận mà không thấy có ý kiến phản đối nào cụ thể.

Từ nhận thức Nguyễn Du phải có chỗ đứng bên cạnh Shakespeare, Dante, Hugo, Nguyên Sa nói đến "ý thức tìm hiểu sự thất bại" và ông phân tích những cái nghèo nàn trong văn học nghệ thuật Việt Nam. Theo ông, cái nghèo khổ thứ nhất của văn học Việt Nam là sự thiếu suy tưởng quy mô về nghệ thuật, thiếu quan điểm về nghệ thuật, về bản chất nghệ thuật, bản chất sáng tác.

Một thái độ chấp nhận quá dễ dãi, sự biến chế vội vàng, đôi khi vụng về, những quan điểm văn học nghệ thuật thế giới, hay ngược lại, không biết đến những quan điểm này, hoặc biết rồi mô phỏng, bắt chước một cách thô thiển, hoặc không biết gì cả, cả ba thái độ đều nguy hiểm. Do đó, suy tưởng về nghệ thuật, về sự sáng tạo đề tài, về khái niệm thẩm mỹ học là những yếu tố cần thiết để đánh bại cái nghèo nàn trong văn học nghệ thuật của ta.

Nguyễn Du đã nghĩ đến sự tương phản gay go giữa Tự Do và Định Mệnh, đến ba trăm năm sau, đến tính chất "mua vui" của nghệ thuật. Tản Đà đã nghĩ đến *đời đáng chán hay không đáng chán.* Nguyễn Công Trứ đã nghĩ đến *chí nam nhi.* Nguyễn Gia Thiều, Xuân Hương đã nghĩ đến thân phận của người phụ nữ, Đặng Trần Côn đến hậu quả của chiến tranh. Khái Hưng, Nhất Linh về xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX... Tất cả những tác giả lớn của ta đều đã có những suy tưởng về nghệ thuật, về nhân sinh nhưng chưa có ai hệ thống hóa những ý thức đó thành những lý thuyết cơ bản về nghệ thuật để những người đi sau có thể dùng được như ta dùng Sartre, Camus, Blanchot hay Breton, để những người đi sau biết được *yếu tính của cái đã có, biết cái mình đã có*, rõ hơn, là một cách để đừng đi lại lối mòn, để vượt qua hay để làm một cái gì khác họ.

Chẳng hạn nếu chúng ta nắm rõ bản chất cái gọi là thơ mới, thì có lẽ bây giờ chúng ta đã bỏ xa nó từ lâu, để lập ra những cái khác nó, chưa chắc là đã hay hơn nó, nhưng chắc chắn phải khác nó.

Nếu nói đến một chúc thư văn học của người mới ra đi, thì chúc thư

của Nguyên Sa nằm ở những dòng sau đây:

Văn học nghệ thuật và dân tộc ta không dừng mãi ở chỗ này và sự di chuyển, sự đổi thay đã bắt đầu ngay từ ý thức tàn nhẫn về thất bại. Sự đổi thay của dân tộc sẽ mang lại sự di chuyển của văn học nghệ thuật.
Ngược lại, làm cho văn học nghệ thuật di chuyển, đổi mới, thoát xác trong thực chất và sáng rõ trong chỗ đứng, chắc chắn sẽ là động lực có sức mạnh khỏe hơn cả kinh tế, quân sự, chính trị, làm cho đất nước hồi sinh, dân tộc vạm vỡ, tổ quốc bình phục.

THỤY KHUÊ
Tháng 5/1998

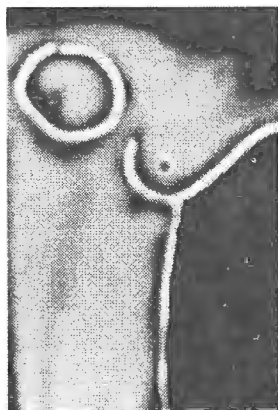


NGUYỄN QUỐC VINH

Khoa ngôn ngữ và văn minh Đông Á
Trường đại học Harvard

NHỮNG NHỤC THỂ BIẾN DỊ VÀ CÁC ĐỘNG THÁI CHUYỂN VỊ CỦA DỤC CẢM ĐỒNG TÍNH TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM *

Xuân Diệu mở đầu bài thơ "Tình trai" trong tập "*Thơ Thơ*" (1938) bằng cách trưng dụng hai nhân vật đồng tính điển hình của thơ văn lãng mạn Pháp:



Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
say thơ xa lạ, mê tình bạn,
khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen.

Tuy rất táo tợn và bộc trực, dục cảm nầy lại được định vị chẳng những ở trong một phạm vi biểu trưng cho sự Dị biệt văn hóa [cultural Otherness] mà còn ở ngoài phạm vi của tình dục quy phạm [libidinal normativity], qua đó thể hiện rõ những động thái chuyển vị (dynamics of displacement) và một trạng thái biến dị

---

* Tham luận đọc tại phiên họp về "Kiến tạo nhục thể Đông Dương" [Constructing the Indochinese Body] trong khóa họp thường niên lần thứ 49 của Hiệp hội Á châu học Hoa Kỳ, tại Chicago vào 9-11 giờ sáng thứ bẩy 15 tháng 3 năm 1997; và tại phiên họp về "Các phạm trù địa lý đồng tính [Queer Geographies] trong khóa họp thường niên lần thứ 7 về Đồng tính học ở bậc cao học, tại New York vào 9-10:30 sáng thứ bẩy 5 tháng 4 năm 1997.

[condition of deviance] là những vấn đề cấp thiết để tìm hiểu trong bài chuyên khảo này.

Chúng tôi xin đặt tụ điểm nơi cảm quan đồng tính (homoeroticism) thay vì nơi đồng tính luyến ái [homosexualit], là để nhấn mạnh hơn vào tâm lý và mỹ quan thay vì vào sinh thái và hành vi của sự kích thích hấp dẫn cùng phái. Bởi lẽ "dục cảm" [desire] là một khái niệm hết sức trơn trượt, chúng tôi đành tạm định nghĩa nó qua cách dùng trực giác để chỉ một trạng thái tương quan mang đặc tính của động lực chiếm hữu [drive to appropriate] để xác định một Bản ngã [Self] (là chủ thể mang dục cảm) qua một Vật tha [Other] (là khách thể chịu tác động của dục cảm). Định nghĩa của dục cảm theo dạng tương quan này cho phép chúng tôi tìm hiểu một mô thức chuyển vị khá lý thú mà chúng tôi đã nhận biết được từ các biểu tượng về dục cảm đồng tính trong văn chương Việt Nam. Phần lớn thì chúng tôi để tâm nhiều vào tác động [effect] hơn là vào tác nhân [agency] của sự chuyển vị, được định nghĩa như là thành quả luồn trượt [slippage] và đổi chỗ [disclosation] ở xác điểm minh thị [locus of articulation] cho dục cảm — trong trường hợp này là dục cảm đồng tính — trong không gian ngữ thoại [discursive space] của hệ biểu tượng tính dục và xã hội [social and sexual symbolic]. Một nguồn tư liệu dần tăng và khá đa dạng trong văn học Việt Nam từ thế kỷ 17 đến nay đã cho phép chúng tôi phác họa lại một số mô thức và loại hình chuyển vị khá phong phú của dục cảm đồng tính, nhưng để tiện dàn bài (cho phù hợp với chuyên đề của buổi hội thảo), chúng tôi sẽ giới hạn bài chuyên khảo này vào những dẫn chứng từ và về thời Pháp thuộc (1858-1954), và sẽ chú tâm đến các kết cấu định hình [constructions] của nhục thể biến dị [deviant body] như là cứ điểm [site] của sự minh thị [articulation] cho một dục cảm đồng tính bị chuyển vị.

Cho dù nguồn tài liệu y khoa Việt ngữ bàn về các dị thể tính dục [sexual deviants] hầu hết đều được dịch và phóng tác từ ngoại ngữ trong những buổi đầu mới xuất hiện, nhưng thỉnh thoảng trong báo chí hoặc tiểu thuyết cũng có nhắc đến một vài biểu tượng về nhục thể bệnh hoạn vì mang dục cảm biến dị. Tuy dựa trên một khung truyện đầy dẫy những lời cợt nhả về chuyện ái ân trong một đêm thù tạc chỉ riêng cho bạn trai với nhau trước ngày tân hôn, truyện ngắn "Thân thể" trong tập "*Phấn thông vàng*" (1939) của Xuân Diệu lại tỏ vẻ ghê ghét tình dục và thậm chí cả nữ giới một cách lạ kỳ, cả về nội dung lẫn văn phong, nhất là khi cao điểm của truyện tác giả tuyên ngôn lên án tất cả mọi hành vi tính giao, nhất là với đàn bà, vì coi đó như là nguyên nhân đưa nam giới vào con đường sa đọa và bệnh hoạn về cả thể xác lẫn tâm hồn.

Còn cụ thể và gớm ghiếc hơn thế là chân dung của một kẻ "ái nam ái

nữ" vừa dị hình dị dạng vừa thiên nhiên bất túc trong tập phóng sự *Vợ lẽ nàng hầu* (1943) của Trọng Lang Trần Tấn Cửu. Bị trời đày đọa cho xấu xí như con vật, cô Thộn, "con gái của nàng hầu", tội nghiệp bị chồng bỏ này không tìm được cả với đàn ông lẫn đàn bà thỏa mãn cho những ẩn ức tính dục của mình, và chỉ chuốc lấy sự ghê tởm và sợ hãi nơi những người xem cô ta chẳng hơn gì "một con cuồng vật, có thể là một con hổ cái nhớ rừng, hay có thể là một con lợn sề gặp ngày 'nước'" (tr. 59-62).

Tuy họ thường được miêu tả như là thiếu chức năng về mặt tình dục, những người ái nam ái nữ, hay đúng ra là những người lưỡng tính đồng cụ (hermaphrodites], không phải là không có dục cảm giới tính, và lắm khi họ còn phải gặp đau khổ vì không tìm được thỏa mãn cho những cơn khát vọng dục cảm đồng tính. Có thể nêu ra đây một trường hợp cụ thể trong cuốn tiểu thuyết *Khung rêu* (1969) của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Cậu con trai ái nam ái nữ tên là Chiêu của một ông phủ đã về hưu kiêm chủ điền trong những ngày tàn của Nam kỳ dưới thời Pháp thuộc phải chịu khổ sở vì một dục cảm đồng tính ngày càng tăng đã thu hút cậu ta đến với một chàng trai bảnh bao lực lưỡng đang ở trọ học trong nhà ông bà phủ. Ấm ức vì gia đình cứ cố nuôi dạy cậu ta làm con trai trái với bản năng nữ tính không đè nén nổi của mình, Chiêu ngấm ngầm hành xử theo dục cảm bản năng của mình như là gái trong khi vẫn tiếp tục lợi dụng cung cách xã giao với người cùng phái để kết thân với đối tượng dục cảm của mình. Tuy nhiên cậu ta cũng biết rằng dục cảm của mình là vô vọng trước sự cạnh tranh ráo riết của một người chị họ, và càng ý thức được rõ rệt hơn nỗi khổ tâm về sự tật nguyền sinh lý hiển hiện của mình. Tiến thối lưỡng nan trong sự bế tắc về cả tình dục lẫn xã giao, trong khi gia đình mình càng ngày càng sa vào hố thẳm của một sự băng hoại đồi trụy, Chiêu quyết định bỏ nhà ra đi làm cách mạng kháng chiến trong hy vọng có thể chuyển vị và giải tỏa dục cảm giới tính bị ức chế của mình theo một lối thoát tích cực hơn.

Hiện trạng ái nam ái nữ vẫn thường được quy kết cho các thái giám, bất kể là họ do thiến hoạn hay bẩm sinh. Dù mang thể trạng ái nam ái nữ, các thái giám vẫn được thừa nhận là có những tình cảm và dục cảm "bình thường như mọi người": nhất là dục cảm sinh sản khi kết hợp với cảm giác nhạy bén về nỗi cô đơn đã khiến họ đến với nhau để tìm an ủi và thế chấp cho hạnh phúc gia đình thông thường mà họ không có được. Dục cảm đồng tính và hành vi đồng tính luyến ái của những thái giám có sinh thể dị dạng và tính dục biến dị này nói chung, và hiện tượng "thái giám cưới nhau" nói riêng, dù có được nhìn nhận thì cũng vẫn bị chuyển vị và bài bác theo lẽ là "đồng cảnh luyến ái". Thế nhưng ngay cả những vị thái giám năng động về tình dục như thế cũng không tránh khỏi những lời chê trách và châm biếm

của xã hội, và nhục thể và dục cảm biến dị của họ phải chịu tác động của các sách lược chuyển vị và quản chế [strategies of displacement and containment] giới tính. Theo một câu chuyện điển hình, được lập lại trong tập ký sự về *Đời sống cung đình triều Nguyễn* (1991) của Tôn Thất Bình, thì vào ngày thành hôn của hai vị thái giám có vài ông hoàng thân đã xuất khẩu thành chương chúc mừng cặp hôn phối này bằng một câu đối chữ Hán. Để lỡm chủ nhà mua vui, mấy ông hoàng ranh mãnh này đã chơi chữ một cách hết sức vòng vo và thâm hiểm bằng cách chẳng những đã chuyển ngữ sang chữ Hán mà còn nói lái đi bản dịch bằng quốc âm. Đã vậy đôi câu chơi chữ lại còn được chuyển vị sang dạng ngụ ngôn về thú vật. Nguyên tác của câu đối thoạt nghe thì có vẻ hiền hậu khi đọc tiếp ý cho nhau thành "Vị sương tu dịch [làm sương cho sáo]" và "Dĩ phát tu phùng [lấy tóc mà may]". Nhưng câu nói lái bằng quốc âm quả là một lời phê phán móc họng bỡn cợt với thể trạng biến dị và biểu thị dục cảm đồng tính của những vị "thái giám cưới nhau" này, khi câu hỏi hóm hỉnh "Làm sao cho sướng" được chọi lại bằng câu trả lời chanh chua "Lấy tay mà móc"!

Các bản thể giới tính [gender identities] và hệ hình phái tính nhị phân [sexual dimorphism] có thể bị vi phạm không chỉ ở mức sinh thái như với các hiện tượng lưỡng tính đồng cụ và thái giám, nhưng cả ở cấp độ y phục [satorial level] trong hiện tượng cải trang [transvestism]. Trường hợp điển hình tiêu biểu của sự cải trang loạn y trong văn học Việt Nam hẳn phải là sự tích Quan Âm Thị Kính, và đây cũng là khuôn mẫu cho một biến tác hiện đại khá lý thú đi đôi với sự đảo vị giới tính [gender reversal] trong cuốn tiểu thuyết lãng mạn *Hồn bướm mơ tiên* (1932) của Khái Hưng. Trên đường đi thăm người bác là sư cụ trụ trì tại chùa Long Giáng, một cậu học sinh từ Hà Nội tên là Ngọc đã gặp gỡ Lan, một cô gái trốn gia đình cải nam trang làm chú tiểu tại ngôi chùa, và họ sớm có cảm tình thân mật với nhau ngay (tr. 23). Bị những linh tính và chi tiết dị đồng làm cho thắc mắc, Ngọc mỗi lúc càng bạo gan lẳng lơ bóng gió với hy vọng sẽ dụ ép Lan tiết lộ chân tướng của mình mà Ngọc vẫn đinh ninh phải là gái (tr. 10, 32, 45, 66). Ngọc còn bỏ công trêu ghẹo Lan qua bức vẽ theo óc tưởng tượng ly kỳ của chàng đã biến nàng thành một mỹ nữ theo phong cách tranh truyền thần của danh họa Nhật Bản Utamaro (tr. 39-40). Tuy vẫn bị thái độ và hành vi dửng dưng của Lan làm cho hụt hẫng, Ngọc cứ bám víu vào sự thăng hoa [sublimation] cảm quan đồng tính của mình, đã khiến chàng mường tượng ra những ảo ảnh về chú tiểu kia trong trang phục nhà chùa bỗng hóa thân thành một tuyệt thế giai nhân trong những mẩu chuyện hoang đường (thậm chí còn là cố tình gian dối) đầy mộng mị của mình (tr. 29-30). Tuy nhiên mối nghi ngờ của Ngọc về bản thể giới tính của Lan đã được khẳng

định một cách bất ngờ khi Ngọc lỡ tay, trong lúc hai người đang tranh cãi xô đẩy nhau, đã xé bật khuy áo dài áo ngắn của Lan và chàng đã liếc thấy bộ ngực đàn bà được nàng nịt chặt (tr. 87). Mặc dù theo lẽ thường thì sau khi lớp ngụy trang đã bị lộ, và khi những động thái chuyển vị qua sự cải trang được đình chỉ, thì sẽ không còn ngăn trở gì nữa cho việc minh thị dục cảm giới tính, dù là dục cảm dị tính chứ không còn là đồng tính, giữa hai người, nhưng chung cuộc bất ngờ này lại chỉ đem đến sự thất vọng và nuối tiếc thay vì sự thỏa mãn cho vọng tưởng dục cảm của Ngọc, và chàng lại rầu rĩ tự nhủ: "Đó, cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng có lợi ích gì? Để vậy còn thú chứ thế này thì không biết chừng..." (tr. 88). Và như để nhấn mạnh bản chất đồng tính nguyên ủy của dục cảm của mình, Ngọc còn đối diện và thú nhận với Lan một điều rất đáng kinh ngạc rằng: "Tôi xin thú thực với ni cô rằng tôi yêu ni cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai". (tr. 90). Và sau đó điều lý thú hơn nữa là chàng lại van xin nàng hãy thăng hoa [sublimate] tình yêu của họ lên một bình diện tinh thần mà thôi (tr. 111-112).

Trái lại, có một câu chuyện đáng ngạc nhiên về việc cải trang đùa giỡn nhau được nhà thơ Quách Tấn kể lại trong tập hồi ký *Đôi nét về Hàn Mặc Tử* (1962), một bạn thơ tri kỷ đã cùng ông san sẻ một quan hệ thân thiết về tình cảm, nếu không phải là nhục dục (có lẽ vì Hàn Mặc Tử về sau bị bệnh phong hủi). Trong một buổi đi chơi với nhau khi Hàn Mặc Tử vào thăm Nha Trang, Quách Tấn đã âu yếm vuốt mái tóc Tử, nói đùa rằng: "Phải chi Trí [tên riêng của Hàn Mặc Tử] là giai nhân!" Hàn Mặc Tử chỉ "cười ranh mãnh" mà không đáp. Sau khi trở về Quy Nhơn, anh ta gửi vào cho Quách Tấn "một tấm ảnh một thiếu nữ bỏ tóc xõa trông khá xinh": không phải ai khác hơn là chính Hàn Mặc Tử giả gái! Nhưng Quách Tấn thoải mái nhớ lại rằng: "Tử cải trang khéo quá, đến nỗi, nếu không có mấy câu kèm theo đó, tôi cũng khó nhận được dễ dàng." Ly kỳ nhất là mấy câu Hàn Mặc Tử viết kèm, nghe rất khiêu khích và sặc mùi lả lơi của dục cảm đồng tính: "Ước giai nhân, thì giai nhân của Tấn đó. Lòng ước mơ có thỏa tình ước mơ?" (tr. 34). Tuy nhiên điều quan trọng cần chú ý là sự nhìn nhận một cách bông lơn nhưng âu yếm một yếu tố rõ ràng có mang dục cảm đồng tính trong quan hệ của đôi bạn này lại được xảy ra trong phạm trù bị chuyển vị của một tấm ảnh biểu thị cho một sự thỏa mãn đồng lõa cho một dục cảm đồng tính được hai bên thừa hiểu.

Tuy tập hồi ký di cảo "Tình trong ngục tối" (1950) của Trần Huy Liệu, một lãnh tụ cách mạng nổi danh, đã được trích dẫn làm bằng chứng cho sự úy kỵ khía cạnh tình dục trong sử quan cộng sản Việt Nam (Zinoman, tr. 262), dẫn chứng này cũng rất đáng được xét lại theo hiện

tượng chuyển vị đa dạng của dục cảm đồng tính hướng về một đối tượng nhục thể cải trang. May mắn thay, ta có thể tìm ra những mẩu chuyện tương hỗ chi tiết hơn về việc này trong tập tiểu thuyết phóng sự dưới dạng thư tín mang tựa đề *Thư Côn Lôn* (1937) của Nguyễn Đức Chính. Trong khi chuyển vị sang những tình cảm tiểu tư sản đáng trách của mình, Trần Huy Liệu vẫn thú nhận rằng mình từng có lần mê say một đồng chí cùng bị giam tên là Thọ (anh "T") mà ông đã từng xem thủ vai một gái làng chơi trong một buổi diễn kịch trong nhà tù. Điểm lý thú là các vỡ kịch được diễn trong tù này đều là những bản dịch hay phóng tác Việt ngữ của các danh tác Pháp như "Người bệnh tưởng" [*Le malade imaginaire*], "Những trò nghịch ngợm của Scapin" ["*Les fourberies de Scapin*"] và "Lão hà tiện" [*L'Avare*] của Molière, và "Trà hoa nữ" [*La dame aux camélias*] của Alexandre Dumas con. Khi kể về các màn văn nghệ trong tù nhân dịp lễ quốc khánh Pháp năm 1935, Nguyễn Đức Chính đã không quên đem lời trêu chọc Trần Huy Liệu về đối tượng dục cảm đồng tính chung của họ:

Ngoài buổi kịch tây, anh em còn tổ chức một buổi hát cải lương. Diễn tích "Tơ vương đến thác" phỏng theo tiểu thuyết *La dame aux camélias*. Trong đó có một cảnh nhà điếm, chị em với khách chơi ôm nhau nhẩy đầm. Mình mà biết trước rằng Thọ đóng gái điếm thì mình cũng làm một vai công tử cho xong: để được ôm cái người mà năm xưa ai đã đưa thư, lại ai nữa đã nói đùa: "Nếu trong banh [phiên âm tiếng Pháp của chữ "bagne" = trại giam] có vườn hoa, tôi sẽ xin hy sinh mấy ngày hầm ngắt một bông để tặng cô"... (tr. 30).

Điều đáng chú ý là dục cảm đồng tính này đã bị chuyển vị nhiều lần, trước hết là đến một nhà tù trên một cô đảo xa xôi, kế đó là vào một nhục thể cải trang, và sau nữa là đến một ảo vọng về một không gian mơ mộng chỉ hiện hữu trong trí tưởng tượng mà thôi.

Trong các trường hợp cải trang được bàn đến ở trên, dục cảm đồng tính đã bị chuyển vị sang một mô hình phái tính nhị phân tương hỗ [complementary binarism] của dục cảm dị tính [heteroerotic], trong đó vai trò giới tính đối lập được tích xạ [projected] vào một trong hai thành viên có tương quan dục cảm đồng tính, cho dù họ ở cương vị của chủ thể mang dục cảm hay khách thể chịu tác động của dục cảm. Một mô thức khái quát hơn của sự chuyển vị xuyên giới tính [transgendered displacement] của dục cảm đồng tính cũng có thể được nhận diện một cách tương tự qua một thể loại hí lộng [role-playing] và tạo tác/kết định bản thể [identity formation/attribution] không lệ thuộc vào bình diện y phục của sự cải trang. Hãy thử xét đến hiện tượng "tranh vợ" hãi hùng nơi trường lớp thuở ấu thơ mà Tô Hoài đã kể lại trong tập hồi ký *Cát bụi chân ai* (1991):

Nhớ những tình yêu con trai với nhau, ở trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói vỡ tiếng ồ ồ, mặt xùi trứng cá, chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi, đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh vợ đánh nhau lung tung. Có đứa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đũng quần tôi. Nhiều hôm đi học không dám đến sân trường sớm. Phải lần vào trong ngõ Trúc Lạc, nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp (tr. 176).

Trái lại, có một trường hợp lý thú khác đáng lưu ý là sự chuyển vị dục cảm dị tính theo một lối thoát đồng tính, theo lời kể của nhà văn miệt vườn Hồ Trường An (là người đồng tính công khai) trong tập hồi ký *Cõi ký ức trăng xanh* (1991). Một cậu bạn trai thuở thiếu thời tên là Khương Hữu Vi (sau này tập kết ra Bắc và mang quân hàm thượng tá) đã yêu trộm nhớ thầm người chị của Hồ Trường An (là nhà văn nữ Nguyễn Thị Thụy Vũ) nhưng lại trút những dục cảm bị ức chế vào bạn mình:

Trong một lần đi tắm, chỉ có nó và tôi vùng vẫy dưới nước, nó ôm tôi thật chặt, nói như khóc: Mầy giống chị mầy quá! Nó hôn tôi khắp mặt mũi, nước mắt nóng hổi chảy chan hòa khắp mặt tôi. Tôi chạnh lòng xô nhẹ nó ra, bảo: Kỳ thấy mồ hà! Sau đó nó năn nỉ tôi đừng học lại cho chị tôi biết (tr. 23).

Dục cảm đồng tính còn có thể được chuyển vị và do đó được quản chế bằng sự tích xạ mang tính tự luyến [narcissistic projection] của một Bản thể [Self] vào một Vật tha vô thực [disembodied Other]. Từ một dạng tiềm tàng trong bài thơ tự kỷ [solipsistic] "Nói chuyện với bóng" (1925) của Tản Đà (và có lẽ điều ngẫu nhiên trùng hợp là từ lóng tự chỉ hiện hành của giới đồng tính nam tại Việt Nam lại là "bóng", nói tắt cho "bóng lại cái"), khả năng này đã được Xuân Diệu triển khai đến cao độ trong một loạt các bài thơ và văn xuôi than van về tuổi trẻ sớm tàn phai nghe rất nặng tính tự luyến ái dâm [pederastic narciscism]. Thí dụ điển hình sinh động nhất về loại này có lẽ là bài văn xuôi trữ tình "Giã từ tuổi nhỏ" trong tập tạp văn *Trường Ca* (1944), trong đó nhà thơ đắm chìm trong ảo tưởng về một cuộc gặp gỡ ban đêm nặng nề dục cảm với chính tuổi thơ của mình.

Tất nhiên là hiện tượng tự luyến không phải là trường hợp duy nhất khi dục cảm đồng tính được chuyển vị sang những mẩu vụn vô thực mang tính chất mộng mị [oneiric] và ma quái [spectral] của trí tưởng tượng, bất kể đến mối tương quan thăng hoa giữa chúng và hiện thực cuộc sống. Chẳng hạn như người bạn đời của Xuân Diệu là nhà thơ Huy Cận đã kết tinh [crystalize] ký ức về dục cảm đồng tính thuở học trò của mình trong bài thơ "Ngủ chung" trong tập *Lửa thiêng* (1940) bằng cách thăng hoa nó lên một bình diện ma quái đầy dẫy những "cô hồn vạn thuở buồn đơn

chiếc... trốn tránh bơ vơ, chạy ngủ lang". Và trong "đêm dày ướt rượi khí tha ma" khi họ bị đày ải ra ngoài vòng nhân thế thì những hồn ma bị chuyển vị này bâng khuâng nhớ về một quá khứ đã mất hẳn khi những "tấm thân xương" thuở nào của họ đã từng hưởng lạc thú của "ân ái xưa kia kiếp ngủ giường" khi còn có "tay choàng làm gối ấm" trong những "giấc trần gian" với "nệm là hơi thở, da chăn ấm" và "xương cọ vào xương bớt nỗi hàn".

Ta còn có thể tìm được một dẫn chứng còn đáng kinh ngạc hơn thế qua phương thức chuyển vị thành ma quái [spectral displacement] này trong mẩu ký sự của Tô Hoài về những kỷ niệm gặp gỡ đồng tính luyến ái với Xuân Diệu trong rừng thẳm Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-54). Nhưng dục cảm đồng tính xác thịt [corporeal] này lại mạnh đến nỗi không thể hoàn toàn chuyển vị và quản chế theo phạm trù ảo giác ma quái [spectral hallucination]. Và điều lý thú đáng lưu ý là mẩu chuyện này, trích từ tập hồi ký *Cát bụi chân ai* (1991) của Tô Hoài, cũng như di cảo hồi ký trong tù của Trần Huy Liệu, chỉ có thể được công bố trong hoàn cảnh tư duy cởi mở hơn của những năm "Đổi Mới" gần đây, và sau khi một số các nhân vật trong chuyện đã từ trần ít lâu (chẳng hạn như Xuân Diệu đã mất từ năm 1985). Một số chi tiết táo tợn (gần như là mang tính khiêu dâm) của mẩu ký sự rất đỗi bộc trực này thực đáng được trích dẫn dài đoạn ở đây:

Giọt gianh lách tách mái nứa gọi đêm về ma quái, rùng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần, xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ấm lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai, hai cơ thể con người quằn quại, quấn quít, cánh tay, cặp đùi thừng chão trói nhau lại, thít lại, dằng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, dữ dội lên, dằn ngửa cái xác thịt kia.

Rồi như chiêm bao, tôi ngã ra, thống khoái. Im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dịu dàng trong mình. Giữa lúc ấy, hai bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thở nóng như than bò vào mắt, xuống vú, xuống rốn, xuống bẹn... Cơn sướng lại cồn lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau. Rồi bàn tay dịu dàng lại vuốt lên mặt. Lần này thì tôi lử lả, tôi nhuôi ra rên ư ử, như con điếm mê tơi không nhớ nổi người thứ mấy, thứ mấy nữa.

Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trơ ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh

đồng giữa mưa.

Nhưng đêm mai lại vào cuộc kịch liệt hơn. Trong đêm quái quỉ lại thấy mình không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới thấy rởn rợn (tr. 117-118).

Một hình thức khác cũng đáng lưu ý là sự chuyển vị theo chủng tộc [racial displacement]. Vì hoàn cảnh ly kỳ của chế độ thực dân, sự chuyển vị dục cảm đồng tính sang những nhục thể dị chủng lại được diễn tiến chủ yếu là trên bình diện tác nhân bị hoán đảo [reversed agency] thay vì đối tượng khách thể được chọn lựa [object choice]. Trái với những dẫn chứng cập nhật hơn, các biểu tượng từ và về thời Pháp thuộc hầu như không bao giờ đặt người Việt bản xứ trong cương vị của chủ thể mang dục cảm mà chỉ là đối tượng khách thể được các chủ nhân ông dị chủng chọn lựa. Thực quả là như vậy, không chỉ trong trường hợp dân Tây chơi bao "nhà thổ đực" Việt Nam được nhắc qua trong tập phóng sự bốn phần về *Hà Nội lầm than* (1940) của Trọng Lang, nhưng còn trắng trợn hơn nữa trong các trường hợp cưỡng dâm, dù là một tên cai Tây say rượu hiếp dâm một phu kéo xe người Việt được Tô Hoài kể lại trong tập ký sự *Chuyện cũ Hà Nội* (1986), hay những tên lính lê dương "rạch mặt" đi càn quét trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp khi chúng sẵn sàng cưỡng hiếp bất cứ ai hay vật gì: "đàn ông, đàn bà, bà già, con nít, tuốt tuột...," và thậm chí khi đã hết cả người và bò cái để đem ra làm "nhà thổ bò" thì chúng còn "xoay ra hiếp cả chó, cả gà vịt, và cả những cây chuối nữa" (tr. 41-42, 49), như Trọng Lang đã kể lại trong tập phóng sự khác, với nhan đề *Những người điên thời đại* (1964)!

Quả thực vậy, chuyện dục cảm biến dị được chuyển vị sang thú vật và vật thể không phải là lạ thường, và trong trường hợp dục cảm đồng tính thì phương thức chuyển vị này có thể xảy ra theo dạng *Giản yếu Hán Việt tự điển* (1931), soạn giả Đào Duy Anh đã nhấn mạnh một cách sinh động nghĩa thú vật [bestial cognate] của từ "kê gian" mà ông ta chú giải là: "Con trai với con trai, hoặc với con gái gian dâm nhau nơi lỗ đít như gà, thói ấy rất lưu hành ở các nước văn minh." Trong một phụ chú có đánh ngoặc ở cuối mục, ông ta còn đưa ra ngữ nghĩa tương đương bằng tiếng Pháp là "sodomie" (I:470). Dĩ nhiên, "kê gian" (hay "jijian") theo cách phát âm Quan thoại) có nghĩa cụ thể là "gian dâm như gà" và đã lưu hành từ rất lâu (có lẽ từ đời Đường bên Trung Quốc (Hinsch, tr. 88-89) là từ cổ nói chung để chỉ sự "giao hợp nơi hậu môn" (không kể một biến nghĩa, được lưu hành rộng rãi hơn ở phương Tây, là "thú dâm"), là đặc thù chủ yếu, nhưng không tuyệt đối, của hành vi đồng tính luyến ái. Lời chú giải của Đào Duy Anh quả là một thí dụ độc nhất vô nhị trong toàn bộ thư tịch từ điển Việt Nam về chữ này, không chỉ lý thú vì ưu tiên đưa đồng tính luyến ái lên hàng đầu

của định nghĩa, cũng không vì sự chuyển vị nhàm chán của dục cảm đồng tính này sang một hiện tượng tương đồng trong thiên nhiên dựa trên hành vi tính giao của gà vịt, nhưng vì câu phụ chú có vẻ hơi thừa được gán ghép vào cuối lời chú giải như là một suy nghĩ rơi vãi: "thói ấy rất lưu hành ở các nước văn minh". Và kết quả là động lực toàn thể của dục cảm và hành vi đồng tính hiển hiện trong từ Hán Việt "kê gian" ở đây (khác với tiền thân chữ Hán của nó là "jijian") đã được chuyển vị ra khỏi bối cảnh xã hội và văn hóa Việt Nam.

Tương tự như vậy, sự chuyển vị của dục cảm đồng tính có thể được chuyển đạt một cách trừu tượng hơn qua dạng tượng trưng hay biến thể thành thú vật của nhục thể biến dị. Nhà thơ Xuân Diệu đã từng mượn lời "con chim đến từ núi lạ" đem tâm tình dễ bị ngộ nhận và hắt hủi của mình hót tặng các chàng trai và cô gái trong bài thơ "Lời thơ vào tập *Gửi hương [cho gió]*" (1944). Trong một dịp khác, Xuân Diệu còn chiếm hữu lấy nhục thể và ngôn từ của những con vật cùng khốn như bọn "Chó mèo hoang" trong tập truyện ngắn *Phấn thông vàng* (1939) để làm xuất phát điểm cho một lời kêu cầu khẩn thiết đòi công lý cho những người mang tính dục biến dị như ông ta khi họ vẫn khó tìm được sự yên ổn và an ủi lẫn nhau cho dù đã phải chui rúc lại như những con vật bị khai trừ ra khỏi không gian xã hội quy phạm của nhân sinh:

Trong đôi giờ, chúng được quên rằng chúng là "hoang". Cả năm sáu con ngửi lông nhau, liếm mặt nhau. Một con theo đuôi một con, khác chi một người theo chân một người để xin tình ái. Chúng đứng hai con với nhau; sau khi đã mơn lẫn nhau rồi, hai bên ngó ngẩn hai đường, mỗi đằng một ý riêng...

Họ không kể đến xã hội loài người; còn giữa bọn họ với nhau, thì họ không biết mắc cỡ. Họ rất tự nhiên. Bởi thế mới bị người ta đến quăng đá, ném đất cho, khuấy phá, làm rầy, phạm vào tự do của họ. Bảo họ vào giữa sa mạc mà yêu nhau hay sao? (tr. 104-105).

Như chúng tôi hy vọng đã có thể minh họa được ra ở trên, cho dù còn rất sơ sài, hiện tượng chuyển vị là một mô thức thường tái diễn và được dùng một cách hữu hiệu để quản chế (contain) tiềm năng kháng phá [subversive potential] của dục cảm đồng tính trong văn chương Việt Nam. Mô thức này có vẻ hữu hiệu, không chỉ cho thời Pháp thuộc được xét đến trong khuôn khổ của bài chuyên luận này, nhưng còn suốt trong một khoảng thời gian bao quát hơn, ít ra là từ thế kỷ 17 cho đến ngày nay, theo ước lượng sơ bộ của chúng tôi. Động lực kháng phá của dục cảm đồng tính trong một phạm trù kinh tế tình dục [libidinal economy] của sự quy phạm dị tính [heterosexist normativity] dựa trên một hệ hình giới tính nhị phân

được quản chế một cách hữu hiệu qua sự tán xạ của biểu tượng [representational diffusion] đến những phạm trù "sai vị trí" của sự mập mờ về không gian và thời gian [spatial and temporal liminality], sự vô năng của ngôn ngữ [linguistic incapicity], sự so le của ký tự [semiotic disparity], và sự bất đồng của văn hóa [cultural incongruity], nói cách khác, là đến những không gian ngữ thoại bị chuyển vị của sự biên thiểu [marginality], nói cách khác, là đến những không gian ngữ thoại bị chuyển vị của sự biên thiểu [margimality], thinh lặng [silence], hoang mang [confusion], và Dị biệt [Otherness]. Nhưng chính những động thái chuyển vị này khi hoạt động trên nhiều bình diện và qua nhiều phương thức khác nhau đã đem lại điều kiện khả thi để minh thị, và có lẽ còn quan trọng hơn là để tái lập và tái minh thị, những trường hợp hiện hữu của dục cảm đồng tính mà lẽ ra sẽ không có chỗ đứng trong không gian ngữ thoại của hệ hình biểu tượng giới tính quy phạm. Qua khái niệm chuyển vị theo dạng tương quan [relational] và phi kết tinh [non-essentializing], chúng tôi hy vọng là đã triển khai được một sách lược đọc văn bản [strategy of reading] có khả năng giao tiếp [engage] với những không gian của sự vắng mặt [spaces of absence] và khoảnh khắc của sự thinh lặng [moments of silence] như là những cứ điểm có tầm chiến lược [strategic sites], những cứ điểm bị chuyển vị, trong một không gian ngữ thoại được định vị theo văn bản [textually-mapped discursive space]. Qua việc khảo sát các hiện trạng và động thái thay vì thực tại đơn thuần của sự chuyển vị dục cảm, có lẽ ta vẫn có thể đạt đến những tri thức tích cực, không hẳn phải là những chứng cứ mang tính chất tài liệu [documentary evidence] cho sự hiện hữu hay sự thiếu vắng hay thậm chí sự bất khả tưởng định [inconceivability] của hành vi tính dục trên thực tế, nhưng là các khả năng biểu tượng [representational possibilities] có thể tham gia vào những định hình tiềm tàng ý nghĩa [potentially meaningful configurations] trong hệ biểu tượng giới tính và văn hóa [sexual and social symbolic]. Tương tự như vậy, bằng cách đặt tụ điểm [focus] vào nhục thể biến dị trong trường hợp này như là cứ điểm [site] cho việc minh thị dục cảm đồng tính bị chuyển vị, chúng tôi hy vọng đã tìm ra được một xuất phát điểm hữu dụng để thâm nhập vào dự án lớn lao hơn đó là công cuộc thám sát tư chất và vị trí của dục cảm đồng tính trong văn chương và văn hóa Việt Nam, đồng thời định vị dục cảm này trong một cuộc đối thoại bổ ích với một mặt là Đông phương học và mặt khác là Đồng tính học.

Chúng tôi đã mở đầu bài chuyên khảo bằng cách trích dẫn những câu đầu của bài thơ "Tình trai" của Xuân Diệu để làm nổi bật sự chuyển vị dục cảm đồng tính sang phạm trù Dị biệt xã hội và văn hóa [social and cultural Otherness]. Và sau khi đã thám sát một loạt các dẫn chứng đa dạng về các

động thái này, có lẽ đây cũng là dịp thích đáng sau khi đi hết một vòng để chúng tôi kết thúc bài chuyên khảo với những câu kết bất hủ của chính bài thơ này. Nếu như hai nhà thơ Pháp "Rimbaud và Verlaine" đã được tưởng niệm và ca ngợi vì họ đã "khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen" để đón nhận một quan hệ đồng tính đối kháng với khuôn sáo quy phạm trong đời sống xã hội và tình dục của nhân gian [normative human socio-libidinal existence], thì ly kỳ thay, họ đã khích lệ cho một sự minh thị hùng hồn, tuy rằng vẫn bị chuyển vị, cho dục cảm đồng tính trong văn chương Việt Nam hiện đại.

Những bước chân đi xéo dặm trường,
đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
họ đi tay yếu trong tay mạnh,
nghe hát ân tình giữa gió sương.

Kể chi chuyện trước với ngày sau,
quên ngó môi son với áo màu,
thây kệ thiên đường hay địa ngục,
không hề mặc cả họ yêu nhau.

NGUYỄN QUỐC VINH

Thư Mục Tham Khảo

— Đào Duy Anh. *Giản yếu Hán Việt từ điển*. [1931]. Paris: Minh Tân, 1951.

— Bret Hinsch. *Passions of the cut sleeve: the male homosexual tradition in China*. Berkeley, CA: UC Press, 1990.

- Hồ Trường An. *Cõi ký ức trăng xanh* (tạp văn). Toronto: Làng Văn, 1991.

— Huy Cận. *Lửa thiêng*. [1940]. Saigon: Hoa Tiên, 1967.

— Khái Hưng. *Hồn bướm mơ tiên*. [1932]. Saigon: Đời nay, 1962.

— Nguyễn Đức Chính. *Thư Côn Lôn*. Saigon: Nguyễn Đức Kính, 1937.

— Nguyễn Quốc Vinh. "Tình trai Xuân Diệu: Nhớ về một buổi nói chuyện với nhà văn Tô Hoài". San José, CA: *Đối Diện* 3:18-26 (1995). Bản dịch Anh ngữ trong New Haven, CT: *The Vietnam Forum* 16:259-288

(1997).

— Nguyễn Thị Thụy Vũ. *Khung rêu*. Saigon: Kẻ Sĩ, 1969.

— Quách Tấn. *Đôi nét về Hàn Mặc Tử*. [1962]. Paris: Quê Mẹ, 1988.

— Tản Đà. *Tuyển tập Tản Đà*. Hà Nội: Văn Học, 1986.

— Tô Hoài. *Chuyện cũ Hà Nội*. Hà Nội: Hà Nội, 1986.

— Tô Hoài. *Cát bụi chân ai* (hồi ký). Hà Nội: Hội nhà văn, 1991.

— Tôn Thất Bình. *Đời sống cung đình triều Nguyễn*. Huế: Thuận Hóa, 1991.

— Trọng Lang. *Hà Nội lầm than* (phóng sự). [1940]. Los Alamitos, CA: Xuân Thu, 1990.

— Trọng Lang. *Vợ lẽ nàng hầu* (phóng sự). [1943]. Hà Nội: Tự Do, 1950.

— Trọng Lang. *Những người điên thời đại* (phóng sự). Saigon: Xây Dựng, 1964.

— Viện Sử Học. *Hồi ký Trần Huy Liệu*. Phạm Như Thơm sưu tầm, tuyển chọn và chỉnh lý. Hà Nội: Khoa học xã hội, 1991.

— Xuân Diệu. *Thơ Thơ*. [1938]. Saigon: Hoa Tiên, 1968.

— Xuân Diệu. *Phấn thông vàng*. [1939]. Saigon: Ngày Nay, 1968.

— Xuân Diệu. *Gửi hương cho gió*. [1944]. Saigon: Hoa Tiên, 1968.

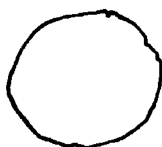
— Xuân Diệu. *Trường Ca*. [1944]. Saigon: Hoa Tiên, 1968.

— Peter Zinoman. "Beyond the Revolutionary Prison Memoir." New Haven, CT: *The Vietnam Review* 1:256-272 (1996)



NGUYỄN NAM GIAO

MUÔN SỰ TẠI TRỜI



Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân,
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.



Tư tưởng đ nh mệnh được diễn đạt trong bốn câu thơ trên là tư tưởng cơ bản của chuyện Kiều. Nhưng không phải chỉ có Nguyễn Du mới nói đến định mệnh. Thật ra, theo các nhà bình luận, Nguyễn Du chịu ảnh hưởng Nho giáo (Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên - Chết sống do số mệnh, giàu sang tại trời) và ảnh hưởng của thuyết luân hồi, nhân quả Phật giáo. Tư tưởng định mệnh còn bàng bạc trong triết học Tây phương vào thời Thượng cổ, đặc biệt ở nhóm Khắc kỷ (Stoicism) khi họ khẳng định rằng: có một cái Lý phổ quát - hay định mệnh - chi phối toàn thể vạn vật. Trong các "khoa học huyền bí" (chiêm tinh học, nhân tướng học, khoa địa lý, thuật xem tướng tay vv.), ý niệm định mệnh hay số mệnh hay số - là định đề cơ bản. Chúng ta cũng thường hay viện dẫn tư tưởng định mệnh để giải thích mọi sự việc: tình yêu nam nữ là do duyên số, nỗi khổ của người nầy do kiếp trước "vụng tu", nỗi may mắn của người kia vì người đó "khéo tu" hay "tu ba đời bảy kiếp". Trong "Nỗi buồn chiến tranh", Bảo-Ninh để cho Kiên, nhân vật chính - một người sống giữa thời kỳ khoa học và được đào tạo trong một xã hội chối bỏ mọi chiều hướng tôn giáo và thần bí, dùng định mệnh như lời giải thích cho tất cả những biến cố của đời mình: "Ngấm ngầm anh tin là mình tồn tại ở đời nầy với một thiên mệnh vô danh, thiêng liêng và cao cả, song tuyệt đối bí ẩn. Chính bởi thiên mệnh ấy mà anh có

một tuổi thơ như thế, một tuổi hoa niên, một thời chiến tranh như thế, và tóm lại một cuộc sống như đã sống bốn mươi năm qua với những đau khổ và hạnh phúc như thế. Cũng vì mang trong đời một định mệnh huyền cơ nào đấy nên anh mới có thể sống sót qua chiến tranh với những hoàn cảnh mà bình thường ra không thể có cơ hội thoát chết." (trg. 71) Vì phổ biến ở phương Đông và phương Tây, trong mọi tôn giáo, nơi giới trí thức cũng như giới bình dân, do đó ta dễ có khuynh hướng xem tư tưởng định mệnh là một thứ chân lý không thể chối cãi được. Tuy nhiên, tính phổ quát không nhất thiết chỉ định chân lý: có những sai lầm mà Đông và Tây đều mắc phải, chẳng hạn như người xưa đã tin rằng vạn vật được cấu tạo từ một số ít nguyên tố: đất, nước, không khí, lửa. Vì vậy, ta có thể đặt lại vấn đề giá trị chân lý của tư tưởng định mệnh. Trước khi tìm hiểu vấn đề nầy, thiết tưởng ta cũng nên trả lời câu hỏi: thế nào là định mệnh ?

Tư tưởng định mệnh bao hàm ý niệm tất định siêu nhiên. Cũng như nguyên lý tất định của khoa học, tư tưởng định mệnh nhìn nhận rằng không có gì xảy ra trong vũ trụ, ngay cả biến cố được xem là ngẫu nhiên, mà không có nguyên nhân. Chỉ khác nhau ở chỗ: trong định mệnh nguyên nhân không phải là một hiện tượng thiên nhiên mà là định mệnh. Nguyễn Du đã diễn đạt ý niệm đó trong các câu: "Ngẫm hay muôn sự tại trời" và "Rủi may âu cũng sự trời". Những cảnh sang hèn, giàu nghèo, họa phúc đều có nguyên nhân, đều tuân theo một qui luật. Nói cách khác, tất cả những gì hiện hữu đều thể hiện một trật tự. Cái hỗn loạn, cái vô-trật-tự mà ta nhìn thấy khi xét về đời người và người đời theo quan điểm đạo đức hay xã hội chỉ là một hình thái của thứ trật tự đó, vì chúng đều lệ thuộc vào một qui luật: định mệnh. Nhưng qui luật của định mệnh không phải là một thứ qui luật của thiên nhiên. Định mệnh thuộc về phạm vi siêu nhiên; định mệnh là đối tượng của niềm tin và không phải là đối tượng của một loại nghiên cứu khoa học. Tính chất siêu nhiên của định mệnh được nhận thấy rõ qua sự kiện: nhân và quả thuộc về hai loại thời gian khác nhau. Quả xảy ra trong thời gian mà con người cảm nghiệm được, còn nhân thì lại thuộc về quá khứ của kiếp trước, một loại thời gian vượt ra khỏi giới hạn của thân phận con người. Ta không có khả năng cảm nghiệm thời gian của kiếp trước mà chỉ có thể quan niệm bằng trí tuệ. Người tin định mệnh xem định mệnh là nguyên nhân đích thực của mọi sự việc. Không ai phủ nhận sự liên hệ giữa cảm xúc và cái tính nhạy cảm của Kiều trước mộ Đạm Tiên, cũng không ai chối cãi được là nỗi khốn khổ của Kiều đã bắt nguồn từ một lời vu oan giá họa. Nhưng tư tưởng định mệnh cho rằng hành động của thằng bán tơ cũng như cảm-xúc-tính nơi Kiều, cái tính "dư nước mắt" khóc cho thân phận người khác, chỉ là nguyên nhân gần, nguyên nhân phụ. Còn nguyên

nhân chính chi phối cuộc đời Kiều lại thuộc về một qui luật khác: qui luật bạc mệnh, qui luật tài mệnh tương đố, nói tắt là định mệnh:

Rằng: Hồng nhan tự thủa xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.

Ngoài khía cạnh siêu nhiên, sự tất định (hay tất yếu) trong khái niệm "định mệnh" còn phải được hiểu như một sự tiền định. Theo thuyết định mệnh cả nhân lẫn quả đều được qui định ngay lúc con người chưa có mặt trên cuộc đời nầy. Nguyễn Du đã tin như vậy khi để Kiều mộng thấy Đạm Tiên. Trong giấc mộng Kiều được biết là cuộc đời mình sẽ long đong vì tên Kiều đã ghi trong sổ đoạn trường:

Vâng trình hội chủ xem tường,
Mà xem trong sổ Đoạn trường có tên,
Âu đành quả kiếp nhân duyên,
Cũng người một hội một thuyền đâu xa!

Trình bày khái niệm karma (nghiệp) của Ấn độ giáo, giáo sư Radhakrishnan nhắc tới khía cạnh tiền định gắn liền với tư tưởng định mệnh: "Chúng ta không tránh được hậu quả việc chúng ta làm. Quá khứ thực sự tạo ra hiện tại và tương lai. Qui luật nghiệp báo là nguyên lý thực hiện sự công bằng trong các quan hệ ở đời. Nếu không tin vào qui luật đó ta sẽ cảm thấy mình là nạn nhân của một sự bất công cực kỳ lớn lao." (Indian Philosophy). Trong viễn tượng đó, cả cuộc đời của Kiều chỉ là sự triển khai một dự phóng đã có sẵn; hiện tại và tương lai không mang lại bất cứ một điều mới lạ và bất ngờ nào. Ta có thể nói: với tư tưởng định mệnh, hiện tại và tương lai chỉ là những hình ảnh của quá khứ, những hình ảnh trung thực và bất biến. Tư tưởng định mệnh mâu thuẫn với ý niệm lịch-sử-tính (historicity) của khoa học và triết lý hiện đại.

Ta không thể xác định tư tưởng định mệnh nếu không nói đến tất định và tiền định. Một yếu tố khác cũng không kém phần quan trọng là sự liên hệ với tự do con người. Định mệnh chỉ hiện diện khi ý chí không đủ khả năng thay đổi cuộc đời của ta mà thôi. Để chứng minh quan niệm định mệnh và thuyết tài mệnh tương đố, Nguyễn Du đã dựng nên một nhân vật lý tưởng, một Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn. Lẽ ra, với cái vốn "thông minh vốn sẵn tính trời", Kiều đủ khả năng tạo cho mình một cuộc sống, ít ra, là bình thường; nhưng Nguyễn Du đã bắt Kiều phải sống cuộc sống gian truân và nhục nhã, để chứng minh tư tưởng "hồng nhan bạc mệnh", sự mâu

thuẫn giữa tài và mệnh:

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!

Bao nhiêu lần Kiều tự kết liễu đời mình, nàng đều được cứu sống: một khi nhân quả còn dở dang, Kiều làm sao trốn khỏi nợ đoạn trường:

Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dầu muốn quyết trời nào đã cho!

Vừa thông minh lại có thêm kinh nghiệm với hạng người như Sở Khanh, Tú Bà, tại sao Kiều không thấy rằng "Bạc bà học với Tú bà đồng môn" để phải chịu cảnh "thanh lâu hai lượt thanh y hai lần"? Chỉ vì Nguyễn Du muốn thêm một lần nữa chứng minh quyền lực siêu việt của định mệnh:

Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!

Dù có vùng vẫy, có cố sức tránh né định mệnh, ta vẫn không thoát khỏi số phận mà định mệnh đã dành cho ta. Ý tưởng nầy được nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine nhấn mạnh: "On rencontre sa destin'e, Souvent par des chemins qu'on prend pour l''viter" (Chúng ta thường gặp phải đ nh mệnh trên những con đường chúng ta đi để tránh né định mệnh."Horoscope")

Tin vào định mệnh có nghĩa là tin rằng sự sống của con người bắt buộc phải chịu sức chi phối của một quyền lực siêu nhiên, một thứ quyền lực không kháng cự lại được. Như trên đã nói, niềm tin về định mệnh không phải là của một tầng lớp xã hội, một tôn giáo, hay một nền văn hóa riêng biệt nào. Ngoài ra, niềm tin về định mệnh có tác dụng lớn lao đến thái độ của con người trước cuộc đời. Vì vậy, ở đây chúng ta nên nêu ra vấn đề giá trị chân lý của tư tưởng định mệnh. Tư tưởng đó có giá trị ra sao về mặt nhận thức? Để trả lời câu hỏi trên, thiết tưởng ta nên tìm hiểu trong những điều kiện nào tư tưởng định mệnh xuất hiện trước ý thức con người.

Trước tiên là sự nhận thức tính tất yếu của thiên nhiên. Nhân loại không chờ đợi có khoa học mới nhận biết là có một liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng. Hiện tượng nầy là nguyên nhân (hay điều kiện hiện hữu), hiện tượng kia là hậu quả, và khi nguyên nhân có mặt, hậu quả cũng có mặt theo. Muốn có nước sôi (hậu quả) thì phải đun nước (điều kiện); có

mài sắt (điều kiện) thì mới có ngày nên kim (hậu quả). Nhân quả giữa các hiện tượng là một thứ liên hệ không thay đổi: đã có nguyên nhân tất có hậu quả (nước phải sôi khi bị lửa tác động). Tính tất yếu (hay tất định) là cơ sở của hoạt động kỹ thuật. Hoạt động kỹ thuật đơn giản hay phức tạp tùy theo trình độ phát triển của xã hội về mặt tri thức. Tuy nhiên, dù đơn giản đến đâu, kỹ thuật vẫn phải dựa vào nhận thức tính tất yếu của thiên nhiên. Ca dao cho thấy người nông dân nhận thức rõ ràng điều kiện cần và đủ của sự thành công trong sinh hoạt hàng ngày. Họ biết: muốn lúa tốt phải có đủ bốn điều kiện "nước, phân, cần , giống" và tầm quan trọng của từng điều kiện một ("Phân tro không bằng no nước; không nước không phân, chuyên cần vô ích"). Trong lãnh vực chăn nuôi, nhận thức sự tất yếu cũng là một điều kiện của thành công: "Lợn đói một năm không bằng tằm đói một bữa" và "Thưa ao tốt cá; thưa con lớn trứng".

Tâm lý người đời cũng có tính tất định: " Trâu buộc ghét trâu ăn; yêu nên tốt ghét nên xấu". Hoàn cảnh xã hội cũng vậy: "Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quát lá đa".

Sinh hoạt thông thường cũng như hoạt động thực tiễn dựa trên nhận thức tính tất yếu của thiên nhiên và của xã hội. Từ nhận thức đó, ta dễ có khuynh hướng xem tất cả những việc xảy ra trong đời xoay quanh luật nhân quả. Mọi sự việc, mọi biến cố được coi là hậu quả mà nguyên nhân là những việc, những biến cố xảy ra trong quá khứ. Ý thức sự liên hệ chặt chẽ giữa các sự việc là một yếu tố thuận lợi cho tư tưởng định mệnh xuất hiện nơi con người.

Tư tưởng định mệnh còn có thể bắt nguồn từ một thứ qui luật tâm lý theo đó, con người tự tạo ra những ảo tưởng để tránh đau khổ và tránh những trạng thái xao xuyến. Khi thất vọng, ta thường tự an ủi bằng thứ lý luận của con chó sói trong bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine: "Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu". Loại lý luận đó chính là thứ ảo tưởng cần thiết để ta tránh né nỗi khổ vì đã không có được điều mình mong muốn. Khoa tâm lý học cũng cho biết có nhiều loại ảo tưởng khác nhau có tác dụng như nhau mà tư tưởng định mệnh là một. Bị thất bại trong việc học hay trong việc làm ăn thì tôi đã đau khổ rồi; nỗi đau khổ của tôi sẽ to lớn và nặng nề hơn nếu tôi nghĩ rằng vì lỗi tôi đã lười biếng hay vì lỗi tôi đã không chịu suy nghĩ, đắn đo cặn kẽ. Tin rằng tôi là nạn nhân của một thứ quyền lực khắc nghiệt và cho dù cố gắng đến đâu thì tôi vẫn thất bại, tôi sẽ cảm thấy được an ủi. Tự ái được xoa dịu và nỗi khổ vơi đi. Khi ý thức ta bị huyễn hoặc đến độ tin rằng thứ quyền lực đó không phải là một loại ảo tưởng do ý thức tạo ra mà đích thị là một thực tại khách quan, chính lúc đó tư tưởng định mệnh thành hình và ngự trị trong ta. Khi lầm tưởng Kiều đã

chết cháy trong vụ hỏa hoạn, Thúc-sinh tự an ủi mình bằng ý nghĩ là số mệnh buộc hai người phải xa nhau:

Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.

Người bình dân thường gởi gắm niềm tin vào thuyết định mệnh nhất là khi chính những bậc thức giả (tu sĩ, kẻ có học) giảng dạy và phổ biến học thuyết nầy. Họ không mảy may nghi ngờ có một liên hệ giữa tư tưởng của lớp người hướng dẫn tinh thần dân chúng với hoàn cảnh xã hội và với những kẻ có quyền lực trong lãnh vực chính trị, kinh tế. Có thể chính bản thân lớp người có học cũng không ý thức được là tư tuởng mình có liên hệ mật thiết với vị trí của họ trong xã hội đồng thời liên hệ mật thiết với giai cấp thống trị. Khoa học hiện đại đã chứng minh rằng tư tưởng, đặc biệt loại tư tưởng có liên quan đến thân phận con người, không bao giờ độc lập với các điều kiện xã hội cụ thể, nghĩa là không trung lập. Trong các chế độ quân chủ chuyên chế Đông phương cũng như Tây phương, quyền bính của nhà vua được giới trí thức và các nhà đại diện tôn giáo chứng minh là do những quyền lực siêu nhiên thiết lập. Ngay chính con người của nhà vua cũng mang bản tính thiêng liêng, khác hẳn bản tính phàm tục của người dân. Bossuet, vị giám mục lừng danh thời vua Louis XIV ở Pháp, đã viết: "Chúa để các vị vua thay thế Ngài ở trần gian nầy và ngự trị trên mọi dân tộc... Vì vậy, ngôi vua không là ngôi vua mà là ngôi của Chúa; bản thân vua là thần thánh và giết vua là xúc phạm đến Chúa."

Khi đã tin thuyết định mệnh do các nhà tư tưởng giảng dạy, chúng ta dễ dàng giải thích những bất công, những nỗi khổ mà ta gánh chịu trong cuộc sống, đồng thời không bao giờ dám nghĩ ngược lại: nỗi khổ, nỗi bất công thường bắt nguồn từ một trật tự xã hội phi nhân dựng nên bởi những kẻ nắm quyền hành trong các lãnh vực kinh tế và chính trị. Vì có tác dụng " tốt đẹp" như thế cho nên kẻ thống trị thời xưa luôn luôn khuyến khích phổ biến tư tưởng định mệnh. Nỗi khổ của Kiều xuất phát từ hành động của hạng người "bạc ác tinh ma", nhưng Nguyễn Du đã giảm nhẹ tính chất phi nhân của xã hội thời phong kiến khi ông nêu lên thuyết bạc mệnh, thuyết tài mệnh tương đố:

Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân,
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sĩ nhục một lần mới thôi.

Nhờ tư tưởng định mệnh, "những kẻ gây ra tội ác có thể bình chân như vại, ít ra là ở trần thế nầy và nạn nhân thì cố mà cam tâm chịu để cho kiếp sau đến giải thoát. Thật là nhất cử lưỡng tiện. Giai cấp thống trị có thể yên tâm vì đã tìm thấy ở đó một đồng minh lợi hại...; đạo Nho trải qua mấy ngàn năm lịch sử nước ta bao giờ cũng được giai cấp thống trị phong kiến đề cao và truyền bá là như thế." (Lê đình Ky, Hiểu đúng đắn truyện Kiều, nxb Đồng Tháp, 1986, trg. 20) Về mặt khách quan, tư tưởng định mệnh phục vụ quyền lợi kẻ thống trị: thực chất của tư tưởng định mệnh là một ý-thức-hệ.

Được xây dựng và phổ biến qua những thời đại, những xã hội bị hạn chế về mặt tri thức và còn bị áp lực nặng nề của thiên nhiên, của những quyền lực chính trị, xã hội..., ý niệm "định mệnh" không dựa vào hiện thực cũng như không có cơ sở thuần lý, vì vậy không đáng cho ta thừa nhận.

Nếu luận chứng trên chưa đủ mạnh để ta từ bỏ ý niệm "định mệnh" thì khi quan sát sự tiến hóa, ta sẽ tìm thấy nhiều lý do khác nữa.

Như đã nói, quan niệm định mệnh phủ nhận khả năng của con người trong việc thay đổi thân phận của mình. Do định mệnh,

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.

Trong thực tế, có nhiều sự việc người xưa xem là do định mệnh an bài như bệnh tật, tai nạn, những thể chế xã hội, hoàn cảnh sống của mỗi người vv. Thời nay, với khoa học và kỹ thuật, gần như tất cả đều thay đổi được. Tri thức khoa học giúp cho con người ngăn chận và diệt trừ nhiều chứng bệnh ngặt nghèo. Cũng nhờ vào khoa học, ngày nay nhân loại có khả năng tác động trên thiên nhiên, tạo mưa, nắng, tuyết, điều hòa được cả không khí. Ngoài ra, nhân loại còn làm phát sinh những vật sống hoàn toàn mới lạ. Trong lãnh vực xã hội, với những công cuộc cải tổ tiệm tiến hoặc những cuộc cách mạng lớn chẳng hạn như Cách mạng Pháp 1789, các thể chế và các hoàn cảnh sống không còn là bất di bất dịch nữa, do đó không còn biểu hiện một thứ trật tự cố định được thiết lập từ một tiền kiếp xa xôi.

Cây khô xuống nước cũng khô,
Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo.

Trời sao trời ở chẳng cân,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.

Những câu nói trên không còn đúng trong thời đại ngày nay. Thật

vậy, nhân loại đã thay đổi nhiều thể chế xã hội, chính trị, đôi lúc toàn diện và triệt để. Sự thay đổi thể hiện qua:

- một ý thức ngày càng sâu sắc và sự tôn trọng nhân quyền, đặc biệt là ý thức về sự bình đẳng giữa mọi dân tộc, mọi cá nhân, giữa người nam và người nữ.

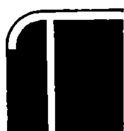
- một sự lưu động xã hội. Trên nguyên tắc và trong một chừng mực nào đó, ai cũng có thể tạo cho mình một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại. Người nghèo không còn là "người đi đến nơi mô cũng nghèo". Thời xưa, người kém may mắn không có điều kiện thoát khỏi số phận của mình; ngày nay, mọi người đều có khả năng thăng tiến.

- một ý thức và một thực hành dân chủ: xã hội được tổ chức và hoạt động vì lợi ích chung của mọi người chứ không còn vì lợi ích của một cá nhân, một gia đình hay một tập thể nào, do đó không còn có cảnh "kẻ ăn không hết, người lần không ra".(Nói vậy không có nghĩa là tất cả những sự thay đổi đều được thực hiện ở mức độ bằng nhau nhưng xã hội nào cũng có khả năng thay đổi.)

Nói tóm lại, nhân loại đã thực hiện những tiến bộ lớn lao không những về mặt tri thức mà còn cả về mặt xã hội và đạo đức, với sự thiết lập những thể chế phù hợp tinh thần khoa học, tinh thần dân chủ và ý thức về nhân quyền. Sự tiến hóa đó phù hợp với những đòi hỏi của lý trí lý thuyết và thực tiễn. Sự tiến bộ thực hiện trong nhiều phạm vi buộc ta phải công nhận rằng con người tạo nên lịch sử bằng trí thông minh, ý chí và tự do của mình. Lịch sử là sự bác bỏ cụ thể và quyết liệt tư tưởng định mệnh.

KẾT LUẬN

Tư tưởng định mệnh có giá trị tâm lý không thể chối cãi được. Nhờ tin vào định mệnh, người xưa cam chịu thân phận khốn khổ đồng thời tự tạo cho mình một năng hướng thường được xem và ca ngợi như một đức hạnh: đó là tính nhẫn nhục. Về mặt nhận thức, định mệnh là một loại tư tưởng không thích đáng. Nỗi đoạn trường của Kiều sở dĩ thành hình do lời vu oan của thằng bán tơ, do thói "phong tình đã quen" của Mã Giám Sinh, do sự ghen tuông quá đáng của Hoạn-Thư và, xét sâu xa hơn chút nữa, là do chế độ xã hội đã sinh sản, dung dưỡng những hạng người đó và đã không đủ sức bảo vệ một người vô tội như Vương Ông. Nói cách khác, nỗi khổ của Kiều gắn liền với những điều kiện xã hội, lịch sử nhất định. Đó là điều mà tư tưởng định mệnh đã hoàn toàn bỏ qua. Về mặt đạo đức và xã hội, định mệnh là loại tư tưởng tiêu cực và là một chướng ngại lớn: nó đánh lạc ý hướng của con người trong việc hiểu biết nguyên nhân thực sự của bất



SỬ MẶC

bát

Gập mình len ở giữa
giày chàng hãng hai bên
chả dám nhìn thiên hạ
cúi nhìn chân đỡ ghiền

lõ

Mũi dài ra dài ra
hít đầy hương nhân loại
mắt lõm vào lõm vào
thu hết tuồng gian dối

tín hiệu

Thơ cầm đèn đỏ
tên bẻ ghi cuối mùa
sục sao.

SỬ MẶC

công, của nỗi khổ, lại thủ tiêu ý thức phản kháng, ý chí hành động để cải thiện số phận của mình và của người khác. Mọi hành động đều trở thành vô nghĩa khi họa phúc đã định trước rồi và khi ý chí con người không thể làm thay đổi qui luật định mệnh khắc nghiệt.

Vậy muốn mưu tìm hạnh phúc cho bản thân mình hay cho người khác thì trước hết ta phải từ bỏ tư tưởng định mệnh, phải nhận thức rõ là con người có khả năng làm đổi thay vận mệnh, làm xoay chuyển thời thế và phải tin theo Kim Trọng "xưa nay nhân định thắng thiên cũng thường". Nhận thức khả năng nầy và loại trừ tư tưởng định mệnh là bước đầu của tự do và của hạnh phúc.

NGUYỄN NAM-GIAO



NGÔ THẾ VINH

EL NINÕ VÀ RẮN THẦN NAGA TRÊN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long



Cửu Long giang mở chín lần cửa rộng
Dòng sông dài dữ dội bản trường ca
(NguyênSa)

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu của tiểu thuyết

Nơi rồng thiêng đáp xuống. Từ trên trời cao Tây tạng, nơi rồng thiêng đáp xuống con sông Mekong hoang dã khởi nguồn và bắt đầu cuộc hành trình xuôi dòng, con sông vốn dũng mãnh luôn luôn đúng hẹn hàng năm không bao giờ thiếu những cơn lũ chết người. Nhưng với hơn sáu mươi triệu dân cư sống suốt dọc hai bên bờ con sông có chiều dài hơn bốn ngàn cây số ấy cho dù chọn *rồng thiêng thay rắn thần Naga* - thì *những con vật linh* ấy bấy lâu vẫn ngậm cả khối nước sông Mekong trong mùa lũ và phun ra trong mùa khô khiến nông dân không bị lụt và quanh năm bốn mùa có đủ nước để gieo trồng. Cũng vì vậy mà hàng năm luôn luôn có những ngày hội lễ truyền thống đầy thanh âm và màu sắc để ăn mừng các *mùa nước giựt mùa nước nổi*, để vinh danh và cả cầu nguyện con sông thiêng thôi cơn cuồng nộ luôn luôn giúp họ được mùa *tôm cá dưới sông và lúa gạo trên khắp ruộng đồng.*

Ngày Hội Đua Ghe Mừng Mùa Nước Nổi. Trên đồng bằng sông Cửu Long, họ là nhóm người Miên tới sớm men xuôi theo dòng sông Mekong chiếm cứ đất Phù Nam vào thế kỷ thứ 7, ban đầu sống rất thưa thớt mỗi nơi

chỉ có năm mười mái lá. Sau đó họ sống tập trung vào những giồng cao hợp thành những sóc lớn để cùng hợp sức khẩn hoang canh tác. Để rồi mười thế kỷ sau, vương quốc Phù Nam cũ lại đổi chủ, Thủy Chân Lạp lại bị Việt nam xâm chiếm và nay vẫn còn lại khoảng nửa triệu người Việt gốc Miên sống ở vùng tây bắc châu thổ. Họ sống khá biệt lập trong những nhà sàn mái gồi đơn sơ tụ tập chung quanh một ngôi chùa Miên thếp vàng nguy nga với mái cong đỏ.

Cũng bao năm rồi, từ hai bên bờ con sông Mekong từ Cambốt xuống tới đồng bằng châu thổ, nơi mỗi ngôi chùa bên trong các Sóc Miên đều có một chiếc ghe ngo được cất giữ trên cao với đôi mắt rắn thần Naga được chạm nổi hai bên mũi ghe trông dữ dằn như lúc nào cũng sắp chực bung mình phóng xuống dòng nước. Đức Phật và rắn thần Naga là hình ảnh quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình dân gian Khmer. Tương truyền rằng khi đức Thích Ca đang ngồi tịnh tâm giữa rừng bên bờ hồ, gặp rắn Naga rất linh hiển vốn là hiện thân của thần ác, vậy mà đức Thích Ca đã cảm hóa được rắn thần. Gặp hôm đó là ngày mưa to gió lớn, rắn Naga cuộn tròn mình bảy vòng và đầu ngẩng cao ngậm hết gió mưa để làm thân che cho Đức Phật. Từ đó về sau người Miên tìm cho được những thân cây gỗ sao dài đục làm ghe ngo - *biểu tượng cho rắn thần Naga* và hàng năm người Miên sống nơi đồng bằng châu thổ có tục lệ đua ghe ngo để mừng *Mùa nước nổi...*

Tới *Mùa rước nước*, ghe được đem xuống sơn phết và vẽ lại cho thật sắc hai con mắt rắn thần trước khi đưa tới bến sông mà đua với ghe của các chùa khác.

Trước đó nhà sư đọc kinh làm phép cho ghe ngo. Trước mũi ghe có đặt một mâm quả với nải chuối rượu và nhang cúng rắn thần để cầu cho thắng giải. Sáu mươi bốn trai tráng lực lưỡng trong làng được chọn, mỗi người tay cầm một cây dầm lần lượt bước xuống ghe sắp thành hàng hai, chiếc ghe khẳm tưởng chừng như muốn chìm. Người điều khiển ngồi phía mũi ghe gõ nhịp trên một chiếc cồng nhỏ phát ra những âm thanh thúc giục rộn rã. Phải chờ ghe ra tới giữa dòng, cùng một lúc cả 64 mái dầm mới bắt đầu vung lên nhịp nhàng khoát nước bắn ra hai bên trắng xóa. Chiếc ghe nổi dềnh lên nhẹ tênh và dũng mãnh lướt tới như rồng thiêng bay trên mặt nước.

Trên một ghe ngo khác, bày ra một cảnh tượng ngộ nghĩnh lạ mắt. Các tay chèo đầu đội mũ lưỡi trai vàng, đồng phục quần xanh áo T-shirt ba màu có in hình Con Sò quảng cáo xăng dầu cho công ty Shell.

Nơi bến chợ, Cao như bị thất lạc trong đám đông người chen lấn hò

reo, lẫn với mùi thức ăn có cả mùi rượu mùi mồ hôi người và cả rất nhiều bụi bặm. Phải chăng đó cũng là một thứ mùi vị khác của con sông Mekong?

Những đổi thay chánh trị và xã hội gần đây cũng làm thay đổi luôn cả những tập tục của cư dân hai bên bờ sông Mekong tưởng như thiêng liêng đã có trước đó cả nhiều thế kỷ. Những điều mất mát ấy được các nhà nhân chủng mĩ miều mệnh danh là *"thích nghi văn hóa - Acculturation."* Đua ghe ngo không còn thuần túy là ngày hội đón Mùa Nước Nổi mà đã trở thành trò mua vui trong trong những dịp lễ lạc như ngày *Quatorze Juillet* thời Pháp thuộc rồi tới những ngày gọi là *Quốc khánh* luôn luôn đổi thay của các chánh quyền miền Nam sau này... Năm nay cũng là lần đầu tiên ghe ngo của chùa nhà bị thua, lại thua cả chiếc ghe bảo trợ bởi công ty dầu khí Shell. Đám mấy chục thanh niên thì buồn ra mặt, họ đưa ghe ngo về chùa rồi cùng nhau tụ lại uống rượu giải sầu, say quá thì nằm lăn ra ngủ ngay trên bãi. Riêng với nhà sư thì vẫn an nhiên tự tại, chuyện được thua không khiến ông mất đi nụ cười. Trong chùa có cả nước Coca Cola đóng chai, nhưng nhà sư sai chú tiểu Thạch Sary đi lấy nước thốt nốt tươi để mời khách. Chưa lần nào Cao được thưởng thức nước mật tươi của cây thốt nốt. Theo chân chú tiểu ra khu vườn sau tới bên một gốc cây thốt nốt giống cây dừa nhưng cao hơn mọc thẳng đứng khó trèo nên phải dùng một thang leo buộc vào thân cây.

Thạch Sary đang là một sinh viên khoa học Đại học Cần Thơ, chú chỉ vào chùa tu một tháng trong năm theo tục lệ của người Miên, chú nói: - Trồng ngoài 30 năm thốt nốt mới bắt đầu trổ buồng kết trái. Khi trái còn non trong mo người ta đã dùng nan tre kẹp lại cho tới khi chín mềm mới cắt chót buồng rồi gắn vào một ống tre để hứng mật, mỗi buồng có thể rỉ rả cho mật tới cả tháng nhưng mỗi lần hứng mật là một lần phải cắt thêm vào chót buồng. Cao hỏi chú về cây thốt nốt đực kế bên, chú giảng tiếp: - Cây thốt nốt đực không kết trái nhưng vẫn trổ buồng đâm bông và cho nước mật. Ngoài cách uống tươi, nước thốt nốt còn dùng làm đường, khoảng 7 lít nước thốt nốt thì cất ra một kí đường được đúc thành tán. Ở Vĩnh Bình, Châu Đốc người ta có nấu đường thốt nốt. Đậu xanh xát nấu chè với đường thốt nốt không những thơm ngon hơn đường mía mà còn rất mát. Chú tiểu Thạch Sary đã cho Cao một bài học thực vật sinh động tại chỗ. Chú đem xuống từ buồng cây một ống tre hứng đầy nước mật thốt nốt. Chú giảng tiếp, mật thốt nốt ngọt trong và thơm hơn nếu lấy qua đêm. Như mới sực nhớ ra, chú bổ túc thêm: - À mà tôi quên chưa nói tới công dụng của lá thốt nốt. Theo cổ tục trẻ em vào chùa học chữ Miên được viết trên lá thốt nốt. Trong một số chùa Miên ngày nay còn giữ được những bản văn

gọi là Satra viết trên lá thốt nốt... Tối hôm đó lần đầu tiên trong đời Cao được thưởng thức món ăn quốc túy của người Miên là thả cốm dẹp vào trong mật thốt nốt, một kết hợp tuyệt diệu như tặng dữ tinh khiết của con sông Mekong. Cao không được biết mối thâm giao giữa ông Khắc với vị Sư Cả đã có trong bao lâu, nhưng qua giới thiệu của ông Khắc ngay lần gặp đầu tiên Cao đã được nhà sư đối xử trong sự chân tình. Vị sư Cả còn có tên gọi là *Chao Athica*, được bầu lên để cai quản Chùa trông việc hành đạo. Vị sư Cả này không chỉ phải tu hành lâu năm, đạo đức cao trọng mà còn phải có học thức uyên bác nữa. Nhà sư tốt nghiệp từ một viện Phật học bên Miên - dĩ nhiên ra rất giỏi tiếng Phạn, ngoài tiếng Miên tiếng Việt ông còn nói thông thạo tiếng Pháp và còn đang học thêm tiếng Anh.

Nhà sư nói:

- 95% người Miên theo đạo Phật Tiểu Thừa hay còn gọi là Phật giáo nguyên thủy *Theravada* chịu ít nhiều ảnh hưởng Bà La Môn.

Như đoán được câu hỏi thắc mắc của Cao, bằng một giọng thanh thản không đượm vẻ hài hước, nhà sư tiếp:

- Chắc anh muốn hỏi 5% còn lại chứ gì? Họ là giới sư sãi tăng lữ như chúng tôi. Theo truyền thống chùa còn là một trường học nên không chùa nào mà không có Sãi giáo chuyên dạy học cho các em...

Và cũng đêm đó, hòa trong tiếng nước ròng của con sông Mekong, Cao đã được vị sư già giảng cho nghe ý nghĩa sự tích những ngày hội lễ của dân tộc Khmer.

Lễ Vào Năm Mới, Ngày Hội Rước Đầu Lâu. Người Miên ăn *Tết Chôl Chnam* Thmây khoảng giữa tháng 4 tính theo lịch thiên văn của họ với ngày giờ thay đổi mỗi năm. Hội lễ Tết được tổ chức trong chùa với lễ rước *Đầu Vị Thần Bốn Mặt*, ảnh hưởng thần thoại Bà La Môn.

Tương truyền rằng thuở Indra tạo ra Trời Đất, có một vị vua cùng hoàng hậu sanh được một hoàng tử tên là Thommbal vô cùng thông minh. Mới lên bảy mà hoàng tử đã thông thuộc mọi bộ sách thiên văn và kinh điển. Hoàng tử đem điều hiểu biết truyền bá khắp dân gian. Dân chúng vô cùng ngưỡng mộ và tôn vinh hoàng tử là nhà hiền triết tí hon. Danh tiếng hoàng tử bay tới tận thiên đình khiến cho vị thần bốn mặt Kabinh Mahaprum rất ganh tức. Thần bay xuống trần gian gặp hoàng tử mà nói rằng:

- Nghe đồn hoàng tử vô cùng thông thái nhưng ta chưa tin. Ta chỉ hỏi hoàng tử ba câu và cho hẹn trong bảy ngày phải có lời giải đáp. Nếu đáp trúng ta sẽ cắt đầu ta trước mặt hoàng tử còn nếu không hoàng tử phải dâng đầu cho ta. Ba câu hỏi đó là *cái duyên con người ở đâu vào buổi sáng,*

vào buổi trưa, vào buổi tối?

Hỏi xong thần bay ngay về trời. Tuy được tôn vinh là nhà hiền triết thông thái nhưng suốt năm ngày khổ công suy nghĩ từ sáng tới trưa từ trưa tới tối mà vẫn không sao tìm ra lời giải đáp. Sợ hãi bị mất đầu sang ngày thứ sáu hoàng tử trốn khỏi hoàng cung chạy sâu vào trong rừng từ sáng sớm cho đến giữa trưa, thân mệt chân mỏi bụng đói hoàng tử phải tựa mình vào một thân cây nghỉ mệt. Bỗng lúc đó hoàng tử nghe được từ trên ngọn cây cuộc nói chuyện của cặp thần ưng tên là Sat Angry. Chim mái hỏi: Ngày mai mình sẽ ăn ở đâu? Chim đực đáp: Chắc chúng ta sẽ ăn thịt hoàng tử vì mai là ngày hẹn của thần Kabinh Mahaprum, hoàng tử sẽ bị chặt đầu vì thần đố ba câu mà hoàng tử không đáp được. Chim mái ngạc nhiên hỏi: Ba câu hỏi ấy ra sao mà người thông thái như hoàng tử không đáp được, ông có biết không? Chim đực đáp: Thần chỉ hỏi buổi sáng trưa tối cái duyên con người ở đâu. Có gì khó đâu mà không biết. Này nhá buổi sáng cái duyên ở mặt nên khi thức dậy người ra rửa mặt cho sạch, buổi trưa cái duyên ở ngực nên người ta xuống sông tắm mát, còn buổi tối cái duyên ở chân nên người ta mới rửa chân trước khi đi ngủ.

Nghe được như vậy hoàng tử vô cùng mừng rỡ vội vã trở về kinh đô. Sang ngày thứ bảy đúng hẹn thần Kabinh Mahaprum cầm gươm vàng bay xuống. Hoàng tử quỳ lạy thần và trả lời đúng cả ba câu hỏi. Thần thua cuộc, cho gọi bảy Tiên nữ là con gái của Thần tới và căn dặn:

- Cha đã thua trí hoàng tử, cha phải tự cắt đầu theo lời hứa. Các con hãy đem đầu cha để trong một ngôi tháp và không cho một ai được đụng đến vì nếu để đầu ta trên mặt đất thì đất khô cứng. bỏ xuống biển thì biển cạn khô, quăng lên trời thì trời sẽ hết mưa.

Nói xong *thần rút gươm vàng tự chặt đầu* rồi cầm trao cho người con gái lớn là Tungsa xong biến thân thành luồng khói xanh bay vút lên trời cao. Tungsa đặt đầu cha trong trên cái mâm vàng rồi đưa vào một ngôi tháp trong khu rừng yên tĩnh trên đỉnh cao của dãy Himalaya. Từ đó về sau, mỗi năm một lần đúng vào ngày thần Kabinh Mahaprum tự sát, bảy cô gái xuống trần luân phiên vào tháp bưng đầu vị thần bốn mặt đi theo hướng mặt trời mọc đến núi Meru được coi là trục của ta bà thế giới. Đi xong ba vòng chân núi, Tiên nữ lại đem đầu của cha cất vào trong tháp.

Cứ như vậy cả ngàn năm sau, ngày lễ *rước đầu lâu thần bốn mặt* Kabinh Mahaprum được kể là ngày *"vào năm mới"* và người Miên tin rằng tùy theo tánh tình của mỗi vị tiên nữ mà sẽ có một năm hạnh phúc vui buồn ra sao. Và họ cũng tin rằng đây là dịp để mọi người tẩy sạch những bợn nhơ năm cũ để bước vào một năm mới vui tươi hơn năm qua. Trong suốt 4 ngày đầu năm họ chuẩn bị và kiêng cử kỹ lưỡng. Dọn dẹp nhà cửa,

đốt nến sáng suốt đêm, thắp nhang thơm, trưng bày hoa tươi, giữ hòa khí để suốt năm gặp được điều lành.

Tuy là thần thoại nhưng cái *cảnh chặt đầu và nước đầu lâu* để đón mừng năm mới vẫn gợi cho Cao một cảm giác thật ghê rợn. Rồi tới chuyện Thạch Sanh chém đầu trăn - mà sau này anh được biết gốc là cổ tích Miên. Người ta nói rằng ngày nào không được nghe chuyện Thạch Sanh chém đầu trăn thì ngày hôm ấy người Miên ăn cơm không ngon... Cao tự hỏi những chuyện cổ tích và thần thoại máu me đầy giết chóc ấy có liên hệ gì tới bản năng hung dữ thích chém giết của những người Miên có bề ngoài thường ngày vốn hiền lành và đôn hậu hay không? Những vụ *"cáp duồn* - chặt đầu" đám người Việt rồi thả trôi trên con sông Mekong luôn luôn xảy ra có phải do ngẫu nhiên hay không? Cao muốn nêu điều thắc mắc đó với ông Khắc ở lần gặp sắp tới. Và ông Khắc cũng sẽ là người đầu tiên được Cao thông báo sự phát hiện của anh về tính biểu tượng của huyền thoại rồng thiêng hay rắn thần Naga và những khu rừng mưa dọc theo hai bên bờ con sông Mekong.

Tin từ Việt Nam. Hạn hán và ngập mặn khắp nơi đang đe dọa Đồng bằng sông Cửu long. Và *cháy Rừng ở Cà Mau.* Năm nay lượng mưa giảm gió to nắng gắt, mực nước sông xuống thấp hơn nửa mét. Chưa qua nỗi khổ cơn bão Linda, bây giờ người dân Cà Mau lại phải chịu cái nắng cháy da. Nước trong các đê bao rừng tràm U Minh Thượng U Minh Hạ đã xuống ở mức thấp nhất. Cà Mau chỉ còn 60 ngàn hecta rừng tràm đang thiếu nước lại thêm cành lá gãy đổ sau cơn bão khiến cháy rừng lớn có thể xảy ra bất cứ lúc nào; trong khi hàng ngàn dân nghèo vẫn không ngưng vào rừng ăn ong, chặt cây tràm và cả đốt đồng để kiếm sống cho dù đã có lệnh cấm.

Cao có cảm tưởng bây giờ thì như chuyện thời thượng - *trăm dâu đổ đầu tằm*, cái gì cũng đổ cho hiện tượng El Ninõ là xong. Các chuyên gia khí tượng thủy văn trong nước và cả quốc tế, họ họp ở Singapore, Bangkok dự báo El Ninõ chưa qua cực điểm, rằng lượng nước mưa còn ít hơn trong vòng hai tháng tới, rằng sẽ có hạn hán trong vùng Đông Nam Á dĩ nhiên trong đó có Việt nam. Điều rõ ràng là mùa mưa đã dứt sớm hơn so với mọi năm, tiếp theo là nắng hạn khắp vùng Nam bộ - *và mực nước các nhánh sông Cửu Long xuống tới mức thấp nhất*, tình huống này đã tạo ra một hậu quả dây chuyền làm cho ít nhất 10 ngàn hecta lúa tỉnh Long An bị nhiễm mặn, hơn 6 trăm hecta lúa tỉnh Tiền Giang bị đỏ phèn. Do thiếu nước khiến nước mặn tràn vào sớm hơn; như Sóc Trang vành đai mặn lấn sâu vào hơn mấy chục cây số tràn cả vào các huyện xưa nay vốn là vùng ngọt. Nhiều ao hồ chứa nước ngọt cũng cạn kiệt, dân phải mua nước bằng giá

gấp đôi...

Riêng Cao đã đọc bản tin ấy với cảm xúc và *cái nhìn rất khác.* Trong bức tranh lớn và toàn cảnh vùng Đông Nam Á, Cao nghĩ rằng El Ninõ hay hiện tượng gì đi nữa thì *vẫn con sông Mekong ấy luôn luôn là nguồn nước chính của đồng bằng châu thổ.*

Những năm gần đây do ảnh hưởng nạn phá rừng tự sát - *suicidal deforestation,* của các quốc gia trên thượng nguồn: của người Hoa ở Vân Nam, của người Lào người Miên ở vùng Hạ lưu sông Mekong với hai đồng lõa là Thái lan và Việt nam, khiến cho người dân Việt nơi đồng bằng châu thổ khốn khổ: tới mùa mưa lũ đổ về sớm hơn, nhanh hơn lại lớn hơn khiến nhà nông trở tay không kịp gây tổn hại nặng mùa màng và cả về nhân mạng. Và tiếp đến mùa khô không còn những khu rừng mưa như *những tấm bọt biển khổng lồ giữ nước* nên hậu quả là hạn hán. Xa hơn nữa rừng mưa còn có khả năng hấp thu thán khí của bầu khí quyển và chống lại hiện tượng hâm nóng toàn cầu. Câu chuyện rắn thần Naga sau khi được Đức Phật cảm hóa đã giúp cư dân sống hai bên bờ con sông Mekong bằng cách ngậm cả khối nước lũ của con sông trong mùa mưa giúp họ tránh lụt rồi nhả nước ra trong mùa hạn để họ có đủ nước cấy cầy và gieo trồng. *Khi đi tìm ý nghĩa của thần thoại*, Cao chợt nhận ra rằng hiện thân của rồng thiêng hay rắn thần Naga chính *những khu rừng mưa - rainforest, rừng lũ - flooded forest*, đang bị chính những con người vô ơn hãm hại.

Tin Reuters gửi đi từ Nam vang, "Nhóm Môi sinh người Anh *Global Witness* tố cáo các nhà lãnh đạo chánh trị quân sự Việt nam đã dính líu đến vụ đốn rừng lậu đại quy mô, đe dọa hủy hoại các khu rừng cấm của Cambốt. Những cây gỗ quý bị đốn bừa bãi ấy được đưa qua ngả Gia Lai, Sông Bé để chuyển xuống cảng Quy nhơn hay Sài gòn trước khi xuất cảng." Bản tin ấy viết tiếp, "Một vụ làm ăn buôn bán lớn lao như thế, bất chấp luật pháp phải là kết quả của sự tham ô và đồng lõa ở cấp chánh quyền cao nhất của hai nước..." Cao cũng biết rằng một tình huống không kém tệ hại cũng đang diễn ra trong các khu rừng mưa trên đất nước Lào.

Đồng lõa phá rừng mưa, ký những hợp đồng bất bình đẳng cho ngoại quốc thiết lập các nhà máy đổ ra những chất độc phế thải, nhà cầm quyền cộng sản Việt nam đang trực tiếp *"tự gây ra một thảm họa môi sinh - Self-Inflicted Ecological Disaster,"* với hậu quả lâu dài không chỉ ở đồng bằng châu thổ mà trên khắp ngả sông rạch và nguồn nước của cả nước.

Made in China. Từ New York tới California, từ Thái lan qua Lào Miên sang đến Việt nam, đi tới đâu Cao cũng thấy tràn ngập các món hàng

Trung quốc. Có bao nhiêu trong số những món hàng ấy xuất phát từ *những khu chế xuất tỉnh Vân Nam* dọc hai bờ con sông Mekong? Con sông vốn trinh nguyên và rất ít được khai thác trong suốt cả ngàn năm ấy, đang có những đổi thay thật mau chóng. Các khúc sông nơi hạ nguồn không chỉ nhất thời thêm lắm phù sa do nạn phá rừng đất lở mà còn đầy những rác rến và cả những mảng dầu đen do từ các nhà máy trút xuống và cứ thế mà tự do xuôi dòng.

Trong chuyến thăm Trung quốc thời mở cửa, Cao đã phải chứng kiến hai con sông Hoàng Hà và Dương Tử ô nhiễm ra sao. Khiến một người bạn cùng chuyến đi đã nói ra một câu mà Cao rất tâm đắc. *Một Trung Hoa với Hiện tại không đuổi kịp được Quá khứ.* Khi mà chính họ đã không quan tâm gì tới sự tinh khiết của những dòng sông chảy dài trên suốt lãnh thổ Trung Quốc thì kể gì tới khúc sông Mekong chảy ra ngoài lãnh thổ của họ phía dưới hạ nguồn.

Khởi nguồn từ một vùng cao tuyết giá mười lăm ngàn bộ trên cao nguyên Tây Tạng với cuộc hành trình diệu vợi hơn bốn ngàn cây số băng qua bao nhiêu vùng khí hậu và dân cư soi bóng bao nhiêu nền văn minh, xuống xa tới vùng nhiệt đới xích đạo là đồng bằng châu thổ để rồi - Cao tự hỏi, không lẽ những *rồng thiêng Zjiadujiawangzha biến thành thuồng luồng và rắn thần Naga hóa thân thành đàn rắn độc.* Con sông Mekong đang mất đi sự tinh khiết, đang đổi thay toàn diện khiến không phải chỉ có những nét đặc thù văn hóa sắc tộc đang mai một mà từng bước rất chậm nhưng cũng rất chắc, chính con người đang tự đầu độc nguồn nước từ con sông thiêng, từng ngày mỗi ngụm nước sông sẽ bớt ngọt hơn và khó uống hơn.

Những cơn đau thắt ngực. Đã tới lúc người nông dân Nam Bộ bắt đầu cảm thấy tác động của những con đập từ xa, tưởng như rất xa. Chỉ riêng Trung quốc với Man Wan là đập đầu tiên trong chín đập bậc thềm đã chiếm tới 20% nguồn nước trên dòng chính con sông Mekong. Rồi với những con đập phụ bên Thái và Lào cũng đã chiếm thêm 10% nguồn nước. *Chưa tính đến chuyện Trung quốc Thái Lan đổi dòng lấy nước sông Mekong dẫn tưới cho các vùng cao nguyên bao la quanh năm khô hạn của họ*. Cho dù chưa có mấy con đập Pamong Cao ở Lào, Sambor và Stung Treng ở Cambốt - dự trù chiếm thêm 20% lưu lượng nước nữa và rõ ràng ngay từ bây giờ đã có những *cơn đau thắt ngực - angina* nơi đồng bằng châu thổ vì sự khô cạn của các phụ lưu - *tributaries*, như những mạch phụ *collaterals.* Từ lưu lượng 40 ngàn mét khối giây mùa lũ xuống chỉ còn 2 ngàn mét khôi giây mùa khô 20 lần thấp hơn, nay còn thấp hơn nữa do hiện tượng El Nino. Làm sao mà đồng bằng Cửu Long không bị nạn hạn hán?

Đến với Nhóm Bạn Cửu Long. Như một đam mê không mỏi mệt khi tìm đến với con sông Mekong, Cao không biết mình đã khởi hành từ đâu đi xa tới đâu nhưng biết chắc rằng sẽ chẳng bao giờ có điểm kết thúc. Với Cao quê hương thứ hai của anh bây giờ là cả một dòng sông và con sông ấy luôn luôn như một sợi chỉ đỏ nối kết tương lai hiện tại với cả quá khứ hoang sơ của thời khai thiên lập địa khi chưa có rặng Himalaya, chưa có cao nguyên Tây Tạng và chưa có cả giọt nước đầu tiên cho con sông Mekong. Giữa cái khoảng vô thủy vô chung ấy, Cao đang là một hạt bụi đi tìm về cội nguồn: của lịch sử địa chất với những địa tầng Việt nam từ các vùng đất nền cổ, các vùng kết tầng tam điệp và các lớp phù sa mới ở đồng bằng Bắc phần, chuỗi đồng bằng Trung phần và phần lớn đồng bằng Nam phần. Cũng trong khoảng thời gian hàng triệu năm ấy, Việt nam cũng đã chịu sức địa động hình phẩy xảy ra liên tiếp qua nhiều thời kỳ chồng chất lên nhau với hiện tượng tạo phay và uốn nếp làm thay đổi hình dạng lục địa để tạo nên địa thế phức tạp của Việt nam ngày nay. Từ lịch sử địa chất ấy đã khai sinh ra những rặng núi hùng vĩ từ trung tâm lục địa Á châu chạy dài xuống bán dảo Đông dương tạo nên một địa hình ba miền rất đặc biệt.

Từ Trung quốc đổ vào Bắc Việt nam là dãy núi hình nan quạt cao trung bình trên 2 ngàn mét cùng với hai con sông Hồng và sông Thái bình tạo nên vùng tam giác châu.

Qua tới miền Trung phía tả ngạn con sông Mekong là dải Trường sơn trùng diệp ngăn vùng duyên hải thành những thung lũng hẹp.

Đến miền Nam dãy Trường sơn như lặn xuống để chỉ còn là vài chỏm núi lẻ loi như Thất sơn ở Châu Đốc, núi Ba Thê núi Sập ở Long Xuyên trên một vùng đồng bằng sông Cửu Long bát ngát chỉ mới dược tạo hình từ dáy biển từ nguyên đại đệ Tam.

Tới bờ vịnh Thái Lan, những vách đá nhô ra biển là phần cao nguyên bị sụt xuống nay còn sót lại. Còn nhiều đảo nhỏ vốn là phần của rặng núi Đậu Khấu (Cardamon) từ phía tây Cambốt. Phú Quốc là hòn dảo có núi cao như núi Bãi Dội núi Chùa, rồi tới hòn Phú Dự hòn Nân, quần dảo Hải Tặc, xa nhất là quần đảo Thổ Châu.

Lãnh hải và các đảo trong vịnh Thái Lan luôn luôn dã là nguyên nhân tranh chấp có khi đẫm máu giữa Việt nam và Cămbốt. Năm 1957, Cambốt tự ý nới rộng hải phận tới 6 hải lý bao gồm luôn cả đảo Phú Quốc. Năm 1958 phái đoàn thường trực Cambốt ở Liên Hiệp quốc đã phổ biến cuốn bạch thư khẳng định *"Nam phần Việt nam là Lãnh thổ của Cambốt"* đòi thu hồi các tỉnh Nam phần, đảo Phú Quốc, dảo Thổ Châu sát nhập trở lại vào Cambốt.

Trên dải đất định mệnh hình chữ S, chỉ riêng khúc từ đèo Ngang trở

vào, đã mang trong nó quá khứ của hai quốc gia hoàn toàn bị xóa tên. Một nước Lâm Ấp còn có tên Champa bị Việt nam tiêu diệt vào thế kỷ 15. Một nước Phù Nam với nền văn minh Óc Eo bao gồm tây Nam phần và tây nam Cambốt bị Miên tiêu diệt vào thế kỷ thứ 7, lập nên xứ Thủy Chân Lạp, để rồi mười thế kỷ sau đó, Việt Nam xâm chiếm Thủy Chân Lạp và mở mang thành vùng đất Nam bộ ngày nay.

Bao nhiêu nước mắt và máu me trong suốt cả ngàn năm ấy tính ra thì cũng chưa là một cái chớp mắt trong cái hỗn mang của trời và đất ấy.

Tìm về thời gian đã mất, một vương quốc Phù Nam tiêu vong. Việt nam có sự tích *Trăm Trứng Trăm Con*, xứ Phù Nam cũng có cội nguồn từ huyền thoại. Thuở rất xa xưa có một ông hoàng Ấn tên Kaudinya nằm mơ thấy vị thần ban cho một cây cung và khuyên đi lập nghiệp ở một vùng đất Phương Đông. Tin điềm báo mộng, sáng hôm sau Kaudinya tới đền thờ thần và quả nhiên bắt gặp một cây cung dựng bên một thân cây quý. Ông hoàng đóng thuyền vượt biển đi về hướng mặt trời mọc tới vương quốc tương lai. Khi tới Phù Nam thì tại đây đã có một bộ lạc do một nữ chúa đang trị vì. Bị đoàn chiến thuyền của nữ chúa xông ra nghênh chiến, ông đã dùng cây cung thần bắn ra những mũi tên thiêng khiến nữ chúa phải đầu hàng và sau đó còn chịu kết hôn với ông và lập nên vương quốc Phù Nam.

Khoảng cuối thế kỷ thứ 5, Jayavarman được kể là vị vua dũng mãnh nhất của triều đại Kaudinya với các đội thương thuyền và cũng là những đội hải tặc hung hãn luôn luôn đánh phá các đoàn tàu buôn và các nước lân bang trong đó có Việt nam.

Cao tự hỏi phải chăng là ngẫu nhiên hay có mối liên hệ nào đó, trong cách tống táng người dân Phù Nam cũng có tục lệ để cho chim chóc ăn thây người chết - *giống như tục điểu táng của xứ Tây Tạng* nơi đầu nguồn con sông Mekong ngày nay?

Trước cả vương quốc Khmer, Phù Nam đã có liên hệ giao thương bằng đường biển với các quốc gia lân bang về phía bắc sang tới tận Trung hoa. Óc Eo là một hải cảng quan trọng nằm trên thủy lộ giao thông giữa Ấn Độ và Trung Hoa từ thế kỷ thứ nhất, nay di tích còn lại chỉ là những nền nhà và các cổ vật chìm sâu dưới mặt đất. Di chỉ Óc Eo với cả vô số vỏ sò hến tìm thấy ở chân núi Ba Thê Long Xuyên nay đã cách xa bờ biển khiến các nhà khảo cổ cho rằng từ nhiều thế kỷ trước Óc Eo đã từng là một hải cảng do bị phù sa bồi mà nay lùi sâu vào trong đất liền.

Nếu đã có sự tích người Chăm bị mất nước do nhà vua say mê nàng công chúa người Việt thì cũng có huyền sử về một nước Phù Nam suy vi chỉ

vì công chúa say mê chàng dũng sĩ đến từ vương quốc Champa. Tương truyền rằng giữa cảnh thái hòa và cực thịnh của vương quốc Phù Nam, vua Kaudinya và hoàng hậu sanh hạ được một công chúa xinh đẹp. Do vị vua gốc Ấn thờ thần Vishnou nên vua cho xây một ngôi đền ngoài hoàng cung với một cây cầu đá ngang qua ngọn suối. Nơi được coi là hết sức linh thiêng ngoài vua và vị tu sĩ ra, tuyệt đối không ai được phép bước qua cầu - *nếu phạm lời nguyền thì vương quốc Phù Nam sẽ bị tiêu diệt.*

Nhưng rồi một hôm có chàng dũng sĩ Chăm tên Sarrida lái thuyền vượt biển tới được đất Phù Nam, chàng bị binh lính bắt và giải vào trình vua. Bị nghi là do thám cho vua Champa nên chàng bị tra tấn với bao nhiêu cực hình nhưng vẫn một mực kêu oan. Sarrida được hoàng hậu thương tình xin vua tha cho tội chết. Vốn là một dũng sĩ võ nghệ cao cường lại có biệt tài bắn cung nên chàng được tuyển dụng vào đội ngự lâm bảo vệ hoàng gia. Do một hôm hộ tống công chúa ra ngoài hoàng cung, chàng đã cứu sống công chúa thoát khỏi một con trăn lớn đang quấn nàng. Công chúa đem lòng yêu Sarrida. Nhưng chàng dũng sĩ Chăm thì lại quá nhớ nhà chỉ mong sao có ngày *"quy cố hương."* Sarrida đóng một chiếc thuyền lấy cớ là để du ngoạn trên dòng sông nhưng thực sự là muốn dùng đường thủy để thoát thân. Biết ý đồ của Sarrida, vua truyền lệnh cho dân Phù Nam phải lăn đá núi xuống làm bảy bậc thềm ngăn ngang con sông.

Vô vọng vì chẳng còn lối về, chàng ngày đêm sống trong một túp lều nhỏ và làm một cây sáo trúc để mỗi đêm thanh vắng thổi lên những điệu nhạc Chăm bi ai áo não. Tuy vậy Sarrida cũng không ngừng dò hỏi và chàng vô cùng mừng rỡ khi biết được rằng từ ngôi đền thần Vishnu nếu băng qua cây cầu đá thiêng sẽ có một con đường bộ xuyên rừng giúp chàng trở về đất Champa. Chuẩn bị hành trang nửa đêm chàng băng mình chạy qua cầu nhưng chẳng may bị toán lính canh Phù Nam bắt lại. Được tin này, vua Kaundinya vô cùng tức giận vì cho đây là một điềm đại họa, nên bất chấp lời khóc lóc van xin của công chúa, vua truyền lệnh cho giải Sarrida lên bực đá cao giữa giòng sông và dùng cung tên xử tử chàng. Do hết lòng thương nhớ người yêu, công chúa ban đêm vẫn ra ngồi ngoài bực đá mà than khóc khiến cả dân chúng vô cùng phẫn nộ kéo tới hoàng cung để xin nhà vua phân xử. Trước điềm họa quá to lớn là vương quốc Phù Nam có thể bị tiêu tan, vua buộc lòng phải xử tử công chúa con gái mình ngay nơi bậc đá mà Sarrida từng bị thọ hình.

Ngày nay di tích *Thất Thạch Thang* vẫn còn dâu đó trên sông Phước Long và nơi thác Trị An còn một mỏm đá mà người ta cho rằng đó là bóng dáng nàng công chúa ngồi khóc chàng dũng sĩ Chăm.

Phù Nam đã từng là một vương quốc cường thịnh trong vùng Đông

Nam Á suốt bảy thế kỷ, đã phải đương đầu với nước Champa hiếu chiến tràn xuống từ phương bắc và với đế quốc Khmer hùng mạnh từ phía tây. Phù Nam đã không còn, cũng không còn cả những công trình kiến trúc như di tích của các triều đại, nhưng ảnh hưởng văn hóa của họ vẫn cứ còn bàng bạc đâu đó trên các nét kiến trúc của đền đài Angkor , các chùa chiền và tượng Phật, trên cả những phong tục tập quán như thờ Rắn thần Naga của người Miên ngày nay.

Những di dân không tới trễ. Đợt di dân Hai Huyện vào cuối thế kỷ 17 do Nguyễn Hữu Cảnh chỉ huy đã đặt nền móng đầu tiên cho những cộng đồng thuần Việt tới vùng đồng bằng châu thổ sau này. Sau khi hoàn tất giai đoạn chót cuộc thôn tính nước Champa, Chưởng cơ Cảnh là người có công đầu trong việc khai phá miền Nam trước cả Thoại Ngọc Hầu, mở đường cho việc thống lãnh đất Thủy Chân Lạp. Khi những lưu dân Việt đầu tiên khi tới vùng đồng bằng châu thổ thì họ gặp những người Miên đang sống trên những giồng đất cao canh tác trên những mảnh ruộng nhỏ hẹp có sẵn tự bao đời. Đất đai tưởng như mênh mông nhưng các vùng khô ráo ở được thì người Miên đã chiếm cả rồi, chỉ còn lại những khu rừng trầm thủy các vùng đất thấp ngập nước và đẫm phèn. Đám người Việt mới tới chỉ còn một chọn lựa là phải tạm cư trên bờ những vàm rạch còn hoang vu với *trên bờ muỗi kêu như thổi sáo dưới nước đỉa lềnh như bánh canh* chưa có bóng người. Họ bắt đầu chặt cây giết cọp bắt sấu, trị thủy lên liếp, chế ngự thiên nhiên - nói như nhà văn miệt vườn Sơn Nam, thì họ đã biến những *"vùng bùn lầy không chưn thành những mặt nền vững chắc"* để có đất đai canh tác.

Những di dân ra đi từ vùng *đất khổ quê nghèo* chỉ có một giấc mơ dựng nghiệp với đôi bàn tay không. Không có trâu bò chỉ có sức người. Dụng cụ thì tự chế chỉ có cây rựa để chặt cây, cây phảng để phát cỏ. Cây chặt rồi, cỏ phát ngã xuống chỉ có việc dọn sạch rồi cấy ngay lên đó, gặp đất cứng thì dùng những cây nọc xom lỗ rồi cắm mạ. Bằng phương thức nghèo ấy họ đã canh tác được ngay trên đất phèn.Bởi vì họ biết càng cầy sâu cuốc bẫm thì chỉ có đem thêm phèn lên mặt đất và chỉ đổ hại thêm cho mùa màng. Điều mà ba thế kỷ sau, các nhà nông học Hòa Lan khi tới Việt nam nghiên cứu cũng không đưa ra được khuyến cáo nào mới mẻ hơn là chọn chung sống với đất phèn.

Chưa có đường xá, giao thông di chuyển chủ yếu bằng xuồng giữa một mạng lưới chằng chịt sông rạch. Hành trang cá nhân là chiếc nóp dễ dàng cuộn lại mang theo thay cho cả chiếu và mùng mền. Trên bờ hay dưới ghe chỉ cần lật nóp mà chun vô là qua được một đêm lạnh lẽo nơi rừng hoang hay rạch vắng với cả dày đặc những muỗi mòng. Nấu nướng thì chỉ

có chiếc cà ràng - chiếc lò đất nung thấp để vừa đặt nồi nấu cơm vừa có chỗ khươi than lùi khoai hay nướng cá, lại còn có cho khói để un muỗi nữa. Bước khởi đầu chỉ có vậy mà họ đã ngang nhiên tồn tại và phát triển, đã biến những khu rừng trầm thủy những đầm lầy hoang vu của đồng bằng sông Cửu Long thành đất đai ruộng vườn trù phú như hiện nay.

Có một nền văn minh sông Mekong. Người ta nói tới nền văn minh sông Nil, văn minh sông Hằng và phủ nhận sự hiện hữu của một nền văn minh thuần nhất của con sông Mekong. Nhưng thế nào là thuần nhất - thực sự có riêng từng nền văn minh mà người gọi là văn minh Đông Á *cầm đũa,* Nam Á *ăn bốc* hay không? Cao thì muốn chứng minh ngược lại là trên vùng đất định mệnh ấy, dọc theo suốt chiều dài của con sông Mekong dũng mãnh chảy qua bảy quốc gia thực sự đã có dòng chảy của một nền văn minh khá thuần nhất, họ có chung một *nền văn minh lúa gạo - civilisation du riz và đã từng có chung nụ cười thanh thoát với cả rất nhiều nước mắt của Đức Phật Thích Ca.*

NGÔ THẾ VINH
05/98



DU TỬ LÊ

chào 21, vết thương tôi

và rev. tc. tường

1.
bây giờ sắp qua 20 và, chuẩn bị bước vào sân cát, ngưỡng cửa 21
khoảng cách hẹp tí (hay rộng thênh) giữa hai con số
lúc nào cũng chen chúc (kẹt cứng) sum vầy / tan tác / buồn / vui
nơi khe hở mơ hồ giữa hai con số
luôn có một số người ra đi
cùng những người mới.

2.
bây giờ sắp qua 20 và, chuẩn bị bước vào sân cát, ngưỡng cửa 21
nếu Ngạc còn sống
Ngạc đã hăm ba
nếu mặt bên kia tấm gương tình yêu
không là biệt ly
(thì) tóc em hôm nay cũng đã bắt đầu san hô
thân thể bắt đầu phát triển từ bụng trở xuống.

3.
cũng tốt thôi
hãy để Ngạc chết
(như những đứa trẻ một, hai, ba... tuổi khác đã chết)
để Ngạc mãi một tuổi
để em mãi hăm ba
dù chúng ta kẹt cứng
nơi khe hở mơ hồ giữa hai con số.

4.
không lâu nữa, chúng ta sẽ bước vào ngôi nhà 21
những người giầu có sẽ thay thế
những chiếc xe hơi trong garage của họ
bằng xa thuyền
để khi cần
họ có thể đi thăm
cha mẹ, anh em, bà con, người tình
làm ăm... ở những tinh cầu khác

bằng phương pháp cloning
người ta sẽ sản xuất hàng loạt những con... vật người
(chỉ khác chúng ta ở chỗ... không có đầu)
để lấy bất cứ một bộ phận nào trong khối thịt kia
thay thế cho những cơ quan cần đổi thay trong cơ thể ta
nhưng chẳng nhờ thế
(mà) những người sắp chết đói
ở Á châu, Phi châu...
sẽ tự nhiên... no bụng
cũng chẳng nhờ thế
nhân loại sẽ tẩy xóa được những vết thẹo linh hồn
vốn ngồn ngộn, rói, tươi
tích lũy từ nhiều nghìn năm trước.

Chúng ta vẫn bất lực
trước những người đã chết
(như Ngạc, như những đứa trẻ lên một, lên hai, lên ba...
đã chết)
như cuộc tình chúng ta (và cuộc tình của biết bao người quanh ta)
đã chết
từ thế kỷ trước
sẽ chết một lần nữa

như linh hồn của những khối thịt không đầu kia
sẽ bơ vơ biết bao
vì chẳng có một ngôi đền nào
để trú, núp.

6.
không lâu nữa, chúng ta sẽ bước vào ngôi nhà 21
dù chúng ta có khua chiêng gióng trống cách gì
khoa học tiến bộ tới đâu
(thì) nhân loại cũng không thể triệt tiêu nổi
mặt bên kia
tấm gương đời sống.

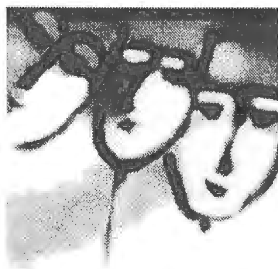
7.
phải chăng
(vì thế)
nhân loại vẫn cần có lấy cho riêng mình
một điều gì khác hơn
khối thịt nhầy nhụa?

DU TỬ LÊ
(96-98)



NGUYỄN MAI NINH

ĐÓM LỬA PHÙ DU



Nếu không có tai nạn lưu thông làm nghẽn con đường chính buổi sáng hôm ấy khiến An phải lái xe vòng ra sau đồi cây đến sở làm, không biết bao giờ nàng mới gặp lại Thanh. Nếu không bất ngờ ngừng xe trước chiếc áo mưa vàng sáng loá trong nắng sớm, gọn nhỏ trong chiếc xe lăn đang từ bên trái băng qua ngã tư, An đâu thể ngờ người ấy là Thanh .

Bao nhiêu chữ nếu theo từng hạt nước mắt liên tục trào ra, trượt dài trên đôi má, ngấm dần vào cổ áo. Sau màn lệ, mắt An vẫn không rời thằng bé mảnh khảnh khoác chiếc blouson xanh và deo cặp da còn đứng tần ngần bên kia góc đường, dưới tàn cây ngô đồng xanh lá.

Bỏ nơi này đi xa đã một thời gian lâu lắm, mấy tháng nay An lại có cơ hội trở về đây làm việc. Thành phố đã mở rộng nhiều, xưa kia bãi đất này là những cánh đồng rực hoa mù tạt giữa mùa xuân và hạ, rồi củ cải đường tràn trải mùa đông. Giờ đây, một bên là đồi cỏ xanh với những hàng thông cứng cáp chen lẫn với bu-lô và bạch dương mềm mại. Bên kia, thấp thoáng màu ngói đỏ sau hàng rào nguyệt quế hay trắc bách diệp xanh rì. Cuối đồi cây, sau ngã tư, con đường bắt đầu đổ dốc. Đèn bật xanh, An dịnh rẽ phải vào khu vực sở làm. Nhưng trên con đường băng ngang trước mặt, nối khu nhà ở và các công sở, chiếc xe vàng kia không cần biết phía mình dang đèn đỏ, cứ thản nhiên chầm chậm đi qua, An vội vàng đạp thắng, sợ hãi và ngạc nhiên. Người ngồi trong đó là đàn ông hay đàn bà, sao chẳng kể gì đến nguy hiểm? Sao mặc áo mưa khi nắng đã hanh lên, ấm áp, đầy dấu hiệu của một

ngày trời đẹp, và màu vàng quá chói chang, đập mắt! An đành chạy chậm theo sau. Đến chỗ đường rộng hơn, chiếc xe lăn dạt người trong xe ngoảnh lại vẫy tay ra dấu hãy vượt qua. Nhưng vừa thoáng thấy khuôn mặt gầy của người đó, An bàng hoàng, hoa mắt, tức thở. Tại sao lại là Thanh, sao có thể là Thanh cho được!

An vội vàng thu dọn hồ sơ, khoác áo, khoá cửa văn phòng. Những giọt mưa đã bắt đầu đập vào cửa kính, dãy hành lang chợt tối sầm. Nàng bước nhanh xuống cầu thang, mong ra kịp chỗ đậu xe trước khi mưa lớn. Nhưng vừa tới cửa ra chính, An sững sờ nhìn thấy Thanh đang ngồi chờ gần đấy. Mưa đã sầm sập đổ xuống ngoài trời.

Từ buổi sớm ấy đến nay, sáng nào An cũng cố đi đúng giờ, đến con đường đồi cây, đợi bóng áo mưa vàng. Nàng đã tìm hiểu về Thanh, nhưng những điều biết được thật giới hạn. Tuy thế, chúng đủ đem đến biết bao đau đớn, dằng co, có nên tìm gặp Thanh thăm hỏi? Không ngờ, bây giờ Thanh đang ở đây, gần quá, gương mặt nhợt nhạt, nhìn nghiêng hai gò má cao khiến cặp mắt càng sâu hơn. Thanh đưa tay vuốt mấy sợi tóc trễ trên trán, vẫn cử chỉ quen thuộc ngày xưa, nhưng mấy ngón tay vụng về, chậm chạp. An bước thêm vài bước, Thanh nghe tiếng chân, quay lại. Càng đến gần, nhìn rõ hơn, lòng An càng đau thắt. Không cầm giữ được nữa, nàng cúi xuống:

-Trời mưa to quá.

Như bất ngờ, mắt Thanh mở lớn, vầng trán hơi nhíu lại, vẻ tìm kiếm, rồi Thanh ngập ngừng:

-Phải...An đấy không? An giật mình, nghẹn ngào, đã bao nhiêu năm!

-Vâng, An đây, anh còn nhận ra à? Giọng Thanh đầy xúc động:

-Làm sao tôi quên được giọng nói của An!

-Nhưng mặt mày chắc đã thay đổi nhiều, phải không? Thanh lắc đầu, mắt vẫn đăm đăm ngửng lên về phía nàng:

-Tôi chỉ thấy lờ mờ, chẳng nhìn rõ mặt đâu, mắt tôi tệ lắm.

Rồi không đợi, Thanh hỏi tiếp:

-Sao An lại ở đây?

-An về làm việc mấy tháng nay rồi anh ạ. Một nhóm người ồn ào ra cửa, đến gần vài câu hỏi han. Thanh vui vẻ trả lời, nhưng như mất phương hướng vì nhiều người quá, vẻ mặt ngơ ngác tìm An. Nàng vội cầm nhẹ tay Thanh:

-An đã biết chỗ anh làm, sẽ gọi điện thoại sau.

Thực khách trong hiệu ăn, kẻ kín đáo, người không, đều nhìn theo An đi cạnh chiếc xe lăn đến cái bàn trong góc. Sau khi giúp Thanh ngồi vào ghế, An đảo mắt nhìn phong cảnh cũ. Cách bài trí có khác xưa, nhưng gần

quầy rượu, vẫn là chỗ trống mà Thanh và Dũng từng chơi đàn kiếm tiền vài tối trong tuần. Hồi ấy, khuya nào không bận học, An lái chiếc xe xọc xạch đến đón họ. Cả ba thường leo lên chạy một vòng ra biển, thở mùi rong rêu, hít gió mặn cho đầy lồng ngực. Thanh thích ngồi đằng sau với cây đàn cồng kềnh của Dũng, lúc nào cũng huyên thuyên dí dõm, trong khi Dũng thì từ tốn hỏi han. Hai người như hai thái cực, nhưng điều lạ là khi chơi đàn lại hợp ý vô cùng . Những hình ảnh cũ đang tràn ngập, bỗng Thanh cất tiếng:

-Khung cảnh thay đổi nhiều, phải không An?

-Dạ, hình như đã đổi chủ, sang trọng hơn hồi còn bọn mình.

Thanh cười:

-Tiếc, giá còn chủ cũ, bà ấy sẽ cho hai đứa vét nồi như dạo nọ!

An vui lây:

-Ừ, không còn anh và Dũng đánh đàn để có tiền ra biển uống rượu.

Nét mặt Thanh chợt tối, nụ cười tắt ngay trên môi:

-Đáng lẽ An không nên mời tôi đi ăn, mọi người quanh đây đang thương hại An đấy! Một người đàn bà còn trẻ và đẹp...sao lại... An chau mày chưa kịp phản ứng, người chủ hiệu đến lấy thực đơn:

-Ông bà chọn chưa? Thanh nhếch miệng, nhấn mạnh:

-Cô bạn tôi sẽ chọn hộ. Và Thanh quay sang:

-An lấy cho tôi cái gì mềm, tay tôi không cầm dao cắt được thứ cứng. Người chủ tiệm bước đi. An thở dài buồn bã nhìn Thanh, người thanh niên yêu đời mà cách đây mười mấy năm đã làm nàng đau đớn và câm nín bỏ thành phố này ra đi! Thời gian có phải là làn gió đã xoa dịu những nỗi đau trong tâm hồn An không? Nàng không biết, chưa biết! Nhưng hiện thời, An mong được chia xẻ với Thanh nhiều thứ. An muốn biết từ bao giờ Thanh bị chứng bệnh sclérose, hủy hoại thần kinh hệ này? An muốn biết tại sao Thanh vẫn đi làm, không nghỉ việc cho đỡ cực...Thấy nàng im lặng, hình như Thanh hối hận thái độ của mình nên nhẹ nhàng:

-Nói vậy, nhưng nhờ An, tôi mới đi ra ngoài. Bao lâu nay, chỉ quanh quẩn bệnh viện và sở làm. An vội vàng:

-Anh đi làm hằng ngày, có mệt không?

-Một cách cho qua thời giờ. Chẳng ai đòi tôi phải có năng suất, nhưng ngồi cả ngày gõ máy điện toán cũng ngán, mắt nhìn chữ chập choạng trên màn ảnh rất mệt.

Bỗng nhớ tới con đường Thanh đi mỗi sáng, An buột miệng:

-Nhưng anh lăn xe qua ngã tư nguy hiểm lắm, sao không nhờ ai chở?

Thanh ngạc nhiên:

-An đã nhìn thấy tôi đi làm ư, tự bao giờ?

Rồi anh đổi giọng chua chát:

-Đâu cần ai chở, vả còn gì để sợ? Với chiếc áo mưa chói lọi, ai cũng thấy ngay tôi từ xa. Mà không thấy kịp, cũng chẳng sao! Tôi vẫn thường nghĩ tới sự giải thoát.

An bực dọc gắt:

-Anh bậy quá, giải thoát gì mới được, còn vợ và con anh!

Nhưng Thanh chẳng để ý, điềm nhiên:

-Có chi bậy đâu! An không biết là trên bảy chục phần trăm con người ở thế gian này đều đã, ít nhất một lần trong đời, nghĩ tới sự tự giải thoát này sao? Tuy số người đã đi tới hành động rất ít ỏi, hầu như không có. Nhưng con số không ấy vẫn có một giá trị, vì nó đã nằm trong ý thức của chúng ta. Con người không có quyền quyết định về ngày mình ra đời, về màu da, tổ quốc, nỗi đau, niềm vui, bệnh hoạn...Con người chỉ có thể dâng hiến cho mình một điều đó thôi và quyền tự tử mới là cái quyền tự do thật sự.

Mở mắt trâng trâng nhìn Thanh, An lặng người trên ghế. Trong nàng, cơn giận trào lên cùng một lượt với nỗi thương tâm đặc quánh. Hai giọt nước mấp mé nơi khoé mắt. Chừng như ân hận, Thanh vội vàng:

-Xin lỗi. Mà này, An chưa kể gì về Dũng và An đấy nhé!

An đưa tay quệt mắt, lấy lại điềm tĩnh:

-Dũng hiện đang chu du mọi nơi anh ạ. Anh ấy hoàn toàn đi theo âm nhạc...

Thanh ngắt lời:

-Và hắn để An ở lại làm việc một mình. Sao tệ thế!

An đáp nhỏ trong hơi thở:

-Đâu có gì quan trọng, giữa An và anh ấy, thực ra là tình bạn nhiều hơn.

Thanh chợt buông rơi chiếc thìa trên tay, mắt sững nhìn nàng:

-Vậy sao...hôm ấy...

*

An nào đã quên hôm ấy, đúng ra là nhiều ngày trước đó nữa kia. Buổi chiều, bảng kết quả kỳ thi vừa dán, nàng đã bỏ mặc những người bạn cùng lớp, chạy đi tìm Thanh. Từ bên phân khoa Thanh học, sang tới phòng tập đàn, thính đường, rồi quán cà phê, sân bóng rổ...mọi nơi. Nàng cần chia niềm vui với Thanh biết mấy. Bỗng nhiên, An thấy cần phải nói với Thanh nhiều điều bấy lâu nay đã nghẹn ngợp trong lòng nàng, không thể chờ đợi thêm được nữa! Nhưng khi vòng ra tới bãi cỏ sau hồ bơi, An sựng lại. Thanh đang ngồi sát cạnh cô gái ấy - cô gái mà nàng đã để ý sự có mặt là lạ

vào những buổi hòa nhạc sau này. Anh đang lôi đàn ra, bắt đầu một điệu tzigane vui vẻ. Cô gái ngồi co đầu gối trong hai vòng tay, tóc xõa quá vai và nghiêng đầu trên cánh tay, nhìn Thanh không chớp. Vừa đàn Thanh vừa cười rất tươi với cô. Nắng mượt mà bao quanh họ. An vội bỏ chạy, vấp vào bờ tường nhỏ, đau điếng.

Suốt buổi tối hôm đó, ánh trăng thật trong nhìn nàng qua khung cửa. Cây liễu trong vườn lê thê cành lá. An ngồi lặng trước bàn, tự hỏi, sao lại có những nỗi đau nghẹn thở, kín bưng khiến người ta không thể nào khóc được? Đến gần khuya, có tiếng Dũng gọi ngoài đường:

-An ơi, ra biển xem trăng không?

Và, trên bãi cát ướt mềm dưới chân trần, giữa vệt hải đăng chờn vờn trên những mõm đá, trong tiếng sóng đêm dào dạt buồn, nỗi đau bấy giờ toang vỡ, bật thành tiếng khóc. Dũng chẳng hiểu gì, kéo An vào trong tay. Dũng luôn luôn tế nhị và dịu dàng săn sóc An. Anh đã đưa vai cho An dựa. Anh đã thương yêu nàng bằng một tấm lòng vô hạn, mà mãi sau này, khi hiểu ra, An mới tìm được định nghĩa đúng nhất. Đó là tình bạn xanh, sâu, thơm ngát.

Khi An quyết định đi nơi khác, Dũng chẳng ngại ngần bảo, sẽ theo An. Hai người sống với nhau một thời gian, cho đến lúc Dũng may mắn gặp một danh cầm sẵn sàng nâng đỡ Dũng trên đường nghệ thuật. An không cầm giữ anh, nàng sung sướng thấy Dũng có cơ hội thoát khỏi khung trời hạn hẹp, nhàm nhạt. Đi đến đâu, Dũng cũng cho tin, vài tháng, một năm, Dũng về thăm An. Nàng yên lòng, ngỡ không chờ đợi gì hơn. Nhưng thỉnh thoảng, dẫu tưởng cuộc sống sẽ ngấm dần thứ nhiệt độ âm ấm, ẩm đục, không có gì đóng băng, cũng chẳng còn gì đốt cháy, vẫn có những nhói đau bất ngờ như ngọn gió đông bắc cắt da chợt thổi về.

Trước mặt ngôi nhà An ở là đoạn cuối của con sông chảy qua thành phố. Dòng nước hầu như đã tiêu hao bao nhiêu sức mạnh tự đầu nguồn, nên chỉ còn sánh lên những vòng sóng nhỏ khi về đến nơi này. An đậu xe cạnh lối đi lát gạch bên bờ sông dành cho khách bộ hành, xuống hết cửa kính, rồi nói với Thanh:

-Phòng An bên kia đường, ngay trên, anh đợi nhé.

Dợm đóng cửa xe, nàng chực nhớ:

-Mà anh thích An chơi bản nào?

-Tùy An.

Vừa mở cổng vào nhà, leo cầu thang lên phòng, kéo màn và mở toang cửa sổ, An vừa suy nghĩ không biết nên chọn bài gì. Trước khi rời hiệu ăn,

Thanh bỗng bảo, lâu rồi không được nghe An đàn. Thanh không thể bước lên cầu thang, nên chỉ còn cách để anh ngồi trong xe, nghe qua cửa sổ. Con đường về khuya rất vắng, hàng xóm cũng xa, chắc chẳng phiền ai. An đến cạnh cây dương cầm, trên nắp là lá thư gần nhất và tấm ảnh Dũng với nụ cười phóng khoáng, tươi vui. Một làn gió mát lùa vào phòng đem theo hương đêm. Không nghĩ ngợi gì hơn nữa, An ngồi xuống, những ngón tay tự nhiên thanh thản trên phím đàn.

Sau đoạn nhạc ấy, An ra đóng cửa, nhìn xuống dưới xe. Ngọn đèn đường tỏa ánh sáng dịu nhẹ xuống dòng sông. Những gợn nước lăn tăn óng ánh. Thanh đã đổi chỗ, ngồi gần qua bên này, có lẽ để nghe rõ tiếng đàn hơn. Gió lốc lên từ giữa con sông. An thấy tóc Thanh mềm bay thơ thới.

*

Thế là tôi đã nghe được tiếng đàn của em sau mười hai năm cách biệt. Chỉ tiếc rằng tôi không còn nhìn rõ khuôn mặt, vóc dáng em trong vùng sương đọng của riêng tôi - màn sương in ẩn những hình thù của cảnh vật, con người. Giá chẳng gặp lại nhau, chắc tôi sẽ an phận, thị giác bị mờ đục với chứng bệnh, nhưng ngược lại, tai nghe và mũi ngửi bỗng trở nên bén nhạy như trời đền bù ân huệ. Tôi nhìn những gì xảy ra quanh đời bằng tiếng động với mùi hương. Còn cần chi hơn nữa, khi sáng ra tôi vẫn nghe từng hạt mưa nhỏ, lúc đêm khuya tôi nghe ra cả tiếng cành lá khẽ khàng lọt qua cánh cửa cùng bước chân cô ấy đi vào. Đối với tôi, hương thơm cây cỏ và sương đêm chẳng dễ dàng gì chìm lẫn trong mùi nước hoa nồng đượm của cô ta.

Tôi đã nói với em, tôi sợ tiếng gõ lóc cóc trên bàn chữ của cái máy điện toán, nó như những hòn sỏi nhỏ, bung bung ném vào mạng thần kinh để nhắc nhở tôi về thực tại. Nhưng giờ đây, tay không cầm bút nổi để viết nên nhờ chúng, tôi có thể gửi cho em những điều sau cuối, đáng lẽ là những nốt nhạc mà tôi không thể đưa cung đàn lên đền đáp. Đúng thế, với em, tôi không thể nói gì khác hơn một câu cám ơn giản dị, một khi, từ bao nhiêu năm trước, tôi đã ngu xuẩn đánh mất cái cơ may hãn hữu một lần của đời người, đó là nói lên lời tỏ tình hồn nhiên, trinh nguyên nhất.

Đêm mãn khóa, khi ba chúng ta chấm dứt nhịp nhạc cuối cùng, bạn bè ùa lên sân khấu. Mọi người vây quanh chúng ta, vây quanh em thì đúng hơn. Họ khen ngợi đoạn andante em vừa chơi thật xúc cảm khác thường. Chính tôi tập dượt với em bao lần cũng không khỏi ngạc nhiên. Càng lạ lùng hơn, tôi thấy em không diễu cợt với nhóm bạn đến nghe như thường lệ. Lúc không khí ồn ào đã lắng xuống, em chợt nhỏ nhẹ nói từ biệt, em đã học

xong và sẽ rời thành phố này, đây là buổi hòa nhạc cuối cùng của trio Hương Xưa. Mọi người cũng như tôi đều sững sờ, chỉ có Dũng là người duy nhất thật điềm tĩnh. Hắn nắm lấy bàn tay em đang vịn trên nắp dương cầm, như thể giúp em kềm giữ xúc động, và cũng như thể hắn là người duy nhất được biết trước, dự phần trong sự ra đi của em. Ý nghĩ ấy làm ngực tôi nhói lên, tôi tìm ánh mắt em, tìm một giải thích. Nhưng không, cảm xúc đã qua, em tươi cười như mọi lần, đùa giỡn vài câu với kẻ này người nọ. Rồi em ôm bó hoa của bạn bè tặng, những đóa hoa cúc vàng tươi thắm ền áo xanh thẫm. Đó là hình ảnh cuối cùng tôi có được. Dường như em có quay lại nói với tôi một câu gì đó, nhưng trí óc tôi đã tê liệt, tai tôi lùng bùng những âm thanh hỗn loạn. Tôi chẳng còn nghe ra gì, làm sao tôi hiểu rõ lời em. Tôi đứng đó nhìn em đậy nắp đàn, gom góp những bản nhạc, nhìn Dũng bỏ cây đại vĩ cầm của hắn vào túi, rồi hai người cùng nhóm bạn đi ra. Tôi cố tình trì hoãn để ở lại một mình với nỗi đau bất ngờ, chất ngất. Và...cô ấy đã xuất hiện từ trong một góc tối của thính đường như...định mệnh.

Kể gì đây về những gì sau đó! Chỉ còn có tiếng nhạc, điệu trống đinh tai nhức óc của hộp đêm mà tôi đã lôi cô ấy lao vào, vặn người điên đảo. Rồi hình như, gần về sáng, tôi nhớ có mùi hương thoảng qua lúc cô ta dìu tôi về ngang sân của căn lầu tôi ở. Em còn nhớ không, trong khoảng sân cỏ vuông đó, mùa hè cây hoa nhài nở hoa trắng thật thơm về đêm. Mỗi khi em và Dũng thả tôi xuống xe, em thường hay gọi với, kêu tôi bẻ trộm cho một cành. Hai ngày đêm, hai ngày đêm, tôi không ra khỏi căn lầu. Tôi chập chờn nhân ảnh, tôi nhìn cô ấy ra em. Tôi quấn mái tóc cô ta quanh cổ mà tưởng như chiếc khăn quàng lụa mỏng của em. Cứ mở mắt ra, những tấm màn sau cánh cửa tựa màu áo trắng em thường mặc. Hai ngày đêm, tôi vục xuống, lăn lộn trong mùi da thịt, tất cả nồng lên trong hơi nóng thiêm thiếp của căn phòng khép kín.

Đến khi những tiếng sấm của cơn giông mùa hạ rền lên trong đêm, rồi tiếp theo tiếng mưa đập giận dữ trên mái ngói, vào những liếp cửa đóng chặt, tôi mới choàng tỉnh cơn mê. Chợt nhớ ra thực tại, tôi chụp lấy cái điện thoại ở đầu giường. Trong nỗi sợ hãi cuống cuồng mất em, tôi thèm nghe dù chỉ là một tiếng em a-lô bên kia đầu dây. Tôi nghĩ, tôi sẽ nói ra được một câu gì đó dù ngây ngô, để giữ em lại. Có hề chi! Điều thành thật nhất vẫn là vụng dại nhất, phải không em? Nhưng cô bạn ở cùng nhà cho biết sáng nay Dũng đã đến đón em và đem hành lý đi rồi.

Chưa tới một năm sau, tôi và cô ấy có đứa con trai. Đấy, thằng bé thường chạy skateboard trên con đường dốc sau đồi cây. Nó vừa được thôi nôi, tôi bắt đầu có những triệu chứng bệnh đầu tiên, hai chân mệt mỏi, mắt mờ dần đi. Chẳng bao lâu, hai bàn tay run rẩy. Và, cuối cùng, như em thấy,

tôi, chiếc áo mưa vàng lăn xe trên con đường vắng của một thành phố mà mưa thường nhiều hơn nắng.

Cơn bệnh càng tiến tới mau chóng tỏ tường bao nhiêu, tâm thức tôi càng lùi dần vào bóng tối nhanh ngần ấy. Cây đàn trước để trên bàn, sau đẩy lên nóc tủ. Thỉnh thoảng tôi nhờ cô ấy đem xuống, mở ra lau chùi, muốn so dây, nhưng chỉ còn bật lên những tiếng từng từng của mấy sợi thần kinh đang hăm hở đứt. Tôi lại vất ra đó, cô ấy gượng nhẹ bỏ vào bao cùng với hơi thở dài dấu diếm. Đàn tôi không kéo được, những bản nhạc tươi vui, êm dịu tôi cũng không còn muốn nghe. Cứ mở máy hát ra, tôi chỉ thích bừng bừng dồn dập hoặc những hòa âm mạnh bạo dữ dội, hoặc phải là thể nhạc đầy mâu thuẫn, thê thảm lẫn hoạt kê, cảm kích lẫn đa đoan của Mahler. Tôi đã quên hẳn những đám mây thong dong trong bầu trời yên tĩnh của Debussy, tiếng chim nhảy nhót trong Grieg, và cả những trio nhạy cảm của Mendelssohn mà chúng ta đã chơi với nhau bao lần. Nói đúng hơn, tôi không còn muốn nghe và làm những gì tôi từng yêu thích. Tôi cố tình phủ nhận mình. Tôi gạt bỏ cuộc đời, và theo đó, tôi đã lãng quên...em

Mỗi ngày lập lại cùng một điệp khúc. Buổi sáng tôi dậy thật sớm, loay hoay tự sửa soạn cho mình dưới ánh mắt mà tôi nghi ngờ đầy thương hại của cô ấy. Mưa hay nắng, tôi vẫn choàng chiếc áo mưa vàng, lăn xe đến sở. Người đời vẫn tử tế, để cho tôi còn được làm một chút việc hữu ích. Trước máy điện toán, với cặp mắt còn loáng thoáng nhìn ra những hàng chữ và con số, với ngón tay còn có thể chậm chạp đẩy, ấn trên con chuột để tìm kiếm những tài liệu liên quan tới công việc của cơ quan. Rồi mỗi chiều tôi ra về, ngồi ở cửa sổ, ngóng thằng bé tan học, rột rột tiếng skateboard trên con đường nhựa. Đợi một nụ hôn thoáng qua trên má, xúc động. Nhưng từ lâu nay, đã có gì chẹn ngang cổ họng, tôi thường không thể nói ra một lời âu yếm nào với đứa con. Tại sao?

Rồi cô ấy sẽ về, ăn uống, dặn dò bài vở cho thằng bé, chịu đựng thêm những cay đắng ồn ào của tôi về bất cứ một chuyện nhỏ nhoi nào, và sau đó cô lại sửa soạn ra đi. Mùi nước hoa cuốn theo từ phòng ngủ ra tới cửa ngoài, tôi nhức đầu, choáng váng. Đầu tôi bưng lên, và thế là, tôi lại lăn xe tới bên máy hát, vặn thật to, lại những chuỗi dồn dập của Wagner hay những âm thanh cứa, cắt. Thằng bé đóng ập cánh cửa phòng nó. Và, tôi ngồi lặng ra đó, đợi đêm khuya, hay vào giường trăn trở thao thức cho đến khi tiếng xe cô ấy trở về, mang theo tiếng mưa, gió, hay chỉ là lá rụng ngoài sân. Thậm chí, tôi nghe ra cả những trao đổi, môi hôn của cô với người đàn ông nào đó.

Ngần ấy năm tháng qua đi, nếu không gặp lại em, chắc rằng tôi sẽ quanh quẩn điên cuồng với điệp khúc ấy cho đến lúc bộ thần kinh đã hoàn

toàn sơ cứng với cơn bệnh. Tôi thản nhiên đày đọa hai người thân yêu đó, cùng với tôi, trong hố thẳm của chính mình. Khi không còn có thể vớt vát vai trò một anh chồng trong mọi nghĩa, tôi đã mặc cả lẫn xô đuổi cô ấy ra đi, nhưng phải để thằng bé lại. Cũng có lúc tôi dịu dàng năn nỉ, nhưng cho đến hôm nay, cô vẫn còn đây. Có thể em đang nhíu mày vặn hỏi: tại sao người phải đi không là tôi? Thế đấy, em đâu thể tưởng tượng ra thứ linh hồn trơ trơ, ích kỷ của người bạn năm xưa luôn luôn nồng nhiệt với mọi người. Tôi hận số mệnh bất công, cho nên tôi không chấp nhận bị mất mát hao hụt thêm bất cứ điều gì. Tôi phải ở lại căn nhà tôi đã quá quen thuộc với từng vị trí, đồ vật. Chỉ có ở đó tôi mới có thể tự túc, một mình đến sở làm, để chứng minh với chính tôi, mình chưa hoàn toàn vô dụng. Sự tự lừa dối thật kinh khiếp và quái đản. Em nào hiểu được, phải không?

An ơi, em đã trở về đây. Từ cửa sổ em, những nốt nhạc trong sáng, hồn nhiên đã bay ra huyền diệu, lay tỉnh tên mù quáng. Âm điệu giản dị, không chao động của bài sonate cung đô trưởng của Mozart ấy, hay chính với tâm ý dịu dàng, em đã đưa tôi về với ý thức của con người bình thường. Làn gió đêm dịu mát từ con sông trước nhà em hắt trả lại cho tôi mùi hương xưa đã mất.

Tôi sẽ xuống dưới miền nam, vào trung tâm chuyên săn sóc cho những người bị sclérose mà tôi đã nói. Dẫu có là muộn, nhưng từ nay trong khí hậu ấm áp ở đó, tôi tin mình sẽ tìm thấy bình yên, điều bình yên đó cần thiết cho cả cô ấy và đứa con tôi. Mấy hôm nay, tôi loay hoay thu xếp để mọi thứ được trang trải nhẹ nhàng. Chỉ có cây đàn làm tôi băn khoăn. Tôi muốn biết bao được tặng em, thay cho lời nói mà đáng lẽ đã phải nói ra mười mấy năm trước. Nhưng đồng thời, tôi cũng hiểu, nếu có một kỷ vật gì còn có thể xem là trong sáng của tôi, xứng đáng để ký gửi lại cho cô ấy và thằng bé, thì chính là cây đàn này. An, hãy cho phép tôi, lỗi lầm thêm với em một lần nữa trong đời. Tôi tự an ủi, ngày đó dù có bộc lộ được tình yêu này cũng không chắc gì níu giữ được em. Đấy cũng là cơ trời, để hôm nay, em còn thanh thản đàn cho tôi nghe, như lời khuyên nhủ thâm trầm độ lượng.

*

Năm ấy Lam vừa hai mươi tuổi. Cô mê vĩ cầm từ hồi nhỏ xíu, nhưng ông bố không thể nào chịu đựng thứ âm thanh chói tai của những đứa trẻ mới vỡ lòng, bắt đầu cầm cung đàn cứa trên dây. Ông đã hét lên và xua tay khi thằng anh họ đem đến cây đàn và chỉ vẽ cho Lam. Người ta bảo ông là một bác sĩ giỏi và tận tụy, suốt ngày cặm cụi với đám bệnh nhân. Nhưng

Lam thường tự hỏi, một người không có chút giao cảm với âm nhạc làm sao có thể hiểu được nỗi đau dù thể xác hay tinh thần của người khác? Mỗi tối, ông về nhà rất trễ, mệt nhọc bước lên thang lầu vào phòng con gái, đặt nhẹ một nụ hôn lên trán, vài câu thăm hỏi lấy lệ rồi trở xuống. Lam nằm nghe bước chân ông nặng nề, tưởng tượng ra ông sẽ ngồi ăn cơm tối, trước cái bàn rộng thênh thang, quạnh quẽ. Nhưng ông muốn như vậy, không thích ai gây tiếng động trong nhà.

Thế là, khi tới tuổi được chút tự do, Lam thường viện cớ này cớ kia để sau các buổi học, lê la với mấy con bạn. Cô canh chừng để chỉ trở về căn nhà ảm đạm vài phút trước ông thôi. Tới lúc vào đại học, khuôn viên rộng rãi, đời sống sinh viên đầynhững sinh hoạt sống động, phóng khoáng, càng đẩy Lam rời xa ngôi nhà thâm u ấy. Cô tha thẩn từ giảng đường sang thư viện, rồi sân thể thao, nhưng nơi thú nhất vẫn là cái club âm nhạc của bọn sinh viên. Ít khi Lam bỏ sót một buổi trình diễn nào, nhất là của bộ ba Hương Xưa. Họ chỉ là sinh viên nhưng có trình độ, đều tốt nghiệp nhạc viện của thành phố. Cô gái chơi dương cầm nhỏ nhắn, cặp mắt nâu thẫm và buồn lạ nhưng cô lại hay cười. Cô ta được hai anh chàng tên Thanh và Dũng chiều chuộng như người em gái nhỏ.

Luôn luôn Lam ngồi khuất ở những dãy ghế cuối của thính đường để tự do nhìn ngắm, buông người duỗi chân, thả hồn mơ mộng. Lúc đầu Lam chú ý nhiều đến Dũng, anh ta chững chạc, đầy phong cách. Nhưng dần dần, cử chỉ tự nhiên, nhanh nhẹn, vẻ hóm hỉnh nghịch ngợm của Thanh với cây vĩ cầm trong tay, trong những đoạn nhạc vui tươi bay nhảy đã chinh phục cô dễ dàng. Một ngày, Lam quyết định chạy băng từ bên khu văn chương sang phía khoa học để đợi Thanh tan lớp, lấy cớ nhờ hướng dẫn một đĩa nhạc để làm quen. Từ đấy, thỉnh thoảng cô gặp riêng anh, nói vài câu chuyện bâng quơ vui vẻ ở cuối hành lang hay trong quán cà phê. Những tối đó, khi trở về căn phòng lặng lẽ, nằm nghe cây lá trong khu vườn thâm u than thở, Lam không còn khóc thầm như trước.

Nhưng tại sao lại có đêm hòa nhạc năm ấy, tại sao cô gái mắt nâu cùng với anh chàng Dũng hào hoa lại đi ra, bỏ Thanh một mình trên sân khấu còn sáng ánh đèn? Lam không hiểu chuyện gì đã xẩy ra giữa họ, chỉ thấy đau lòng khi nhìn anh ngồi lại, thẫn thờ giơ cung đàn lên nhưng rồi thõng tay buông xuống. Không thể ngăn được, như định mệnh, Lam đã đứng lên, đi ra từ bóng tối.

Từ bóng tối nơi những dãy ghế sau cùng năm ấy cho đến ánh sáng lấp lánh ngoài bệ cửa chỗ cô đang ngồi hôm nay, đã trải qua bao nhiêu thời gian, bao nhiêu biến cố? Lam không biết nữa! Chỉ còn trong trí nhớ, tấm màn voan và chăn giường trắng lạ lùng với bức tường xanh dương đậm của

căn phòng anh sẫm tối. Chỉ còn trong cảm giác, đêm mưa ngập tràn hạnh phúc, dù trong cơn thiếp ngủ mỏi mệt đầu đời, rất thơ ngây ấy, cô đã mơ hồ nghe anh cuống cuồng mê sảng, cấp bách gọi với một tên ai, lắp bắp một điều gì. Hai ngày đêm trong tay anh, hạnh phúc to lớn quá, làm sao Lam có thể ngờ đó là dự báo của một số phần thê thảm! Đó là đóm lửa phù du sẽ bị thổi tắt đi bởi ngọn gió độc của định mệnh.

Vài tháng sau đêm mưa giông, anh có việc làm chính thức. Lam về nói với ông bố cho cô lấy chồng. Vẫn trước ngọn đèn thõng xuống trên cái bàn ăn quá rộng, ông từ từ cầm khăn chùi miệng - bao giờ ông cũng từ từ như không còn gì có thể buộc ông phải vội vã để gây ra tiếng động trong cuộc đời này - rồi ông hỏi:

-Hắn là ai, làm nghề gì?

Chẳng hiểu sao, không nói tới công việc anh làm ở sở, Lam lại đáp:

-Anh ấy chơi vĩ cầm.

-À, nhạc sĩ, đàn địch ầm ĩ, suốt ngày!

Lam nhìn ông đăm đăm, một gương mặt chảy dài. Đã bao nhiêu năm cô không nhìn ông bố tận tường như thế. Làn da xếp nếp u uẩn như những gợn sóng nhỏ nhoi của một dòng sông im lặng.

-Vâng, chơi đàn suốt ngày. Nhưng cha yên tâm, chúng con không về ở đây để phiền cha.

Mãi lúc thằng bé được vài tháng, hai vợ chồng đưa con về thăm ông. Hình như có một đốm sáng chợt ánh lên trong mắt ông, nhưng chỉ khoảnh khắc, nó tan biến đi ngay trong tiếng khóc ré từng chập của đứa nhỏ đang quẫy đạp chân tay. Chẳng hiểu sao, vừa vào nhà, thằng bé khóc hoài, dỗ không nín. Ông chậm chạp bỏ đi vào phòng bên, ngồi xuống trước lò sưởi, lẳng lặng cầm tờ báo. Lam vội vàng đưa mắt bảo anh ra về, cô thèm được nghe anh dạo một khúc nhạc ngay lúc ấy.

Từ khi khám phá ra cơn bệnh bất trị, Thanh thay đổi không ngờ. Cùng với đôi chân yếu đuối dần, gương mặt anh cùng mái tóc dầy, thưa mỏng hẳn. Trên giường, thỉnh thoảng như ám ảnh, anh cố giẫy đạp hai chân, quay sang muốn ôm xiết Lam trong cánh tay, để rồi được vài giây đành buông ra, rơi xuống, cùng với tiếng thở dài sâu hun hút. Thời gian đó, Lam chỉ mới hai mươi hai, sống chưa đủ đời để chấp nhận sự vô tận mênh mông của đêm dài. Anh bảo cô hoàn toàn tự do. Nhưng có lần, một gã bán chim đi qua nhà, anh gọi mua tặng Lam một con họa mi. Thằng bé yêu con chim vô cùng, cô cũng thế. Con chim nhảy nhót ríu rít, nhưng dần dần dường như nó buồn, ít hót đi. Lam bàn với anh mua thêm một con nữa cho có đôi. Không ngờ gương mặt anh chợt bất động, rồi anh lăn xe rời bàn ăn, không đáp.

Con chim một mình quanh quẩn trong lồng đơn độc. Nhưng buổi tối, Lam thường ra khỏi nhà, khi đi xem một cuộn phim, cũng có hôm cô ghé qua club nhạc, ngồi ở hàng ghế xưa, để mặc cho hình ảnh cũ chập chờn. Sau này, cô đến những nơi khác, cà phê, hộp đêm, sàn nhảy, quen biết, gặp gỡ...nhưng mọi điều đều ngừng lại khi cô về tới trước cửa nhà. Thường, trong phòng anh vẫn còn ánh đèn, cô bước ngang, thở dài. Thằng bé đã ngủ say, cô thích nhìn con lặng lẽ, vì chỉ vào lúc ấy gương mặt nó thật bình thản, khác hẳn vẻ lấm lét, câm nín ở mỗi bữa ăn, khi ba người cặm cụi trên cái đĩa của mình. Không hiểu có phải di truyền từ ông bố cô chăng mà thằng bé chẳng thích học đàn. Điều nó mê mải là lượn người trên chiếc skateboard. Không khí càng căng thẳng giữa Lam và anh, thằng bé càng lăn nhanh ra đường, thả người lao đi, không cách gì cản được.

Mấy hôm nay anh thường đóng cửa phòng. Lam không hiểu Thanh sửa soạn điều gì, nhưng lạ lùng thấy anh vui vẻ thư thái. Lắm lúc, cô tưởng chừng gặp lại người đàn ông dịu dàng của năm xưa, thỉnh thoảng anh huýt sáo một vài điệu nhạc cô từng yêu thích, nhẹ nhàng. Thằng bé và cô nhìn nhau ngơ ngác, chờ đợi. Và, hôm qua, anh ôn tồn bảo, ngày mai sẽ có xe đến đón anh đi. Lúc bấy giờ, nắng chiều còn sáng ngoài sân.

*

Thằng bé đang đứng gần ngã tư, nơi mà bố nó vẫn lăn xe đi thẳng đến sở làm, còn nó sẽ quẹo trái để trượt xuống con đường dốc, rào rào thật đã. Thật đã, khi tất cả dồn nén đau đớn trong ngực, trong đầu nó được thoát ra cùng hơi thở và luồng gió. Thường thường mỗi sáng, bố nó vừa ra khỏi nhà, thằng bé cũng đeo cặp sách trên lưng, cắp miếng ván lướt trong cánh tay, lững thững đi bộ cách xa phía sau. Đến ngã tư này, nó dừng lại, nhìn theo, đợi đến khi chiếc áo mưa vàng đã an toàn qua được bên kia, mới xỏ dụng cụ vào và yên lòng lượn người băng băng.

Như mọi ngày, nó đứng lại ở đây, trời đang đầy nắng. Dù biết trước, thằng bé vẫn ngẩn ngơ dụi mắt trước khoảng trống bất ngờ, nó không để ý đến người đàn bà trong chiếc xe đen đậu bên kia đường đang lặng nhìn mình.

Có tiếng chim chuyền cành xào xạc trên cây, nó sực ngửng lên tìm kiếm. Sớm nay, khi nó đến cho con họa mi ăn thì, không hiểu ai đã mở cửa lồng.

NGUYỄN MAI NINH



THƯỜNG QUÁN

in memoriam

Người ta đã hát những câu thơ ngọt ngào
vốn chứa tiếng hát

nhưng không ai biết phải làm gì với những tiếng
Nó thoát!   Nó thoát!
tưởng ấy chỉ là một cuộc trình diễn

giữa Mác! Mao! Marcuse, Black Power !,
sit-in ở Berkley, xuống đường ở Bến Thành,
68 ở Paris, Mậu Thân ở đồng loạt các tỉnh
và thị trấn như BBC VOA
RA NHK Reuters AFP đồng loạt đưa tin

Diễn chỉ là một cái tên

1974, buổi sáng đầu tiên ở Sài Gòn,
tôi chú ý những chiếc thùng rác,
những người phu trên những con đường dinh thự,
tiếng kêu, không phải chỉ ở Paris mới có tiếng kêu
của những loài sắt lạnh, thế nhưng mà nhớ
— đấy, thơ Nguyên Sa

ở phi trường Tân Sơn Nhất trong tiếng phản lực
người bạn lại đọc, thủ thỉ và tâm sự "
nhưng giòng máu không thể chảy ngoài huyết quản.
mi nhớ về nghe mi "

tôi dụi mắt người bạn đã chết
sau ba năm nằm với một chiếc túi ny-lông, ở gần ruột

những tập thơ lẫn trong sách giáo khoa
để ngoài nắng lề đường Lê Lai
chữ có thực da den,
đám đông, nắm tay giơ hoang, đập trống tang,
nhảy múa, không ai biết làm gì , vẫn không ai biết
phải làm gì với
Nó Thoát ! Nó Thoát
(chẳng hát được) mà gió đập gió đánh lật, như tóc

... buổi tối hôm qua một người bạn từ Sydney xuống bảo
Diễn đã chết, giọng cũng ngọt ngào,
làm như anh xuống để đưa tin

tôi bảo nhưng mà ông ta mới nằm mơ đây mà,
bảo bóng tối đã tới, chiếc đồng hồ không dạ quang,
liệu tôi có làm được gì? Ông ta mới viết đây mà

tôi muốn bước ra khỏi nhà,
đi một vòng, tới một chỗ im lặng
nhớ ngược về một buổi sáng
náo động và bạo động, bạo động và tình yêu,
chữ hoa và cái chết, cái chết và thơ, tuyên ngôn và đạn,
thơ và hò reo, những người đi ngược, im lặng

sau những cột Sao cao, những căn nhà dẫn tới một khu chợ
những mảng tường bích chương tranh cử và vôi bong, từng mảng
phập phồng, tàn tạt, trong gió, như phong hủi

sau một vuông cửa sổ
chắn song sổ dọc
một người đội nón

người ấy xếp Descartes lên giá
tìm một trang giấy trống
bắt đầu (hay bắt đầu trở lại ?)

m hay n?
Diễm hay Diễn ?

THƯỜNG QUÁN



JIM PHELAN
MIÊNG *dịch*

BỨC MÀN*



Jim Phelan sinh trong một gia đình nghèo ở Dublin. Lần lượt làm diễn viên, thợ rèn, nhân viên nhà băng, ký giả... Ông sống cuộc đời lang thang, đôi khi phải vào tù. Từ kinh nghiệm sống này ông đã viết "Letters from the Big House (Cresset, Hutchinson Publishing Group, London, 1943) một tuyển tập truyện ngắn, như truyện "Bức Màn", đã miêu tả thế giới lao tù với một cái nhìn sắc bén của thảm cảnh đôi khi xen lẫn khôi hài đen. Jim Phelan cũng viết "Bog Blossom Stories" (Sidgwick and Jackson, London, 1948), nhiều tiểu thuyết, và một quyển tự truyện, "The Name's Phelan" (Sidgwick and Jackson, London, 1948).

"Nhà tù Fenfield, bên phải". Chiếc xe ca chạy chậm lại và du khách dán mắt nhìn vào cảnh tượng quái dị : giữa khung cảnh xanh tươi dễ chịu của đồng quê, một toà nhà khổng lồ bằng gạch đỏ sừng sững giữa mấy dãy nhà nhỏ chen sát nhau làm tăng thêm vẻ bao la của nó.

"Tù khổ sai, bên trái". Hướng dẫn viên du lịch biết rõ việc mình làm, biết đúng chỗ nào có gì đáng xem trên con đường anh ta đi qua mỗi ngày. Khoảng hai chục cái đầu quay từ nhà tù sang tù nhân, đúng y như các du

khách khác đã làm trong các cuộc hành trình khác. Họ há mồm ra nhìn với vẻ ngỡ ngàng, nhíu mày hay rùng mình quay mặt đi tùy tính khí mỗi người, trong khi chiếc xe ca từ từ lăn bánh xuống đồi.

Vài trăm người đang làm việc rải rác trên đồng và các con đường làng. Trang bị bằng cày, cuốc, rìu và bay thợ nề, người của nhà lao đang bù đầu với công việc khổ sai của họ. Chỗ này một nhóm người kéo cây đã đẵn, chỗ kia một nhóm khác đang cố kéo cái xe mà chính họ bị móc vào đấy. Nhiều nhóm khác, mỗi nhóm có một người bận đồ xanh trông chừng, đang xây một bức tường sắp xong. Gần đó một đứa con nít chơi đùa và một cô gái đứng bên đường cái, nhìn du khách đi qua.

Thỉnh thoảng một du khách bình phẩm rằng Fenfield đã đổi khác. Họ luôn luôn chờ thấy một bức tường, một bức tường cao khép kín cái im lặng và điều bí ẩn bên trong nhà lao. Các hướng dẫn viên biết rõ điều ấy, nên luôn luôn chỉ nhà tù trước tiên, tiếp theo mới cho du khách cái cảm giác rờn rợn với câu "tù khổ sai bên trái". Thông thường du khách bị xúc động mạnh khi nhìn thấy các tù nhân lác đác khắp nơi - phía bên ngoài bức tường kinh dị đó.

Xe ca vừa chạy nhanh vừa rít lên và du khách hướng cái nhìn về chỗ khác. Tù nhân các nhóm làm việc hơi ngẩng đầu lên. Mấy cái trò đó đã quen thuộc quá rồi. Mỗi ngày nhiều xe ca chạy qua với cùng một thứ khẩu hiệu "Nhà tù Fenfield bên phải. Tù khổ sai bên trái". Mỗi ngày, du khách dán cái nhìn vào tù nhân đang làm việc trên đồng, nhìn vào những người cai tù, nhìn vào bức tường chưa hoàn thành.

Bức tường bao một vòng thô ráp chung quanh nhà lao. Có lẽ dài khoảng một dặm. Hàng trăm năm nay, nơi đó vẫn mở ngỏ cho mọi người. Tù khổ sai làm việc trên các đồng cỏ hay trên đường, trong khi cư dân quanh vùng chăm lo công việc của mình, không ai để ý ai. Rồi từ mấy năm nay bức tường được bắt đầu xây lên. Chậm chạp trong cái vòng tròn bất thường, nó bò dài ra tới các đầu ranh giới của nhà lao. Cuối cùng bây giờ nó hầu như trở lại điểm khởi đầu. Cái vòng tròn gần như toàn vẹn.

"Fenfield... bên mặt... Tù khổ sai... bên trái". Cô gái đứng gần đường cái quay bỏ đi khi một chiếc xe ca khác đang chầm chậm xuống dốc. Cô ta đi ngang qua trước nhóm người đang làm việc chỗ bức tường và tiến về phía một căn nhà lớn nằm cạnh cửa nhà lao. Nhóm người lo việc xây cất không để ý gì đến cô ta, có lẽ cô ta là người qua lại thường xuyên. Cô gái có vẻ một người giúp việc, mang giỏ thức ăn và tờ báo ; cả cô ta cũng vậy, cô cũng có vẻ quen thuộc khung cảnh này lắm rồi.

Khi đi qua lỗ hổng của bức tường, cô chậm bước. Viên cai tù quay lại

nói chuyện với tù nhân. Một gói nhỏ từ tay cô gái rớt ra trên đống đá. Rồi cô quay trở lại lối đi dẫn về nhà.

Lỗ hổng trên tường nhỏ, rộng khoảng hơn hai mươi bộ, hai mươi bộ cuối cùng của một dặm. Một con đường nhỏ băng qua đó, dùng cho cả cư dân quanh vùng và tù nhân. Sắp tới, khi bức tường hoàn thành, cư dân sẽ phải tìm một lối đi khác và sẽ không thấy tù nhân xuất hiện nữa. Nhưng hiện tại con đường cũ vẫn còn đó, điểm tiếp xúc cuối cùng giữa hai thế giới, thế giới tù tội và thế giới tự do.

Khoảng hai mươi người làm việc trong nhóm xây cất, đang nâng từng tảng đá to, trộn vữa, đẩy xe cút kít. Xa hơn, một người làm việc một mình với cái bay và cái bàn xoa. Chàng thanh niên có lẽ vào khoảng hai mươi bảy tuổi, cao lớn, tóc hoe vàng, mang nẹp xanh trên tay áo và con số thêu xanh trên mũ cát két. Khi cô người làm đi ngang qua, anh ta không ngẩng đầu lên. Nhưng khi cô ta vừa đi khỏi, anh ta đặt cái bay xuống và băng qua lỗ hổng của tường.

Viên cai tù không để ý gì. Ngay cả cư dân vùng đó cũng thừa biết là một người "mang nẹp xanh" có thể di chuyển đó đây không hề bị theo dõi. Người tù khổ sai nâng vài tảng đá trong đống đá bỏ lên xe cút kít rồi đẩy đi qua lỗ tường. Sau mấy phút anh ta lại trát vữa với vẻ chuyên cần, nhưng bàn tay cầm cái bay có dấu một gói con con. Lén lút, nghe ngóng như một con chim hoảng sợ, anh chọn lúc người cai và các tù nhân khác đang bận bịu, nhét nhanh cái gói nhỏ vào dây nịt.

Vài phút sau, cô gái ra khỏi lối đi và bước chầm chậm xuống đường. Cô ngần ngừ một giây rất ngắn gần đống đá, lấy lại tờ báo rơi dưới đất rồi rảo chân rời xa sau khi liếc một cái tới "anh chàng mang nẹp xanh".

Trên băng đá gần lối đi công cộng, trong khi những người du khách đi ngang qua, cô đọc mảnh giấy mà anh đã thả rơi trên đống đá, anh viết : "Maeve yêu qúi, vì Chúa, xin em đừng lo lắng quá như vậy. Ngay cho là anh có bị ở đây suốt đời chăng nữa thì mình vẫn còn có thể gặp nhau kia mà. Em yêu, khi thành hôn, mình không hề nghĩ rằng chưa đầy một năm sau anh lại bị tù. Tuy vậy sáu năm nay anh cảm thấy gần như sungsướng ở đây, nhờ vào tình yêu và lòng can đảm của em. Sẽ có, sẽ phải có cách nào đó để mình gặp nhau".

Cô gái làm một cử chỉ sốt ruột rồi vẫn ngồi, với cái nhìn trống vắng, đầu óc cô chú mục nghĩ tới câu chuyện đã xảy ra. Sáu năm trước, đang ở tột đỉnh hạnh phúc thì tai hoạ giáng xuống đầu họ. Buổi tối liên hoan ai cũng uống nhiều, rồi cãi cọ, một tiếng súng nổ và cuộc điều tra tiến hành. Vụ kiện xử qua loa và được giảm nhẹ hình phạt nhờ lòng khoan hồng. Rồi những năm tinh thần bị dằn vặt với giải pháp tuyệt vọng là đi làm con sen

cho người ta để được gần anh...

Họ rất cẩn trọng. Không bao giờ, chưa một lần nào dám liều lĩnh. Một mẩu giấy vứt xuống đất hay một lời nói nhanh ; đôi khi nếu tình hình thuận lợi, họ trao vội cho nhau một cái hôn nồng nàn. Chỉ thế thôi. Tuy nhiên như anh đã nói, là anh hầu như hoàn toàn sung sướng. Nhưng bây giờ - cô làm một cử chỉ nhỏ lần nữa rồi chụp vội mảnh giấy trên đùi, với vẻ bứt rứt.

Trở lại gần bức tường mọc cao dần lên, người thợ mang nẹp xanh quỳ trong một góc vắng để đọc mảnh giấy anh vừa nhặt khi nãy. Maeve viết : "Jack, anh phải nghe em. Đây là cơ hội cuối cùng của anh. Anh không có gì để mất cả bởi nếu anh bỏ qua dịp này, chúng ta sẽ xa nhau vĩnh viễn. Nếu anh nắm lấy cơ hội và thất bại thì đÂều tệ nhất có thể xảy ra là sự xa cách thôi. Chiều nay trước khi mọi người đi về thì anh đến nhé. Thật là tuyệt vọng, em biết, nhưng chúng ta cũng đang tuyệt vọng lắm rồi".

Người tù khổ sai nhìn quanh một cách lén lút với vẻ gì còn nặng nề hơn là nỗi lo âu trong mắt anh. Anh loáy hoáy viết vội vã trên mảnh giấy còn giữa chừng, rồi anh ngừng lại, thở dài rít lên và bắt đầu viết tiếp. Còn đủ thời gian vừa đúng cho một lần chuyển đá nữa trước khi các nhóm thợ đi ăn trưa. Mấy phút sau, những người tù khổ sai về từ các cánh đồng và bìa đường, nối tiếp nhau vượt qua lối đi của bức tường ; người ta nghe một tiếng gầm nặng nề, tiếng xì xào nổi lên trong nhà lao lớn rồi sự im lặng của buổi trưa rơi xuống Fenfield.

Trong sự yên tĩnh của bữa ăn trưa, Maeve nhặt mảnh giấy thứ hai không khó khăn gì, trước khi nhanh chân trở về với những bận rộn thường ngày trong căn nhà bên cạnh. Nhiều lần trong suốt buổi chiều, trong khi nghỉ chốc lát giữa các việc làm, cô cố kềm chế tiếng nức nở khi đọc lại mảnh giấy cuối cùng của anh. Anh viết : "Maeve yêu quí, anh tin chắc là em có lý. Nhưng không cần gì phải vội em ạ. Gượm đã, Maeve ạ, hãy gượm đã. Vẫn còn ngày mai, hay một ngày nào đó, trước khi bức tường hoàn thành. Liều lĩnh hấp tấp có khi là điên rồ. Ngày mai - hay ngày kia - nói với các anh ấy hãy sẵn sàng. J."

Chiều xuống, khi mọi việc đã xong rồi, Maeve trở lại chỗ lỗ hổng nơi con đường băng qua. Cô nhìn thẳng về phía trước, không hề liếc về phía các tù nhân đang làm việc. Rồi thình lình cô dừng lại, nhìn sững, kinh hãi.

Phía bên trong lỗ hổng có rất đông người đang làm việc. Tất cả nhân sự tù khổ sai của Fenfield đều ở đó, một đám đông khổng lồ đang ở gần lỗ hổng. Không một người bận đồ xám nào có mặt trên đồng hay trên các con đường. Mọi người đều ở bên trong và bức tường mọc lên rất nhanh. Lỗ hổng khép lại.

Jack ở đó. Cô thấy anh bên kia thành lũy đang mọc dần lên trong khi anh đang làm việc giữa đám đông. Nơi lỗ hổng đã cao lên khoảng bốn bộ rồi, một bức tường dựng lên trước mắt cô. Số người làm việc đông hơn trước gấp năm lần và những tảng đá được đưa lên như có phép lạ.

Maeve nhìn chồng, đưa tay lên giữa chừng rồi buông thõng xuống. Cô kêu lên cục cục ngớ ngẩn vô nghĩa trong khi chính anh đặt tảng đá cuối cùng vào chỗ. Hàng cuối cùng trải dài ra hết sức nhanh đến khi chỉ còn một khoảng trống nhỏ, chỉ một ô vuông vừa đủ lồng khuôn mặt anh trong chốc lát. Anh nhìn không nói gì, nhưng đôi mắt như bật lên một tiếng kêu thảng thốt. Rồi tảng đá bịt kín khoảng trống cuối cùng và Maeve im sững, chết lặng trước bức tường khổng lồ khép kín muôn đời sự im vắng và bí ẩn bên trong.

(Paris, Aout 1995)

MIÊNG dịch

---

* Nguyên tác : "Curtain"



THIÊN YÊN

mùa lũ

mùa lũ đổ về
thường làm anh hốt hoảng
chạy cuống lên
tìm chút rớt rơi của
 anh sau cơn mưa
đôi mắt sâu
đầy mê hoặc
                    khát khao mở
                          bờ môi ngờ vực
cánh tay dang
chờ quen thuộc

thân xác đờ say không nhiều cảm nghĩ
chỉ mong được nâng thoát
khỏi thế-giới-cửa-đóng-quá-sớm này
 lại một mình
hồn cô đơn
quằn quại giữa cát-bụi-chiêm-bao

ôi trái tim *anorexic* sao
vùng vẫy mãi vào đêm tối
      nghẹn thở trong tự do mất
 tự do được
tự do mất chơi vơi
               rơi
                             đỏ
                             trên giây đàn
                     đắng cay.

THIÊN YÊN



LÊ MINH HÀ

BÃO



Cơn bão được báo trước. Tối tối tivi thông báo từng bước đi của nó. Hướng bão. Sức gió. Bão lần này sẽ đổ vào vùng đồng bằng Bắc Bộ. Những vùng chịu ảnh hưởng của bão. Người lớn nhà nghèo dặn con xem lại can dầu và lau ống thông phong. Người lớn nhà giàu loay hoay nạp điện cho mấy cái đèn neon nhỏ. Mấy bà chép miệng rồi gạo lại lên đùng đùng. “Rau nữa. Dập nát hết. Mấy con mẹ bán rau thế nào cũng thẽ thọt bác đi cả chợ xem có kiếm được mớ rau nào ngon hơn rau em không?” Và tất cả cười ù, háo hức chờ"Một mình chống lại maphia.” Diễn viên dũng cảm còn hơn cả chiến sĩ cộng sản năm ba mươi ở trong sách.

Cơn bão mạnh không ngờ. Dù Hà Nội chỉ là vùng chịu ảnh hưởng. Gió lồng lộn. Gió khan. Cả khu tập thể chẳng nhà nào còn cửa kính từ hơn hai mươi năm trước, khi Mỹ đánh phá khu vực Vĩnh Tuy và làng Thanh Nhàn bên đê. Thư đã cẩn thận cặp chặt một tấm nilon vào hai cánh cửa chớp, lại còn chặn thêm cả cái thớt gỗ nghiến nặng chịch mẹ thỉnh từ quê ra. Vậy mà gió hất tung, hắt nước như tát vào phòng. Cả nhà loay hoay trong diện tích hẹp còn khô ráo sát cửa ra vào. Không ai ngủ nổi. Rồi cuối cùng Thư phải bò lên gác xép vốn là giang sơn của bố mẹ, nơi không có cửa sổ và có thể nằm đưa cánh tay lên là chạm trần.

Bão tan lúc gần sáng. Thư dậy sớm, uể oải dọn dẹp nhà cửa. Chủ nhật, Thư có tại nhà một lớp học thêm thi đại học. Nhưng trời đất thế này

chắc chẳng có đứa học trò nào. Vậy mà chúng vẫn bò tới. Một cô bé nhà ở tít Nghĩa Đô sụt sịt cười: "Em mất dép cô ạ. Chỗ hồ Thiền Quang nước ngập ngang thắt lưng em. Trôi tuột hết. Bao nhiêu người hôi cá. Xe máy thành xe lội nước. "Người giàu cũng khóc" (*). Bọn trẻ lục tục theo nhau vào chào râm ran trong khi bố mẹ Thư tươi tỉnh theo nhau ra khỏi cửa sang nhà hàng xóm ngồi nhờ để con gái có chỗ lên lớp. Lòng Thư bồn chồn: "Không biết chúng nó thiết tha với việc học hay thiết tha với mình?"

Bữa cơm trưa mỗi mình mẹ nói. Toàn thông tin bà lượm lặt được từ sáng tới giờ. Một tay giáo viên trường Dược bên dốc Thọ Lão đưa em vợ ra ga đúng lúc bão to trở về thì bị một cành cây rơi trúng đầu. "Chết. Chết ngay chứ còn gì nữa". Trên Thi Sách có một cặp vợ chồng đi làm ca đêm về vấp phải dây điện đứt. "Để lại hai đứa trẻ. Khổ." Bố hững hờ khêu một ngọn rau xào: "Thôi mẹ nó ăn đi cho con còn dọn." Thư nhìn mâm. Mưa bão mà mẹ vẫn lo được mâm cơm chu đáo cho ngày chủ nhật. Rau muống xào tỏi vắt chanh, thêm chút mắm tôm xanh ngắt. Đĩa thịt quay. Đĩa kiệu chua. Ớt thái từng lát mỏng nổi lập lờ giữa bát nước chấm trong một màu nâu quý. "Thiếu kinh giới. Mưa bão thế này. Nhà nào trồng rau thơm thì khóc."

Buổi chiều Thư vác xe ra khỏi nhà. Đi lăng quăng. Đường phố ngổn ngang cây đổ. Hồ Gươm. Cây cối ven hồ bị vặt trụi hết lá. Mặt hồ trống trải soi rõ từng tảng mây trắng nhờ nặng nước đang lừ đừ trôi ngang. Thư ngó về phía Nhà Thờ. Ngày trước Thư hay lên phố ấy. Ngày trước nhà Trung ở phố ấy. Cả nhà Thư tiếc Trung. Trung khi đó hai hai tuổi. Vừa xong đại học quân sự, được phân công về một chỗ rất thơm - viện Khoa học Kỹ thuật Quân sự. Nhà Trung gia giáo. Trung lại không phải là con cả. Đằng sau cũng chỉ còn một cô em sắp ra trường. Trung mê Thư và bố mẹ Trung xoắn xuýt kết Thư làm con dâu.

Thư hay lên nhà Trung từ trước đó. Theo bà chị có gần bảy năm phổ thông cùng Trung. Nhà mái ngói, không có trần chống nóng. Nhưng rộng. Giữ được nguyên cả số nhà sau khi tiếp quản Thủ đô như thế không phải dễ. Ông bà nội Trung ở nhà ngoài. ông cụ gần tám mươi, còn nguyên phong thái của một công chức thời cũ. Mùa đông áo khoác dạ và mũ phớt. Mùa hè quần áo đũi màu sáng. Batoong và tẩu. Tươi cười nhưng không niềm nở. Bà cụ là đời vợ thứ hai của ông lão, không biết xuất thân thế nào nhưng bao giờ cũng dịu dàng: "Thưa cậu, dạ thưa cậu, tôi đã... dạ chưa..." Không hiểu sao cái phong cách sống bặt thiệp lỗi thời đó của hai ông bà

già lại quyến rũ Thư. Nhưng lối sống của nhà Trung thì xô bồ. Trừ đoạn thưa gửi. Bố mẹ Trung đều là dân Bách khoa khóa một, ra trường xung phong về Hòn Gai. "Xung phong trước khi bị phân công về đúng chỗ ấy, sau còn dễ cựa." Mẹ Trung có lần cười cười giảng giải. Thư không biết bản tính năng nổ dễ dàng thích nghi với đời sống của bà hay mười mấy năm vùng mỏ đã đưa lại cho bà cách sống ấy: xởi lởi, ăn to nói lớn, rất dễ chan hòa cùng hàng phố. Cái để người ta có thể đoán ra gốc gác của bà có lẽ chỉ là cách ăn mặc. Bao giờ cũng giản dị, mà thực ra rất cầu kì. Trung có lần đã tự hào: "Ông bà ngoại anh ngày xưa có tới một nửa phố như phố này để cho thuê."

Thư biết chính mẹ Trung mới là người chèo lái gia đình chứ không phải ông bố đạo mạo chuyên môn thuần túy và suốt đời cả nể. Nói chuyện với bà thật dễ chịu. Không phải rụt rè khép nép mỗi lần theo Trung ra phố. Thư đã tưởng mười mươi mình về làm dâu phố ấy. Còn phải làm gì nữa nhỉ để cho một đám cưới diễn ra? - Chạm ngõ. Ăn hỏi. Chia trầu cau chè hạt sen thành từng gói nhỏ dán giấy bóng đỏ để đưa cùng thiếp mời. Nhà thân thêm cặp bánh cốm. Và may áo cưới, đặt hoa. Phải là dơn trắng kèm một dải hồng bạch dài thật dài kết cùng với thật nhiều lá măng. Nhưng đám cưới ấy không bao giờ có. Không ai biết vì sao. Bố mẹ hai đứa không biết. Trung không biết. Đến Thư cũng không biết, dù sau này, đã nhận mình lỡ một thì con gái rồi, Thư vẫn cật vấn mình trong những đêm khó ngủ.

Có phải nó bắt đầu từ mấy cái chậu nhôm méo hứng nước giột mẹ Trung đặt rải trong phòng chưa kịp đổ đi sau một đêm mưa mùa hạ? Có phải là vì Trung đã không vào phòng trong mặc quần áo dài lúc Thu tới mà lại tươi cười đâm bổ ra đỡ lấy cái ghi đông xe đạp của Thư và cô bạn đi cùng. Trung trưa đó đánh độc một cái quần đùi, vai ngực nhễ nhại mồ hôi. Thư nhớ là lúc đó không hiểu sao Thư ngần ngại không muốn nhìn Trung và chỉ muốn ngồi lại phòng ngoài nói chuyện với ông cụ bà cụ. Hay điều đó bắt đầu từ mâm cơm em gái Trung bùng xụng bùng xịu dọn ra cho Trung và Thư một buổi xế chiều nào? Mùa xuân. Mưa phùn.Trời nồm. Không khí nặng chịch hơi nước. Quần áo cả nhà Trung phơi trong phòng không biết mấy ngày vẫn chưa khô quyện với mùi bếp dầu vừa tắt làm Thư khó thở. Chỗ nào cũng ướt rườn rượt. Nền nhà. Ghế ngồi. Chiếu rải trên giường. Cái bát cầm trên tay cũng có cảm giác dinh dính nhơm nhớp. Và Thư đã nhắm mắt đưa miếng giò thủ Trung vừa gắp cho vào miệng, nuốt. Thứ giò mậu dịch thái dối gói dối bán đầy vỉa hè sau tết. Thư không dám nhìn. Những sợi lông lợn tua tủa. Miếng giò sắp nhão. Dường như đã hơi có mùi.

Hay là Thư cảm thấy thế. Cái mâm nhôm xam xám, đĩa giò, bát nước chấm còn vương một mảnh lá rau, chiếc bát Thư cầm trên tay có một đường rạn đã thâm lại... Một mâm cơm bình thường trong trong hoàn cảnh một nhà bình thường. Nhưng chính vào lúc đó Thư đột nhiên hiểu rằng mình không thể, không thể ngày ngày ngồi bên một mâm cơm như thế, cầm một cái bát như th ế, cầm đũa nhấc cả tảng rau luộc từ rổ đặt vào đĩa như thế.

Mẹ vẫn bảo Thư khảnh ăn và kỹ tính như một bà già trên phố cổ. Phần cơm cho Thư, mẹ với chị phải thận trọng rót nước mắm mới, thận trọng khơi từng ngọn rau ra đĩa, có miếng cháy cũng phải gạt đàng hoàng sang thành nồi. "Nhưng mẹ ơi, đấy là tại mẹ. Tại sao mẹ lại nuôi con như thế? Tại sao mẹ không dạy con biết xô bồ?" Cũng lạ lùng. Ông bà ngoại người nhà quê, ông chỉ là giáo làng, thế mà ra Hà Nội làm dâu mẹ lại tiếp thu trọn vẹn nếp sống Hà Nội cũ. Thư không dám cắt nghĩa cho mẹ hiểu vì sao đột nhiên Thư lảng Trung. Nhà Thư nghèo hơn nhà Trung. Từ đời cụ đời kỵ đã nghèo hơn. Thư chỉ biết về một cuộc sống khá hơn qua lối sống của ông bà Trung, qua đĩa thịt đầy hơn, đĩa rau vơi hơn nhoáng mỡ hơn, mùi gạo thơm hơn trong nồi cơm của các nhà khác. Nhưng không hiểu sao Thư thiết tha đặc biệt với lối sống của những gia đình như gia đình ông bà nội Trung. Dường như nó đã mất hẳn sau mấy chục năm vất vả. Mất ngay ở chính nơi nó ra đời.

Nhà Trung nay không còn ở phố cũ. Thời mở cửa, nhà mặt phố, lại ở trung tâm. Núi vàng. Hai ông bà cụ đã nằm xuống cả rồi. Việc chia chác con cháu thu xếp nhẹ nhõm. Ông bác Trung một đời thất ca vát đi phiên dịch ở Tây chồng đủ số tiền các em trai gái dâu rể định giá nhà tháng trước, tháng sau thuê thợ đập nhà cũ xây khách sạn mini. Cái phố nhỏ đột nhiên đổi lốt. Những nhà hai tầng ba tầng mọc trồi lên bên trên những nhà một tầng mái ngói trông giống những chiếc răng vàng của mấy ông thoát ly mấy bà buôn chuyến không hề bị sâu răng một thời. Nhà Trung nhận phần tiền được chia mua đất xây nhà mạn Hồ Tây. "Bọn em mới xin ra ăn riêng. Ông bà nội chia cho tầng ba. Khi nào mời chị lên chơi với bố mẹ em. Nhà dễ tìm lắm. Ông bà nội cháu vẫn nhắc chị." Cô vợ rất trẻ của Trung, núng nính hơi sớm với tuổi, ngồi trên xe máy sau lưng Trung, một chân đặt hờ trên vỉa hè, hai tay ôm eo chồng đầy ý thức sở hữu mời vồn vã, mắt lạnh teo. Trung, béo ra, nhìn Thư trìu mến, dò hỏi. Trung đã chuyển ngành, giờ quay ra hùn vốn mở công ty trách nhiệm hữu hạn. "May mà Trung không có dáng hỉ hả." Câu đó Thư không nói khi kể cho mẹ với chị nghe cuộc gặp gỡ tình cờ.

Bây giờ với Thư sao lắm cuộc gặp gỡ không tình cờ. Đi dạy về, có tháng tối nào Thư cũng thấy anh kỹ sư mới về phòng của bố đến thỉnh ý ông cụ. Rồi bạn của anh rể Thư. Đến rồi đi. Người "chì" nhất cũng lai vãng được tới cả năm. Và anh hàng xóm Trung biết từ bé bố mẹ vào Sài Gòn chạy trốn bệnh thấp khớp để lại cho căn phòng, mùa hè cởi trần cuốn một chiếc phula quanh bụng vì đau dạ dày giờ không thấy cởi trần hôm nào đi về Thư cũng gặp khi dắt xe ngang cửa. Mẹ dạo này hay than thở chị Thư lấy chồng cách nhà cả một đầu thành phố nhiều khi mẹ muốn nhờ việc gì cũng không được và nhắc tới anh. Như ngày xưa hay nhắc Trung.

Ngày xưa, buổi tối, Trung hay đến đón Thư đi. Lang thang. Mùa đông. Mùa hạ. Vị bánh trôi Tầu một đêm mưa phùn. Tiếng gió chuyển huyền bí trên vòm sấu chứa đầy bóng tối. Góc đường hai đứa ngồi nhâm nhi cốc nước mía lạnh buốt. Những vòng bánh xe quay trong gió lạnh bời bời. Nhịp đời chậm rãi, cam chịu, dường như thanh thản ấy không bao giờ có nữa. Cũng không bao giờ có lại nữa cái nhịp đời Thư thấy ở nhà ông bà Trung và mong được sống qua. Bây giờ xe máy lao ầm ầm. Người ta không thể nhận ra cái yên tĩnh kì lạ của một trưa hè đột nhiên ve bặt tiếng, hay tiếng gió mùa xao xác bay trên mặt phố tinh tươm màu nắng hanh vàng. Cũng chẳng thể vừa nhấn ga vừa ngước mắt tìm trong đêm một vì sao dường như biết nói...

Nhưng mùa vẫn không khác. Tại sao mùa vẫn không khác? "Và mình nữa, tại sao không biết khác ngày xưa?" Thư cúi mặt, dừng chân, nhấc xe lên vỉa hè, nghe loáng thoáng một bà hàng quà rong nói với một bà đồng nát về một mùa bão sớm.

LÊ MINH HÀ
5. 1998



THẬN NHIÊN

còn lại

Còn lại phong linh
gió mang lời đi xa
gieo vào vách ngực
đêm. Tim đập nhịp ba
cheo reo âm vọng
những dặm đường mở dài về đất
mở dài đến thẳm cùng
thánh thót khánh đá dưới trời sao vô tận

Còn lại cánh chim tưởng niệm
biếc xanh trên vòng dreams catcher
chiều xuống muộn
bắt giữ được giấc mơ nào
những giấc mơ đầy mắt quạ
làm sao nhớ về đường bay
cánh xoãi bằng cách tay con người
phía mặt trời rưng đỏ

Và em, nốt ruồi nâu sau vành tai
tóc tơ mềm
khi tôi về đặt lên thềm nhà bó hoa
ngón tay miết xuôi triền ngực
ngày ấy vàng ươm nắng
nhịp thở - bào thai - năm - tháng - tuổi...

cách cửa gỗ mở ra - sập vào
bó hoa
 tàn muộn
lặng lẽ sương

Và em, cơn giông tôi
rừng đại ngàn đã cháy
những đời cây trăm tuổi ngún than
những dòng suối cạn
những dự cảm quánh bùn
đầy lòng mắt loài xương rồng trổ hoa đỏ rực

Ngày ấy...
Còn lại bóng tối
trên mặt người trầm uất
nhân vật trong vở kịch dựng dở dang
chuốt cho mình mũi nhọn

Không ngủ sao phong linh
những đêm dài đời người
nằm lắng chờ tiếng động
những âm thanh thoát ra từ ngực đá
xuyên suốt tôi.

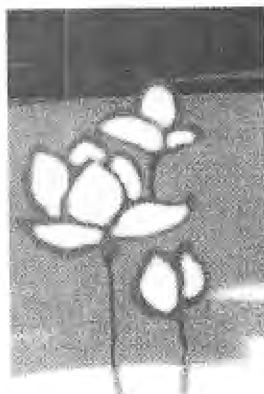
THẬN NHIÊN



HỒ PHỔ LẠI

ĐỨNG CÁNH BÈO ĐÓN GIÓ

• Viết cho riêng anh, NĐV



Ngay từ giây phút đầu tiên đặt chân lại trên thành phố này, thành phố từng nhìn thấy em lớn lên, em có cảm giác lạ lùng như tay mình vừa chạm phải một phím đàn làm bật ra một điệu nhạc. Rồi, kể từ giây phút đầu tiên đó, điệu nhạc đơn độc, lạc lỏng, nhưng vô cùng quen thuộc cứ một mực đeo đẳng theo em: ngoài đường cái, giữa câu chuyện, trên bàn ăn và ngay trong giấc ngủ. Là sự nhắc nhở phát xuất từ một món nợ canh cánh chưa lần nào chịu trả, là tiếng kêu thương giục giã phát xuất từ một lời nguyền cố ý bỏ quên; haB không là gì hết, mà chỉ là nhịp đập hỗn loạn của con tim khi bất đồ bị đặt để trở lại vào đúng nơi chốn có chôn dấu một mảnh đời hết sức riêng tư, đặc biệt xưa củ và đã ghi dấu ấn sâu đậm trong cõi tiềm thức ẩn kín nhất của mình.

Và, chiều nay, vô tình ngồi lại trên cái bàn học loang lổ dấu mực, cũ kỹ dấu thời gian, vô tình đưa mắt qua khung cửa sổ, nhìn thấy mấy tàn lá dừa phất phB em tê cóng cả người. Khung cảnh em vừa đặt mình vào, bầu trời ủ dột bọc kín hàng dừa lả ngọn trồng dọc bờ rào ngăn cách mảnh sân trải sỏi với khúc đường nhá nhem bên ngoài và cái bàn học kê tựa cánh cửa sổ gió lùa hun hútÀ Khối óc tù đọng, mịt mù vừa kịp thời mở toang hoang. Ôi! Tiếng nhạc: lý do em trở lại chốn này. Băng bộ trở về, cốt tìm tòi và nghe lại âm thanh ngày cũ. Vì, về sau, mất rất nhiều năm tháng thử lửa về sau em mới chợt trắng mắt ra: Tiếng nhạc! Tiếng nhạc thiết tha, tình tứ, vừa đem đến cho người nghe những rung động đắm say thực sự, vừa có thể

bột phát từ trong lòng mình vàÂ chỉ tấu lên một lần trong suốt một đời người. Một lần độc nhất.

Với riêng em, đó chính là khúc nhạc đã ngân lên, dìu dặt ngân lên, tưng bừng rộn rã ngân lên, tự động hồ hởi ngân lênÂ thời em mới gặp gỡ anh. Chẳng chòi 13 tuổi đầu; kinh nghiệm trường đời, gia tài cha mẹ gói ghém nội trong cặp sách. Phải chăng, nhờ vốn liếng ít ỏi, nghèo nàn và đơn sơ như vậy, toàn bộ "con người" của em mới hội đủ yếu tố vô tư, vô tội, nhạy bén trong vấn đề lựa chọn để nắm bắt và lưu giữ hình ảnh lý tưởng, đẹp đẽ, sít sao và có giá trị tối thượng cho mình. Một thứ giá trị đích thực, nguyên bản; chưa hề bị sự tính toán, cân đo, sự lọc lừa, thêm thắt chi phối; cũng chưa hề bị ảnh hưởng của cuộc đời chai sạn làm biến chất đi.

Lớn lên, gặp gỡ, yêu đương. Chuyện tình mình, ngay thời điểm đó, cho đến tận bây giờ, những lúc buồn đời hồi nhớ lại, em vẫn một mực vững tin là nó đã, đang và sẽ tiến triển (khi lộ diện, lúc âm thầm) theo đúng định luậtÂ tự nhiên của đất trời. Không phải vậy sao; khi mùa cuân đến thì hoa lá phải nở rộ, lúc mặt trời lên thì chim chóc phải hót ca. Sở dĩ em nếm mùi vị yêu đương vì anh có mặt trên quả đất này; va,ụ nhất là, vì ông trời đã nặn bóp em ra chỉ nhằm mục đích: đợi chờ anh.

Quả thiệt vậy, trước con mắt người đời, anh là ai, là gìÂ em đâu cần biết; điều em cần là khi anh xuất hiện lần đầu em vồ chụp được Ở từ ánh mắt, nụ cười, giọng nói, dáng điÂ đến những trang thư anh viết trao em mỗi buổi sáng về sau Ở tất cả cái tinh hoa cô đọng, tất cả sự pha trộn hài hoà, tất cả đều thể hiện vẹn toàn nhất có thể đòi hỏi và chắt lọc nơi một người tình; thoát thai từ giấc mơ ham hố, đê mê, huy hoàng và không thực của một người con gái. Tuổi xuân hơ hớ, tình yêu đầu đời. Anh đến, lấp đầy nỗi khát khao, niềm vui sống; anh đến, lấp đầy hiện tại, lấp đầy tương lai, lấp đầy giấc mộng đắm say nghiêng ngửa.

Hồi nhớ lại, từ dạo ấy; cứ mỗi sáng, sau khi chuẩn bị mọi thứ xong xuôi, em đến tựa mình bên khung cửa sổ này, ngong ngóng đứng chờ anh. Vừa thoáng thấy bóng anh, em tung tăng xách cặp chạy ào ra. Chạy đến sát cánh cửa cổng, em dừng chân lại, giỏ cao vành nón cho hai đứa mình có dịp lén lút nhìn nhau. Nhìn, cho đỡ nhớ; nhìn, để đọc qua nụ cười, ánh mắt kẻ đối diện lời nói yêu thương lặp lại từng phút, từng giờ. Năm năm trời đèo đẽo. Em trong sân trường, anh ngoài sân trường; em đầu lớp học, and cuối lớp học; mái tóc em bay phía trước, tiếng chân anh kề cận phía sau.

Vậy thìÂ vì nông nỗi nghiệt ngã nào hai đứa mình đành đoạn xa nhau? VìÂ không có giấc mơ nào chịu kéo dài suốt một đời người? VìÂ không có cặp tình nhân trẻ nào đủ nanh vuốt hòng chống trả và đẩy lùi lại mọi sóng gió bão táp của cuộc đời? Nhờ cùng tuổi, nhờ cùng lớp, nhờ cùng

trườngÂ hai đứa mình có điều kiện gặp gỡ. Vì cùng tuổi, vì cùng lớp, vì cùng trườngÂ hai đứa mình thiếu điều kiện để gần nhau mãi mãi. Than ôi! Loại điều kiện kỳ quặc, giả tạo, độc địa; từ đời kiếp nào đã chất chồng thành băng giá, thành "khuôn vàng thước ngọc" trong lối suy nghĩ và hành động của lớp người đi trước.

Vòng dây thòng lọng thắt lại, hai đứa mình xa nhau. Xa nhau, tháo bỏ cho nhau cái vòng lẩn quẩn. Xa nhau, chấp nhận thả trôi theo dòng nước chừng đó năm tháng, chừng đó kỷ niệmÂ anh lấy can đảm ở đâu ra? Cơ khổ!Â Biết đâu chừng, ngay từ thuở ban đầu, sự hiện diện của em trong anh, quá lắm, chỉ có giá trị ngang hàng sự hiện diện của một bến đậu hay một quán chờ? Mà, có biết cơ man nào bến đậu quán chờ trong suốt đời của một con thuyền mãi thong dong trên sóng nước. Một sự hiện diện của theo kiểu "có mợ thì chợ cũng đông. Không mợ thì chợ cũng không bữa nào"Â?

Đã vậy, được rồi; tội gì em không "ăn miếng trả miếng," tỉnh bơ coi chuyện tình mình như một trong trăm ngàn chuyện nhảm nhí ơ hờ xảy đến ở thời cònÂ hỉ mũi chưa sạch.

Sao là bước đường tương lai hực hỡ, nếu không phải là biết thẳng tay xoá sạch ván bài thua lỗ ngày qua? Có biết bao kẻ tài ba xây dựng được sự nghiệp "hiển hách" ngay trên nền nhà đổ nát do sự vụng tính hay thiếu kinh nghiệm của bản thân mình. Sự nghiệp? Tại sao cứ phải giới hạn phạm vi sự nghiệp trong những công trình đếm đo, rờ mò và nhìn thấy được? Hạnh phúc đời người, sự thành công toại ý trong lãnh vực tính cảm nếu cố sức, cố tình, vẫn có thể xách rD trình làng như trình gian nhà đẹp hay chiếc xe mới. Sợ aiÂ ? Cho biết đá, biết vàng. "Thua keo này, bày keo khác." Tuổi trẻ, vốn liếng vào đời. Chối bỏ, kiếm tìm, săn đuổi, thách thứcÂ; xa anh, em bươn bả nhảy lên sân khấu cuộc đời, bươn bả sắm vai tuồng mới, vai tuồng có lựa chọn hẳn hoi. Phải chi ngay lúc đó em hiểu rõ rằng, hay chỉ cần lờ mờ hiểu đôi chút thôi cũng đủ: khi quyết định thủ diễn một vai tuồng, có nghĩa là em đồng ý bỏ quên mình; đồng thời đồng ý dùngÂ mình như dùng một phương tiện cốt làm vừa lòng người hỉ sau khi cánh màn nhung hạ xuống rồi, rút vào hậu trường rồi, chùi son rửa phấn rồiÂ lúc đó em mới trở lại thành em trọn vẹn. Một thứ em không màu mè bôi trét; một thứ em trụi lũi, vò võ, hiu quạnh; một thứ em lơ láo ngồi "giương mắt ếch" nhìn mình tụ đóng kịch cho mình xem. Giây phút cay đắng này, nối tiếp giây phút trống trải khác; lâu dần em hốt hoảng phát giác ra: Eo ôi! Hạnh phúc đúng nghĩa không phải là lớp váng nổi lều bều trên mặt nước; càng không phải là bộ cánh khoác ngoài lăm le làm "lé mắt" người khác mà chính là phần ẩn kín ở bên trong, phần lắng sâu ở phía dưới, là đích danh

điểm yếu, chỗ nhuợcÂ chỉ một mình em độc quyền nhìn thấy và hiểu rõ mình đang “chịu, bị” hay “được” mà thôi. Do cớ sự đó, thật là một sai lầm lớn lao khi em cả gan dùng vai tuồng mới như dùng tấm giẻ lau hay vòi nước xịt những mong bôi xoá, chùi rửa sạch bách mọi thứ vết tích ghi khắc trên nền tấm bảng đen dĩ vãng. Càng tệ hại và đau đớn hơn nữa: nếu thời gian là liều thuốc an thần đem đến lã ng quên; thêm có tài chữa lành một nỗi đau thể xác, thì thời gian cũng là cái thước đo, cái cảm tính, bài học dạy khôn dùng trong việc xét lại những giá trị của cuộc đời.

Thì ra, bấy lâu nay, điều em lớn tiếng rêu rao giữa chợÂ đời lại chính là điều em chưa một lần tự mắt nhìn thấy; nói chi nắm bắt được. Thì ra, không có sự thay thế nào, dầu được tính toán chi li cách mấy, dám tự hào đủ điều kiện khít khao và giống tạc sự thay thế nào; không có hình ảnh nào rập khuôn là bản vỗ của hình ảnh nào. Một hình ảnh là một hình ảnh, một con người là một con người. Hay dở, đúng sai, xấu đẹp; hợp hay không hợp; đến trước hay đến sau; tự nguyện hay bị đẩy vô thế phảiÂ tự nguyện. Hình ảnh một con người không bao giờ là chiếc đủa rời, nếu thấy so le cứ việc rút phăng ra rồi tìm chiếc khác chèn vô cho có đôi có cặp. Cũng vậy, tình yêu không phải là miếng vải vụn, bạ đâu chằm vá đó rồi huênh hoang vỗ tay khen đẹp. Nham nhỡ. Gượng ép. Phường tuồng. “Khóc hổ ngươi cười ra nước mắt.”

Và, té ra, em đã rời bỏ vòng luẩn quẩn nảy để chui tọt đầu vào vòng luẩn quẩn khác. Dưới bề ngoài làm ra vẻ “ta đây,” em chỉ là con cá mắc cạn. Con cá mắc cạn, giá chót, trước đó, đã có đôi lần nhởn nhơ bơi lội giữa dòng nước mát; còn em, cái em cần thực sự, điều em thiếu thực sự cũng có một lần thực sự đến trong tầm tay em. Có khác chi tên nhà nông nọ, có độc một mảnh đất cày, lúc mới “ra quân” hăng hái dốc túi vét sạch màu mỡ cung ứng hết cho vụ mùa đầu tiên. Để sau đó: cạn vốn. Trúng một vụ mùD là cái hoạ hay cái phúc? Là nỗi hối hận triền miên vì đã có được và đã đánh mất; hay là niềm an ủi bất tận của đứa bé thơ khi không còn bé nữa, chạnh lòng nhớ đến bầu sữa mẹ?

Cái vốn dằn lưng, đôi bầu sữa mẹ, một thuở bình yên, những ngày hoa bướm. Em biết lấy gì đánh giá cái giả với cái thật, cái đúng với cái sai, cái cần và cái không cầnÂ; ngoài cách đem tình mình ra làm bảng so sánh?

So sánh, “gạn đục khơi trong” đả đời; rốt cuộc lại, em lủi thủi mò về. Dò dẫm đi lại trên con đường hồi đó hai đứa mình từng đi, bịn rịn đứng nhìn sân trường hồi đó hai đứa mình từng đứng và chiều nay ngậm ngùi ngồi lại trên cái bàn học hồi đó hằng đêm em vẫn ngồi cặm cụi viết lá thư tình gửi anh.

Giờ này, tuy hàng dừa ngoài sân nay đã già cỗi, tuy màn đêm buông



ĐỖ QUANG TUYẾN

có một người mang tên em trong tôi

Tôi khắc, này em, chỉ một tên
Vào cõi riêng mình, để nhớ. Quên
Giữa khuya trở giấc hồn ngây ngất
Một thoáng hương, vừa, như tóc em

Tôi khắc, này em, chỉ một tên
Buồn như sa mạc. Hiu quạnh kinh
Trăng non nằm chết bên thềm, lạnh
Mà chiếu, chăn em vẫn tuyệt tình

Tôi khắc, này em, chỉ một tên
Tình xô như sóng. Bãi quơ tìm
- mai sau hết kiếp chồng, con, cũ
còn lý do nào, em nói thêm?

Em nói đi rồi em sẽ vui
Lòng tôi củi nỏ niềm chia phôi
đã quên chẳng được. Đành thôi: nhớ
Nhớ nhớ, quên quên một xác người.

ĐỖ QUANG TUYẾN
(3.98)

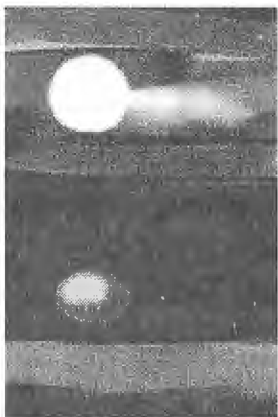
xuống làm bầu trời mờ mịt, tuy tiếng gió từ bãi biển thổi về vẫn thể hiện đầy ắp nỗi chia xD từ chỗ em ngồi, ngoài khung cửa sổ, tận bên kia đường em vẫn tiếp tục nhìn thấy bóng dáng anh hiện ra lồ lộ, với nụ cười nồng nhiệt, với ánh mắt vỗ về, in hệt ngày xưa.

HỒ PHỔ LẠI
Québec, tháng 4-98



PHẠM CHI LAN

TIẾNG HÁT NGƯ PHỦ



"We came from the sea.
and we would be nothing without it"
(Anonymous)

Sáng trắng. Một vùng biển lặng và trầm tư. Đêm hôm trước, sóng thao thức đến quá khuya cho đến khi ánh trăng ràn rụa đắp trên mặt sóng những ý nghĩ lấp lánh, lăn tăn mặt nước như vầng trán nhăn của nhà thông thái mất ngủ hằng đêm. Sự suy nghĩ so sánh về cái vĩ đại bao la của biển và trời, làm mặt nước có phần chùng lại, thôi không nổi sóng. Gió cũng im, dường cũng trầm tư không kém sóng. Trong sự phối hợp kỳ diệu của trời và nước và trong nỗi bí ẩn của đêm, có sự thách đố đe dọa một cơn giông lớn.

Giữa lúc ấy chợt nổi lên tiếng hát của người ngư phủ, từ chiếc thuyền nan bé tí:

"Người từ biển ra,
Ta không còn là ta
*khi không còn biển ..."**

Tiếng hát vang động dưới gầm trời như sấm rền, người đàn ông tay thoăn thoắt vá lưới tiếp tục hát, chung quanh hắn, mặt biển im lặng lắng nghe. Tiếng hát có lúc rì rào như sóng dỗ bờ những ngày biển nổi cơn sôi bụng.

Biển cảm thấy vô cùng trống trải và cô đơn, bờ cõi đất liền xa xôi kia mỗi ngày mỗi cách chia, lục địa tản mác, con người phân hóa, chiến tranh

làm người ta lạ mặt không còn nhận ra nhau. Chiếc thuyền kéo cá ấy bỗng xuất hiện, như một niềm an ủi, như đồng minh bé tí trong thế giới cô đọng và chật hẹp của biển. Và giọng hát lạc hồn của người ngư phủ kia làm biển rưng rưng cảm động.

Gió phụ họa, nâng tiếng hát người ngư phủ lên cao và đổ tràn trên mặt sóng.

Hai phần ba trái đất là nước, còn lại là những dẻo đất lụn vụn là lãnh thổ của sinh vật có máu nóng, nơi phát sinh những điều phù phiếm và mỏng manh không đủ sức chịu đựng với thời gian, sự tuần hoàn phù phiếm tái diễn qua bao thời gian. Con người, đồng loại của vật thể nhỏ đang phát ra tiếng hát, là những kẻ chiếm lĩnh làm chủ thổ địa, đồng bằng, thảo nguyên, rừng núi... khắp nơi đã bị họ lan tràn dẫm nát, phá hủy thiên nhiên, tàn phá rồi xây dựng, xây dựng rồi tàn phá, đã qua bao nhiêu thời gian.

Ở lãnh thổ của con người, nơi biển thật ra vẫn có những tiếp xúc thân mật và gián tiếp, đã xảy ra nhiều chuyện đau thương và khó hiểu. Biển tiếp tế cho con người thức ăn gồm nhiều chất đạm, làm cơ thể họ cường tráng và trí óc minh mẫn, họ dường không biết hoặc mang ơn biển. Họ chiếm lĩnh, chủ quyền những vùng lục địa, tạo ra những cuộc chiến tranh tàn sát lẫn nhau. Thỉnh thoảng, họ còn có những cuộc chiến bên cạnh các bờ cõi ven biển, và thải xuống lòng biển những tàn tích, tro xương và thân xác con người. Những sinh vật bé tí ưa rắc rối và nhiều điều, họ có lối suy nghĩ làm phiền lòng thiên nhiên. Nói gì đến biển.

Người ngư phủ lại hát, tiếng hát có phần sâu lắng hơn, đượm chút thần hồn và vẻ than oán:

"Chúng tôi run sợ người, này biển cả bao la. Biển cho ta bình yên, cho ta hiền hòa, lại cho ta sóng dữ và gió lớn..."

"Biển dạy bài học chúng tôi vẫn luôn ghi nhớ: Lòng kiên nhẫn và ý chí vượt biển một mình. Biển dạy chúng tôi cuộc đời bằng những con sóng."

Biển nín thở, lắng nghe.

"Biển vị tha và bao dung, biển cho chúng tôi tiếng hát êm đềm như tiếng mẹ ru. Biển dạy chúng tôi thôi hết hận thù nối liền lục địa. Qua bao nhiêu thời giản, như cánh tay nối dài, biển làm con người xa nhau, rồi lại gần nhau, rồi lại xa nhau ..."

"Biển đắp cho chúng tôi chiếc khăn ấm bao bọc bốn mùa. Biển dạt dào trôi xa rồi lại về gần. Không có biển, sẽ không có mây, sẽ không có mưa, sẽ không có sông, không cả đời sống."

"Biển lạ kỳ và biển bí ẩn. Con người chưa hiểu nổi lòng biển. Biển khóc nước mặn xoáy mòn lở đất. Những giọt nước mặn tràn lan thấm vào đất, nơi có sự sống và chết, nơi chưa hiểu rõ nỗi lòng muối mặn."

Biển bối rối, chịu đựng.

Rồi dường như biển xúc động. Những con sóng òa vỡ, ập lên ôm trọn chiếc thuyền bé tí vào lòng.

*

Người ngư phủ không bao giờ trở về đất liền sau chuyến ra khơi đó. Không một ai trong làng đánh cá ven biển biết rõ biển đã nuốt lấy người đàn ông còn sót lại sau chiến tranh ấy bằng cách nào. Biển vẫn trầm lặng và muôn đời bí ẩn.

Con người vẫn có lòng tín ngưỡng riêng với biển.

Một buổi chiều, một đứa bé tát nước bên bờ cát, trong lúc tát những gáo nước từ lỗ cáy trả về biển, thì nghe bên tai văng vẳng tiếng hát. Tiếng hát thiên thần, ồ không, tiếng hát của người ngư phủ năm nào, thoang thoảng như gió thì thầm, như tiếng ru dỗ dành của mẹ biển ngày xưa: "Đừng nghĩ về những điều lớn lao ấy nữa, hãy trả tự nhiên về với thiên nhiên!"

Đứa bé buông tay tát nước, nhìn ra khơi. Mặt biển sáng lòa và êm dịu lạ thường. Nó mỉm cười. Không còn buồn sầu vì chiến tranh, hay cái chết vô lý của người cha trong lòng biển năm xưa. Những năm sau, người ta tìm thấy một cái chòi nhỏ nơi ven biển vắng lặng. Trong chòi có một người, chiều chiều vẫn hồn nhiên say sưa hát bài hát không ai hiểu nghĩa. Bài hát do sóng mang vào, người ấy bảo thế.

PHẠM CHI LAN
5.1998



TRẦN MỘNG TÚ

sáng nay mùa xuân

Sáng nay nhìn ra cửa sổ
trên những thân cây cũ kỹ mùa đông
mầm xanh non trở lại
thanh khiết
như cô con gái vào tuổi dậy thì
đang chải tóc trên lầu

Sáng nay đi thăm bệnh nhân
cô bé tí hon một tháng tuổi
nằm trong lòng mẹ
mầu da tím ngắt bồ quân
dưỡng khí không chịu vào trái tim nhỏ bé
từ đêm qua
mẹ đã làm hô hấp cho cô ba lần
mẹ từ chối không đem cô vào bệnh viện
từ chối những chiếc ống
luồn vào thân thể tí hon
bác sĩ bảo thế nào
cô cũng được ra đi trong lòng mẹ
người bố H.O. mắc bệnh thần kinh
đang tươi cười đứng giữa nhà
hát một bài ca trong dĩ vãng
Thượng đế thì đi quanh quẩn đâu đó
chưa giơ tay can thiệp

Sáng nay có một người đàn ông trong bệnh viện
ghé qua nhà
báo tin về Việt Nam cưới vợ
chàng vừa thất nghiệp tuần qua

Sáng nay bản tin quốc tế nói rằng
vừa tìm thấy một bộ xương
có chiều dài của một người Mỹ
trong ngôi làng ở Việt Nam

Có thêm năm đứa trẻ bị mất đôi chân
trên vùng đất gài mìn ở Cam Bốt

Có bài thơ vướng giữa
hàng rào kẽm gai ở Isarel

Sáng nay là ngày đầu của mùa xuân
mà cơn mưa cuối đông vẫn
giằng co tới
tôi chênh vênh đứng giữa hai mùa
mưa hắt vào tim
lạnh ngắt.

TRẦN MỘNG TÚ



PHẠM NGA

SÁT THỦ



- Nó giết mấy con gà, nó sát sinh. Rồi mấy cậu giết nó, tới phiên mấy cậu cũng mang tội sát sinh!

Tôi cảm thấy hơi khó chịu trong người. Ánh nắng chiều xuyên qua tàn lá mãng cầu vẽ những đốm sáng vô tích sự lên chiếu nhậu chẳng làm ai để ý. Một chai ba xị cưa đôi đã gần cạn nãy giờ lạt như nước lã. Có lẽ lúc này lòng tôi nặng nề là bởi lời buộc tội vừa rồi của cháu gái Châu.

- Để cậu nói cho cháu nghe. Con trăn này bữa nay nuốt mấy con gà, nếu nó còn sống thì mai mốt nó ăn gà vịt nữa. Rồi nếu... ốm nhách, chỉ nặng cỡ chưa tới ba chục kilô như cháu mà tình cờ gặp nó đúng lúc nó kiếm không ra mồi thì sự thể sẽ ra sao? Nói như cháu, rõ ràng nó đã là *sát thủ* thì nó phải bị trảm. Hai cậu không có cách nào khác. Không tin thì cháu hỏi ông ngoại bà ngoại đi. Thôi từ bi hỷ xả cho mấy cậu nghe cháu.

Sát thủ dài gần hai mét, đường kính thân mình cỡ lon sữa bò. Lý lịch: Chắc từ phía núi, bò ra vùng rẫy này. Tội danh: Nuốt hết ba con gà trong đám cỏ tranh. Số nạn nhân có thể nhiều hơn nếu có rãnh để đi hỏi mấy nhà hàng xóm thì nó đã bò về đây gây tội ác mấy ngày rồi. Chủ tọa Hội đồng xét xử: Châu, bạn tôi, chủ nhà. Hội thẩm nhân dân: Mấy vị phụ nữ đứng vòng ngoài cũng không hề có ý khoan hồng. Luật sư tình nguyện bào chữa - nghĩa là không do phía chỉ định hay chọn lựa: Cháu gái của Châu.

Sau khi tội danh được thành lập, án thi hành ngay. Đặc biệt ông tòa Châu cũng có tham gia vào đội thi hành nhưng thực ra ông ta chỉ đứng xa xa, giơ cuốc lên thật cao, la hét, chỉ huy. Rốt cuộc vì nghe ồn ào, một thằng

cháu khật khùng ở rẫy bên cạnh đã chạy qua bổ sung vào đội và lập tức được thi hành ngay: Một nhát cuốc chính xác vào đầu *sát thủ*.

Nếu không có tôi tình cờ từ Sài Gòn lên thăm rẫy, đúng lúc vụ án xảy ra thì *sát thủ* đã được đem chôn cất tử tế. Vì hai lý do. Một là đã có người bàn chuyện lột bộ da đem bán nhưng da đã hư nát vì nhiều nhát cuốc, nhát rựa "ăn theo." Hai là trong nhà không ai biết ăn thịt trăn trừ mỗi mình Châu nhưng bạn tôi tuy thích ăn, đã từng ăn lại chưa từng biết làm trăn. Khi tôi cho biết chỉ cần giữ lại cho tôi, hai khúc thịt khoảng một kilô để chính tay tôi nấu nướng thì đột nhiên trước mắt mọi người, tôi có một cái vẻ gì man dã.

Là một cán bộ... xây dựng nông thôn trước ngày giải phóng. Châu đã cùng gia đình lui về miếng đất rẫy này gần hai chục năm rồi. Hiện giờ vẫn nhà tranh, vẫn đèn dầu và rất nhiều cây trái còi cọc ngoài vườn. Nghĩa là vẫn nghèo. Lâu lâu phải cắt tranh ở sát hàng rào rẫy người ta bán lấy tiền. Mỗi lần lên thăm Châu, phải sơ ý lắm thì tôi mới quên mang theo thứ quà cáp thực tế: Các thức ăn. Bên cạnh là sách báo, vốn là thứ quà cáp ít thực tế nhưng chủ nhà luôn luôn mong mỏi. Đặc biệt khi có ý định làm món gì đó để lai rai thì thường là tôi mang theo luôn các món phụ tùng từ bột ngọt cho đến hành ngò. Với hai khúc thịt trăn, tôi lấy tiền đưa cho đứa cháu chạy ngay ra cái quán gần nhà có bán đủ thứ để hoàn thành món trăn xào ngũ vị hương với xả ớt đã sẵn có ngoài vườn. Và dĩ nhiên không thể thiếu một chai ba xị cùng với nước đá chữa lửa. Cái chái bếp vừa thấp vừa tối ở nhà Châu bỗng trở nên nhộn nhịp, ồn ào.

Khó có thể diễn tả được cái cảm giác thống khoái kỳ cục, nặng nhục cảm, khi đứng tắm cạnh giếng nhà Châu. Gió thổi rào rạc gây một chút lạnh lẽo, ngại ngần nhưng thịt da được kích thích tận cùng. Tắm xong, ngồi vào cái chiếu rách đã được trải dưới gốc mãng cầu...

Phần còn lại của thi thể *sát thủ* như đã nói giờ là đĩa xào ngũ vị hương thơm phức. Mấy con chó sớ rớ gần đó bị đuổi chạy xa vì người ta cử, không bao giờ cho chúng ăn xương lươn, xương rắn. Cảm giác sảng khoái một lần nữa lại lan tỏa khắp người, dĩ nhiên bắt đầu từ vị giác. Có khi hạnh phúc đơn sơ quá đỗi. Hạnh phúc bé mọn đến tội nghiệp.

Vậy mà đứa cháu gái của Châu đang kết tội tụi tôi sát sinh: Một nhóm *sát thủ* đã giết một *sát thủ* khác. Chỉ riêng có chuyện ăn thịt luôn *sát thủ* này thì được bỏ qua, có lẽ nhờ quan điểm "vật dưỡng nhơn" của ông bà mình. Rõ ràng tôi đã cố gắng giải thích, mong mỏi sự đồng cảm, tuy là lời buộc tội hình như không đủ lôgich: Không sát sinh thì làm gì có "vật dưỡng nhơn?"

Bất giác tôi ngước mặt lên. Đó là một con bé ốm yếu, đen đủi, gương



PHỐ THỊ NGỌC NI

ngàn lời ca

Chiều rơi chiều gặp chiều phai
Tôi rơi tôi gặp một vài điệu ru
Anh ngồi cạnh khóm mùa thu
Ngàn lời ca ấy mịt mù hương bay

dưới chân hồng kông

Anh ngồi cạnh một bài thơ
Lòng như trang giấy trăm tờ bay ra
Gặp em đứng dựa lời ca
Đôi môi ngâm rượu nở hoa, anh cười

PHỐ THỊ NGỌC NI

mặt thật tối. Gần hai mươi tuổi rồi mà thân thể không hứa hẹn có một chút gì nở nang. Những khó khăn kéo dài của gia đình này đã khiến con bé mang những suy nghĩ bế tắc ghé vào những am, chùa, miếu, cốc đầy dãy ở vùng đất này rồi niềm an ủi đến từ lời giảng của một vị sư hay một ni cô nào đó. Có lẽ con bé được dạy rằng sống ở đời phải chịu lấy phần thua thiệt về mình. Như chuyện con trăn nuốt mấy con gà - hiển nhiên là những tài sản rất quý giá đối với gia đình này, thì con bé vẫn không lên án, vẫn không muốn ai trị tội *sát thủ.* Hãy tha thứ cho kẻ ác! Hãy ẩn nhẫn trước tội lỗi!

Tôi nhìn lại đĩa thịt. Lẽ nào hạnh phúc nhỏ bé này, của buổi chiều này cũng không được tha thứ? Một *sát thủ* vừa rời khỏi thế gian, nhưng có để lại chút kỷ niệm trong dạ dày của con người, rồi sự kết thúc của đời *sát thủ* hình như không đem lại nhiều niềm vui cho con người. Thôi, bữa nay men rượu không đủ gây hưng phấn, dù là một chút lãng đãng chiêm bao, để trở vô nhà lấy ra cây guitar như mọi lần.

PHẠM NGA



NAM DAO

ÂN SŨNG



Từ lưng đồi nhìn xuống, hai nhánh đê trông hệt như người ngã xoạc cẳng, lưng dựa vào sông Nhị đỏ ngầu mùa nước lớn, đầu gục vào nhánh phụ cuồn cuộn bọt trắng trôi về miệt Thái Bình. Ngay chân đê, quán nước lặng lẽ nép vào triền đất mầu đỏ nâu, nhỏ bé, nhẫn nhục. Lão Thuyết ngồi gật gù, tay mân mê dăm sợi râu bạc thếch, lờ đờ nhìn ra bến thủng thẳng : *Chắc không còn chuyến nào*. Nắng trên sông nhạt dần. Toàn Nhật nâng ly nước chè xanh uống một hơi. Nhướng mắt lên nhìn về phía bờ đê Phi Liệt, Nhật thở ra : *Đợi thêm một lúc xem sao*. Lão Thuyết lại gật gù :

- Ừ thì đợi ! Tôi sống trên bến này ngày nào là đợi ngày ấy đấy. Càng đợi lâu, càng sống dai. Các cậu trẻ hay sốt ruột chứ tôi à, tôi sống là đợi ... hà hà. Hai chục năm trước, thuyền bè đến luôn, bến lúc nào cũng tấp nập. Nay thì khác, khác nhiều ...

- ? ? ?

-Thuyền khách ít vãng lai là vì có lệch Chúa cấm. Với lại, thuyền Hà Lan thuế bến tăng gấp hai mươi lần nên họ cập Hội An. Đến Phố Hiến chỉ còn thuyền Phù Tang, thuyền Phú Lang Sa thôi. Nhưng cứ ngày ít dần đi, thậm chí một năm chỉ còn trên dưới hai chục chuyến ...

- Sao vậy cụ ?

- Ấy, khó lắm. Được lòng Đằng Trong thì mất lòng Đằng Ngoài. Chẳng ai vừa bụng được, cả Nam lẫn Bắc. Rồi trăm thứ tốn kém. Hàng ta về muộn, bốc rỡ chậm, không chất lên thuyền khách ngay. Cứ rề rà, thế là thuế bến tăng, chỉ khách thương là phải xì tiền ra chứ quan nha có lỗ lã gì đâu. Như cậu, hình như chuyến này cậu ra đợi thuyền về là lần thứ năm hay

lần thứ sáu thì phải ...

Toàn Nhật uể oải gật đầu. Bốn tháng trước, chàng rời Kinh đến đây với bức thư gửi gấm từ dinh quan Chánh đường Hoàng Tế Lý. Tìm gặp ông Sìn, một người Hoa đến cư ngụ Phố Hiến trên ba mươi năm, chàng ngần ngừ đưa bức thư. Ông Sìn khịt khịt mũi, vỗ vỗ tay chàng, kêu : *Hảo ! hảo !* Hai hôm sau, ông ta đưa chàng đến Nhật Bản Thương Hội gặp Koji Mishima.

Koji Mishima khoảng tứ tuần, cao lớn, nghiêm nghị. Với mớ tóc búi ngược ra sau như kéo xếch mắt lên, mặt ông căng thẳng, ngược hẳn lại cung cách khoan thai chậm rãi . Giọng ông nói ê a, kéo dài ra khàn đặc, nửa như hát, nửa như than. Ông bằng lòng. Từ hôm đó, Toàn Nhật dọn về ở một căn phòng phía sau Thương Quán, sát hàng dậu nơi Mishima cư ngụ.

Việc chàng được giao phó là chép lại tất cả sổ sách thương vụ sáu năm nay, kể từ khi Mishima sang phụ trách điều hành Thương Hội. Toàn Nhật làm công việc được giao phó trong ba tuần rồi đưa lên trình Mishima. Ông ta lật ra, lơ đễnh nhìn tập giấy, lẳng lặng gật đầu. Cả tuần lễ sau, ông ta không hỏi han gì, mỗi lần gặp chỉ khẽ nghiêng mình chào Toàn Nhật. Đợi thêm một tuần, Toàn Nhật lên chào Mishima xin nghỉ, phần vì cuồng chân cuồng tay, phần vì nóng ruột nghe tin Trọng Thức bị bắt bỏ ngục trên Kinh. Mishima khẽ gõ ngón tay xuống mặt bàn hỏi:

- Ông không thích công việc ?

- Việc ông giao đã làm xong, tôi ăn không ngồi rồi hai tuần nay rồi.

- Thì đã sao ? Tôi trả lương cho ông được mà.

- Cám ơn ông. Tôi không dám nhận.

Mishima ề à như thách thức :

- Có việc khác đấy, nhưng khó hơn, đòi hỏi hơn, liệu ông có khả năng không ?

Toàn Nhật ngước mắt lên nhìn dọ hỏi. Mishima lẳng lặng lôi ra một tập giấy đưa Toàn Nhật :

- Làm việc này thì ông phải ký giấy nhận điều kiện với tôi.

Toàn Nhật cúi xuống đọc. Máu rần rật đưa lên làm mặt chàng đỏ dần. Nhìn thẳng vào mặt Mishima, Toàn Nhật gặng nói chậm rãi :

- Hao hụt hai lạng vàng, chém một tay. Sáu lạng, chém hai tay. Còn trên mười lạng, chém đầu.

Mishima gật đầu.

- Đã nhận làm, không bao giờ có quyền tự được nghỉ. Nghĩa là suốt cả một đời ?

Mishima lại gật đầu. Toàn Nhật ngẫm nghĩ, cười nhạt, hỏi :

- Ông cho người chúng tôi là đám ăn cắp, lại sẵn sàng làm nô lệ?

Mishima chỉ khẽ lắc đầu, vẫn không nói năng gì cả.

Nhật gặng :

- Ông đã chém ai chưa ?

- Tôi đã chém bốn lần, hai lần là chém tay, còn hai lần kia phải chém đầu.

Toàn Nhật gằn giọng :

- Hừ ! Một mạng người giá là mười lạng vàng. Ông tính toán thế nào mà ra cái số ấy ?

Mishima chậm rãi :

- Thật ra chỉ ăn cắp một chỉ vàng cũng đã đáng chém đầu. Tôi không hề nghĩ đến cách đánh giá một mạng người như người ta đánh giá một mặt hàng bày ở chợ. Tại sao mười lạng ? Có lẽ vì tôi già rồi, bớt đi cứng rắn chăng ? Hay có lẽ vì tôi không thể không ứng xử cho phù hợp với cái xã hội tôi đang sống trong đó ? Phần đối với tôi, nếu tôi lấy của ai đó một chỉ vàng mà không được sự ưng thuận hay không có gì để đền đáp, chính tôi sẽ tự chém tôi, chẳng cần ai khác !

Toàn Nhật lấy bút, chấm mực, thảo nhanh : ... *hao hụt một chỉ vàng là chấp nhận chém đầu, nhưng có thể nghỉ việc bất cứ lúc nào..*

Đưa tờ giấy do chính mình thủ bút, Toàn Nhật đứng lên , hỏi :

-Có người ăn cắp vì nghèo đói, có chém không ?

Mishima gật gù, ề à :

- Những ai nhận làm với điều kiện tôi đặt đều có thù lao hệt như tôi. Với lợi tức đó, họ không phải là những người nghèo đói ! Còn như điều kiện ông vừa đề nghị, để tôi nghĩ lại xem. Xin ông cứ ở lại thêm vài ngày, đi chơi đây đó, tôi sẽ trả lời ...

*

Như lệ thường, Toàn Nhật dậy sớm, mỗi sáng bỏ ra ba khắc múa gươm. Sau đó, chàng thả bộ đi vào Phố Hiến, đôi khi ghé lại chào hỏi ông Sìn, chủ một tiệm thuốc Bắc. Phố Hiến không phồn hoa như trên Kinh, nhưng đã mang dáng dấp thị thành. Ngoài cư dân địa phương, số người ngoại quốc có thời đã chiếm đến một phần ba. Người Tàu quây quần vùng phố Khách. Người Nhật xây Nihon-machi phía đông. Còn lại, đa số người phương Tây tụ họp quanh Nhà Thờ. Hiện nay, người Hà Lan gần như không còn một ai. Số ở lại gồm dăm người giáo sĩ giòng Tên, phần lớn là người Bồ Đào Nha và người Phú Lang Sa. Ngoài ra, có khoảng trên dưới năm chục thương nhân, thường là đi lại buôn bán cho công ty Hà Lan Đông-Ấn. Họ quanh quẩn trong miệt Hưng Yên, và phải đặc biệt lắm mới

được phép trẩy Kinh. Bám rễ xung quanh đám thương dân này là một số người bản địa làm công việc thông dịch và trung gian buôn bán. Về phần người Nhật, số thuyền buôn được chính quyền Nhật Bakufu cấp cho châu ấn ngày càn g ít vì chủ trương bế quan tỏa cảng của họ. Giao dịch với Chúa đàng ngoài là đoàn thuyền thuộc Suminokori Ryoi, chủ nhân cuủa Koji Mishima.

Lang thang đến khi mặt trời lên gần đỉnh ngọn tre, Toàn Nhật ghé vào hiệu thuốc ông Sìn. *Hảo, hảo* , ông ta vồ vập, miệng cười lộ ra hàm răng vàng xỉn khói thuốc. Nghe Nhật kể về điều kiện công việc, ông ta lại xì xào : *Hảo, hảo* và thì thầm : *Cái chuyện chém đầu có thật, nên ông Koji không được phép rời Phố Hiến về Nhật Bản từ bốn năm nay*. Ông kết luận : ... *Cái người gì mà ghê ghê quá* và khuyên bảo : *Cậu chớ làm nữa, nó chém thật đấy !* Toàn Nhật chỉ cười rồi cáo lui.

Ghé vào hàng quán ăn xong một bụng cơm, Toàn Nhật lại lững thững theo chân đê đi ngược lên miệt Thái Bình. Trời tháng tám oi, cả cây cũng lấm tấm rịn mồ hôi. Tiếng ve khi rỉ rả, khi chói chan, hòa tấu một khúc trường ca tưởng như vô thủy vô chung, mơ hồ chở về những mộng mị chập chờn.

Nhật nằm xuống thảm cỏ cạnh miếu Ba Cô, mắt nửa nhắm nửa mở, thèm một cơn gió, mơ mơ màng màng. Đầu Nhật nặng trùng xuống. Bỗng đâu đó văng vẳng tiếng người đàn bà. Nhật ngước mắt nhìn. Trên thềm, trong một góc trắng đục, như có ai ngồi, lưng quay về phía sông, tay cầm quạt nhẹ nhàng phẩy gió.

- Con ngủ đi, mẹ quạt cho mát ...

- Mẹ, mẹ đấy à ?

- Ừ, mẹ đây, mẹ về với con một lát. Đã bao nhiêu năm xa cách ...

- Sao mẹ bỏ con đi ?

- Nào mẹ có muốn thế ...

- Mẹ đừng đi nữa, mẹ ơi, mẹ ...

Nhật hét lên, trợn mắt, nhìn theo cái bóng trắng mờ dần rồi mất hút trong ánh nắng vàng cánh ong. Nhật ngẩn ngơ, lại nằm xuống, và nhớ người mẹ nuôi trên trại Bùi Phong.

Năm Nhật được mười sáu, Đặng thị nói : ... *Con về nhà này đã khôn lớn rồi, không đẻ con nhưng mợ thương con như con đẻ* . Đặng thị ngần ngừ , rồi nhỏ nhẹ : ... *ai lại chẳng có gốc có gác, để mợ kể* ...

*

Làm Huấn Đạo được bốn năm ở Anh Đô, Nguyễn Thiếp tưởng đã

yên phận, nào ngờ Xuân quận công Nguyễn Nghiễm lại vừa được sắc phong Tả Thừa Tướng dưới đời chúa Trịnh Doanh. Là thầy dậy Nguyễn, Chính Xuân quận công ép buộc học trò mình nhậm quan, sau đó lại rắp tâm đẩy Nguyễn dấn sâu vào bước hoạn lộ. Hai tháng sau đó, Nguyễn nhận được tuyên chỉ bổ nhiệm mình làm Tri Huyện Thanh Chương. Tiếng thế, nhưng Nguyễn thu xếp để lui về trại Bùi Phong, ở cái thế nửa xử nửa xuất.

Sáu năm sau, tức là vào năm 1768, Nguyễn Nghiễm mất. Vào Tiên Điền chịu tang thầy, Nguyễn thấy cái lẽ xử không còn lý do gì tồn tại, âm thầm quyết định từ quan để lui hẳn về cuộc sống ẩn dật.

Trên đường từ Tiên Điền về Nguyệt Ao, khi đi qua Phú Thạch, Nguyễn và Đặng thị ngừng chân ghé vào một cái quán ven đường uống bát nước. Lúc ấy, gió nồm đã bắt đầu ùa vào hai miền Thanh Nghệ. Nắng gắt đến sáng trắng những thửa mạ cằn khô trơ đất muối. Trong quán chỉ có một thằng bé chạc chín mười tuổi, mắt đen lay láy, đang cặm cụi xoài người tô tô vẽ vẽ. Rót xong hai bát nước chè xanh, nó lại lẳng lặng quay về góc cái trõng nằm sau chiếc bàn có bầy một lọ kẹo lạc, một cái ấm chè, một nắm lạc rang và dăm củ khoai luộc.

Bàn thêm về chuyện xin từ quan, Nguyễn nhếch mép nói như một lời than. *Trống đánh canh ba, gà gáy canh năm, chó má tru mõm sủa.* Nghe thằng bé bật lên cười, Nguyễn quay sang nhìn. Nguyễn nhẹ nhàng hỏi:

- Sao cháu lại cười ? Câu đối đấy, đối được không ?

Thằng bé đỏ mặt bẽn lẽn. Nguyễn khuyến khích:

- Cháu cứ đối đi, nếu hay ta sẽ thưởng !

Thằng bé cau mày ngẫm nghĩ, rồi lí nhí :

- Mõ gõ mười phương, chuông vang tám hướng, người ngợm ngoác miệng cười.

Nguyễn ngạc nhiên, thích thú nhìn kỹ thằng bé, rồi hỏi:

- Cháu học hành với ai ?

Thằng bé trả lời là nó học với ông ngoại. Bạo dạn hơn, nó nói:

- Ông ngoại bảo trò chơi chữ nghĩa thật chẳng có gì khó. Đấy, vế trên có trống thì vế dưới đối phải là mõ, trên chó má thì dưới phải người ngợm, rồi trên tru mõm sủa thì dưới là ngoác miệng cười...

- Thế thì cái gì mới khó ?

- Ông cháu bảo đạo mới khó, lý mới khó, ngoài ra thì chỉ toàn phù phiếm cả mà thôi.

Nguyễn đưa tay lên vân vê chòm râu đang ngả bạc :

- Thế cháu hiểu vế trên thế nào mà đối vế dưới như vậy ?

- Vế trên ư... Thằng bé ngần ngừ, mắt nhìn xuống đất, rồi tiếp :

- ...Cháu không rõ. Còn vế dưới thì là vì mỗi tháng cứ đúng ngày rằm

cháu lên chùa giúp sư cụ, cháu thấy các bà đi lễ xong ai cũng tươi lên, cười cười nói nói...Thế thưa ông vế trên nghĩa là gì ?

Nguyễn chạnh nghĩ đến thế sự, ngậm ngùi :

- Đấy là cái cảnh trống đánh suôi kèn thổi ngược, quân bất vi quân, thần bất vi thần, còn lũ tiểu nhân thì được dịp thao túng mà chẳng ai làm được gì !

Nói đến đấy thì một cụ già chống gậy bước vào, vẻ ngạc nhiên, chào khách :

- Xin kính chào quan huyện.

Chủ khách thăm hỏi nhau, Nguyễn mới biết ông đây họ Võ ở Thạch Hà, xưa vốn có dậy học song không hiểu lẽ gì bỗng dưng bỏ làng đi, bây giờ sinh sống qua ngày bằng quán nước ven đường và thỉnh thoảng viết phúng viết điếu cho dân làng lân cận.

Nguyễn khen thằng bé và hỏi tên. Nó lấy họ Võ là họ ngoại.

Khi về Đặng thị ứa nước mắt nhớ đến Thúc Khải, đứa con lưu lạc đã xô giạt với gia đình họ Hà vào Đàng Trong gần chục năm nay. Mấy tháng sau, khi nghe tin ông thằng bé bị bạo bệnh rồi qua đời, Đặng thị bàn với Nguyễn mang nó về nuôi. Đến quán cũ thì thằng bé đã theo một bà cô về làng. Đặng thị lại lặn lội đi tìm. Lúc nói chuyện với bà cô, Đặng thị mới nghe rằng mẹ thằng bé xưa chửa hoang. Cô ta lậy bố xin giữ cái bào thai vô tội. Ông bố xấu hổ đóng cửa không dậy học nữa, cắn răng nghe những lời đàm tiếu mỉa mai. Sinh đẻ xong xuôi, cô ta viết lại một lời tuyệt mệnh, xin bố tha lỗi, và xin đặt tên con là Toàn Nhật thể theo lời ước hẹn với người đàn ông nay đã cao bay xa chạy. Bốn ngày sau, người ta vớt được xác cô giạt vào bờ sông Lam.

Kể đến đấy, bà cô thằng bé ghé vào tai Đặng-thị thì thầm. Thì ra nghe đồn bố nó họ Hoàng, có thể là Hoàng đăng Bảo đỗ Hương cống năm Ất Dậu và Tiến sĩ năm Bính Tí. Mà nghe đâu lại cũng có thể là chính Quận Việp, chú của Đăng Bảo, lúc ấy là quan Hiệp Trấn xứ Nghệ.

Quận Việp thời ấy vô cùng lừng lẫy. Hai vùng Thanh-Nghệ liên tiếp được mùa mấy năm liền nên bàn dân thiên hạ không còn ca thán. Việp sai Bảo đi đánh dẹp giặc giã khắp nơi, lần nào cũng đắc thắng. Bảo lại khôn ngoan dùng người rất đúng chỗ, chiêu hiền tập sĩ khắp nơi, thu phục được cả Nguyễn Hữu Chỉnh, đỗ hương cống khi mới mười sáu tuổi, giao cho Chỉnh toàn bộ hải quân, coi đội Tiền Cơ ở Nghệ An. Giặc biển từ đấy hết hẳn hoành hành, và Chỉnh nổi tiếng là con cắt nước hai trấn Thanh-Nghệ. Đăng Bảo, có nghĩa là lên ngôi, sinh năm Hợi. Trong kinh, người ta kháo nhau rằng *một con lợn đuổi đàn dê* ý ám chỉ Đăng Bảo sẽ đánh đổ Trịnh Doanh và con là thế tử Sâm vì hai cha con Chúa đều tuổi Mùi. Để tránh

tiếng xì xào, Bảo tự đổi tên thành Tế Lý. Nghe lời tâu của chính thế tử, năm Toàn Nhật sinh ra cũng là năm Đăng Bảo được chúa Trịnh Doanh gả cho đứa con gái thứ mười một, tức là công chúa Ngọc Tĩnh, để thưởng công chú cháu quận Việp đã đánh đuổi được giặc L ê duy Mật bật khỏi Nghệ An phải lùi về mãi tận Trấn Ninh. Tiếng là thưởng công, thực ra Sâm nhờ em gái mình dò xét Bảo.

Lúc nghe Đặng thị muốn xin Toàn Nhật về nuôi, bà cô nước mắt ngắn nước mắt dài kêu *Đứa cháu này, bà huyện ơi, tội nghiệp, tôi thương nó lắm !* Tình thương đó nhạt dần, và khi Đặng thị giúi thêm hai quan tiền nữa thì hình như đã lắng vợi hẳn xuống.

*

Toàn Nhật rời miếu Ba Cô vào lúc trăng vừa lên. Cơn nóng hầm hập ban trưa dịu xuống, không khí nhẹ hẳn đi mặc dầu gió vẫn lặng. Về đến bên hàng dậu, Nhật giật mình nghe những tiếng hét vang lên từng chập. Vườn chuối bên kia có tiếng bước chân thình thịch. Nhìn vào, Koji bất động dưới ánh trăng, mắt nhắm nghiền. Chợt ba lần quang vung lên trong một chớp mắt, kèm theo là tiếng hét vừa chắc vừa gọn như từ trong bụng phát ra. Cứ như thế, những tiếng hét vang lên, xé cái tịch mịch ghê rợn dưới ánh trăng xanh nhợt. Bỗng Koji cất tiếng :

- Mời ông vào đây. Tôi cũng đã xem ông sáng sáng múa kiếm ...

Toàn Nhật lẳng lặng vào vườn, nhìn Koji tươi cười, khom người chào mình. Khác hẳn với cung cách chỉ khẽ nghiêng đầu lúc trước, cách chào của Koji nay không còn kiểu bề trên kênh kiệu. Koji trầm giọng, ê a :

- Ông xem, tôi chỉ biết có ba đường kiếm. Phạt chéo bên trái, rồi bên phải và một đường bổ dọc ...

Toàn Nhật thích thú :

- Vâng, nhưng nhanh lắm. Lại chắc, nếu đánh trước thì kẻ địch khó mà chống đỡ nổi.

Koji mỉm cười :

- Không có chuyện đánh trước, đánh sau ... Cũng không có cái gì gọi là kẻ địch.

- ? ? ?

- Vâng, chỉ có ta và kiếm. Lúc rút ra khỏi vỏ thì thành một. Và đối tượng cũng là ta, chứ không ai khác nên làm gì có địch !

Trước vẻ ngẩn ngơ cuủa Toàn Nhật, Koji thân mật vỗ vai, kéo ra sau một cây chuối cao bằng đầu người, nói :

- Ông đứng đây, rồi bất ngờ làm một cử động thôi ...

Koji quay về chỗ trước cây chuối, lại đứng bất động, mắt nghiêm nghị nhìn vào khoảng không trước mặt, kiếm vẫn ở trong vỏ giắt sau lưng. Một phút, rồi hai phút ... Toàn Nhật không chịu nổi nữa, vừa nhích chân thì mắt hoa lên ba lần quang như ánh chớp, đầu như tê liệt trước tiếng hét chát chúa. Ngửng lên nhìn, Koji đã trở về trạng thái cũ, và kiếm tra lại vào chiếc bao dắt sau lưng. Toàn Nhật thở phào sửng sốt.

Koji lại bảo : - Ông lấy tay đẩy vào thân cây chuối mà xem.

Cây chuối mới nhìn vẫn vậy, bất động, tàu lá chỉ hơi rung rung. Đẩy vào, bốn mảnh thân cây đổ xuống đất, tiếng rơi bình bịch. Cây chuối đã mất đầu, rồi mất nửa mình, và thân bị chẻ hai.

Toàn Nhật lùi một bước, hoảng sợ, đầu gối nhũn ra, ngỡ ngàng chẳng biết là hư hay thực. Koji cất tiếng :

- Phép đánh kiếm của Phù Tang không múa như phép đánh kiếm của lục địa. Múa là để làm hoa mắt kẻ địch, dùng mẹo đánh vào chỗ sơ hở. Còn chúng tôi, chúng tôi đánh là thể hiện sự toàn mỹ và đồng nhất giữa lý trí với hành động của người cầm kiếm. Đích chính là ở Ta, còn kẻ địch chỉ là đối tượng để thể hiện cái Ta nên kẻ địch là phương tiện, có hay không, không quan trọng ... Kiếm pháp các ông nhằm triệt tiêu đối tượng. Đối tượng là đích, vì thế dùng mưu mẹo lừa cho đối tượng lầm lẫn để thủ thắng. Một đằng, kiếm và người là Một. Một đằng, người là chủ, kiếm là phương tiện và đặt kẻ địch thành đối tượng. Vâng, khác biệt là như thế đấy ...

Toàn Nhật nhìn chòng chọc vào Koji, ngạc nhiên hỏi :

- Khác biệt thế thì tác động thế nào ?

Koji cười hồn nhiên :

- Thắng và thua, sống và chết, không còn gì khác nhau nữa. Chỉ còn độc một cái là cái Ta được thể hiện mãn mỹ ở đúng cái giới hạn sẵn có của nó, thế thôi !

Vỗ vai Toàn Nhật, Koji đổi giọng :

- Nếu ông muốn, ta còn bàn nhiều về kiếm. Còn công việc, cái điều kiện ông đặt cho tôi, tôi đã nghĩ kỹ.

Ngưng lại rồi chặc lưỡi, Koji tiếp :

- Mà này, ông có thấy ở đâu cái chuyện người làm đặt điều kiện cho chủ không nhỉ ? Chắc là không đâu ! Tôi nhận điều kiện của ông, nói thế, nghĩa là không còn ai là chủ và ai là người làm công ... Kể từ nay, chúng ta là bằng hữu.

Toàn Nhật lùi lại, bàng hoàng trước thay đổi đột ngột không ngờ trước, mồm lẩm nhẩm :

- Không dám, không dám !

- Bằng hữu ạ, Koji này đã làm gì để không xứng đáng với tình bạn của

anh ?

- ...

- Và một ngày nào đó, tôi sẽ cầu xin bạn một ân sủng. Đổi lại, tôi sẽ truyền hết sở học về cung kiếm cuủa tôi cho bạn.

- Ân sủng ?

- Vâng, ân sủng. Tôi nói ngay : ân sủng này là cho tôi, và không hề đụng chạm đến một ai khác, bất cứ ở phương diện gì !

*

Theo lời mời cuủa Koji, Toàn Nhật dọn sang tư dinh, cư ngụ ở trái nhà phía tay phải, căn nhà chính giữa là nơi Koji ở, bên trái có xây một trà thất vuông vắn, mái như mái tháp. Từ trà thất nhìn ra sau là một cái hồ rộng ba thước ta, thả sen và nuôi những con cá đỏ chót to bằng cá trê. Chiều chiều, Koji ra đứng dựa trên chiếc cầu nhỏ vắt ngang hồ, cho cá ăn, miệng ề à hát :

Furuike ya (trong ao xưa)
Kawazu tobikomu (con nhái nhẩy vào)
mizu no oto (tiếng nước khua)

Công việc giao phó cho Toàn Nhật tương đối nhàn nhã. Nhật tiếp nhận trầm hương đến từ Thanh, Nghệ, lụa từ Hà Đông, gấm từ Kinh Bắc, sừng hươu nai và xương hổ từ Sơn Tây, Cao Bằng. Koji Mishima kiểm tra chất lượng xong, cho phép bốc lên thuyền để chở về Okinawa, một hòn đảo cực Nam đất Phù Tang. Đổi lại là súng đạn và đao kiếm. Nhật lại kiểm kê hàng Phù Tang, lên danh sách, chuyển giá thỏa thuận ra vàng hoặc bạc, và trách nhiệm chuyển hàng về Thăng Long cho quan Chánh dường Hoàng Tế Lý.

Tối tối, hai người lại ra luyện kiếm. Nơi Koji dạy Toàn Nhật nằm sau trà thất. Họ ngồi đối mặt vào nhau, mắt nhắm hờ, ở tư thế thiền tọa.

Cây đào Phù Tang rực lên cháy hồng một khoảnh không gian ven hồ nước lóng lánh sáng. Gió khuya gây gây lạnh. Trời đất tấu khúc đêm về, âm thầm những niềm hạnh phúc mỏng manh gió tháng chạp. Thỉnh thoảng, cá quẫy nước lục bục điểm vào tiếng ếch ương thảng thốt kêu dưới những tàn lá sen ven hồ. Mùa này, sen đã úa cả, không sao tìm đâu ra chút hương thoang thoảng lẫn mùi bùn tanh. Ở đầu gió, không khí lùa mùi thơm ngan ngát từ hàng cây dạ lan mọc cạnh tường nhà thoảng lại.

Koji cất tiếng, tay chỉ vào đầu :

- Nhanh không phải ở tay nhanh ! Nhanh là ở đây. Cái nhanh đó từ phản xạ. Một phản xạ không điều kiện. Đến độ đó, thực ra, phản xạ của cái đầu là cái lắng đọng từ sự chín chắn.

Mắt xa vời, trống không, giọng không thấp không cao, Koji ề à từng chữ :

- Sống kiếm là đường đi vào cái đích. Là đạo. Không rút kiếm ra nếu không cần. Đã rút, nhập vào cái đích, thành Một. Đầu, tay, kiếm và cái đích thành một thể bất phân nằm trên sợi tơ ranh giới căng ngang để nối liền sống - chết.

Koji đứng lên, chân vừa rùn bước là tay lóe ra một lằn quang ở trên chụp xuống, nhanh như ánh chớp dọc. Nhìn lại, Koji đã trở lại thế đứng bình thường, kiếm không biết lúc nào lại tra lại trong bao giắt chéo về phía trái theo chiều sống lưng.

Nắm bàn tay Toàn Nhật đặt vào đốc kiếm, sửa lại thế đứng, Koji bảo:

- Tất cả là hơi thở. Rút, hơi ngưng. Chém, thở ra, khí thừa trụ xuống bụng dưới. Bây giờ anh tập đi. Rút và chém một trăm lần.

Nét mặt Nhật nghiêm lại, mắt ánh lên. Cứ như thế, Nhật rút và chém. Một lúc sau, Koji ra dấu cho Nhật ngưng kiếm, nhìn Nhật rồi nhỏ nhẹ:

- Anh vừa chết đủ một trăm lần đấy. Không đủ nhanh và chắc. Hơi thở từ rút đến chém bị đứt đoạn. Anh biết tại sao không ?

Nhật lắc đầu.

- Khi anh rút kiếm, mắt anh có ánh lên thứ ánh sáng lóe đỏ màu căm hờn ! Chính sự căm hờn làm cái đầu không liền lạc với cái tay. Anh phải từ từ rũ bỏ sự căm hờn đó thì anh mới đạt được. Ba mươi năm nay, ngày nào tôi cũng rút và chém đúng trăm lần. Cả đời, tôi độc có ba đường gươm, chỉ thuần thành sau khi dứt bỏ được mọi vọng niệm ...

Nhật đưa dải áo lên lau mồ hôi trán. Ta căm hờn ư ? Căm hờn cái gì ? Ai ? Không biết. Nhưng có cái gì đó thúc giục, ấm ức. Nó như ở lặn trong lòng, vô lý vô lẽ, ùa ra để trừng phạt, phá phách không chủ đích.

Koji đến bên Nhật, nắm vai, đẩy Nhật về phía ven hồ :

- Sự căm hờn giảm ở đường gươm thứ ba. Đường gươm đó nhanh hơn ... Này bạn, có gì bạn cứ nói, sao lại để trong lòng ?

- . . .

- Có lẽ chính bạn, bạn cũng chẳng biết nỗi căm hờn đó từ đâu đến, ở đâu ra ! Nó là Karma, nghiệp chướng. Cũng có lẽ, may ra thì kiếm đạo sẽ giải cái nghiệp ấy. Đường gươm thứ ba cuủa bạn nhanh hơn có nghĩa là nghiệp của bạn nhẹ đi...

Cất tiếng cười ha hả, Koji lại ê a hát, giọng khàn đặc nghe đặc quánh một đêm sáng trăng.

- Hẳn mùa xuân năm nay cũng đến sớm hơn.

Koji vui miệng kêu lên, mặc nét đăm chiêu vờn trên đôi mắt Toàn Nhật trũng sâu bóng tối.

*

i

Quan Chánh đường Hoàng Tế Lý đến Phố Hiến hẳn không phải là chuyện thường, ông Sìn vừa nói vừa tiếp tục gẩy bàn tính nghe lách cách.

- Cậu biết không, trước nay chỉ có công tử Đăng Khoa xuống xét việc quan thôi, chắc lần này có chuyện quan trọng đấy.

Toàn Nhật nghe lơ đễnh, nhìn ra sông, hỏi :

- Chuyện gì ? Ông có đoán ra không ?

- Không, nhưng Quan Chánh muốn gặp cậu ngay. Đúng giờ Tị ngày mai, cậu đến dinh quan huyện như ước hẹn, qua đây đi cùng với tôi cho vui.

Toàn Nhật ra khỏi hiệu thuốc, ngược phố Khách rồi tách về phía tây, lững thững đi về phía khu Nhà Thờ tìm Trọng Thức.

Sau khi được thả, Thức còn nấn ná ở Thăng Long ít lâu. Nguyễn Thiếp giục mãi, Thức mới rời đi Phố Hiến độ đã hơn tháng nay. Nhật đã nghe đủ chuyện Kinh Kỳ, từ cái âm mưu nhà Chúa phế Tông lập Cán, cho đến chuyện Tế Lý o ép Phu tử đồng lòng việc soán ngôi vua bằng thủ đoạn lừa bỏ Thức vào ngục. Nghe Nhật báo rằng Tế Lý mai sẽ xuống Phố Hiến, Thức cười nhạt :

- Thế lực hắn vậy đã đủ chắc rồi mới bỏ Kinh mà đi được ! Nhưng có chuyện gì hắn phải đến đây ?

- . . .

- Dẫu sao thì Nhật cũng cứ phải gặp hắn. Và chớ quên là thấy rắn mà không đập được đầu thì tránh cho xa.

Nhật gượng cười, lơ đễnh :

- Công việc anh làm đến đâu rồi ?

Thức đứng dậy lôi từ hộc tủ một thếp có đâu đến cả trăm tờ giấy được xếp gọn ghẽ. Nhật cầm lên chăm chú lật ra từng tờ : một phần quyển từ điển Việt - La-tinh đã được bổ sung và tra cứu lại bằng công sức của Thức và giáo sĩ Charles-Antoine Sieyès. Thức hân hoan nói như reo :

- Dùng mẫu tự La-tinh để phân âm tiếng ta không khó khăn gì ! Duy có một số chữ chưa chỉnh. Như Đức Chúa Trời, ngày trước họ viết thế nào mà đọc ra là Đức Chúa Blời ...

Thức mơ màng tiếp :

- Nhưng đó là tiểu tiết. Nếu dùng mẫu tự này, chỉ cần dạy ba tháng là

một đứa bé lên sáu có thể đọc thông thạo dễ dàng. Như vậy, cái đống kinh sách phải học để đi thi thành ông tú, ông cử thì chỉ hai đến ba năm là ai cũng làu làu ... Ha ha, bút sắt sẽ thay bút lông để đuổi cho sạch giặc dốt !

Vừa lúc ấy, một người cao lớn bước vào, miệng lơ lớ nói : *Chào các ông*. Charles-Antoine Sieyès trạc trung niên, râu quai nón, lưng hơi khòm nhưng dáng nhanh nhẹ. Nghe Toàn Nhật hỏi thăm, ông ta cười : *Giê-su-ma lậy Chúa tôi, bình an, bình an !* và thân mật nắm tay Thức, nói ngọng nghịu:

- Ông có lý, chuyển âm La-tinh sang tiếng Nôm phải chính xác, không nên lẫn lộn x với s, d với z. Chẳng hạn như xa với sa ... nghĩa khác hẳn. Nhưng thôi, trưa mai tôi không làm việc với ông được vì phải lên Huyện chầu quan lớn từ Kinh xuống ...

Nét lo lắng, Charles-Antoine thì thào : *Không biết có chuyện gì ? Cầu xin Đức Mẹ là điều tốt lành cho giáo dân !*

Charles-Antoine không rơi vào trường hợp một giáo sĩ tự nguyện đi khai sáng cho giáo hội Kitô. Ông ta vốn là anh em song sanh của Emmanuel Sieyès, một nhân vật khá lạ lùng của đám trí thức ở Paris thường lui tới nhà dòng Jacobin phố St-Honoré. Mặc dầu xuất thân là quí tộc, Emmanuel thân cận những người bất hảo, mỗi tối thứ tư là hội họp, rồi cùng nhau in những tờ báo truyền tay. Cảnh sát Phú Lăng Sa được lệnh truy nã Emmanuel, nhưng lại bắt nhầm Charles-Antoine vì hình dáng hai người giống hệt nhau. Lúc đó Charles-Antoine vừa được thụ phong linh mục. Vị giám mục nhà thờ Đức Bà can thiệp, và đặt điều kiện bắt Charles-Antoine đi giảng đạo cho đám con chiên chưa được khai hóa ở tít tắpViễn Đông, lạnh lùng kết luận : *Có gì đâu mà oan, thầy chính là Emmanuel, nhưng mặc áo nhà dòng và mang tên Charles-Antoine. Đây, cảnh sát đưa trả nhà thờ sách vở của thầy. Có đủ loại sách Giáo Hội đã ra lệnh cấm. Sách của Rousseau, sách cuủa Voltaire, sách cuủa Montesquieu. Và cả những tờ giấy truyền đơn của đám vô thần bất hảo ởphố St-Honoré*

Charles-Antoine bứt rứt nhìn Thức, dáng lo ngại. Kinh nghiệm cho ông biết là gặp quan càng to thì tai họa càng lớn. Dạo hai năm trở lại, giáo dân bị đẩy vào thế cùng, có lúc đã định trang bị giáo mác để tự vệ. Biết rằng như thế là rơi vào cái bẫy để cho Triều đình đàn áp bằng võ lực, ông đã phải viện một trong 10 điều nghiêm cấm cuủa Thiên Chúa, tuyệt đối không cho giáo dân tự vũ trang, nếu trái lời có thể bị rút phép thông công.

Toàn Nhật cảm thấy ngài ngại, khoa tay lên cáo từ, nói với lại với Thức :

- Koji nhắn mời anh đến dùng trà ngày tròn trăng, nhớ nhé !

*

Hôm sau, Nhật lên dinh quan Huyện . Vừa vào cửa, Nhật thoáng thấy bóng lão Thuyết chủ chiếc quán ven sông lẩn nhanh ra sau, tự nhủ thầm là người làm cho Viện Nội Mật quả thật len lỏi khắp nơi.

Hoàng Tế Lý vẫy vào. Nhật chắp tay thi lễ, rồi đứng dưới trướng đợi như dăm ba người mặt quen có, mặt lạ có. Lý đứng dậy, tươi cười nắm tay Nhật, kéo riêng ra cửa sổ ở cuối phòng, miệng bảo :

- Thật là chóng, thế mà đã mấy tháng cháu rời Kinh rồi.

Tế Lý báo Nhật biết tin Phu tử sẽ ăn Tết ở Thăng Long, sau mới về Nghệ An, nhưng tuyệt nhiên không đả động gì đến Trọng Thức. Cuối cùng, Tế Lý dặn Nhật về nhắn Mishima cứ đợi ở nhà, khi hết việc trên huyện, đích thân Lý sẽ tới thăm ngày mai.

Ôm vai Nhật đưa ra cửa, Lý bảo :

- ... ngày nào đó về Kinh, ta sẽ đích thân dạy cho vài đường kiếm họ Hoàng.

Nhìn xoáy vào mắt Nhật, Lý rành rọt :

- Kiếm gia truyền không bao giờ ai lại dạy cho người dưng. Cháu phải biết, không như kiếm cách của Phù Tang đâu !

Nhật ớn lạnh xương sống, ngay việc tập kiếm với Mishima cũng đã đến tai Lý. Mọi việc lớn nhỏ ở Phố Hiến không phải là qua được làn mắt, tầm tay của Viện Nội Mật.

Khi chia tay, Toàn Nhật cúi đầu vái Lý dưới thềm. Đột nhiên, mặt chàng rừng rực nóng. Hít không khí vào đầy lồng ngực, Nhật chậm rãi thở ra, nhưng mắt chợt thấp thoáng bóng người đàn bà ở miếu Ba Cô, lưng quay về sông Nhị, tay phe phẩy gió.

Nhật về thẳng nhà để báo tin. Koji đặt chén nước uống xuống bàn, tay mân mê chiếc quạt. Đẩy chiếc mành cửa chạy dọc, vuông sân trải sỏi trắng hiện ra, trống trải, mông lung, lờ mờ những nếp gợn đều đặn đồng tâm như gợn nước. Ở góc sân, phía mặt trời mọc, hòn đá tảng màu xanh ngắt trơ vơ.

Koji trầm ngâm, quay sang Toàn Nhật hỏi :

- Quan Chánh dường không dặn giờ nào ?

- Không.

- Bằng hữu, Koji nhăn mặt, chúng ta phải tiếp ngài cho đúng phép tắc và nghi lễ Nhật Bản.

Dặn dò Nhật ra lệnh cho gia nhân đốt đèn lồng lên, Koji lại bắt tất cả mọi người phải mặc trang phục đại lễ. Ngoài ra, Koji bắt tìm ngay bốn mươi chín con bồ câu trắng để khi quan đến, thả cho bồ câu chân buộc nhiễu bảy sắc bay lên. Koji vỗ vai Nhật, mỉm cười, hỏi thẳng :

- Sáu năm qua, ai làm với tôi đều bí mật báo công việc về Kinh. Riêng

bằng hữu là không phải làm chuyện đó, sao lại vậy ?

- ???

Thấy Nhật ngơ ngác, Koji xuề xòa tiếp :

- Nhưng nào có quan trọng gì ! Quan Chánh dường đến tận đây thì có lẽ chúng ta sắp phải chia tay. Có hợp, ắt có tan. Bạn hãy nhìn mây trời ...

Toàn Nhật sửng sốt. Sao ? Tại sao ? Gió mỗi lúc một nhanh lên. Trên trời mây vỡ thành những con chim ùa ra vỗ cánh trôi đi tan tác. Chàng quay lại, tay nắm lấy Koji, hốt hoảng :

- Tôi không hiểu ?

Koji đứng lên, cười nghiêm nghị, rồi thoắt ra cửa, mồm gọi đám gia nhân sửa soạn công việc tiếp đón khách nhà quan.

Tối hôm ấy, Koji bận xét lại sổ sách, sột soạt đến khuya. Toàn Nhật tập kiếm một mình, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng hát khàn đặc, ê a vẳng lại.

Xế chiều ngày hôm sau, khi mặt trời mới chếch về Tây, tiếng chân ngựa rầm rập. Koji hét cho gia nhân mở rộng hai cánh cổng chính. Những con bồ câu trắng chân buộc dải nhiễu bảy sắc đập cánh bay lên. Tế Lý oai vệ bước vào, đi ngay sau là Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh được điều từ Duyên Hải về Phố Hiến, mang chiến thuyền đến đón Lý đưa về Kinh bằng đường thủy. Koji khom người đưa Lý lên ngồi, rồi quay về quì bên cạnh Toàn Nhật, xử sự theo phong tục Nhật Bản của kẻ bề dưới đối với người trên. Tế Lý yên vị, tay rút ra một cuộn giấy, lẳng lặng đọc tuyên chỉ do chính chúa Trịnh Sâm truyền : *Năm Cảnh Hưng thứ bốn mươi mốt ... Hạ chỉ giáng phong kiều nhân Koji Mishima, người đất Phù Tang, là Đông Ngoại Hầu, hàm nhất phẩm, và truyền cho về chầu tại chính phủ vào mồng hai tết Nguyên Đán năm Tân Sửu.*

Koji ngạc nhiên, nhưng vẫn trầm tĩnh, gập đầu xuống đất miệng cảm tạ, quai hàm cắn chặt làm nổi những sợi gân xanh trên thái dương. Tế Lý đứng dậy, xuống nâng Koji lên, miệng tươi cười :

- Ngài là quan nhất phẩm của triều đình, tước hầu cũng như tôi, xin ngài cư xử như đồng liêu. Quay sang Nhật, Lý cũng đưa một tờ sắc chỉ, tiếp:

-... mở ra, cứ mở ra đọc đi.

Nhật chăm chú : ... *nay truyền cho Võ Toàn Nhật nhậm chức Chưởng cơ đội Trung Kính, chớ chậm trễ trái lệnh.*

Hữu Chỉnh đứng bên hà hà cười, xen vào :

-Mừng Võ tướng quân, thế là lúc nào cũng được gần gũi quan Chánh, và tha hồ học hỏi để thăng tiến trên đường công danh nhé.

Đưa tiễn đám quân quan đến tận bờ sông, Koji cùng Toàn Nhật thả

bộ về. Nét mặt Koji lúc càng đăm chiêu, lẳng lặng đi như không có Nhật bên cạnh. Trên đê nhìn xuống sông, những cánh buồm trắng chớm ráng đỏ chiều tà trên ba chiến thuyền đã căng phừng phựt gió, lướt phăng phăng về xuôi.

Nhật ngửng mặt lên nhìn trời. Ai đó thả chiếc diều to bằng chiếc nia có gắn những ống sáo trúc. Tiếng sáo văng vẳng bay theo sức gió trầm bổng. Chợt Nhật nhớ đến Chương Tề Vật trong Nội Thiên của Trang Tử. Chàng lẩm bẩm : *Hiện nay ta mất ta, mi biết thế chăng ? Mi nghe biết sáo người mà chưa nghe biết sáo đất ? Mi nghe biết sáo đất mà chưa nghe biết sáo trời chăng ?* Chàng ngạc nhiên nghe Koji đọc tiếp, giọng ê a : ... *Kìa gió thổi nên muôn tiếng không giống nhau. Nhưng mà khiến cho nó tự thôi đi, hoặc nó tự gào lên, ấy là ai ?*

*

Trọng Thức khom lưng quì gối chui qua cánh cửa vừa lọt người vào trà thất, Toàn Nhật chui theo, đùa : *Ăn một bát cháo, chạy ba cánh đồng, uống một ngụm trà, luồn qua cái ngách.* Bên trong thất, Koji vái chào hai người.

- Đa tạ bằng hữu, đêm nay trăng vừa đúng độ, thú vị vô cùng.

Trà thất rộng độ hai mươi thước vuông, cao vừa đủ chiều cao một người đứng, trang trí sơ sài, vách là giấy bồi trên những khung gỗ. Theo lệ, không có ai được mang đao kiếm vào trà thất, khom người chui vào là để dập cho tắt cái kiêu, gây lại đức khiêm, và uống trà trong thể hòa, cái thế tĩnh lặng của bản thể. Koji nhẹ nhàng kéo khung cửa sổ. Ở chỗ ngồi, tầm mắt cuủa cả ba người là chiếc cầu vắt qua hồ, và bờ bên kia là cây đào Phù Tang sớm nở hoa. Loại đào này Koji mang sang từ vườn nhà mình, hoa sống thường được xuýt xoát ba tháng, từ tiết lập đông cho đến khi qua Tết. Koji nhìn Thức :

- Bằng hữu là anh của Toàn Nhật nên là khách quí của tôi. Từ ngày cư ngụ Phố Hiến, bằng hữu là người thứ nhì tôi có cái hân hạnh mời vào trà thất. Hai năm trước đây, tôi có tiếp một vị, tên là Tiệp Dư, tự xưng mình là cuồng sĩ ở Hoan châu, không biết giờ này ông ta trôi giạt đến nơi đâu ?

Vừa nói, Koji vừa thoăn thoắt xoay ròn một cái chổi tre trong chiếc bát gỗ to bằng bát canh. Bên cạnh, chiếc nồi đồng reo lên như hát, hơi nước phun lên từng lớp. Chiếc nồi rất đặc biệt, chính giữa là một trục rỗng chứa những hòn than đốt đỏ, nước trong nồi xung quanh trục sôi rất đều. Trịnh trọng đổ nước vào những lá trà xanh trong bát đã dâm nát, Koji cẩn thận

sang ra những chiếc chén to bằng chén tống, rồi sụp người vái khách mời uống.

Ngoài trời, trăng tròn vằng vặc. Thỉnh thoảng, tiếng chim ăn đêm vẳng lại. Koji đưa tay ra nâng chiếc đàn Koto treo trên vách, nghiêm trang:

- Tôi xin hát hầu hai bạn.

Tay nhẹ nhàng gẩy lên những tiếng khoan nhặt thưa thớt, miệng Koji ê a :

Kareeda ni (Trên cành khô)
Karasu no tomaritaru ya (chim quạ đậu)
aki no kure (chiều tàn mùa thu)

giọng nghe não ruột. Koji ngưng hát :

- Đây là thơ thể haiku. Cứ năm âm, bảy âm rồi năm âm là dứt .

Toàn Nhật vui miệng :

- Thơ tứ tuyệt, mỗi câu bốn chữ, cộng lại là mười sáu âm. Anh Thức dịch hộ đi xem.

Thức ngẫm nghĩ rồi đọc :

Cành khô quạ đậu
chiều tàn âm u
hơi may lành lạnh
đâu đây mùa thu

Nhìn ra cây đào Phù Tang ơủ bên kia hồ, Thức nhẩn nha tiếp :

- Tôi thêm vào câu thứ ba, thưa nó không ở bài Haiku gốc. Buộc phải thế cho đủ mười sáu âm trong nhạc thơ tứ tuyệt, nhưng dịch như thế là chưa phải. Theo tôi, phải làm sao có đủ mười bảy âm và giữ được thể nhạc mới đúng là dịch thơ.

Koji bỗng như xa vắng hẳn, im lặng một lúc rồi khàn khàn lên tiếng :

- Thầy từ hai đời của tôi là Kamono Mabuchi, người đã sáng tác ra thể Waka gồm ba mươi mốt âm ngữ. Cho rằng cái học đến từ Trung Quốc làm cho dân Nhật không còn chân thực và thuần phác như thể hiện qua những vần cổ thi trong thiên Manyoshu, ngài cổ vũ Quốc học phái Kokugaki. Sau, học trò ngài, là Motoni Norigana tiếp tục con đường đó, nghiên cứu cổ sự ký Kojiki, cho rằng phải trở về gốc là Đại hòa tâm Yamatogo koro, đưa nước Nhật về thời Kodai (Cổ đại) inishie (thuở xưa), bỏ hết phép tắc Tống nho đã khiến dân Nhật quá *khôn ngoan* mà thành ra những keủ tội nghiệp đáng thương...Norigana là thầy, Sansei, của tôi.

Koji ngưng nói, xoay chén trà trong tay, rồi bỗng cười nhẹ :

- ... Lý tưởng là thuở ngày xưa, mà tương lai thì mênh mang trước mặt. Người Hòa Lan đến Nhật Bản với súng ống, giúp Shogun Ieyasu Kokugawa thống nhất sau một thế kỷ nội chiến. Rồi sau là người Bồ, người Tây Ban Nha. Thế giới không còn thu lại một mảnh quần đảo. Thuyền buôn tới, thuyền buôn đi, cứ mỗi lần lại thấy khác, người khác, hàng khác. Vì thế, nếu quay về quá khứ mà sống thì làm sao có thuyền Nhật Bản cũng ra khơi hội nhập vào giao thương thế giới ?

Sansei Norigana mắng tôi : *Gốc ở mình không biết rõ, nhầm mang cái biết ngoại vật thì chỉ nhiễu loạn* ! Nhưng thực ra, ngoại nhân đã đến nước Nhật rồi, và dẫu có bế quan tỏa cảng thì cũng chẳng được lâu, cho nên tôi xin lên đường, rồi tháng tháng thư về cho Sansei, kể những chuyện tai nghe mắt thấy ... Là vũ sĩ, tôi nay lệ thuộc vào giai cấp thương gia, nhưng ôm trong lòng mối nợ Sansei. Bỏ thầy đi, tôi chỉ mong tìm ra một cái nhìn rồi một ngày nào đó trở về quì dưới chân người dâng lên một cách nhìn mới. Tôi đã giấu giữ được một trong ba mươi hai bản mộc Kaikodu Heidan cuủa Lục Vô, con người không vợ, không con, không cha mẹ, không bản mộc, không tiền và cũng không muốn chết, đang bị giam chung thân. Đọc xong, Sansei quẳng trả sách, bảo tác giả nó đã mất tính giai cấp vũ sĩ vì không phải là không muốn, mà là không dám chết.

Hai năm sau, tôi dâng lên tập Seiku Monogatori (chuyện các nước phương Tây) do Honda Toshiaki lược thảo, chủ trương khuếch trương kinh tế và phát triển mậu dịch. Sansei tôi quát : ... *thôi, đi đi. Trở thành thương nhân là cái gốc của mi. Nước Nhật không cần hạng người này* ! Từ đấy tôi lên đường vượt biển qua Ấn Độ, rồi Mã Lai, và mấy năm nay đến ngụ Phố Hiến. Nay muốn đi cũng chẳng đặng.

Koji thở dài, ôm lấy cây Koto, bật giây, ê à:

- Nhưng thế mới gặp được các bằng hữu.

Koji lại hát :

Những con kiến nhỏ nhoi
chạy hàng dọc trên cành đào gẫy
Ai bỗng ngừng tay thoi

Giọng hát ngân nga não nùng, thỉnh thoảng chen vào tiếng cá quẫy trong hồ, và tiếng dế mèn kêu đêm. Thức nâng chén trà, nghĩ ngợi mông lung. Những vấn đề Koji đặt ra cho Nhật Bản cũng là những vấn đề đặt ra cho xứ sở này. Nhưng họ, họ có những kẻ như Lục Vô Shihei, như Toshiaki. Còn ta, hừ, ta chỉ độc toàn những người nhắc lại Tam Cương, Ngũ Thường,

và rủ nhau ngâm vịnh. Thức lại xót xa nhớ Dương Quang, người bạn tù, cũng đã lên đường lưu lạc như Koji.

Toàn Nhật phá vỡ bầu im lặng :

- Đêm nay sương xuống, lại có trăng. Các vị chắc còn nhớ Lý Bạch, *Cử đầu vọng minh nguyệt. Đê đầu tư cố hương.* Đó là nỗi lòng của Koji. Xin anh Thức ngâm cho chúng tôi nghe ?

Trong đầu Thức, những câu thơ tuyệt diệu vẳng lên :

Đầu giường ánh trăng chếch.
Nhìn ngỡ đất mờ sương.
Ngửng mặt nhìn trăng sáng.
Cúi đầu thương cố hương.

Nhưng cổ họng thắt lại, Thức bùi ngùi :

- Nghe chuyện Koji kể, tôi vừa lập thệ rằng từ nay sẽ không ngâm vịnh gì nữa. Bây giờ bao nhiêu điều khác cần hơn. Đã gấp rồi !

Koji để ý trên khóe mắt Thức thoáng đọng chút gì long lanh như ngấn nước có lửa.

*

Khoảng tháng chạp, những vườn mai chạy dọc theo đê sông Nhị đã chớm vàng. Quán lão Thuyết tấp nập hơn. Khách thương ra vào, hàng hóa bốc dỡ cứ như theo độ Xuân về, ào ạt la liệt chiếm cứ những khoảng đất có căng những mái tranh làm tạm để tránh mưa chặn nắng. Theo lệnh Tĩnh-đô Vương Trịnh Sâm, đám giáo dân Kitô phải rời qua Phát Diệm trước Tết. Dân Phố Hiến xôn xao bàn bạc, kẻ phải đi tìm mối bán ruộng bán đất, người ở lại kì kèo dìm giá, và cư dân vùng Thái Bình mon men xuống tìm cách lấn đất định cư. Bọn thư lại Huyện có dịp làm tiền, mặt mũi trông rõ ra kênh kiệu trước cái nhớn nhác cuủa đám con chiên Chúa Trời. Giáo sĩ Seiyes từ Phố Hiến xuống Phát Diệm hàng tuần, mặt mũi khẩn trương, nhưng vẫn giữ được nụ cười sau hàm râu quai nón lớm chớm bạc. Công việc bổ xung từ điển Việt - La tinh ngưng lại. Bù vào, Trọng Thức đã bước đầu hoàn chỉnh phương cách phiên âm chữ nôm bằng mẫu tự Alphabê. Phần Toàn Nhật, chàng phải thanh toán tất cả sổ sách của Nhật Bản thương vụ. Koji đã quyết định ngưng công việc ở Đàng Ngoài cuối tháng này, ngày nào cũng đăm chiêu viết lách, bỏ mọi sự ngoài việc tập kiếm với Toàn Nhật mỗi tối.

Trưa hôm ông Táo về chầu trời, mưa bụi lất phất bay. Vài ngày nay,

gia nhân đã lần lượt về hết, nhà chỉ còn một ông lão bộc lo việc cơm nước. Suốt đêm trước, Koji lục xục viết lách. Sáng ra, Koji đốt trầm, ngồi im lặng nhìn về phía sông, mặt mũi tươi tỉnh. Tiếng đàn Koto lại vẳng lên, đứt khúc, hòa theo giọng hát ê a theo tiết âm thơ Haiku, lúc nào cũng như nghẹn ngào oán thán. Đúng ngọ, Koji mời Toàn Nhật ngồi uống Sakê. Koji rót rượu rồi trầm giọng hai tay đưa lên, nhìn Nhật đăm đăm một lúc, nhẹ nhàng :

- Toàn bằng hữu ! Tay kiếm bạn bây giờ khá rồi. Ánh căm hờn chỉ còn thấp thoáng đường gươm đầu, nó đang dần dần tan đi ...

Đẩy thanh gươm về phía Nhật, Koji tiếp :

- Thanh gươm này đã sáu đời là gươm dòng họ vũ sĩ Mishima. Đến Phố Hiến, từ nay nó thuộc về bạn.

Đưa tay chặn không cho Nhật nên lời, Koji tiếp, giọng nghiêm nghị :

- Xin chớ chối từ, gươm này thuộc đẳng cấp vũ sĩ, chỉ có thể trao lại cho vũ sĩ. Và dưới mắt Koji này, bằng hữu là vũ sĩ dòng Mishima kể từ khi bằng hữu học đường gươm đầu, đổi lại là một ân sủng như tôi đã thưa. Nhưng thôi, khoan nói đến chuyện ân sủng vội ...

Nhìn ra vườn đá sỏi hoang vu lờ mờ gợn những vòng không của dấu vết tạo thiên lập địa, Koji im ắng một lúc, rồi lại ê a :

- Chắc bạn không biết tại sao tôi được Tĩnh-đô Vương phong hầu ?

- ...

Tay mở chồng giấy xếp gọn ghẽ trong một cái khay sơn mài vuông vắn, Koji đưa một tờ cho Nhật, hàng chữ đầu đề *Luyện kim yếu pháp,* giải thích :

- Vương phong hầu cho tôi là mong đoạt yếu pháp này. Sáu năm trước, tôi có giao hai mươi khẩu *súng thần công* lên Kinh. Bắn thử, đường đạn lệch lạc không chính xác như những khẩu trước. Tĩnh-đô Vương quở, và cho mang súng trả lại. Nhật Bản thương hội phái thợ rèn, mang yếu pháp qua đốt lò làm bễ, sửa nòng súng. Sửa được, nhưng Vương biết, đòi lấy yếu pháp. Tôi bảo thợ rèn đi trốn, khai với Vương là không có, bảo rằng yếu pháp đã được đem về Phù Tang. Dĩ nhiên là Vương không tin, cấm tôi không được rời Phố Hiến, cho người theo giám sát.

A ha, nếu Đàng Ngoài này mà rèn được súng thì Đàng Trong không chống nổi, đấy chuyện phong hầu cho tôi nó là thế ... Tôi không nhận thì không được. Tôi nhận mà không làm nòng súng, tất phải chết như kẻ bề tôi không hoàn thành trách nhiệm. Nhưng nếu tôi tham sống mà làm súng thì biết bao nhiêu mạng người Đàng Trong sẽ tiêu vong ... Ôi chao, cái nghiệp này chỉ nghe qua tôi đã rùng mình rồi, bằng hữu ạ !

Koji đưa tay gạt một sợi tóc xòa trên trán :

- Đàng Trong đánh, Đàng Ngoài đỡ. Rồi Đàng ngoài đâm, Đàng Trong chém - Koji cười nhạt - cứ thế đã hai trăm năm rồi. Đâm chém thế, làm sao thành được một quốc gia. Không ! cái nghiệp dĩ này sẽ biến dân tộc các bạn thành một dân tộc chia rẽ từ trong tâm thức. Cùng gốc gác, cùng phong tục ngôn ngữ, nhưng chém giết nhau mãi thì cái nghiệp còn nặng hơn là phải đối phó với ngoại nhân. Nó như căn bệnh vô hình vô sắc, đục ruỗng ra từ bên trong, nguy hiểm gấp trăm lần mụn nhọt mọc bên ngoài thân thể.

Koji châm lò, tay cầm từng tờ giấy, thủng thẳng bỏ vào lửa, trầm ngâm nhìn tàn giấy sém đỏ cong queo.

- Trí tri ư ! Tốt. Nhưng nếu ý không thành thì tâm không chính. Lúc ấy cái biết nó quay lại tàn hại con người mà động cơ là dục vọng tầm thường. Bằng hữu , đốt xong *Luyện kim yếu pháp* là tôi sẽ bước chân vào một con đường. Nhưng thật ra, con đường đó tôi đã chọn nó trước rồi, từ ngày tôi đề cập với bạn về cái ân sủng bạn sẽ phát ban cho tôi ...

Con đường đó là đạo : tôi sẽ hành xử theo phép thiết phúc Seppuku để sống trọn vẹn với Sansei tôi là Norinaga. Sau đó, cúi xin bằng hữu gửi đoản kiếm vũ sĩ cuủa tôi về cho thầy tôi, với hàng chữ tôi đã viết sẵn trên mảnh vải này dùng để bọc kiếm ... Tôi viết rất giaủn dị : *Đệ tử Mishima thiển nghĩ Đại Hòa tâm là quá khứ, còn tương lai của Nhật Bản ở phía trước, nên làm phép thiết phúc, xin Sansei nghĩ lại* .

Trường kiếm này bằng hữu giữ lấy. Tôi tin bạn sẽ dùng nó như một vũ sĩ chính đạo. Chiều nay, vào cuối giờ Thân, khi mặt trời lặn, kiếm này chặt đầu Mishima, ở chặng cuối cùng của phép Seppuku. Bạn Toàn Nhật, bạn sẽ ban phát cho tôi cái ân sủng tối thượng, giữ danh dự vũ sĩ cho tôi. Vâng, cái ân sủng đó tôi đã xin bạn từ lâu, và đổi lại cho công bằng là ba đường gươm của dòng họ ...

Toàn Nhật sững sờ, mồm há to, ấp úng kêu :

- Trời ! hỡi Trời ...

Chân tay Nhật cứng ngắc như bị vọp bẻ, nước mắt ứa ra chan hòa trên mặt. Chàng quì xuống trước mặt Koji, mặt úp xuống đất, tức tưởi :

- Koji, Koji ! Bạn tôi. Ép tôi đến thế ư ?

Đỡ Toàn Nhật lên, vỗ về, Koji nghiêm trang :

- Không ai ép được ai! Đó là một danh dự. Tôi biết là chém đầu không nằm trong cung cách xử bạn. Nhưng nếu bạn không có can đảm cho tôi cái ân sủng đó, thì tôi chết đi nhục nhã, thành một con quỉ không đầu, theo bạn đến ba nghìn năm sau để đòi lại ba đường gươm. Ha, ha, bằng hữu! Mà chết ư ? Nếu không biết sống thì biết được thế nào là chết. Ta biết chết, bởi vì ta đã biết sống. Bằng hữu, đừng cho rằng sống chết là hai thể.

Một, vâng, *tử sinh đồng nhất thể* , đã vậy còn sợ gì, còn tham gì ?

Toàn Nhật mím môi, nhắc lại như nói với mình, sống chết chính là một, sống chết chính là một. Còn sợ gì ? Còn tham gì ? *Tử sinh đồng nhất thể - Hà úy hựu hà kinh.*

Nhìn ra sân sỏi, nắng quái ở đâu vừa đến. Phía bờ sông Nhị, cầu vồng sau cơn mưa cong lên làm một nửa vòng tròn, đầu bám vào chỗkhông có.

Koji phanh áo kimono, kéo cho trễ xuống đến bụng được nịt chặt bằng những cuộn vải trắng cuốn quanh. Rút cây đoản kiếm dài ba tấc để trước mặt, nét mặt bình thản đến lạnh lùng, Koji nhắm mắt nhập vào khoảng hư vô bao trùm cõi tạm chốn thế gian. Tiếng sáo, lại tiếng sáo diều trên đê. Sáo người ? Sáo đất ? Hay sáo trời ? Koji nhếch mép cười, tươi tắn nhìn Toàn Nhật :

- Lấy thế đi !

Hai tay cầm lấy chuôi đoaủn kiếm, rồi quay ngược lại, Koji miệng cười âu yếm nhìn trời, nhìn đất, và bất ngờ đâm mạnh vào bụng dưới phía trái. Đau đớn làm gập người xuống, nhưng Koji lại từ từ ngồi thẳng dậy, miệng khàn đặc ê a : *Những con kiến nhỏ nhoi* rồi đứt quãng, thở hồng hộc, *chạy hàng dọc theo cành đào gẫy* . Koji gắng hát tiếp : *ai bỗng ngừng tay thoi ...*

Thời gian chùng xuống, giãn ra, biến thành chất lỏng trốn vào chỗ vô hình vô tướng. Toàn Nhật hươi kiếm ngang đầu, sẵn sàng đường gươm thứ nhất. Koji quát lên, hai tay hết sức kéo cây đoản kiếm lên trên, lưỡi chếch về bên phải. Máu phun ra có vòi, tràn như nước vỡ bờ, nhuộm đỏ dải nịt vải trắng. Koji gục xuống, nhưng vẫn tiếp tục hát : *những con ... kiến ...nhỏ... nhoi*, rồi lại gượng người ngồi thẳng dậy, cổ cong ra phía trước, hét : - Trảm !

Một đường gươm lóe lên.

Đó là lần đầu tiên đường gươm thứ nhất Toàn Nhật phát ra mà mắt không có một chút căm hờn nào. Trái lại, nó đầy ánh cảm thương. Đó cũng là lần đầu tiên Toàn Nhật chém đầu một người. Oái ăm làm sao, người đó lại là một người Nhật đội ơn và yêu quí

Đứng như tượng đất, vô hồn, bất động cho đến lúc trời tối hẳn, Nhật mới định thần lại, òa lên khóc. Tiếng khóc ban đầu ấm ức trong cổ, sau to dần rồi vỡ tung ra thành tiếng gào, tiếng rú, tiếng sấm, tiếng sét. Vườn bên, trong đêm đen thăm thẳm, bỗng có tiếng mưa lộp độp trên những tàu lá chuối.

NAM DAO
4-1998



LUÂ N HOÁN

gửi

Triều Hoa Đại

Bạn có về chơi Đà Nẵng
cho tôi vói lời hỏi thăm
Hải Châu có còn Xóm Chuối
Xóm Chuối có còn hoa thơm?

Bạn gắng ghé vào đường Sắt
Mê Linh Cống, ngã Ga Mên
những nơi không hề đáng nhớ
riêng mình coi bộ khó quên

Bạn chụp giùm cho dòng chữ
viết lưng chừng cổng bến xe
mưa nhạt nhòa phai, có lẽ
lấy lòng ra ngắm, nhớ nghe.

Bạn ăn giùm tôi bún hến
nhớ đừng bỏ ớt quá cay
bẻ chừng hai phần bánh tráng
trộn cùng vạc tóc đang bay

cảm ơn bạn hiền lắm vậy
lâu rồi hết nhớ, cạn thương
chẳng qua ngỡ chừng sắp chết
lót thơ thay ít mùi hương

LUÂN HOÁN



TẠ DUY ANH

XƯA KIA CHỊ ĐẸP NHẤT LÀNG



Ngày ấy chị Túc xinh lắm. Ở vào tuổi mười tám chị tươi rói như một bông hoa, với thân hình thon thả, bờ vai tròn trịa, lẩn trong chiếc áo màu nâu tươi. Không biết bao nhiêu cặp mắt si mê đậu vào đó. Không biết bao nhiêu lời mây gió đã thoáng qua tai chị.

- Dừng lại đã nào...

Tiếng một trai làng đuổi theo chị như tiếng gọi khắc khoải bật ra từ nơi sâu thẳm của một lồng ngực bị dồn ép. Chị Túc từ từ quay lại. Cặp môi chín mọng của chị khẽ mở ra, để lộ một nụ cười có sức hút mê mệt. Cặp mắt giống hai miếng cau bổ khéo của chị chớp chớp nhìn xuống đất. Chị xinh đẹp nhưng chẳng tự kiêu chút nào. Đáp lại tiếng gọi, chị chờ đợi. Nhưng rồi người gọi dường như kinh sợ trước một hình ảnh quá xa vời tựa cái ảo ảnh của giấc mơ còn sót lại, cứ đứng ngây ra trước mặt chị.

Chiều nào chị Túc cũng có mặt bên giếng nước. Người ta bảo con gái nết na không dám soi mình vào gương. Mỗi lần cúi xuống kéo gầu nước, chị bồn chồn với chính hình ảnh của chị tận đáy giếng. Sóng nước chập chờn, lung lay đùa giỡn với chị. Bất chợt chị ngước lên, phá ra cười một mình. Tiếng cười của chị vô tư như chính vẻ duyên dáng của chị. Thoáng cái đã thấy chị gánh hai thùng nước, chân trắng trần bước đi mềm mại. Lại có ai đó gọi, chị Túc nghiêng nghiêng mái đầu thay cho lời đáp.

Trai làng lần lượt lên đường. Chiến tranh thò bàn tay vào lôi tuột đi các chàng trai mới chớm tuổi mười tám. Chị Túc sang tuổi hai mươi, rồi hai lăm lúc nào chị không nhớ. Mỗi lần tiễn thanh niên lên đường là mỗi lần chị Túc khóc cạn nước mắt.

Những đơn vị bộ đội ở đâu ầm ầm kéo đến làng tôi, ở lại vài tháng đủ để thương để nhớ. Rồi một buổi sáng nào đó khi chúng tôi tỉnh dậy họ đã biến đi như có phép lạ. Một lần tôi thấy mẹ tôi vừa đọc thư vừa sụt sùi lau nước mắt. Mẹ chỉ bảo tôi thư của chú Kiều từng ở nhà tôi. Lúc vắng mẹ, tôi mở trộm thư ra đọc. Tôi đánh vần cho bọn trẻ cùng làng đang tròn mắt ra nghe.

"...Cả tiểu đoàn em qua khỏi Quảng Trị chỉ còn vài chục người. Tụi nó đánh ác lắm chị ơi! Cả một vùng đất rộng mênh mông bị cày xới lại đến nỗi biến thành một thứ bột màu thuốc súng...".

Ở cuối thư, sau khi đã "vĩnh biệt chị và các cháu", chú Kiều còn "à quên, cho gởi lời chào đến cô Túc".

Ngày ấy chúng tôi chưa hình dung được sự khốc liệt của những dòng miêu tả đó. Chiến tranh như con ngáo ộp mà chúng tôi rất sợ nhưng sẵn sàng cợt nhả trở lại. Hôm sau mẹ tôi đưa thư cho chị Túc. Chị nằm xoài ra giường hết lật sấp lại lật ngửa tờ giấy. dường như lời thăm hỏi kia của chú Kiều chỉ là cái vỏ. Chị muốn tìm cái "bên trong" kia! Lúc chị trả lại thư cho mẹ tôi, khuôn mặt chị thoáng một chút bần thần. Nhưng cũng giống tụi trẻ chúng tôi, chị Túc không có nhiều thời gian để vẩn vơ. Cả làng lại cuốn vào đủ thứ lo toan để đón một đoàn quân khác. Các chú bộ đội cỡ tuổi chị Túc thường mượn cớ đến nhà tôi đánh cờ, nhưng hễ chị Túc bước vào là bàn cờ lập tức thuộc về chúng tôi. Chúng tôi có thể tùy ý đổi chỗ quân tốt cho quân tướng, thậm chí có thể đút cả xe, pháo, mã... vào túi, đem ra chỗ khác chơi trò lăn bánh xa...

Sau mấy tháng, đơn vị bộ đội lại biến mất. Làng tôi lại hẫng đi độ nửa tháng, buồn nhớ mênh mông. Cảm giác trống vắng lây sang cả tụi trẻ con chúng tôi. Rồi cả làng lại ầm lên những tiếng hỏi nhau, tiếng bước chân chạy rầm rầm để gõ cửa nhà nhau. Đấy là khi thư của các chú bộ đội gửi trở lại, từng đám, từng túm quây lại hướng về ai đó đang căng lá thư ra đọc oang oang.

Những gương mặt lo âu, mừng tủi, đan cài vào nhau tùy theo lứa tuổi. Chị Túc cũng nhận được một lá. Một lá thư đề ngoài bì dòng tên chị, viết hoa bằng nét chữ trận mạc. Ngay tối hôm đó, chị đến tìm mẹ tôi. Tuy mẹ tôi chỉ hơn chị dăm tuổi nhưng chị Túc phải gọi bằng thím. Dưới ánh lửa chập chờn của đêm tàn đông, gương mặt chị trở nên nghiêm trang, sâu sắc lạ thường. Chừng lâu lâu im lặng, chị Túc lập cập lôi từ lồng ngực ra tấm phong bì tự gập. Chị liếc nhìn tôi, giọng thì thào:

- Thằng cu ngủ chưa?

- Chơi cả ngày, đặt mình xuống là ngủ như chó - Tiếng mẹ tôi.

- Cháu có chuyện này muốn nói với thím - Giọng chị Túc phập

phồng. Tuy mắt vờ nhắm nghiền nhưng tôi biết mẹ tôi đang tóm lá thư từ tay chị Túc. Mẹ tôi kéo ngọn đèn gần lại, lật ngược lật xuôi rồi đưa trả chị:

- Đọc lên nào! Có hai thím cháu chứ có ai đâu mà sợ.

- Thím không được hở ra với ai - Chị Túc mặc cả.

- Con bé này, chuyện trẻ con!

Chị Túc thở sâu mấy cái rồi bắt đầu đọc:

"Quảng Trị ngày...

Em yêu quý!"

Chị Túc phải dừng lại để lấy hơi.

- Của ai đấy? - Mẹ tôi hỏi nóng sốt.

Chị Túc giả tảng không nghe thấy, tiếp tục đọc một cách khó nhọc:

"Có thể chỉ lát nữa, tôi sẽ không còn trên mặt đất này. Trận bom ác liệt lúc chiều đã cướp khỏi tay tôi hai chục chiến sĩ. Chắc chắn rồi sẽ đến lượt tôi. Chiến tranh là may rủi. Là cuộc chơi đỏ - đen tàn khốc nhất. Phải được cả hoặc mất tất! Nhưng hãy còn một lát nữa để tôi kịp chuẩn bị lần chót cho cuộc ra đi không bao giờ biết trước. Giờ này trăng vừa lên. Thật kỳ lạ khi tôi có cảm giác tất cả đều bình yên, tuồng như chiến tranh bị đẩy lùi mãi, chỉ còn như một dư âm. Và tôi chờ đợi. Em có biết tôi chờ đợi điều gì không? Tôi... chờ em bước ra từ vầng trăng. Em sẽ băng bó những vết thương, làm nguội mặt đất, bởi vì em là vị Phúc thần của những người lính trận như tôi..."

Chị Túc không sao đọc tiếp được nữa và mẹ tôi phải giằng lấy đọc nốt phần cuối. Tôi không biết lá thư nói tiếp những gì, chỉ thấy sau đó cả mẹ tôi và chị Túc cùng im lặng. Bỗng mẹ tôi thở dài đánh sượt:

- Chao ôi, bao giờ cho hết cảnh binh đao! Này, có phải của cái anh chỉ huy ấy không?

- Vâng, chính anh ấy.

- Nghe thư tôi đủ biết. Người cao ráo thế, thảo nào... Cũng thật tội nghiệp cho anh chị.

Nhưng chị Túc chợt khóc nấc lên:

- Đêm chia tay...anh ấy... xin cầm tay cháu một lần... mà không được... Chắc anh ấy đau khổ lắm...hức hức...

- Anh ấy sẽ càng yêu cháu. Ừ, giá như... - Mẹ tôi vờ cúi xuống xoay lại thế nằm của tôi. Rất nhanh tôi thấy mẹ tôi quệt tay áo lên mắt.

*

Đông Hà ngày...

Khe Sanh 9 giờ ngày...

Nam Lào, bên một tảng đá có khóm hoa trinh nữ ngày...

Chị Túc xếp những lá thư theo thứ tự ngày tháng. Có lá gửi từ mùa hè, đến tay chị Túc là mùa đông. Có lá dường như được viết giữa cánh rừng đước nơi tận cùng đất nước. Thảng hoặc có lá thư do bị lưu lạc quá lâu, qua quá nhiều nơi, đến mỗi trạm đều có chữ viết thêm đằng sau phong bì: “Nhanh lên đồng hương”. Rồi ở trạm khác lại một dòng viết vội: “Đã duyệt và thấy cần phải lưu hành”. Cho đến một trạm nào đó, dòng chữ viết còn lấp lánh những ánh mắt lính: “Tình yêu thời chiến phải thần tốc. Gửi đồng bào miền Bắc triệu cái hôn”...

Chị Túc trân trọng những tình cảm trận mạc như giữ cho mình một báu vật. Trong hàng trăm lá thư nhận được, chị Túc chỉ viết trả lời được mươi người. Số còn lại không có địa chỉ. Điều đó khiến chị Túc day dứt. Nhưng điều chị khổ tâm nhất chỉ có mẹ tôi biết, anh chỉ huy viết lá thư cho chị, thay lời cầu hôn, không thấy thêm một hồi âm nào khác. Thời gian mặt trận B1 đang bước vào giai đoạn quyết liệt.

*

Chị Túc là tổ trưởng tổ “phòng gian, bảo mật” của xã. Từ 7 giờ tối, đội phòng gian có quyền xét hỏi bất cứ người lạ nào qua làng. Chiến tranh lan ra miền Bắc. Những tên điệp viên cải trang dưới đủ mọi hình thức dò dẫm vào bất cứ nơi nào nghi có lực lượng quốc phòng. Làng tôi là một điểm chú ý của chúng. Huyện vừa thông báo trường hợp lão ăn xin bị tổ dân quân của chị Túc bắt bữa trước chính là một gián điệp cải dạng.

Làng xóm im lìm như sắp vào trận.

Nhưng trăng thì cứ sáng; bất chấp cả chiến tranh. Ở phía đê Bộc vẳng lên từ hội gặt lúa đêm những câu hò vừa chua ngoa vừa tình tứ. Mọi đêm cùng gặt, chị Túc rất sợ tụi này. Làng chỉ toàn đàn bà nên bọn con gái trở nên bạo mồm bạo miệng. Đã có lần chị bị đám đàn em ấy bao vây, bắt phải cung khai tên tuổi người yêu. Bí quá chị Túc đành nhận “yêu lính”. Tưởng thế là xong, ai ngờ chúng cùng hét lên:

- Hôn nhau chưa?

Chị Túc sắp ngất xỉu thì một đứa trả lời thay:

- Rồi!

- Cảm giác như thế nào?

- Như điện giật.

Thế là chị Túc bỏ chạy. Trông chị lúc ấy thật tội nghiệp.

Tiếng hò vẫn lúc xa, lúc gần theo hướng gió. Chị Túc có cảm giác từng câu hò đang trôi bồng bềnh về phía chị. Gió phả hương lúa mát rượi vào ngực chị. “Có thể cả những câu hò” - Chị thầm nghĩ. Chị đặt ghếch súng qua vai, mắt dõi vào biển sương mù lãng đãng...

Có tiếng người bước rất khẽ trên cỏ. Dưới ánh trăng chị Túc nhận ra cái dáng cao lớn của một gã con trai. Đến gần chỗ chị Túc, bóng đen đứng im phắc. Chị Túc run run xốc lại súng, khẽ hỏi bằng giọng nghiêm khắc:

- Ai?

- Tôi.

- Tôi là ai?

- Là kẻ cô đơn.

- Nói rõ ra ngay, anh làm gì ở đây, không tôi bắn.

- Ngày nào Túc chẳng "bắn" tôi, chưa thỏa à?

Giọng trả lời có vẻ thiểu não nhưng không giấu được chất nhơn nhơn của kẻ biết rõ đối tượng trước mắt. Nhưng cũng chính cái giọng ởm ờ ấy của gã đàn ông khiến chị Túc bình tĩnh lại ngay. Anh ta ra đây vào giờ này làm gì nhỉ. Cái anh chàng luôn chải chuốt, từng xoắn lấy chị vào buổi làng mở hội thi nấu cơm. Nhớ rồi. Anh chàng Hào công tử, con ông phó Dộc. Tuy cùng lứa, cùng làng nhưng cả năm cả đời chị Túc chỉ thoáng gặp anh ta vài bận. Hầu như Hào không bao giờ có mặt trong đám trai làng. Chớm đến tuổi nghĩa vụ, lấy cớ theo học nghề của bố, Hào biến mất tăm. Rồi bất chợt anh ta lù lù có mặt ở hội nấu cơm thi, bảnh bao như một trí thức thành phố. Anh ta bám chặt lấy chị Túc khiến có lúc chị mất bình tĩnh. Tuy vậy ở vòng một: nấu cơm trên cạn - chị vẫn giật giải nhất ngon lành. Mở vung cơm ra, mùi gạo tám bốc lên nao núng cả người. Những hạt cơm, trăm hạt như một, còn nguyên hình hạt gạo nhưng đưa chiếc đũa cả vào, bàn tay cảm nhận thấy ngay độ mềm, xốp đúng độ của hạt cơm, vừa nước, chín tới. Bát cơm không khác gì bát bông! Ban giám khảo là các cụ rất khó tính, sành ăn, chỉ việc xếp chị Túc lên hàng nhất.

Sang vòng hai: Nấu cơm dưới nước. Điều kiện thi thật ngặt nghèo. Người dự thi được cấp một bó mía xương gà, loại mía giòn và mềm, một chiếc nồi và một bao diêm. Mía xương gà phải nhai hít lấy nước để bã có thể cháy được. Mọi động tác không được thừa một ly, thiếu một tí. Phải tính toán thế nào để mía hết, cơm đủ chín ngon và nhanh nhất. Thế mới đúng cái nghĩa "gái đảm hậu phương" như tên cuộc thi. Bị hàng ngàn cặp mắt đông nhất là bộ đội "chiếu tướng", chị Túc lúng túng mất lúc đầu vì chiếc "thúng" hình vỏ dưa cứ "giã gạo" trên mặt nước. Nhưng giải nhất vẫn thuộc về tay chị để tiếp tục vào vòng ba, cũng là vòng cuối cùng. Vẫn các điều kiện của vòng hai nhưng người dự thi từ " cô gái" của vòng một, "người vợ " của vòng hai bắt đầu "làm mẹ" ở vòng cuối cùng. Người ta trao cho "người mẹ" một đứa bé đang tuổi nghịch. Chỉ cần đứa trẻ khóc một tiếng coi như hỏng thi. Chẳng biết xưa kia ai nghĩ ra cái trò này để kén con dâu? Chị Túc thẹn đỏ mặt với ý nghĩ ấy. May mà bẩm sinh, chị có một sự

hiền dịu tuyệt vời. Từ đầu đến cuối vòng thi, đứa trẻ cứ hết ôm cổ "mẹ" lại giơ tay chào "các chú bộ đội", cho đến nắm bã mía cuối cùng. Cũng là lúc hơi cơm chín đẩy vung bốc ngào ngạt. Tất cả những người nín thở theo dõi trên bờ hò reo như sấm khiến suýt hất chị và đứa bé xuống nước.

- Em là cô Tấm trăm phép mầu chứ không phải người trần mắt thịt.

Vẳng bên tai chị là lời ca tụng không ngớt của "anh ta". Khi chị rẽ đám đông để thoát ra ngoài, "anh ta" liền bám theo như cái đuôi. Cách chị một đoạn "anh ta" lầm lì bước với vẻ đau khổ của kẻ bị bỏ rơi. Giờ đây lại chính cái giọng ấy, đượm thêm sự cầu khẩn van lơn. Chị Túc thấy trào lên chút thương hại. Chỉ có điều tại sao anh ta không ra trận? Dạo ấy lời thắc mắc như vậy là điều tai hại khôn lường cho chàng trai nào đó "tụt lại". Một là anh ta sợ chết. Hoặc nếu không, hẳn có thể anh ta bị bệnh hoạn, khiếm khuyết gì chăng?

- Anh ra đây làm gì? - Chị Túc dịu giọng.

- Vậy là cuối cùng sự kiên nhẫn của tôi không đến nỗi uổng.

- Có ai bắt anh phải kiên nhẫn "ở lỳ" một chỗ đâu! - Chị Túc vẫn nhẹ nhàng.

Gã đàn ông "có tật, giật mình", hiểu ngay ý mỉa mai của chị Túc, vội lên tiếng:

- Đừng nghĩ rằng tôi sợ chết. Sáng mai tôi sẽ khoác ba lô trận ngay, nếu đêm nay...

Chị Túc thấy lạnh sống lưng. Gã đàn ông đã ở rất gần thừa cơ sán lại.

- Trăng đẹp thế này mà tâm hồn Túc cứ lạnh giá như vậy ư?

- Không cẩn thận tôi giải anh lên huyện đấy.

- Túc không thể ban cho tôi một thời cơ để tôi thanh thản ra đi sao? Túc có biết tôi chưa ra trận vì lẽ gì không? Tôi yêu em...

- Vớ vẩn! Anh không thấy xấu hổ khi đặt điều kiện ấy à?

- Tôi không đi đâu cả, nếu không được một lần quỳ dưới chân em, để nghe từ miệng em lời thú nhận rằng em chưa từng yêu ai...

- Nếu anh thật lòng quan tâm đến tôi như một người bạn thì tôi cũng thật lòng cảm ơn. Chỉ có thế thôi!

- Chỉ có thế thôi! Trời ơi, làm sao em tàn ác thế. Em biết thừa rằng tôi yêu em, không thể thiếu em. Em biết thừa rằng đời tôi sẽ còn lại gì nếu không có em trong tất cả những gì tôi sẽ lao vào. Xin em cứ việc nguyền rủa, đánh mắng tôi như đánh mắng một con chó chỉ cần em đừng tàn ác như lời em vừa nói, không đúng với tình hình hiện nay của em.

Tự nhiên trái tim chị Túc dịu xuống bằng cái bản tính nữ giới tuyệt vời của chị. Dù sao anh ta cũng có vẻ cô đơn thật. Một người đẹp trai, sang trọng như anh ta lấy đâu chẳng được vợ giữa buổi đàn ông biến đi hết sạch

này. Chị thương hại:

- Anh ngồi xuống đây. Nhưng tôi xin nói trước, trái tim tôi đã trao cho một người, không còn chỗ để nhận những tình cảm tôi tin là rất chân thật của anh.

- Đừng nói dối - Gã đàn ông kêu lên - Tôi van em, tôi lạy em. Chỉ cần em nói em yêu tôi, ngày mai tôi sẽ yên trí ra trận, tôi sẽ lập công, tôi sẽ...

Anh ta dừng lại vì bắt gặp cái nhìn mênh mông từ cặp mắt mênh mông. Nhưng anh ta không hiểu gì cả. Anh ta không biết lúc ấy chỉ duy nhất có một người trong cặp mắt chị Túc. "Người ấy" từng ước thấy chị ôm bó hoa có quấn dải lụa xanh bước ra từ vầng trăng. Và anh ta chỉ là gã đàn ông giúp chị gợi rõ thêm hình ảnh "người ấy" của chị. Mắt chị Túc càng mênh mông dõi vào khoảng vũ trụ đầy huyền bí. Gương mặt chị có đến mấy phút bất động, đẹp như pho tượng tạc bằng loại gỗ trắng. Nhưng tất cả vụt tan biến, tất cả nát vụn trong một tích tắc. Chị Túc thấy cái khối đen trước mặt nhảy dựng lên rồi đổ ụp xuống. Toàn thân chị sắp tan thành đất. Chị chơi vơi như đang rơi xuống cái hố đen ngòm. Trời sao quay cuồng ngay trước mặt chị cùng với tiếng giật lép bép của mầm cỏ bị chà xát. Chị định hét lên "buông tôi ra" nhưng bàn tay gã con trai đã bịt chặt lấy miệng. Anh ta trườn như con bò sát khổng lồ trên cơ thể chị, đôi tay tham lam đang bóp vụn tất cả những gì lọt vào nó. Chị thấy ngạt thở và muốn nôn. Toàn thân chị co rúm lại. Vầng trăng vỡ ào ra, ứa máu. Nhưng vào giây phút ấy, cái giới hạn của sự thiêng liêng bị đẩy đến mép bờ vực ô nhục đang ở tích tắc cuối cùng, có một sức mạnh nào đó, chưa từng có ở chị bởi còn tiềm tàng mãi nơi đáy lòng tin, nơi tận cùng của điều thâm nghiêm phải giữ bằng mọi giá đã giúp chị lật sấp người xuống. Tiện thể chị co chân đạp một cái thật mạnh vào khối đen đang mất hướng khiến anh ta rống lên một tiếng như con chó bị đánh. Chị chồm bật dậy, chộp khẩu súng, đứng lùi xa một đoạn.

- Mày tỏ tình kiểu ấy phải không? - Giọng chị Túc sắp bật thành lửa - Tao sẽ trả lời mày theo kiểu của tao.

Gã đàn ông còn ôm bụng lăn lóc chán để nghe tiếp lời tuyên án:

- Thì ra mày trốn lủi cái chết để định tạo ra những cái chết khủng khiếp khác phải không?

- Tôi chỉ chứng tỏ tình yêu của tôi.

- Tình yêu của quỷ sứ! Cút ngay khi tao còn chưa kịp lên đạn.

Gã đàn ông lồm cồm bò dậy, quần áo tơi tả, cắm đầu đi qua họng súng đang chĩa về phía anh ta. Đi một đoạn anh ta quay lại, nói vớt vát:

- Thèm chết cha còn làm bộ...

- Phải tao thèm, tao rất thèm một gương mặt đàn ông nhưng không

phải một con quỷ như mày.

- Dù sao đây cũng đã... là thằng đàn ông đầu tiên...- Giọng gã đàn ông tráo trở đến khả ố. Thay cho lời đối lại, chị Túc kéo quy lát đánh "roát" cùng với bước nhảy cỡn lên của gã đàn ông. Chị mím môi, rê nòng súng theo bóng đen đang chạy thục mạng. Khi đầu súng đã dính chặt vào lưng gã, chị liền nhắm mắt lại. Nhưng tay chị lả dần xuống cùng với ý nghĩ chợt lóe lên "cứ để cho nó sống. Loại người đó sống còn khổ hơn chết".

*

Tôi không còn nhớ đã bao nhiêu lượt đơn vị bộ đội dừng chân ở làng tôi. Có thể vài chục lần. Những người lính trẻ măng ra đi ngày ấy đều hẹn ngày nào đó sẽ trở lại. Chiến tranh đang một mất một còn nên cái "ngày nào đó" thật xa vời. Hàng chục năm sau vẫn không thấy một ai trong số hàng vạn chiến sĩ đã từng ở làng tôi trở lại. Nhưng lần nào cũng vậy, vẫn cái điệp khúc bi tráng: "Ngày nào đó...".

Cũng vài chục lần làng tôi háo hức chờ những lá thư. Có lá ra đến miền Bắc, người viết nó không còn. Có lá viết nguệch ngoạc vài ba câu hỏi thăm như lời hấp hối vội vã. Người nhận được nhiều thư nhất, tất nhiên vẫn là chị Túc. Có thể có người chưa kịp đọc lời yêu thương của chị đã thịt nát xương tan ở một cánh rừng nào đó. Nhưng tất cả những người lính ấy đều không thể không mang hình ảnh chị trước lúc ngã xuống để lại cho người đời hàng ngàn bí ẩn về chiến tranh.

Chị Túc bước sang tuổi ba lăm đúng vào năm hàng triệu người cười, khóc vì mừng tủi. Mẹ tôi và chị Túc cứ gặp nhau là ghì nhau xuống gường, chan nước mắt lên ngực nhau. Rồi chị Túc bắt đầu sợ những nơi ồn ào. Cùng với niềm vui chiến thắng, những giọt nước mắt của chị Túc lẫn cả vào nỗi tủi hờn của tuổi ba lăm! Khi tỉnh táo lại, chị lặng lẽ đến bưu điện lục tìm điên cuồng trong đống thư gửi từ miền Nam. Chị câm lặng làm cái việc "mò kim đáy bể" ấy suốt cả tháng ròng. Vẫn không thấy dấu hiệu nhỏ nào của những người từng hẹn, "ngày nào đó". Lẽ nào chiến tranh đã ngốn hết sạch họ?

Ở làng bắt đầu rì rầm bàn tán. Những người bằng tuổi chị, chỉ may mắn hơn do chồng đui, điếc để có cả một bầy con, dè bỉu chị điên rồ, lãng mạn, dở hơi. Trong hàng mớ lý lẽ thực dụng của họ không phải vô lý cả. Họ cho rằng có bao nhiêu làng quê trên đất nước này từng là nơi người lính dừng chân. Vả lại sau chiến tranh còn tỉ tỉ thứ khiến anh nghĩ đến trước. Anh ta cũng có bố, mẹ và một vùng quê. Họ cho rằng mỗi người có một bổn phận. Bổn phận của chị Túc là phải làm vợ ai đó còn sót lại để làm tròn nghĩa vụ của trời trao cho người phụ nữ. Chị chờ ai, chờ cái gì và điều

đó đem lại cái gì? Một thân phận héo mòn, cô đơn. Chả nhõn tiền ra đấy ư? Khối kẻ sau chiến thắng liền quên phắt mình đã từng sống được nhờ lời ước hẹn thủy chung của ai đó, tự cho mình có một cái giá cực đắt để vỗ tuột tất cả. Những ngày đó, những lời đó khiến chị Túc sống gần như nghẹt thở. "Lẽ nào anh ấy lại cũng trong số những kẻ đó. Anh có còn chờ em bước ra từ vầng trăng nữa không nếu anh còn sống?"

Rồi cả làng lại thấy chị Túc ra đi, âm thầm như con vạc lẻ đàn. Lần này chị đi là đi mất biệt. Khắp làng, như mọi khi, lại bùng lên từng đợt đủ thứ bàn tán. Kẻ rỗi mồm nhiều vô cùng nên cũng nhiều chừng ấy những lời đồn tai quái. Người này cho rằng chị bị loạn tình do thèm khát đàn ông. Người kia cho rằng chị Túc không chịu nổi những tiếng pháo nổ, những tiếng pháo nổ liên miên mùa cưới. Tiết trời heo may, hun hút thế này với một người đàn bà ba lăm.

Chị Túc đi được mấy tháng thì anh Hào về. Không ai ngờ anh ấy còn sống kể từ cái đêm suýt chết trên đê Bộc và sáng hôm sau bị áp giải lên huyện theo lời đề nghị của tổ phòng gian bảo mật. Anh Hào về, có lẽ là sự kiện quan trọng nhất làng tôi. Anh đeo lon thiếu tá, phóng một chiếc hon đa "sáu bảy" đen trũi, cuốn bụi mù mịt. Chó của cả làng sủa váng lên chạy theo bọn trẻ con ùa ra đón anh. Trên cái đèo hàng, một kiện gì đó to bằng một chiếc tủ khiến những cặp mắt "Cổ hủ" làng tôi bị cái hình ảnh hiện đại ấy làm cho lóa mắt. Mọi người quên ngay chuyện chị Túc để hướng về anh Hào. Anh vạm vỡ, hồng hào tựa như chiến tranh chỉ là một trò chơi rất bổ ích. Anh cười nói oang oang, véo má đám con gái bị dồn về một xó. Nhà cụ phó Dộc trở thành điểm thu hút trí tò mò mạnh mẽ nhất. Người ta kéo đến để "vì tình làng nước" hút một điếu Ru-bi, chê khét như lông chó, sờ tay vào con búp bê Nhật biết mở nhắm mắt, để hỏi "tình hình miền Nam, thấy bảo "trong đó" hàng hóa vứt bừa bãi như ta vứt rác ngoài này", để "xem thằng Hào làm gì mà vơ được lắm của thế?". Và, tất nhiên "để mừng cụ phó Dộc có cậu con leo đến hàm tá".

Anh Hào trở thành thần tượng làm khuôn mẫu cho mọi lời giáo huấn hay nhất từng có ở làng tôi. "Cứ trông thằng Hào đấy!" "Cũng là mang nặng đẻ đau, con người ta vừa "đỏ ngực" vừa khuân của thiên hạ về dưỡng "bố" v.v...Đáng nghe hơn cả là những lời kể từ miệng anh Hào, anh kể về chiến tranh như các bà ở chợ nói về giá cả. Nào là những hầm rượu Pháp còn chưa có chủ nhận, ai lấy bao nhiêu tùy ý. Nào là một tổng kho nào đó có thể tặng bất cứ ai vào thăm một chiếc đồng hồ mạ vàng, còn loại xe tàng tàng như anh đi thì nhà nào cũng dăm ba chiếc cho trẻ đi học. Tất cả những điều đó anh Hào kể rất hào hùng, tuồng như việc hy sinh cả triệu người kia chỉ để cho những người như anh tha hồ đe nẹt bọn tư bản, địa

chủ, để cần gì là được thứ đó như trong chuyện cổ tích.

Khi "cao trào" thăm hỏi đã lắng xuống thì đến lượt khách ở nơi khác đến. Những ông khách này ra vào im lặng trao đổi bằng mắt phần nhiều và khi ra đã có người nhà làm "cọc tiêu" ở ngõ. Cụ phó Dọc bỏ hẳn nghề đục đẽo, thứ bảy chủ nhật "xách một túi" đi đâu không biết. Tất cả không qua được con mắt tò mò của làng tôi, họ còn biết cả rằng, anh Hào chưa biết lấy đường ngắm cơ bản! (Tin này thì chính xác vì làng tôi có đội dân quân, thấy bảo đã có lần rước anh Hào làm thầy).

Anh Hào đã quá phép ba ngày. Cụ phó Dọc đâm ra ủ ê vì lý do anh không chịu lấy vợ. Riêng việc vì sao anh nấn ná chưa đi thì cụ phó và cả làng không ai biết.

Anh Hào chờ chị Túc. Anh còn một mối hận năm xưa với chị trên đê Bộc. Nhưng trong ký ức anh, khuôn mặt thiên thần của chị vẫn là mối thách đố, không chịu được. Nó át đi cả ý nghĩ trả thù vẫn nung nấu trong suy nghĩ của anh. Cần thiết anh vẫn cứ quỳ xuống như thường.

Sự chậm phép của anh cũng không uổng. Còn hai ngày nữa là trọn một tuần anh ở "rốn" lại thì hôm nay chị Túc về. Mười phút sau "đề tài chị Túc" lại át mất "đề tài anh Hào" trong chương trình "thời sự làng tôi". Anh Hào có ý không rời bộ quân phục tá, nổi bật lên đôi quân hàm đỏ chói. Bỗng anh giật mình khi thấy đứa trẻ con nào đó bi bô "bà Túc", đến mức mồ hôi anh vã ra. Ừ nhỉ? Người đàn bà ấy sắp sang tuổi bốn mươi. Tại sao anh quên khuấy mất điều đó. Khỉ thật! Mình đã uổng công chờ một phụ nữ đã tàn phai tất cả những gì khiến mình say mê, khiến mình phải sống bằng mọi giá, bằng mọi giá để trở về. Thì cũng nên biết "cô ta" thế nào!

Anh Hào lại chọn đúng cái điểm từng bị chị Túc dọa bắn năm xưa, làm nơi chờ chị đi qua. Anh sợ không nhận ra chị từ xa nên thuê một đứa bé điếu Ru-bi để nó làm hộ điều này. Rồi người anh đợi cuối cùng đã xuất hiện. Khi đứa trẻ "báo động cô ấy kia kìa", tim anh khẽ nảy lên một nhịp khác thường. Cô ta kia ư? Làm sao anh có thể tin được. Điều quan trọng nhất là không cho cô ta biết mình là ai. Toàn thân anh vã mồ hôi khi người đàn bà da mặt xanh xao, hơi có dấu hiệu phù nề cứ tiến thẳng về phía anh. Không kịp chạy nữa rồi. Và anh thở phào khi người đàn bà ấy câm lặng đi qua. Thế là thoát! Cần phải chuồn thật nhanh. Anh không biết rằng có một lần người đàn bà đưa mắt qua vai, nhìn chiếc cổ béo núng của anh, không mảy may xúc động.

Sáng hôm sau, anh Hào đi từ gà gáy. Chó của cả làng đuổi theo xe của anh ra tận đê Bộc. Con đường chi chít vết chân trâu khiến chiếc xe nhảy lên chồm chồm. Từ đây đến huyện, không một lần nào anh Hào ngoái lại.

NHẬT KÝ CỦA CHỊ TÚC

Ngày...

Mình đã lục gần hết đống thư khổng lồ ở bưu điện Hà Nội. Mấy cô nhân viên thật tốt bụng. Hàng ngày họ phải đáp ứng đủ thứ yêu cầu rắc rối, lại thêm cả yêu cầu quái đản của mình. Vẫn không thấy anh ấy đâu. Kìa, Kiều nào kia? Nếu chính là anh Kiều năm xưa có thể biết chút ít về anh ấy. Tim mình đập loạn lên. Làm sao thế này? Mình run run lật đi lật lại tấm phong bì. Khỉ quá! Cô Kiều chứ không phải anh Kiều. Có mấy người cũng lục tìm như mình, thỉnh thoảng một người lại rú lên rồi chạy như hóa điên ra phố. Bao giờ cho đến lượt mình?...

Thế là đã hai ngày mình biến khỏi làng Hạ. Giờ này không biết mọi người nghĩ gì về mình. Một con điên! Thì mặc xác họ. Mình chỉ thương Lê, Lê khổ quá. Lê lấy chồng bảy năm không có con, chịu mọi đòn búa của dư luận. Rồi cả lão bố chồng tai ác, một con quỷ hình người. Chính lão lập mưu để con trai lật giường đuổi Lê ra khỏi nhà giữa đêm mưa bão. Nào ngờ kẻ mò đến ngôi miếu đầu tiên lại chính là lão bố chồng ấy. Lê chưa kể cho mình cách lão ta van xin như thế nào. Nhưng nhìn mặt Lê đủ đoán ra Lê vừa trả được mối thù bằng cách hiến thân cho lão bố chồng. Có lẽ Lê tin bằng cách đó cô đã xé toạc tấm màn đạo đức giả của gia đình nhà chồng. Cô bắt họ chịu cầm tù trong cái mê cung vô luân, để như một dòng họ nào đó sẽ đến lúc tuyệt diệt.

Làng Hạ ngày nay khác nhiều quá. Người ta bắt đầu tập thói quen dửng dưng với mọi chuyện.

Ngày...

Vẫn không thấy anh ấy. Tổng cộng tới bốn mươi Mạnh nhưng không có Mạnh nào của mình. Hay anh bắt mình sang thế giới bên kia vẫn lang thang tìm anh, để thử thách lòng chung thủy. Thật là gở? Mình vẫn tin, nếu còn sống nhất định anh sẽ trở lại. Trăng dịp này đang xanh...

Ngày...

Mình chợt nảy ra ý định ấy khi nhìn thấy một anh thương binh ngồi lẻ loi trên ghế đá. Hình như thế giới náo nhiệt chung quanh không tới được anh. Sao anh ấy buồn thế? Anh bị cụt một chân, một tay và chi chít vết thương trên mặt. Khuôn mặt khắc khổ của anh im lìm tạc vào trời chiều. Cặp mắt anh không hướng về cái gì cụ thể. Ngoài mình ra có ai để ý đến kẻ

tàn tật kia không nhỉ? Cách chỗ anh mấy mét, đôi trai gái đang vờn nhau như mèo. Trời ơi, họ làm gì thế kia khi trời chưa kịp tối... Mình muốn bỏ chạy vì không thể còn gì ghê tởm và tàn ác hơn... Ghê tởm vì...(Hay là ghen với người ta đấy hả Túc?" Nhưng độc ác thì quá chừng. Ít ra họ cũng nên biết có một kẻ mất mát gần hết đang cô đơn ở ngay bên cạnh họ. Mà lạ chưa! Ngay cả điều đó cũng không tới được anh. Anh vẫn ngồi câm lặng, mắt nhìn những ngôi sao cũng đang muốn chạy trốn. Trông anh như cái bóng trong bức tranh đen trắng. Bất chợt anh ngước nhìn mình. (Sao lại nhìn mình?) Trời ơi, mình làm sao đủ sức để chịu đựng cặp mắt buồn mênh mông, như từ đó đang ùa ra từng mảng tối sẫm trong khu vườn đầy ánh trăng...của anh. Đến lượt mình ngồi bất động. Hai con người của thế giới hiện đại kia đã xong việc, mệt mỏi và chán ngán. Họ sẽ kéo nhau vào một tiệm ăn nào đó để "tái sinh" cái gánh nặng đè lên chân họ. Hình như họ mới là những kẻ cô đơn!

"Tối rồi!"

Mình giật bắn người, sợ hãi ngước nhìn anh đã ở bên cạnh từ lúc nào.

"Vâng tối rồi" - mình đáp như cái máy - "Anh chờ ai ở đây?"

"Không ai cả! Chỉ do tôi thích được ở riêng một mình một thế giới!"

"Ngày nào cũng thế?"

"Đã nửa năm... và sẽ đến hết đời".

Chiếc chân gỗ nện xuống mặt đá lộc cộc và cứ thế xa dần cho đến khi tấm lưng của anh hòa tan vào màn đêm. Ôi, biết đâu "anh ấy" của mình cũng giống như anh thương binh kia? Biết đâu "anh ấy" cũng tưởng tượng ra cảnh mình đi lấy chồng, có một đàn con, để hành hạ chính anh bằng cái hồi ức về quá khứ? Không, em sẽ tìm anh. Sẽ tát cho anh một cái trước khi chan nước mắt lên ngực anh.

Ngày...

Tất cả mười tám trại thương binh nặng mình đã đến, đều không có anh. Những thương binh ở đủ mười tám trại, khi trả "lời mình họ đều nói một câu gần giống nhau: "Có thể anh ấy đã chết". Tại sao họ lại nói như vậy về đồng đội? À, có lẽ họ nói về chính họ. Họ tự cho họ cái quyền thay mặt đồng đội thử thách mình. Không, điều đó chứng tỏ anh ấy còn sống, đang đau khổ nghĩ về mình ở cái trại thương binh cuối cùng mà mình chưa kịp đến. " Làm sao em biết hết đất nước này có bao nhiêu trại thương binh". Mình thấy giận anh ấy quá chừng.

Ngày...

Hôm qua thì mình tin anh ấy đã chết, hoặc đúng hơn, anh ấy còn mãi mãi. Không hiểu ai xui cho mình lang thang vào viện bảo tàng chiến tranh. Ôi, cuộc đời thật trớ trêu! Vì tất cả những "kỷ vật" kia mà mình tin và chờ đợi. Nhưng chính nó lại ngầm thông báo có biết bao nhiêu chàng trai đã ra đi và ngã xuống. Mình buồn bã ngắm một bức họa, màu loang lổ. Trời ơi, sao lại có hình treo ở đây? Rõ nhận vơ! Chắc một cô du kích anh hùng nào đó. Lớp bột hòa tan từ chất diệp lục khiến bức họa như được xếp bằng hàng ngàn chiếc lá. Nhưng sao, nhưng sao... Mình muốn bỏ chạy ngay tức khắc để thoát khỏi cặp mắt trên bức vẽ. Tiếng cô thuyết minh chợt vang lên (May quá):

- Đây là một trong những kỷ vật đặc sắc nhất của chiến tranh mà chúng tôi kiếm được trên thi thể một chiến sĩ ngã xuống trước cửa ngõ Sài Gòn. Có lẽ anh đã mang tấm hình cô gái này trong tim suốt thời chiến tranh, bởi vì xin các vị chú ý dòng chữ nhỏ bên dưới: "thần chiến thắng". Có lẽ anh nảy ra ý định vẽ lại người yêu vào một đêm trăng...Một vị khác của nước bại trận đã đặt giá cả triệu đô la để có được kỷ vật đó đem về Mỹ.

Mình đã bỏ chạy vì không đủ sức dối mình. Nhất định đấy là một cô gái khác. Nếu đấy là mình..."Chúng tôi tìm thấy trong thi thể một chiến sĩ"... Không, không thể như thế được. Anh vẫn sống, ở nơi cuối cùng mình chưa kịp đến. Nhưng cái nốt ruồi ở mép cô gái trong tranh, cái nốt ruồi, trời ơi sao mình chưa bao giờ biết, mình có cái nốt ruồi ở mép dưới... mình đã đập tan chiếc gương dối trá.

Ngày...

Đã ba tháng mình lang thang bằng nỗi vô vọng và cả niềm cay đắng. Mình trở lại và ngồi trên chiếc ghế đá hôm nào. Vẫn anh thương binh ấy, thêm ba tháng nữa vào cái sáu tháng "một mình một thế giới" trước đây của anh. Cách đấy mấy mét không phải đôi "hiện đại" bữa nọ, mà là bông hoa ai đó để quên. Bông hoa tím sẫm lại dưới trời chiều, như vết máu loang.

"Tối rồi!"

"Vâng, tối rồi!"

"Chị tìm gì ở đây?"

- Không - gì - cả! Chỉ là sự trở lại."

"Tôi tin thế!"

"Anh tin gì cơ?"

"Tôi tin chị sẽ trở lại"

"Thật kỳ lạ!"

"Phải, lạ lắm. Lạ như tại sao cả tấn sắt thép đè lên tôi nhưng tôi vẫn cứ sống để trở về. Bởi vì - tiếng anh đau đớn - tôi biết thế nào cũng có người không tìm cái gì như chị!"

"Và một người không - chờ - ai như anh?"

"Không, cả tôi và chị, chúng ta đều nói dối. Chị đang đi tìm cái đã mất, mà với chị, không gì thay thế được, nên cuộc đời này không còn gì đáng cho chị tìm. Còn tôi, tôi chờ một người!"

"Tôi cũng chờ một người, nhưng anh ấy đã chết. Có lúc tôi nghĩ anh ấy cũng giống như anh. Liệu có khi nào anh nghĩ một phụ nữ cũng giống như tôi, đang chờ anh không?"

"Khi tôi hăm hở lao vào cuộc chiến, tôi chưa kịp đính ước với ai cả. Lúc đó tôi mới 18 tuổi và có lẽ điều đó là nỗi may lớn. Không ai trên đời vì tôi mà lương tâm cảm thấy bị vò xé, ngay cả bây giờ. Tôi xin chị, chị hãy đi ngay khỏi nơi này. Giấc mơ chỉ nên để nó thoáng qua. Kéo dài mãi sẽ là nỗi chịu đựng. Vả lại tôi cũng không còn sống được bao lâu nữa".

Anh loạng choạng đứng dậy, người lệch sang một bên. Tiếng lộc cộc xa dần, xa dần cho đến khi chỉ còn lại tiếng tim mình đập hối thúc, buốt nhói trong lồng ngực.

Ngày...

Anh đã trở lại, vẫn những tiếng lộc cộc, lộc cộc quả quyết kiêu hãnh. Đến lượt mình nhắc lại lời anh hôm trước.

"Em tin thế nào rồi anh cũng trở lại".

"Thật ư?"

"Lẽ nào anh bỏ em một mình khi chính anh bảo em tối rồi".

Anh nhìn sâu vào mắt mình, gương mặt bừng sáng như trẻ thơ. Không hiểu sao phút đầu tiên mình trao cuộc đời cho anh, mình lại khóc dữ dội thế. Cả anh cũng khóc... Lúc đó mình tin rằng, chỉ cần nước mắt của anh hòa vào nước mắt mình, những thiên thần ở đó sẽ bước ra.

Ngày...

Chưa bao giờ mình được ngắm khuôn mặt đàn ông kỳ lạ đến như vậy. Một chút cuồng nộ trong đáy mắt, với cái gì đó gần như nỗi khổ ải ở khóe miệng anh.

"Thật ư?"

"Những một tháng mà!"

Anh ngồi lặng đi, tay rờ rẫm nhưng mạch máu li ti của mình. Chẳng biết anh có nghe thấy gì không. Còn mình thì mình thấy rõ tiếng hồi âm từ một thế giới xa xôi báo hiệu có cái gì như sự cộng hưởng của hai trái tim, đang nhoi nhóp, trường tồn và vĩ đại.

"Có thật!" - Hàm răng anh lấp lánh.

"Vâng, có thật!"

Anh vùng dậy, hú hét như hóa dại. "Có thật! Có thật!". Tiếng chiếc chân gỗ nện xuống mặt đá dồn dập như tiếng bản nhạc hành khúc.

Ba ngày sau anh chết vì một cơn tái phát dữ dội.

*

Giờ đây có ai về làng Hạ, hỏi đến chị Túc sẽ được mọi người trả lời thế này: "Chị Túc chửa hoang phải không? Cả làng ai còn lạ? Một dạo chị ấy điên tình bỏ đi lang thang rồi đem về một đứa con, chẳng hiểu sao từ bấy đến nay sống im lặng như người câm. Của đáng tội thằng bé mới đẹp chứ, cứ như từ trong tranh bước ra ấy. Ôi chao, hồng nhan bạc phận. Giá hồi ấy đừng bắc bậc làm cao, cứ lấy béng anh Hào bây giờ chả sướng một đời!" Làng tôi được mỗi anh ấy là khá. Đi bộ đội, một trận không qua, một viên đạn không bắn mà đến được hàm tá. Bây giờ thử hỏi ai sướng bằng anh ấy. Tuy vợ gàn dở, xấu xí nhưng con nhà quyền thế, của nả như nước. Anh ấy chỉ việc bám áo vợ mà tiến vù vù. Vâng, cứ hỏi "chị Túc chửa hoang" thì cả làng chẳng ai lạ!

Không mấy ai còn nhớ xưa kia chị Túc xinh đẹp và tài đảm nhất làng.

TẠ DUY ANH



PHẠM VIỆT CƯỜNG

password 1

mấy dấu hoa thị bí ẩn
dưới đầu lưỡi mê
hôn nhau

để chạm tay vào
thứ khát vọng mới
ngoài cái chết

em gõ xuống
vài nốt ruồi chỗ kín
từng thám hiểm
đốt xương cùng ngộ nghĩnh
vết sẹo đặc biệt nào
vén ra nhìn mãi

chỗ xác ốc tìm nhau
bờ biển cũ
trời còn xanh
chút mây trắng linh hồn
phiêu lãng ngày mai

mở mở chỗ tro than
hỏi xin chút lửa
em còn dấu hốc tim lạnh

cái cách
mở cánh cửa mất chìa của tôi
không bao giờ
em
tiết lộ

như mã số
ngày chết của tôi

khi em
khi em

PHẠM VIỆT CƯỜNG



VÕ THỊ XUÂN HÀ

NGƯỢC DÒNG



Tối hôm đó người đàn ông say rượu chặn Hạnh giữa đường và bảo:

- Anh yêu em!

Lời tuyên bố thốt ra đột ngột, sỗ sàng khiến chị gai người vì giận dữ. Gió từ mặt sông thốc lên như vốc từng nắm bụi bẩn ném vào mặt, vào ngực. Dưới mặt sông đèn soi cá lấp lóa. Tiếng gõ mồi lễnh loãng. Đây đó những gốc phi lao cằn cỗi khẽ vặn mình.

- Anh yêu em mà. Em là ai?

Hạnh thấy hoảng sợ. Đứa con trong bụng chị khẽ cựa quậy. Người đàn ông bỗng đặt tay lên bụng chị.

- Em là ai?

Hạnh ném chiếc đèn bão xuống cát và vùng bỏ chạy. Người đàn ông gào lên đằng sau:

- Anh yêu em. Anh yêu em...!

Gã cúi mặt xuống nhặt chiếc đèn bão treo lên cành cây phi lao, thì thầm trong gió lời của một bài hát:

Khi em bỗng thấy buồn. Hãy tìm đến bên anh. Khi lệ sầu đỏ mắt...

Chị xuống bến, chờ gã đàn ông đi khuất mới dám lên lấy cái đèn. Trong bóng tối, Hạnh đứng giơ cao ngọn đèn ở bờ sông, chờ xuồng đánh cá của chồng cập bến. Hai vợ chồng lúi húi đổ cá vào thùng khuân lên bờ.

- Hồi nãy tôi thấy cái đèn treo trên cây.

- Ờ, em mệt.

- Cô mệt thì nghỉ ở nhà, đi đón tôi làm gì? Con Hoa ngủ à?

- Nó ngủ.

Chồng Hạnh vác lưới lên vai rồi khom người nhấc gánh cá.

- Để em.

- Cô cầm đèn đi.

Hai vợ chồng hối hả về nhà. Căn nhà lá của họ nằm ở rìa cồn Mắm. Xung quanh là cả một vườn khế ngọt. Vào mùa xuân, hương hoa khế thơm dịu tỏa ra khắp bờ cồn. Lúc đó dường như nước sông cũng có mùi thơm. Cá đánh lên tươi rói, thường rất được giá. Thỉnh thoảng con Hoa lại vớ được một con sâu khế tròn trùng trục. Nó vừa thích lại vừa sợ, lấy cái que chọc chọc vào con sâu tới khi con sâu bị đứt làm đôi, rồi bị tan ra từng mảnh. Con Hoa hay hát: *Có còn lại gì đâu của đêm xa xưa ấy. Chỉ còn lại ánh sao chẳng còn đâu tấm lưới...* Giọng của nó còn hơi ngọng nhưng ngọt lịm y như Hạnh ngày nào. Mỗi lần nghe con Hoa hát, chị lại chống tay lên cửa sổ nhìn lên bầu trời rộng lớn. Chị không còn nhớ rõ cái thời bằng tuổi con Hoa. Nhưng hôm nay cơn say rượu của người đàn ông đã thúc vào tim chị chút gì đó mà chị không thể nhận ra.

- Cô sao vậy? - Chồng Hạnh vừa xếp đá lạnh ướp cá vừa nhìn chị lo ngại - Cô mệt à?

- Nó đạp mạnh lắm. Em sợ...

- Nói nhảm! Sợ gì?

- Em sợ sẽ yêu nó hơn con Hoa.

Anh thở phì một cái, làu bàu:

- Cô sắp hai con rồi mà vẫn như trẻ con.

- Cả em cũng không thuộc về em nữa.

Đêm đó con Hoa chồm dậy kêu đau bụng. Hạnh bắt gió cho con, miết tay vào những đường gân xanh mờ của nó, những đường gân cứ phập phồng theo hơi thở. Chồng chị bậy dậy, lấy lọ dầu tràm trên tủ, luống cuống thế nào anh lại làm đổ lọ dầu xức tóc của vợ. Mùi nước thơm sặc sụa khắp căn nhà lá. Không hiểu sao mùi thơm dầu xức tóc lúc này lại sỗ sàng y như cơn say rượu ban tối của người đàn ông xa lạ. Con Hoa hết đau ngủ thiếp đi. Có lẽ nó đã ăn nhiều hoa khế quá. Cả anh cũng ngủ thiếp đi mệt mỏi. Hạnh quay mặt vào vách, nhìn sâu vào bóng tối.

*

Người đàn ông say rượu tối hôm trước đứng trước cổng nhà Hạnh nhìn con Hoa chơi đồ hàng ở trên thềm nhà. Lúc đó Hạnh đang vá lưới. Đứa con trong bụng cục cựa như muốn chìa tay ra trước ánh nắng mặt trời rực rỡ. Những đám mây bồng bềnh xa vời đùn đẩy nhau. Chị ngửa mặt nhìn lên cao, hoa mắt vì ánh sáng của mặt trời phả xuống qua những chùm lá khế. Hạnh hít một hơi mạnh vào lồng ngực, thất bụng vào như muốn trêu

chọc đứa con. Mấy ngón tay lỗ rỗ kim châm luồn chỉ qua cái khoảng không gian bé tí của lỗ kim. Gió từ dưới sông hắt lên mùi nồng nồng tanh tanh của cá và rong rêu.

- Thế là tôi đã tìm được em.

Người đàn ông từ lúc nào đã đứng ngay trước mặt Hạnh. Cái tiếng "em" thốt lên không được mạnh bạo cho lắm.

- Tôi... muốn xin lỗi cô!

Hạnh ngỡ ngàng. Chị hầu như đã không để tâm đến câu nói khi say rượu của người đàn ông tối hôm qua. Bây giờ anh đang đứng trước mặt chị, kiên trì với bộ dạng xanh xao, xộc xệch của mình.

- Tôi xin lỗi cô! Chỉ vì tôi đã uống quá...

Hạnh ngước nhìn người đàn ông. Chị bỗng dịu lòng vì sự cầu khẩn của anh.

- Tôi... sắp có cháu thứ hai. Không phải là thiếu nữ.

- Tôi biết! Nhưng tôi... không còn cơ hội nào nữa.

Ánh mắt ấm áp của anh nhìn chị khiến chị thấy bối rối quá.

- Cô biết không, ngày xưa tôi là một tay "quậy" kinh khủng. Tôi đã từng bơi từ đầu nguồn dòng sông này về đến thị xã.

Chị bắt đầu bị cuốn hút vì những lời lẽ của anh. Có lẽ chị không nên như thế mới phải. Lẽ ra chị phải đứng lên, vào nhà rót mời anh một cốc nước và rồi phải tiếp tục cúi xuống công việc của mình. Nhưng chị lại bị cuốn hút bởi một tiếng cười nhẹ của người đàn ông xa lạ; hoặc là do bầu trời rộng lớn quá mà chị chỉ như một cái chấm cát trên bờ sông, dưới cái vườn khế đang vặn mình răng rắc vì gió.

- Lúc lên khỏi bờ, tôi bị ngã quị không đứng lên nổi. Lũ bạn phải giấu tôi vào nhà một đứa, nếu không ông cụ tôi sẽ cho tôi một trận nhừ tử.

Chị nhoẻn miệng cười:

- Chồng tôi ngày trước cũng nghịch lắm.

Anh nhìn bàn tay thoăn thoắt vá lưới của chị, nhăn mặt:

- Hình như lúc nào chị cũng bắt mình phải nghĩ đến chồng nếu không sẽ là tội lỗi.

Chị nhíu mày. Chị không muốn có ai đó soi vào cuộc sống riêng của mình. Đứa con lại đạp cho chị một cái muốn tung cả vạt áo.

- Tôi chỉ muốn nói rằng, lúc bơi qua dọc sông này, tôi đã nhìn thấy một cô bé. Mái tóc cô ấy vàng hoe, bay bay như một bông hoa ngô.

- Anh nói thế nào ấy. Tóc thì chỉ giống râu ngô thôi.

- Nhưng tôi thích gọi cô bé ấy là một bông hoa ngô.

Im lặng lại bao trùm. Lúc Hạnh ngẩng lên, người đàn ông đã đi từ lúc nào. Chị ngồi ngây ra một lúc. Tiếng con Hoa người khanh khách một

mình trong sân nhà làm Hạnh giật mình. Vá xong tấm lưới, chị phơi dọc tấm lưới lên bờ rào rồi vào nhà chuẩn bị bữa cơm trưa.

Trong bữa ăn, chồng Hạnh hỏi:

- Có thằng nào lảng vảng ở đây thế?

- Em không quen anh ta.

Con Hoa líu lo:

- Chú ấy nói chú ấy yêu mẹ.

Cả hai người đều làm như không nghe thấy đứa con gái nói gì. Hạnh lặng lẽ dọn dẹp, chuẩn bị những thứ cần thiết cho chồng xuống bến. Anh dặn:

- Tránh xa bệnh tật nhé!

Hạnh đứng dựa vào hàng cúc tần ven sông nhìn chồng thả lưới. Một đàn vịt nước lội lao nhao đặc một khúc sông. Chị không nhìn thấy người chăn vịt đâu cả.

Hạnh đã từng là một cô giáo trường làng. Lúc ấy chồng chị nghe lời anh ở nhà giúp anh sấy cá và đem cá đi chợ bán. Thực ra cái lớp 1 mà chị dạy chưa bao giờ đủ hai chục đứa, có lúc chỉ có ba đứa cắp sách đến học. Con cái những nhà chài trên cái cồn Mắm này không thấy thích học bằng việc đi xúc cát, đãi cát, lưới cá và câu tôm đên. Người lớn không biết nhắc chúng kiên nhẫn học và chờ đợi một tương lai khác hẳn với những công việc của một làng chài. Hạnh cũng không đủ kiên nhẫn thuyết phục lũ trẻ, thuyết phục chồng và chính mình. Chị trở thành một người đàn bà như bao người đàn bà khác ở bến sông này.

Bây giờ tự nhiên lại có một người đàn ông hét to cái câu chị chưa được nghe một lần trong đời. Cái câu chị chỉ được nghe trên phim ảnh, đọc trong những trang sách. Rồi anh ta lại đến lấy đi của chị cái câu ấy bằng một lời xin lỗi không đầu không cuối.

Dòng sông vẫn chảy lặng lẽ phía trước mặt. Phía trước mặt chị cũng không chỉ có dòng sông. Lẫn giữa những chiếc thuyền và những tấm lưới giăng, chị vẫn nhận ra chồng mình với cánh tay rắn chắc vồng lên đỏ au. Nước bạc lấp lánh và những giọt mồ hôi ròng ròng.

*

Đêm oi tới mức không thể chịu được. Hạnh vùng ngồi dậy mở cửa ra khỏi nhà. Chị muốn xuống sông hụp một cái cho mát. Chị cởi quần áo tuồn xuống nước như một con rái cá. Nước mát lạnh và êm ả như cái nệm bông gạo. Những hạt nước bắn lên lấp lóa lân tinh. Cả cánh tay và cơ thể tròn trịa của chị cũng lấp lóa sáng.

Hạnh lang thang trên bờ sông đẫm sương đêm. Chị đi qua một cái lều trơ trọi, hình như là lều của người chăn vịt. Cỏ lạo xạo cứa vào chân chị. Những giọt sương nhỏ xíu thấm vào bàn chân. Hạnh nghe thấy tiếng ai đó thở nặng nhọc, lắng nghe kỹ như tiếng rên.

Trong cái lều của người chăn vịt, người đàn ông hôm trước đang vật vã đau đớn. Bếp lửa cạnh đó sắp tàn, ấm nước bắc trên bếp chỏng chơ không có nắp. Hạnh quì thụp xuống lay người đàn ông:

- Anh gì ơi, anh sao vậy?

Người đàn ông mở mắt, nhìn thấy Hạnh vội nhỏm dậy. Nhưng anh lại gục xuống.

- Anh bị sao vậy? Để tôi đưa anh vào trạm xá nhé.

- Tôi thèm thuốc!

Thoạt đầu Hạnh không hiểu người đàn ông thèm thứ thuốc gì. Nhưng rồi chị chợt hiểu ra.

- Cô không phải lo cho tôi đâu. Cô về nhà đi, sương xuống nhiều lắm phải không?

Chị nhón lại lửa, đun sôi ấm nước. Tìm thấy bên cạnh bếp có hộp sữa, chị pha cho anh một cốc.

- Anh uống đi. Tôi không biết anh là ai. Nhưng anh thế này, tôi về không nổi.

Anh cố nhỏm dậy, mồ hôi túa ra ướt đẫm, run rẩy đổ cốc sữa. Anh uống từng ngụm một, ngoan ngoãn như một cậu bé.

Nhìn người đàn ông, Hạnh thấy se lòng.

- Nhà anh ở đâu?

- Thị xã! Nhưng chúng tôi còn có nhà ở khắp các thành phố lớn. Mỗi khi bố tôi đi công tác, họ đều lo nhà chu đáo.

- Sao anh không về nhà?

- Thì cô thấy đấy. Tôi đã tự hủy hoại đời mình. Tôi theo chúng bạn vào một vũ trường, rồi hút thử cái thứ bột trắng chết người. Tôi đã cai, rồi lấy vợ, rồi lại hút lại. Bây giờ người ta nói rằng tôi đã nhiễm căn bệnh chết người. Tôi phải tự xa lánh mọi người thân trước.

Chị ngồi yên lặng nghe anh kể về chính mình mà như về một ai đó tận cuối hành tinh.

- Tôi về đây vì có một việc, cũng không có gì quan trọng cả.

Hạnh khẽ thở dài:

- Anh nên vào bệnh viện đi thôi.

- Tôi không cần cô thương hại đâu.

Anh bỗng quát lớn làm Hạnh giật mình. Vậy mà không hiểu điều gì đã níu chị lại. Người đàn ông dường như dịu đi vì sự vô lý của mình. Cơn

đau đã dịu trong ruột. Cơn thèm muốn khủng khiếp cũng đã qua. Gương mặt anh xanh mét trong ánh lửa.

- Tôi đã tự đánh mất mình, mất tất cả.

Chị an ủi anh:

- Tôi cũng không biết là tôi có đánh mất mình không. Hồi trước tôi làm cô giáo lớp 1. Lúc lấy chồng thì bỏ dạy. Bây giờ tôi cứ nhớ nhớ lũ trẻ.

Chị kể với anh những điều canh cánh trong lòng từ bấy lâu nay. Những điều chị luôn giấu kín, che chắn. Anh khẽ cười, gật đầu như là anh đã biết quá rõ về chị. Những ngôi sao nhấp nháy trên bầu trời, lơ lửng giữa không gian như những chùm khế đính lân tinh. Ánh sao lọt qua cửa lều hòa chung câu chuyện của hai con người hoàn toàn không quen biết nhau. Bây giờ anh không đau đớn, cũng không có rượu để trở nên thô lỗ như hôm nọ. Anh ngồi bên bếp lửa nhìn chị cận kề như trong một giấc mơ số mệnh.

- Chừng nào thì cô sinh?

Chị ngượng ngừng nhưng hớn hở:

- Chừng bốn tháng nữa.

- Tôi đoán là con trai.

- Tôi cũng mong thế vì đã có con Hoa rồi.

- Tôi thì chưa có con. Khi nào cô sinh tôi sẽ kết tặng cháu một cái đèn lồng thật to thả xuống sông cầu may mắn. Tôi sẽ cầu cho cháu trở thành một chàng trai khỏe mạnh, tránh xa mọi cám dỗ.

- Cám ơn anh. Thôi tôi chào anh nhé. Kẻo nhà tôi lại đi tìm. Tôi mong anh khỏi bệnh.

- Cô đi cẩn thận. Ngoài ấy tối lắm phải không?

Chị đạp phải một cái gai đau nhói. Giật bắn mình bóng người đứng lù lù ngay gần cổng nhà.

- Cô đi đâu vậy?

- Em thấy khó chịu trong người, ra ngoài một chút.

Chồng Hạnh không nói gì, bỏ vào nhà. Anh thắp hết cả ba cái đèn bão lên. Căn nhà sáng rực như có hội. Chị nheo mắt lại vì chói, rồi ngồi xuống bậu cửa. Chị cứ ngồi mãi, ngồi mãi ngắm những ngôi sao trên trời. Lúc nãy chúng soi sáng ngoài cái lều cỏ, bây giờ chúng lại soi rõ căn nhà lá với cái giường nhỏ của vợ chồng chị. Hạnh khẽ ho khan. Chồng chị không chịu được nữa, nặng nề thốt lên:

- Cô không thiết ngủ nữa, phải không?

Chị bướng bỉnh nhấc cái bụng nặng nề đứng lên. Trên cái bậu cửa bằng gỗ, in mờ mờ một lớp mồ hôi chị vừa để lại. Hạnh chợt có ý nghĩ lớp mồ hôi kia không còn thuộc riêng chị. Nó có hình bóng thai nhi, hình bóng đứa con nằm co trên giường và thuộc quyền người chồng. Nó phảng phất

cuộc sống đơn sơ, mùi cá muối, mùi lân tinh, mùi gian dối của rượu, gió và sương lạnh; phảng phất mùi bóng tối phủ trên không gian bí ẩn, có thể là có cả vi trùng thương hàn, lao, bạch hầu... Hơn nữa nó lại sáng lên dưới ánh sáng của ba ngọn đèn bão, tố cáo nhan sắc phai mờ của chị. Vậy thì "nó" đâu còn là của chị nữa.

Chị rón rén bò vào giường, nằm sát bên cạnh chồng, chỗ qui định của chị, mặc những ngọn đèn sáng thâu đêm. Trong thứ ánh sáng chập chờn đó, Hạnh chờ bàn tay của chồng dịu dàng hơn trên người chị rồi thì thào:

- Hay là em đi dạy học lại?

Chồng Hạnh rụt phắt tay lại:

- Thằng nào xui cô phải không?

Hạnh ấm ức quay đi. Bỗng nhiên chị muốn nôn kinh khủng. Đứa con ngủ không được yên trong bụng cứ cục cựa. Anh không nói gì nữa, lăn ra ngủ. Tiếng ngáy đều đều và nhẫn nại như những mẻ lưới được cất lên. Con Hoa tỉnh dậy thì thào:

- Mẹ ngủ đi, để con dỗ em bé ngủ nhé.

Nó vỗ vỗ bàn tay nhỏ xíu lên bụng chị nựng nịu. Hạnh ôm con vào lòng, lặng lẽ để rơi một giọt nước mắt xuống gối. Chị nghĩ đến người đàn ông trong chiếc lều cỏ. Nghĩ đến cơn nghiện và căn bệnh sắp cuốn phăng cuộc đời anh. Nghĩ đến đứa con chưa ra đời và những điều tốt đẹp đang chờ nó.

*

Sáng hôm sau, lúc Hạnh đang sấy cá thì có người chạy đến gọi:

- Chị ra ngay chỗ cái lều cỏ ngoài bờ sông, có người muốn gặp.

Hạnh bỏ cá chỏng chơ trên sân, chạy thật nhanh. Chị linh cảm thấy có điều gì chẳng lành đang đến với người đàn ông ấy.

Anh nằm trên nền đất ẩm ướt, vật vã. Thấy Hạnh, anh chỉ vào cái túi xách nhỏ bên cạnh:

- Cô... em... em mở ra đi.

Chị mở ra và thấy ngay một cuốn sổ.

- Tôi tặng em cuốn sổ đó.

Chị chưa hiểu sự thể ra sao thì có hai người bác sĩ đến. Họ đến bằng chiếc ôtô sang trọng và có vẻ quan tâm đặc biệt đến anh.

Cho đến khi những người bác sĩ đã đưa anh đi, khi đó anh mỉm cười chào tạm biệt chị, và cho đến khi chiếc xe đã khuất sau bụi tre làng, Hạnh vẫn không hiểu gì cả. Cuốn sổ của một người xa lạ đang trong tay chị. Thậm chí chị còn chưa biết tên anh. Vậy mà những bí mật của đời anh lại

nằm trong những trang giấy đơn sơ này.

Chị ngồi bệt xuống bậu cửa, đọc lướt qua những dòng chữ. Trong một trang mới viết chị đọc thấy những dòng chữ dành cho mình:

"Cô ấy chính là cô bé đã đứng trên bờ sông nhìn mình bơi qua. Đúng là cô bé hoa ngô. Lúc đó mình đã thề một lời thề trẻ con là lớn lên sẽ đi tìm cô ấy. Lẽ ra mình đã quên nếu như không tình cờ gặp cô đứng trên bờ đá chờ chồng...".

Hạnh đặt cuốn sổ lên gờ bếp, sấy nốt mẻ cá dang dở. Lúc quay ra sân lấy cá, quay vào thì thấy cuốn sổ đang nằm gọn trong bếp lò. Lửa đang bén rừng rực và những trang giấy. Cạnh bếp, con Hoa đang khoái chí ném từng tờ vào lò sấy. Hạnh hốt hoảng giằng lại. Nhưng trên tay chị chỉ còn nham nhở những dòng chữ. Trang cuối cùng nguyên vẹn nhất lại chỉ có độc mỗi câu: *anh yêu em*. Hạnh hoa mắt vì ánh lửa nóng rực ngay sát cạnh. Chị nhìn chằm chằm vào ba chữ đó, thử nghĩ xem nếu chúng dành cho mình...

Lúc đó chồng chị bước vào, vô tình nhìn thấy ba chữ đáng sợ đó. Anh sững lại vài giây, nhìn thấy con gái và vợ đang trong những vẻ mặt kỳ quặc. Đôi mắt chị bối rối nhìn anh và rồi lại như nhìn đi đâu xa lắm. Tim anh run lên. Đôi môi tái nhợt vì hơi nước và nắng gió run lên theo và rồi méo xệch thật đáng sợ.

Anh lao ra sông, nhảy ào xuống nước. Nước mát lịm vỗ về anh.

Hạnh chạy ra sông gọi chồng. Chị hốt hoảng thấy anh chìm trong nước. Hạnh gào to tên anh. Lúc đó anh trồi lên khỏi mặt nước gọi lại:

- Về với con đi!

Chị ngồi chờ anh trên bờ. Yên lặng nhìn anh nhảy lên con thuyền, tháo dây neo. Nước chảy ròng ròng trên cơ thể mặn mòi đang quay lưng về chị. Rồi anh hét gọi tên chị:

- Hạnh ơi...! Tôi đi với đám bạn chài lên ngược. Về với con đi!

Cánh buồm căng lên, phập phồng một lúc rồi kéo con thuyền đi băng băng. Lúc sau nó khuất hẳn trong tầm nhìn của Hạnh.

Hạnh sinh con trai được một thời gian vẫn không thấy chồng về. Ngày sinh con, chị sống trong tâm trạng xáo trộn. Thứ tình cảm mà khi oán trách một người nào đó, người ta không nhận ra hình ảnh người đó đã ngấm sâu trong lòng; khi yêu thương một người nào đó, người ta cũng không nhận ra hình ảnh người đó đã mòn mỏi trong lòng. Cho tới một ngày có cơn gió thổi tới lật tung mái tóc chị, phơi ra mấy sợi tóc bạc...

Từ lúc đó hàng chiều Hạnh thường bỏ con lang thang trên bờ sông. Chị tự tưởng tượng ra cái đèn lồng, chờ bóng tối xuống cắm nến vào trong lồng đèn, rồi thả trôi lập lờ trên nước. Ánh đèn hồng lung linh khi mờ khi tỏ, lúc gặp gió thì bừng sáng lên, trôi đi vùn vụt.

Đứa con gái thường ngồi trông em và chờ mẹ trên hè nhà. Nó lấy tay che ánh nắng hoàng hôn rọi vào mắt để nhìn ra sông. Nó đếm những con thuyền đi qua, chờ con thuyền quen thuộc trở về. Nhưng từ phía đó chỉ có tiếng vịt lao xao vọng lên như dư âm của loài chim cổ.

Hạnh bảo với con Hoa:

- Mẹ nghĩ ba mẹ con mình sẽ đi tìm bố về. Sau đó mẹ sẽ làm cô giáo.

Con Hoa cười:

- Con thích mẹ làm cô giáo.

Rồi nó bần thần:

- Sao bố đi lâu thế?

- Bố đi tìm một kho cá bạc.

- Có tìm được không hở mẹ?

Hạnh cũng bần thần nhìn ra sông:

- Cũng có thể là chưa tìm được con ạ.

- Con biết rồi. Có phải là chú yêu mẹ bảo mẹ thế. Mẹ lại bảo cho bố. Đúng không?

Hạnh không trả lời con. Chị đang nhìn thấy chiếc đèn lồng cầu hạnh phúc và may mắn cho con trai cùng con gái của mình.

Một hôm người ở bến sông trên cồn Mắm nhìn thấy Hạnh cõng đứa con trai trên lưng, cùng đứa con gái đẩy con thuyền nhỏ ngược dòng sông...

VÕ THỊ XUÂN HÀ



TRẦN THỊ THÁI KHƯƠHG

nỗi buồn

Khi anh ngồi hát về nỗi buồn
Với cái bóng của mình
Con tò vò làm tổ
Với đất khô và giọt lệ
Nhện giăng hoài
không hết sợi tơ sầu

Có ai hái bông hoa ở phương trời này
Gửi theo trăng xanh
Về tận con sông u hoài
Nơi vườn xưa
Đọc thơ Tô Đông Pha
Thấy mình ngoài ngàn dặm
Cánh hạt vàng bay qua
thả rơi tình khúc cũ?
Ôi những ý nghĩ rất xưa
Của một người chưa hề làm thơ
Chỉ biết gửi lòng
trên luống cải vàng bông tháng giêng

Anh có tin không
Trong khu rừng già phục sinh
Chim phượng đã quay về làm tổ
Khi anh vẫn ngồi hát về nỗi buốn
Với cái bóng của mình

TRẦN THỊ THÁI KHƯƠNG
(5/98)



NGUYỄN DUY KHÔI

VƯỢT THOÁT
(Hồi Ký)

Phần I
sao ngươi bạc đến thế?

1. Tôi tiến lại gần Natasha. Cô phiên dịch tiếng Anh trẻ người Nga đang đứng nhìn vô hồn ra khoảng trống bên ngoài cửa sổ hành lang. Mùa thu nước Nga thật đẹp và buồn nhưng cô gái tóc vàng, dáng người như một model, nhưng luôn luôn đăm chiêu này. Sau này, tôi đượcbiết chồng cô là cựu nhân viên KGB.

- Mời chị!
- Cám ơn anh.

Nàng đón lấy điếu thuốc một cách tự nhiên như sự thể phải thế.

Điếu thuốc lá 555 International và tiếng Anh đã giúp tôi phá vỡ phần nào vỏ bọc ngoài lạnh lùng của nàng. Chúng tôi làm việc chung với nhau từ 2 tháng nay, một ngày 6 tiếng, 5 ngày một tuần. Natasha phiên dịch Nga-Anh, còn tôi, từ Anh ra Việt, cho đoàn 5 cán bộ Việt Nam, trong đó, chức vụ bét nhất là Giám Đốc của một Xí Nghiệp ở miền Tây phía Nam. Thế nghĩa là, một câu nói của giảng viên Nga phải qua 2 lần thông dịch, bởi tôi không chuyên về Nga Văn. Tôi đến Moscow với tư cách là thông dịch viên cùng với đoàn tham dự khóa tu nghiệp về marketing cho ngành Kim khí Điện Máy. Vào thời điểm mà chỉ cần một gói thuốc lá 555 hay Dunhill hoặc một chai champagne rẻ tiền, người ta có thể lôi lên giường một cô gái Nga qua đêm; cũng là lúc câu "ranh ngôn" sau đây đang phổ biến trong giới sinh viên, lao động Việt Nam: "Thế giới có đến 8 kỳ quan

chứ không phải chỉ có 7. Kỳ quan thứ 8 là một thiếu nữ Nga 14 tuổi mà vẫn còn...trinh!"; khoảng thời gian này thường xẩy ra cúp điện trên đất nước mà Léni n đã từng dõng dạc tuyên bố: "Chủ nghĩa cộng sản là chuyên chính vô sản cộng với điện khí hóa toàn quốc!". Vì vậy, điếu thuốc lá Mỹ dễ làm người ta gần lại với nhau chứ không phải tình người, Và, tiếng Anh lúc bấy giờ là chìa khóa để mở các cửa ngõ đóng kín trong giao dịch.

- Tên đầy đủ của chị ra sao, Natasha?

- Anh hỏi để làm gì?

- Để ghi thiệp tặng chị nhân ngày 7/11 sắp tới.

Natasha cười vẻ mỉa mai qua đôi vai hơi nhún lên:

- Sắp đến lúc người ta chẳng cần đến ngày đó nữa rồi! Một sự đánh lừa lịch sử.

Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, nàng mỉm cười:

- Tuần tới qua chuyến đi tham quan Léningrad, anh sẽ có dịp thấy được sự lừa dối lịch sử ấy. Người ta đã từng bóp méo, tô hồng cho chiến thắng anh dũng, hy sinh đổ máu để giải phóng Petrograd. Thật sự đâu có chuyện đó. Lénin và người của mình đã không tốn lấy một viên đạn để chiếm thành phố này. Chính quyền cũ đã thối nát và tự rã ra để người Xô-Viết đến hưởng mà thôi.

Tiếng chuông báo hiệu chấm dứt giờ nghỉ giải lao đã cắt đứt câu chuyện thú vị giữa chúng tôi. Tôi vào phòng họp với một câu hỏi lớn trong đầu. thật thế sao? Còn bao nhiêu sự lừa dối nữa chưa được phanh phui ra?.

BREST.

Tiếng ồn ào của toán công an đường sắt vừa leo lên khi tầu dừng lại kéo tôi ra khỏi những suy nghĩ hỗn độn. Đây là ga cuối cùng trước khi đến Brest, thành phố biên giới giữa Nga và Ba-Lan. Sự kiểm soát bắt đầu chặt chẽ hơn. Tầu sẽ dừng lại tại Brest 2 tiếng đồng hồ để được thay hệ thống gầm thích hợp với Ba-Lan và các nước châu Âu khác. Nỗi lo sợ len dần trong tôi theo bước chân của toán kiểm soát. Trần tầu như muốn đổ sụp xuống mặt tôi. Đành phải nằm yên vì không đủ chỗ ngồi dậy trên chiếc giường ở tầng 3 như thế này.

- Zdravstvuijtje!

Tôi giật thót mình, dù đã chờ đợi trước, như một kẻ bị bắt qủa tang. Nghiêng mình ra khỏi thành giường, tôi nhoài người xuống, chìa tấm Vishatkaja ra.

- Ông đi đến đâu?

Đây là một câu hỏi nguy hiểm. Dĩ nhiên, với tấm vishatkaja này làm sao tôi có thể đi xa hơn cửa biên giới được!

- Tôi đến Brest thăm bạn.

Người công an Nga nhìn tôi ngờ vực. Cách nói dối này là một kinh nghiệm chua cay của tôi trong lần đầu đến Brest để tìm cách vượt biên giới sang Ba-Lan cách đây 2 tháng. Ra ngoại quốc, tôi không khi nào được giữ hộ chiếu trong người vì lý do an ninh cho đoàn. Họ sợ tôi bỏ trốn., bởi tôi là người phiên dịch, người duy nhất của đoàn biết một thứ tiếng khác ngoài tiếng mẹ đẻ!

- Ông chuẩn bị hành lý đi! Sắp đến Brest rồi.

Người công an biên phòng ném cho tôi một cái nhìn dò xét. Cuối cùng, tôi phải rời khỏi đoàn tàu. Đám công an biên phòng lẫn công an kinh tế đầy nhung nhúc ở đường băng đợi, che lấp cả dẫy hàng rào béton chạy dài ngút mắt. Đã gần nửa đêm. Tôi bước vào gian phòng đợi chính, buông túi xách và chiếc diplomat nặng nề xuống đất, ngồi đợi trên chiếc băng ghế cạnh một gã say rượu đang ngủ vùi. Đây là chỗ trống duy nhất trong căn phòng lớn và lạnh lẽo cách khủng khiếp này. Người nằm lăn lóc, ngổn ngang, quấn mình trong những chiếc áo choàng dầy cộm như những con gấu lười biếng. Người đàn bà đứng tuổi ở băng ghế đối diện nhìn tôi thiện cảm, bắt chuyện. Bà nói tiếng Nga với một giọng đặc Pháp. Tôi nhận ra đây là một du khách Pháp đang chờ đổi tầu. Người ở trong phòng đợi này thuộc đủ thứ quốc tịch. Từ đó dễ gần nhau như những kẻ đồng cảnh ngộ bị hắt hủi vậy.

- Oh! Vous parlez francaise? D'où venez-vous? (Ồ! Ông nói tiếng Pháp à? Ông từ đâu đến vậy?)

- Je viens de Vietnam, exactement, de Saigon. (Tôi từ Việt Nam đến, chính xác hơn là từ Sàigòn.)

- Ah bon! L' année dernière j'étais au Saigon comme une touriste. (Vậy à! Năm ngoái tôi đã ở Sàigòn với tư cách một du khách)

Câu chuyện với người đàn bà Pháp làm thần kinh tôi dịu hẳn đi. Tôi lấy lại được bình tĩnh cần thiết cho cuộc phiêu lưu sắp tới. Chúng tôi chia tay nhau sau khi trao đổi địa chỉ. Bà ta ở Villiers-sur-Mernes, ngoại ô Paris. Tôi nói sẽ đến ở nhà họ hàng tại khu Paris cinquième, cách nhà thờ Đức Bà gần 10 phút đi bộ.

Bụng đói cồn cào. Chẳng có cửa hàng ăn nào mở vào giờ này cả. Stalovaja duy nhất của nhà ga đã đóng cửa từ lúc 6 giờ chiều. Cái đói theo chân tôi ra khỏi nhà ga Brest, lẩn vào màn đêm.

2. - Các ông đã ăn gì chưa? Alexandre hỏi. Anh là đại diện Tổng công ty Điện Máy Moscow, người đã đón chúng tôi từ Đại sứ quán Việt Nam về

khu nội trú dành cho các nghiên cứu sinh này. - Dĩ nhiên chưa! Tôi trả lời qua nụ cười méo mó. Anh nhìn thương hại: - Thế thì đành...đợi đến mai vậy. Stalovaja ở đây mở cửa hằng ngày vào 2 lần, từ 6giờ đến 8 giờ sáng và từ 11 giờ đến 4 giờ chiều.

Tôi ngẩn người ra, không hiểu đây là một câu nói xách mé hay một lời chia sẻ cảm thông. Từ lúc đặt chân xuống sân bay Sheremenstjevo đến giờ đã 6 tiếng đồng hồ rồi. Chúng tôi mệt bạc người vì đói và không được nghỉ ngơi. Bây giờ người ta lại khuyên chúng tôi nên ...nhịn đói đến mai! May qúa, một người trong chúng tôi tìm được một cái nồi nấu, một bột thìa-dĩa ăn của người ở trước bỏ lại. Hơn nửa giờ sau, cả 6 người chúng tôi, không phân biệt cấp bậc, từ Phó Tổng Giám Đốc-Trưởng Đoàn đến tôi - tên tốt đen, quây quanh chiếc bàn kê giũa phòng, chia nhau từng hớp mì gói Vifon. Một cảnh tượng đầy "tình đồng chí" hiếm thấy. Không phải lý tưởng cộng sản đã đem lại sự bình đẳng giữa chúng tôi, mà là cơn đói! Cái đói ở mỗi người đều giống nhau. Khi bao tử bị hành hạ, thì một gói mì giá trị hơn một chủ nghĩa. Vừa ăn, chúng tôi vừa nhắc lại những chuyện đáng buồn đã xảy ra cho chúng tôi tại Đại sứ quán Việt Nam vài tiếng trước.

Hai taxi vất chúng tôi và đống hành lý trước cổng một ngôi biệt thự to lớn được cang gác thờ ơ bởi 2 người lính Nga. Trời mưa bụi lất phất. Một người đàn ông ngoài 50 tuổi, gầy gò như đói ăn, ngồi trong phòng thường trực của Đại Sứ Quán ném một cái nhìn xa lạ, ngờ vực về phía chúng tôi. Ông ta đang bận trả lời điện thoại. Tôi không nghe ông ta nói gì hơn ngoài việc lặp lại thường ..uyên 2 chữ "Da, Njet" . Về sau, khi biết được người đàn ông làm việc ở Đại Sứ Quán Nga này không biết thứ ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Việt, chúng tôi thường nhắc đến ông bằng biệt hiệu: "đồng chí Đa - Nhét". Có không ít các đồng chí "Đa-Nhét" như thế ở các cơ quan Việt Nam đóng tại đất Moskow này.

Đi loanh quanh qua những dãy hành lang rộng thênh thang với các căn phòng bỏ trống, tôi không tài nào tìm ra được chỗ lấy nước. Cả đến nhà vệ sinh cũng bị khóa trái. Tôi đành trở về tìm đồng chí "Đa-Nhét" khả kính. - Chú làm ơn chỉ hộ chỗ lấy nước. Đoàn cháu cần nấu mì gói ăn tạm. - Đường nước hỏng rồi! Sửa chữa nhà cả tháng nay, lấy đâu ra!

Câu trả lời của ông được ném thẳng vào mặt tôi một cách bực dọc. Tôi đứng ngẩn ngơ như một đứa trẻ con trước điều kỳ dị của thế giới quanh nó. Nghe kể lại, phó Tổng Giám Đốc, trưởng đoàn của chúng tôi tỏ ra hiểu biết: - Để đấy! Tôi giải quyết việc này. Ông đi thẳng đến phòng thường trực, không quên vơ vội theo vài gói mì Vifon mà con tôi dúi vào va-li hôm chuẩn bị hành lý rời Sài gòn. Một lát sau, ông trở lại với cả nồi nấu lẫn...nước, nhìn tôi cười thông cảm: - Chuyên môn của cậu chỉ là phiên dịch

thôi, chưa làm ngoại giao được đâu!

Hoan hô những kẻ đáng sáng chế ra mì gói. Ngươi có biết đâu sản phẩm của ngươi không chỉ dùng để chống đói mà còn là một vũ khí ngoại giao lợi hại giữa các đồng chí với nhau. Vừa ăn, chúng tôi vừa nghe một anh nghiên cứu sinh trẻ, ở Nga đã hơn 3 năm, kể nhiều chuyện giật mình về tài giỏi tiếng Nga của Ngài Đại Sứ và tài buôn lậu, phe phẩy với những phi vụ tài tình của Đại sứ phu nhân với tên gọi "Chị Tuyết". Chẳng hiểu đây là biệt danh hay tên thật. Từ Việt Nam ra đi, nơi mà mọi loại tin trong "cấm đình" như vậy đều bị bưng bít, tôi không dám tin vào những điêèu mình được nghe và cảm thấy thoáng sợ hãi như m65t kẻ có tội với Đảng và Nhà Nước vì dám ngồi nghe. Cô bạn gái của anh nghiên cứu sinh ngồi cạnh đấy buông ra một tiếng thở dài: - ối giời, chuyện vặt ấy má! Lạ nhỉ? Chuyện động trời như thế, lại được nói ra ngay trên giang sơn của chính ngài Đại Sứ, mà người ta coi là chuyện vặt. Tôi ngồi im, ăn cắm cúi như một tên tù trong cơn đói lâu ngày. Tôi không dám hở môi tham dự vào đề tài nguy hiểm này. Thật may khi đồng chí thường trực khả kính dẫn vào phòng chúng tôi một người đàn ông Nga - Tôi là Alexandre Ballakov, đại diện Tổng Công Ty Kim Khí Điện Máy đến đón qúy vị.

BREST.

Bầu trời và khoảng trông mênh mông phía trước càng tối đen bao nhiêu thì mặt đất ngập tuyết càng sáng trắng lên bấy nhiêu. Đén chiếu rực cả khu vực quanh nhà ga, kéo dài nhiều cây số phía trước. Ngày giữa ban đêm! Mọi thứ đều hiện rõ trên nền tuyết trắng xóa, dưới một rừng những bóng đèn điện cao thế. Tôi men theo lối mòn nắm giữa bức tường ngăn nhà ga với xí nghiệp đóng tàu, đầu may xe lửa. Một con méo hoang chạc băng ngang trước tôi vài chục mét. Tôi thấy rõ màu lông của nó. Mồi hôi bắt đầu thấm ướt làn áo trong, mặc dù thời tiết bên ngoài khoảng - 15 độ C. Hôm nay trời đã ấm hơn nhiều. Cả tuần qua, ở Moscow nhiệt độ xuống đến - 34 độ C. Bức tường ngăn bị sụp đổ từng đoạn cho thấy vô số đường ray chạy dài ngút mắt. Có lẽ chỉ còn vài cây số nữa là tới ranh biên giới Nga-Balan. Niềm hy vọng vượt thoát làm tôi quên đi cái mệt, đói, giá rét và mọi nguy hiểm đang đồng hành với mình. Kià! Chiếc xe lửa mà tôi đã phải rời khỏi cách đây hơn một giờ đang ở phía trước. Nó nấp mình trong một n hà sửa chữa khổng lồ. Có lẽ người ta đang thay dàn gầm và kiểm soát kỹ thuật lần cuối trước khi qua biên giới. Tôi cố đi nhanh hơn mặc cho chiếc túi to tướng trên vai và cái cặp diplomat như nặng thêm lên gấp đôi. Tuyết ngập

đến trên mắt cá chân, như vương vấn níu bước tôi lại. Phải nhanh hơn nữa để bắt kịp đoàn tàu! Không biết nó còn dừng bao lâu nữa. Đây là cơ hội thoát duy nhất của tôi. Tôi ngã xoài ra trên mặt tuyết vì vấp phải một đường ray cũ bị vùi lấp bên dưới. Tuyết lạnh đập vào mặt làm tôi tỉnh táo hẳn lên. Tôi hớp vội một nắm tuyết cho đỡ cơn khát. Nép sát vào toa tàu cuối cùng, tôi lần mò tiến lên trước. Sau đợt kiểm tra giấy tờ gắt gao ở cửa ga chính, trên tàu không còn công an biên phòng nữa. Tuy vậy, tôi không dại gì mà leo lên các khoang tàu để lẫn vào số hành khách có giấy tờ ra khỏi biên giới hợp lệ kia. Ở đất này không thể tin được ai. Tìm được chỗ trống khít khao giữa hai toa tàu, tôi buộc chặt túi hành lý và cặp xách vào rồi chui xuống gầm tàu quan sát. Loay hoay
mãi, cuối cùng tôi cũng tìm được chỗ để gác chân và đeo dính vào gầm tầu, nằm song song với đường ống thắng hơi. Mặt tôi buốt lên vì cái lạnh của lớp sắt dưới gầm. Cứ nằm trong tư thế này, nếu tàu chạy xa, có lẽ chỉ một lúc là 2 cánh tay tôi sẽ rã ra mất. Nhưng không còn cách nào khác hơn. Sang đến bên kia bieen giới, tàu còn phải dừng lại để công an biên phòng Ba-Lan kiểm soát. Lúc ấy, tôi sẽ rời bỏ đoàn tàu để vào nhà ga và lẩn vào thành phố. Thế là thoát khỏi nước Nga Cộng sản! Vào những năm 1990, Ba-Lan đã thay đổi nhiều, không còn là một nước Cộng sản nữa mà đang trong giai đoạn giao thời. Dù sao cũng dễ thở hơn đời sống ở Liên Xô. Đến được Ba-Lan, tôi có thể coi như đã đi được một nửa đoạn đường vượt thoát tìm tự do. Một niềm vui dấy lên trong tôi... Nhưng, bám theo tàu như vậy thật là liều mạng. Lưng tôi chỉ còn cách mặt đất chừng 2 gang tay. Chỉ cần một cây sắt nhỏ hay một hòn đá lớn cũng đủ để kết liễu đời tôi. Biết làm sao hơn! Tôi nghĩ đến Thượng Đế và cầz nguyện. Một cảm giác bình anh len dần vào trong tôi. Rời khỏi gầm tàu, tôi ngả lưng vào bánh xe sắt nghỉ ngơi, chờ hiệu báo chuyển bánh là trở vào vị trí chiến đấu. Nhưng kìa, tại sao hiệu báo chuyển bánh lại nằm về hướng nhà ga Brest thay vì hướng đi Ba-Lan? Tim tôi đập mạnh. Hỏng cả rồi! Một cơn lạnh chạy thấu từ đầu đến chân. Tôi vội rời khỏi đoàn tàu, lẩn nhanh vào một bụi rậm gần đó. Qủa thật, tàu đang chuyển bánh chầm chậm trở về hướng nhà ga chính. Trên khung cửa sổ kính của một toa tàu, tôi nhận ra một khuôn mặt quen thuộc. Lại là hắn! Hắn cũng đi Ba-Lan ư? May mà tôi khong đụng mặt hắn từ Moscow về đây.

3. Đám sinh viên gọi lén lút hắn bằng biệt hiệu "Tiến sĩ...váy bò". Hắn ở đầu dãy đối diện với phòng của đoàn chúng tôi, trong khu nhà dành cho các nghiên cứu sinh tù các nước đến Nga để chuẩn bị làm luận án Tiến sĩ, phó Tiến sĩ. Hắn ở Nga đã hơn 4 năm rồi, nhưng nói một thứ tiếng Nga tồi tệ hơn cả những người mới đến đây ần đầu. ít khi thấy hắn tiếp xúc với

người bản xứ, ngoại trừ bà gác cổng cư xá. Thỉnh thoảng, chỉ cần dúi cho bà một gói thuốc lá Dunhill dẹp, hay sang lắm là một chai champagne rẻ tiền là hắn đã sớm biến bà thành một kiểu nô lệ trung thành cho mình.

Hắn sang Liên Xô để làm luận án phó Tiến sĩ Kinh tế, do Tổng Công Ty Kim Khí Điện Máy Moscow đài thọ. Mỗi năm, hắn chỉ đến giảng đường hoặc gặp giáo sư bảo trợ vài lần. Trông hắn đen đúa, cách ăn mặc lôi thôi, nhếch nhác như một cán bộ huyện vùng quê vậy. Thế nhưng dưới bộ lốt quê mùa ấy ẩn dấu cả một thiên tài...buôn lậu. (Thì, buôn lậu cũng là cách làm ăn kinh tế đấy chứ!). Các soái ở Ba-Lan còn phải tỏ ra nể trọng khi nhắc đến tên hắn. Hắn là ông chủ của những đường dây buôn lậu computer, đồng hồ điện tử, v.v... giữa Nga và Ba-Lan cũng như các nước Đông Âu lân cận. Nghe đồn ốn liếng của hắn đã ngót ngét triệu USD, được gởi tại một ngân hàng Thụy Sĩ. Với thành tích như thế, lẽ ra người ta phải cấp ngay cho hắn bằng Tiến sĩ Kinh tế mà không cần phải đặt chân một ngày đến Đại học. Cũng may, người ta không nhìn thấy cái tinh hoa ấy ở trong một con người có vẻ bình thường như hắn.

Quyền lực của hắn các cao hơn từ khi có quyết định của Đại sứ quán và Ban Lưu học sinh cử hắn làm trưởng vùng (của những sinh viên VN) ở các đại học trong vùng Mitishi. Phòng hắn ở đã trở thành một thứ Đại sứ quán thu nhỏ cho các sinh viên cũng như những người lao động hợp tác Việt Nam tại đây. Mọi thứ giấy tờ trước khi được Đại sứ quán và Ban Lưu học sinh duyệt đều phải có ý kiến đề nghị của hắn. Hắn là Đảng, là Đoàn, là tất cả những gì cần thiết cho một khâu thủ tục hành chánh quan liêu ở đây. Muốn có được nhận xét tốt hay đề bạt có lợi của hắn, người xin dĩ nhiên phải trả một giá nào đó. Có lần, trong lúc ngà ngà say, hắn đã triết lý với tôi: "Tớ sinh ra đời để làm kinh tế chứ không phải để làm việc từ thiện!" Người Việt ở đây nắm rõ bảng giá của hắn. Đối với đám nữ sinh viên, câu nói "Để đấy, tối chú xem lại" của hắn như một giá được đề nghị cho công việc cần đến hắn. Tùy việc quan trọng, cần thiết ra sao mà một nữ sinh viên phải trở lại gặp "chú" vào buổi tối để chú "xem lại" qu a loa hay ở qua đêm cho "kỹ càng" hơn. Cũng đã có lần bị tai tiếng, nhưng hắn bịt miệng thiên hạ rất khéo. Đó là biệt tài ngoại giao bên cạnh tài "làm kinh tế" của hắn. Đường dây của hắn thuộc loại "liên quốc gia", kéo dài từ trong nước đến hải ngoại, từ Sứ quán đến thành phố nhỏ bé này. Nghe đồn, hắn là người thân tín của "chị Tuyết"-phu nhân Ngài Đại sứ. Hắn lại được uy tín lớn trong giới lãnh đạo Tổng Công Ty Kim Khí Điện Máy Việt Nam do những qùa cáp, biếu xén chu đáo, kịp thời. Hắn làm ăn khá sòng phẳng nên cũng khó bị lên án. Một nữ sinh viên có phải ngủ với hắn hay một nam sinh viên có phải lót tay 1 tờ xanh cho hắn để được phép về thăm nhà đột xuất,

thường xuyên, cũng không phải là điều qúa đáng. Qua mỗi vụ về thăm nhà như vậy, một người khờ khạo nhất cũng có thể kiếm được vài trăm đô-la do việc "đánh hàng" qua lại.

Tuy không viết được một câu tiếng Nga cho ra hồn nhưng hắn vẫn điều khiển được cả Ban Lãnh đạo Đại học này. Để làm luận án, hắn đã thuê đàn em viết hộ, thậm chí còn đem nộp giúp hắn. Ngài giáo sư hướng dẫn từng đến tận phòng riêng trong cư xá này để gặp hắn. Khi trở về, ngài thường say khướt. Chiếc cặp diplomat trĩu nặng bởi vài chai vodka thượng hạng nằm gọn bên trong. Một tờ xanh được nhét khéo vào túi áo veste dường như làm qủa tim già cỗi của ngài đập vội vã hơn. Còn hắn thản nhiên nhìn tập giấy đánh máy có 40 câu hỏi ôn tập mà giáo sư vừa giao để chuẩn bị cho ngày bảo vệ luận án sắp tới. Vị giáo sư đã cam đoan với hắn rằng Hội đồng chấm thi sẽ không hỏi gì bên ngoài số 40 ấy. Có gì cần phải chuẩn bị trước? Người phiên dịch cho hắn trong buổi bảo vệ sắp tới cũng chính là tác giả của bản luận án. Một người vừa tốt nghiệp đại học Lomonosov hẳn hoi! Anh ta thừa sức dịch và trả lời các câu hỏi của Hội đồng Giám khảo thay cho hắn. Vào thời điểm mà, một công nhân nhà máy đóng xe tải c ủa Moscow sẵng sàng đánh cắp một chiếc xe Zin 157 để đổi lấy vài chai vodka thì giá hắn đã trả cho tấm bằng đỏ là qúa rẻ. Ở đất Nga này không thiếu những ông "tiến sĩ...váy bò" như thế! Chính họ đã và sẽ là những người ngồi ở những vị trí lãnh đạo của Việt Nam khi trở về quê hương!

Brest. Tôi ở trong thế đường cùng. Nhiều thứ đã dồn tôi đến quyết định vượt thoát cách liều lĩnh. Ở Moscow tôi luôn sợ bị công an chìm của Sứ quán VN bắt được vì Trưởng đoàn đã báo cáo lên trên. Tôi cũng chẳng có ai quen, đáng tin tưởng để nhờ chạy loại hộ chiếu "đóng dấu củ khoai" để rời Nga mà tiếp tục con đường đi tìm tự do. Liên Xô thời này là lúc mà người ta cần phải cảnh giác, nghi ngờ, đề phòng cả chính người thân mình. Sự tranh đấu để sống, để có miếng ăn dẫn con người đến chỗ tàn bạo, đánh mất tình người. Con người trở thành nguyên thủy là con vật biết nói theo kiểu nhận xét của Pascal.

Tất cả kiến thức đi rừng của một thời Hướng Đạo bây giờ như đông đặc lại trước cái hàng rào trông có vẻ đơn sơ này. Đó là một hàng rào được đan bằng những cọng sắt chỉ to bằng chiếc đũa, dài hun hút dọc theo biên giới, cao đến ngang ngực tôi. Thoạt nhìn, việc vượt qua nó tưởng như trò chơi trẻ con. Nhưng, đầu tôi lóe lên một ý nghĩ: "Chắc hẳn đây là hàng rào điện như người ta thường đồn!". Lần đi dọc theo nó, tôi tìm kiếm một cách vô vọng xem có chỗ nào để vượt qua được không. Tôi thất vọng và bắt đầu thấy vẻ đáng sợ của thiên nhiên. Tôi tự giận mình vì đã vội vàng vượt biên

giới khi không có người đưa đường, không có bản đồ, không một lần kinh nghiệm về đường biên giới mà chỉ dựa vào một niềm tin vượt thoát. Tôi đã qúa liều lĩnh, nhưng không thể làm khác hơn được. Tôi đã như một con chó bị dồn vào chân tường sau 2 tháng dấu mình trốn sự truy nã của Sứ quán VN trong căn phòng nhỏ bé của một nghiên cứu sinh Lào có người yêu Việt. Ô kìa, dường như có tiếng chó sủa! Chó săn của công an biên giới? Nỗi hoảng sợ làm bước chân tôi lún sâu hơn vào trong mặt tuyết dầy cộm. Có thể trốn tránh được con người, nhưng với những cặp mũi thính qủy quái của bọn chó săn thì không đơn giản. Tội chạy đi theo một quán tính. Lối mòn dường như dốc n hẳn xuống khiến tôi ngã nhoài mấy lần. Tiếng sủa mỗi lúc một dồn dập và có vẻ gần hơn. Nỗi sợ át cả cái lạnh giá đang thấm dần vào người tôi, chạy suốt dọc sống lưng. Đối chân tôi bíu chặt vào nhau. Tôi bỗng bị trượt theo đường mòn dốc xuống một khoảng trống phẳng lì, trắng xóa. Chân trái tôi cắm phập vào lớp băng. Tôi cảm thấy ống quần ướt lạnh. Nước! Đúng là nước! Một con suối bị đóng băng. Một tia hy vọng lóe lên trong đầu óc đã bị đông đặc của tôi. Không cần dùng sức nhiều, tôi cũng đã phá vỡ được lớp băng để ngập mình vào trong lòng suối. Chỉ có như thế, tôi mới tránh được những lỗi mũi qủy quái của bọn chó săn. Lớp nước tuy thấm ướt cả quần áo tôi nhưng lại ấm áp lạ lùng. Tôi cắn răng chịu đựng, không dám cử động. Một hành động gì ngu xuẩn lúc này đều nguy hiểm. Nếu bị phát hiện ra, tôi không sợ cảnh phải ăn cơm 70 kốp của công an Liên Xô, cho bằng bị giao trả về Sứ quán Việt Nam.

Tiếng sủa dường như xa dần, đi theo một hướng khác. Tuy vậy, tôi vẫn chưa dám ra khỏi con suối. Vẫn dầm mình trong nước, tôi phá vỡ dần lớp băng bên trên, cố trườn đi tới trước. Túi hành lý trượt theo nặng nề trên mặt băng. Cái gì thế kia? Tôi không thể tin vào mắt mình. Phía trước tôi, dãy hàng rào quái ác đã ngừng lại bên cạnh bờ suối. Một đoạn rào bị bỏ trống để dòng suối chảy cắt ngang. Niềm hy vọng vượt thoát lại dấy lên, đên lại cho tôi một sức mạnh khác thường. Tôi cố trườn nhanh về phía trước. Khoảng cách giữa tôi và dãy hàng rào biên giới thu hẹp dần . Cuối cùng, tôi đã bỏ nó lại phía sau lúc nào không hay. Có phải tôi đang lội trong đoạn suối trên đất Ba-Lan? Tôi không dám tin hẳn vào điều đó, cố nhoài người ra khỏi lớp băng và ném mình lên trên mặt suối đông cứng, trắng xóa cạnh bên. Nỗi mệt nhọc, cái giá rét, sự sợ hãi vò nát lấy tôi. Tôi nằm in như thế một lúc để hồi sức lại. Lớp nước trên người , trên áo quần tôi đã đông giá lại, trĩu nặng hơn. Da tôi đau buốt, tê cứng . Không biết tôi đã nằm như vậy được bao lâu, như khi chợt tỉnh lại, nhìn ra phía trước, tôi bỗng giật thót mình. Một khối đen cao lớn, đứng gần như bất động cách tôi không xa! Công an biên giới của Ba-Lan hay của Liên Xô? Tôi lăn nhanh

vào gốc cây bạch đàn gần đó, thu mình lại và cố quan sát để nhận dạng khối đen ấy. Một lúc khá lâu trôi qua. Khối đen vẫn bất động, còn tôi như đóng lại thành băng sau gốc bạch đàn. Thật kỳ lạ. Ai mà có thể đứng yên giữa trời giá rét dưới nhiệt độ 15 độ, trong một khoảng thời gian lâu như thế này? Tôi không thể nhầm lẫn hình dáng một con người với gốc cây bạch đàn được! Một lực vô hình đẩy tôi tiến về phiá khối đen ấy. Các đầu ngón chân của tôi như bất động, trơ ra dưới lớp giầy lông gấu dầy cộm. Tôi đành bò lết, tiến tới. Còn cách khối đen chừng 10 thước, tôi dừng lại, cố gắng quan sát một lần nữa để nhận định. Một lần nữa, tôi không tin vào mắt mình. Như thế là thoát rồi! Trước mặt tôi, một tượng Đức Mẹ Maria cao cỡ người thật, đứng trên đài cao lư ng lửng. Đài này được trang tri bằng những tấm bia đá hoa cương nhỏ cỡ bàn tay. Những tấm bia này có các lời tạ ơn khác nhau: “Ave Maria"

Cơ quan gián điệp của Liên Xô. Tên của người Nga thường gồm ba phần: tên gọi; tên của người cha ghép thêm các đuôi - ov, ev hay , hay ova, eva,...và tên họ. Ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười ở Liên Xô cũ. Ngày nay mang lại tên cũ là St.Petersburg tên gọi theo tiếng Nga của St. Petersburg. Tiếng Nga, nghĩa là “Chào” thẻ chứng nhận đi lại ở Nga loại cặp xách tay đựng giấy tờ, hồ sơ. Quận 5 của Paris. tức cửa hàng ăn tập thể, tự phục vụ. Sân bay lớ ở Moscow. Tiếng Nga: “Có, Không” tức “nguyên soái” tiếng lóng dùng đẻ chỉ những ông chủ, trùm kinh doanh (đen) của người Việt Nam ở Ba-Lan và các nước Đông Âu khác. Multi-national, một hình thức kinh doanh của các tập đoàn kinh tế lớn, có mặt trên nhiều nước. Tức 1 tờ 100 USD Đại học nổi tiếng thế giới của Liên Xô, tựa như đại học Sorbonne (Pháp) hay Havard (Mỹ). Bằng tốt nghiệp loại ưu tú tức, triện dấu giả triết gia Pháp, thời Trung cổ. Kốp : kopjek, tức tiền xu của Nga. “Cơm 70 kốp” để ám chỉ “cơm tù” tiếng Latinh: “Kính mừng Maria"

NGUYỄN DUY KHÔI



LÂM CHƯƠNG

ý của phật

"đồ tể buông dao thành Phật"
Phật nói chơi
nhiều người tưởng thật
tôi còn được cái mạng tu hành
vì không buông dao
bọn lang sói đang rình tôi đấy

tại Linh Sơn Thứu
Phật chẳng nói gì
đưa cành hoa lên ngửi
ba mươi sáu vạn đồ chúng không hiểu
chỉ một mình Ca Diếp mỉm cười
Phạt bèn trao y bát
tôi có mặt lúc ấy
biết ý Phật bảo rằng
"im lặng là vàng"
nhưng tôi không cười
không ham y bát

ai??

chạy đàng trời
cũng không thoát
nó bám theo tôi
không thể dứt rời
như một cái bóng
ám ảnh suốt đời
khốn kiếp!

LÂM CHƯƠNG



SONG THAO

EVA



Tình cờ tôi gặp Eva. Phải nói ngay để những bạn nào ưa những chuyện thơ mộng không bị thất vọng bất ngờ. Eva không còn ở tuổi có thể tạo được những điều thơ mộng. Năm kết thúc Đệ Nhị Thế Chiến Eva vừa tròn tuổi trăng rằm. Những bạn nào không thuộc lịch sử thế giới, không biết cuộc đại chiến kết thúc vào năm nào, xin đừng phiền trách tôi. Vì tôi không thể mở miệng hỏi tuổi của một người đàn bà được, dù người đàn bà đó dư sức đóng vai bà nội bà ngoại.

Đại chiến thế giới là một khúc ngoặc quan trọng trong cuộc đời Eva. Bằng cách này hay cách khác, nó đã cướp đi của bà hai chỗ dựa vững chắc nhất của đời người. Cha bà tử trận trong quân phục của Quân đội Ba Lan, mẹ bà vùi thây ở một nơi chốn nào đó dưới rừng bom đạn gào thét dữ dội như những lằn roi lửa trong tay những ngạ quỷ ở chốn địa ngục. Còn trơ lại một mình trên cõi đời, bà bị lùa vào trong trại tập trung. Ông không thể tưởng tượng được tuổi thơ của tôi đâu. Mà nói cho cùng, tôi làm gì có tuổi thơ. Trong trại tập trung chúng tôi làm việc quần quật như một đám nô lệ. Mùa đông, tuyết phủ ngập trời, chúng tôi phải đi chân không làm việc ngoài trời. Eva nhắc đi nhắc lại tên của một thứ thực vật gì đó mà tôi chưa bao giờ nghe. Thấy tôi nghệt mặt ra không hiểu, bà có vẻ phiền lòng lắm. Cái thứ cỏ cây đã đánh cắp mất tuổi thơ của bà, nó là thứ đáng ghét nhất trên thế gian này, vậy mà nó không có một chỗ cỏn con nào trong cái đầu cũng đáng ghét không kém của tôi. Bà nhìn tôi, đôi mắt trừng trừng làm tôi liên tưởng tới cái sắc lạnh của ánh mắt thú rừng, đầu lắc quầy quậy như thương hại cho một sự thiếu sót to lớn của người đang đối thoại với bà. Đôi chân tôi bầm tím, sưng vù, nứt nẻ, mỗi bước đi như một cực hình. Nhiều khi tôi ước mình không có chân có lẽ đỡ

khổ hơn. Bàn chân này đây... Eva giơ chân lên như muốn tôi chiêm ngưỡng một kỳ công có một không hai trong cuộc đời. Nhưng mặt bà bỗng cau lại đau đớn, những nếp nhăn sâu thêm, bà nhẹ nhàng nhấc chiếc chân đặt lại trên nệm, khẽ gắt yêu như người mẹ nhẹ mắng đứa con cưng đang nghịch ngợm. Mày lại hành tao nữa sao mày? Đồ phải gió!

Nơi tôi gặp Eva là một nơi ít thơ mộng nhất, một nơi chẳng ai muốn tới nếu không bị mang tới. Căn phòng vô hồn trong nhà thương nằm tại một khu vắng vẻ và yên tĩnh nhất trong thành phố là một căn phòng đôi. Hai chiếc giường sạch sẽ, trắng toát, lỉnh kỉnh đủ thứ máy móc chiếm gần hết diện tích không lấy gì làm nhiều nhặn lắm của căn phòng. Chỗ còn lại là một chiếc bàn viết, một chiếc ghế gỗ , một chiếc bàn thấp và hai chiếc ghế bành bọc nệm loại một người ngồi. Tôi ngồi trên chiếc ghế kê sát vào vách tường, cách chân giường của Eva một lối đi hẹp. Chiếc giường kia, cô em tôi, vừa qua một ca mổ nhỏ, nằm đắp chiếc drap trắng phủ kín từ vai trở xuống, khuôn mặt xanh xao mệt mỏi. Tôi đến thăm cô em gái tôi chứ không phải Eva, nhưng bà túm lấy tôi nói chuyện huyên thuyên, làm như thể tôi tới thăm bà.

Chiếc chân được băng kín mít từ đùi trở xuống nằm ngang nhiên trước mắt tôi được Eva cho là vật đáng chú ý nhất. Nằm chình ình như vậy chưa đủ, nó còn được Eva luôn miệng bắt tôi phải tận tường những gì xảy ra cho nó.

"Tôi trèo lên chiếc ghế gỗ dọn dẹp ngăn tủ chén bát treo cao trong bếp. Chiếc ghế quả có hơi xộc xệch nhưng tính tôi muốn làm gì thì cứ phăng phăng làm liền nên nhắm mắt bước lên. Mà nó cũng cắc cớ lắm! Phải chi nó tóa họa liền thì đỡ biết mấy. Đằng này nó lại chờ cho tôi đứng ngất ngưởng xong mới rã rời ra ném phịch tôi xuống sàn nhà, chân đập vào cạnh bếp đánh rầm một cái thì còn gì là chân với cẳng. Thời buổi bây giờ người ta làm ăn dối trá, đóng một chiếc ghế cũng không nên hồn!"

Nhìn thân hình Eva xổ tung ra kín hết mặt giường tôi nghĩ chẳng trách được chiếc ghế. Dầu gì cũng phải nói lời an ủi cho phải phép.

"Vậy là bà còn may đó, bà dì tôi cũng trèo lên ghế, té như bà, đầu va vào tường, bất tỉnh hơn một ngày mới mở mắt được, bị liệt luôn, nằm cả chục năm trời không cử động được, muốn chết cũng chẳng chết cho. Đâu có chỉ bị gãy xương chân như bà."

Eva mở miệng cười. Khuôn mặt bà thô thấp nhưng nụ cười lại tươi tắn dễ nhìn. Bà quay sang cô em tôi giọng mừng rỡ.

"Ừ, kể cũng may thật cô nhỉ? Nếu cái đầu tôi nặng hơn cái chân thì chắc bây giờ nằm một đống rồi. Có đâu được chung phòng với cô."

Bà quay lại phía tôi " Này ông, ông có cô em vui tính lắm, chúng tôi nói chuyện lung tung cả ngày như hai người bạn thân vậy."

Cô em tôi gật gật đầu cười cho vừa lòng Eva rồi nói nhỏ với tôi bằng tiếng Việt.

"Nói suốt ngày chẳng cho em ngủ nghê gì. Làm như trên đời này chỉ có mình bà ấy có cái chân gãy thôi ấy. Mà cũng may bà ấy chỉ gãy có một chân chứ gãy hai chân chắc nói sáng đêm luôn chịu gì nổi. Bữa nay vớ được anh bà ấy tha hồ nói. Mừng lắm đấy!"

Eva đưa mắt liếc quanh hai anh em tôi như muốn tìm xem chúng tôi đang nói gì. Bà ấy không hiểu, dĩ nhiên, nhưng cũng góp được tiếng.

"Nghe hai người nói chuyện cứ như nghe chim hót buổi sáng ấy. Líu la líu lo. Chắc cô em đang nói xấu tôi phải không?" Bà phá lên cười rổn rảng " Tôi giỡn đấy! Hai người cứ nói đi. Tôi nghe cũng thấy vui rồi."

Nói vậy nhưng chỉ vài giây sau Eva lại ôm chân la.

"Ối, nhức quá! Ông biết không, người ta bắt cả chục con ốc bằng kim khí trong chân tôi. Chịu gì thấu!"

Tôi lại phải miễn cưỡng lên tiếng an ủi bà. Đời tôi ít có dịp làm việc thiện nên vớ được dịp tốt nào tôi ít khi bỏ qua hầu có thể thu thập credit dùng cho cuộc sống mai sau.

"Khoa học bây giờ tiến bộ nhiều. Người ta thay tất cả các bộ phận trong người còn được huống chi chỉ tặng cho bà vài chiếc đinh ốc rẻ tiền. Không sao đâu bà ạ!"

Không hiểu vì lời an ủi của tôi có tác động tức thời hay vì bà lại có dịp dùng cái miệng hay nói mà Eva phấn khởi hẳn lên. Bà giễu với tôi.

"Ông này, tôi nghĩ là bây giờ mỗi khi đau ốm người ta không còn đi bệnh viện nữa mà người ta vào garage !"

Eva phá lên cười thích thú giữa hai tiếng cười phụ họa của tôi và cô em tôi. Tiếng cười quá trớn làm người bà rung lên. Chiếc giường lò xo trước mắt tôi cũng cười theo. Chiếc chân đau của bà dĩ nhiên chẳng thể thích hợp với một dịp vui mạnh mẽ như vậy. Eva lại ôm chân.

"Thôi chứ cưng! Mày làm phiền tao quá đấy nhé."

Thường thì chân không có tai nên Eva tiếp tục ôm chân suýt soa. Căn phòng bỗng chốc rơi từ đỉnh ồn ào tới đáy im lặng. Tiếng cửa phòng nhẹ mở. Hai người đàn ông to như hai ông hộ pháp mặc áo choàng trắng bước vào. Người đàn ông trẻ có bộ mặt búng ra nét vui vẻ cất tiếng chào.

"Chào mọi người! Sao má? Má khỏe không?"

Mặt "má" Eva nghiêm trọng lại ngay như sắp sửa phải đối phó với những tên cai ngục dẫn tử tội đi thọ hình.

"Còn trông thấy mấy người thì làm sao khỏe được!"

"Tội quá má ơi. Job của tụi tôi là tới thăm má người ta mới trả lương. Má không bằng lòng thì cuộc đời tụi tôi khốn khổ rồi."

Người đàn ông nhanh nhẹn kéo chiếc bàn chống có hai bánh xe trong góc phòng miệng giả lả thăm hỏi.

"Chân má hôm nay ra sao?"

Eva được dịp rên rỉ.

"Còn đau lắm. Nhúc nhích một chút là nhức thấu xương."

Hai người xúm vào nâng Eva dậy.

"Má thử đứng lên một chút coi ra sao nghe!"

Eva vừa nhăn nhó vừa la bai bải.

"Chân cẳng thế này thì đứng lên làm sao được!"

Bốn chiếc tai vểnh ra như thế mà chẳng nghe được tiếng la của Eva. Họ tỉnh bơ xốc nách Eva đứng dậy. Bà nổi cáu.

"Mấy người có để người ta yên không, đồ vũ phu!"

Hai tên "vũ phu" vừa cười vừa dỗ dành.

"Má chịu khó thử đứng lên một chút thôi. Bác sĩ bảo ngày hôm nay má có thể đi được rồi mà."

Mồ hôi rỉ ra từ hai bên thái dương Eva. Không hiểu vì cái chân đau hay vì cãi cọ với hai người đàn ông lớn xác. Họ nheo mắt cười với tôi sau gáy Eva.

"Thấy chưa! Đứng được ngon lành rồi đó."

Eva thở hổn hển.

"Cho tôi ngồi xuống một chút đi. Tôi chết mất bây giờ."

Họ dìu bà ngồi xuống. Mặt Eva oằn lên như đang cố tiêu hóa những cơn đau tưởng như long trời lở đất. Một chặp sau, Eva nhìn người thanh niên trẻ, hất hàm hỏi.

"Có vợ chưa vậy?"

Anh thanh niên ngẩn người ra, lắc đầu cười.

"Chưa!"

Eva mặt lạnh như không.

"Vậy tối nay xuống đây!"

Bà liếc tôi như ngầm cho điểm mình. Mặt anh thanh niên đỏ lên cười gượng.

"Má lắm chuyện quá! Nào, đứng dậy nghe!"

Hai người lại xốc nách Eva đứng dậy. Tấm thân phì nhiêu của Eva như được treo lên. Một người kéo chiếc bàn chống lại gần, cầm hai tay Eva đặt lên chỗ dựa. Eva co ro đứng thảm thiết như một tội nhân trước vành móng ngựa. Vạt áo ngủ vắt vào chiếc bàn chống hé ra một bên bắp đùi xếp nếp. Anh thanh niên cúi xuống kéo vạt áo của bà lại cho ngay ngắn không

quên gửi cho tôi ánh mắt diễu cợt. Anh xích ra một chút, đứng sát bên cạnh chiếc bàn chống khuyến khích.

"Được rồi đó! Bây giờ bước đi một chút nghe!"

Eva đẩy chiếc bàn chống nhích lên, dùng chiếc chân lành lặn nhảy lò cò theo, chiếc chân bị mổ vẫn hổng lên khỏi mặt đất đung đưa thanh thản như một kẻ vô tội. Anh thanh niên lắc đầu thở dài.

"Má ơi! Má ăn gian quá. Má làm ơn hạ cái chân nó đưa má vào nằm đây cho tụi tôi hầu hạ kia kìa."

Eva hứng khởi với chiến thắng vừa đạt được bỗng đâm ra hiền lành ngang. Bà nhẹ nhàng đặt chiếc chân đau xuống mặt đất thăm dò. Mặt bà cau lại.

"Chịu thôi! Đau lắm!"

Người thanh niên nhẹ giọng dỗ dành.

"Má chịu khó bước đi một bước thôi."

Eva đành đoạn như thí cô hồn. Bà co ro bước.

"Đấy, giỏi chưa nào! Thêm một bước nữa đi."

Eva bước thêm bước nữa. Sống mũi bà lấm tấm mồ hôi. Chiếc mũi rộng nằm giang ra trên khuôn mặt làm cho những giọt mồ hôi như thu nhỏ lại li ti hơn.

"Xong rồi đó, bọn bóc lột!"

Người thanh niên xứng đáng là tên bóc lột. Hắn chỉ ra phía cửa.

"Má làm ơn quá bộ thêm vài bước nữa thôi."

"Chúa ơi! Bộ muốn bẻ gãy chiếc chân này hay sao vậy?"

"Má cứ bước đi. Bảo đảm không gãy đâu."

"Nếu gãy thì sao?"

" Tôi đền cho chiếc chân tôi!"

Eva lại giở giọng châm chọc.

" Chiếc chân đàn ông đó làm sao mang panty được!"

Bà liếc nhìn tôi mỉm cười một cách thú vị vì bàn thắng vừa ghi được. Tôi bỗng nghi ngờ óc nhận xét của mình. Eva có đau đến nỗi vậy không hay bà chỉ làm ra bộ thảm thiết để bắt người ta chiều chuộng mình. Người thanh niên lại dụ.

"Này bước nhé. Chỉ vài bước thôi mà. Lẹ lên rồi nghỉ ăn chiều. Hôm nay có bí tết thơm đến ngạt mũi!"

Anh nhẹ tay đẩy lưng Eva. Chắc trong đầu bà miếng bí tết đang nở ra che lấp những sợi thần kinh báo đau. Bà nhẫn nại bước không kêu ca gì nữa. Chiếc bàn chống nhích dần ra tới ngạch cửa rồi đứng khựng lại. Eva phán.

" Xong rồi! Cho tôi nghỉ mệt mới nuốt được bí tết chứ."

Anh thanh niên chắc đã có nhiều kinh nghiệm với các bệnh nhân khó tính nhũng nhẵng nài ép.

"Mình ra hành lang một chút rồi quay lại nghe!"

Eva nổi giận như thể vừa bị giật miếng bí tết đang đưa vào miệng. Bà vươn cổ ra ngoài hành lang hét to như còi báo động.

"Mấy người muốn giết người ta phải không? Bớ ông bác sĩ ơi! Sao ông để chúng hành hạ tôi như thế này?"

Tiếng vọng từ ngoài hành lang dội lại oang oang. Anh thanh niên vội xoạc cẳng kéo chiếc ghế bành ra kê vào sau người Eva, ấn bà ngồi xuống, rồi nhanh nhẹn kéo cả người lẫn ghế vào trong phòng. Eva ngồi ôm ngực thở phào, mắt háy theo người thanh niên đang chúm miệng cười cợt gửi lại chiếc hôn gió trước khi nép người bước ra khỏi cửa.

Eva với tay rút một tờ giấy kleenex ló ra khỏi chiếc hộp nằm trơ trọi trên mặt bàn ngăn cách giữa tôi và bà. Bà mạnh bạo chậm mồ hôi trên khuôn mặt vẫn chưa hết vẻ hậm hực.

"Ông thấy không, hai đứa này như một lũ ngốc, chỉ đâu làm đấy chứ không bao giờ dùng tới cái đầu cả. Chân tôi mới mổ được ba ngày mà đi đứng cái nỗi gì. Thịt xương người ta chứ đâu có phải keo hồ gì mà qua hai mươi bốn tiếng là dính cứng được. Đời tôi là một cuộc tranh đấu, tôi quen rồi. Cái gì không phải là tôi chống tới cùng. Mấy tên quèn này mà nhằm nhò gì! Ông làm ơn lấy dùm tôi ly nước trên chiếc bàn cạnh đầu giường tôi được không?"

Tôi trao ly nước cho Eva. Bà uống như đã từ lâu lắm không được uống nước. Chiếc ly không được đặt mạnh xuống bàn kêu lên một tiếng khô khốc như một hiệu lệnh cho chiếc miệng hãy còn ướt nhẹp hoạt động.

"Ông có nhớ phong trào đòi giải phóng phụ nữ vào khoảng thập niên sáu mươi không? Có tôi trong hàng đầu của đoàn biểu tình lột xú chiêng tranh đấu cho quyền của phụ nữ thời đó đấy!"

Giọng Eva tràn ngập niềm hãnh diện. Khí thế từ ba thập niên trước như vẫn còn sôi sục nơi tấm thân đày ắp trong chiếc áo ngủ màu xanh nhạt. Đôi bầu ngực cộm lên chảy dài xuống cơ hồ muốn chạm mặt ghế. Cuộc tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng có kết quả không thể chối cãi được!

Ánh mắt Eva sáng lên khi chiếc xe thức ăn xuất hiện ở cửa phòng. Cô dọn ăn, đầu đội nón trắng, chiếc tạp dề trắng trước ngực, nhanh nhẹn kéo chiếc bàn ăn cá nhân tới trước mặt Eva, đặt khay thức ăn lên. Eva vội vàng nhấc chiếc nắp đậy món ăn nóng, miệng suýt soa.

"Cái thằng cốt đột đó nói đúng. Có bí tết thiệt. Ông biết không, khi mới tới thành phố này tôi thèm bí tết nhỏ dãi mà không đủ tiền mua. Đi ngang tiệm ăn thấy người ta ngồi ăn uống mà mình thấy tủi. Ông đừng cười

tôi nghe, mấy năm trời trong trại tập trung ăn uống cực khổ thiếu thốn đủ thứ lại thêm đúng vào lúc tới tuổi mới lớn cơ thể đòi hỏi nhiều nên tôi thèm ăn gì đâu ấy. Cho tới bây giờ mỗi lần nhìn thấy miếng bí tết tôi vẫn cảm thấy vừa ngượng ngùng vừa xót xa cho thân phận mình."

Bí tết nửa sống nửa chín là thức ăn đại bổ. Điều đó ai cũng biết. Nhưng hôm nay tôi biết thêm được một điều là bí tết có thể chữa được bệnh đau chân. Eva chúi mũi cầm dao cắt miếng bí tết thành những miếng nhỏ vừa một lần ăn có vẻ như quên hẳn chiếc chân đau đang nằm dài trước ghế. Bà vừa ăn vừa tấm tắc khen. Cứ vài chục giây đồng hồ tôi lại được nghe thêm một điều bí tết tụng.

Khi miếng bí tết đã vội vàng rủ nhau nằm gọn trong dạ dày Eva, bà mới vỗ bụng hít hà sảng khoái. Cái vỗ bụng không biết có động tới chân không mà Eva bỗng nhăn mặt nhìn tôi.

"Sao tôi thấy ngứa ở trong chân. Dám mấy cái đinh ốc trong đó bắt đầu rỉ sét rồi lắm ông nhỉ?"

Tôi bỗng muốn châm chọc chút đỉnh sự tưởng tượng quá lố của Eva.

"Chưa đâu! Mới có mấy ngày mà ăn thua gì. Cũng phải một hai tuần lễ chứ!"

Eva dựng người lên hỏi dồn.

"Một hai tuần lễ thôi sao? Rồi họ sẽ làm gì tôi?"

"Họ thay cái khác chứ có gì đâu!"

"Ông muốn nói họ mổ nữa à?"

"Bà thấy có cách nào khác không?"

"Chúa ôi!"

Mặt Eva nhợt nhạt. Bà lắc đầu.

"Chắc không đến nỗi vậy đâu ông ạ!"

Tôi không nỡ đùa nghịch thêm trên sự hốt hoảng có vẻ như thật của Eva.

"Tôi giỡn đấy! Bà đang ở nhà thương chứ có phải ở garage đâu. Còn lâu mấy chiếc đinh trong người bà mới rỉ sét."

"Còn lâu là bao lâu hả ông?"

"Tôi nghe nói phải mươi mười lăm năm."

Tiếng thở phào thoát ra như có thể làm Eva sụt được mấy kí. Bà xua tay cười nói.

"Tới lúc đó nó có rỉ sét thì mặc xác nó. Tôi đâu còn ở đây mà đã nằm sâu ở dưới đó rồi."

Ngón tay bà chỉ xuống sàn nhà trông như một cái dấu chấm hết.

Eva dựa ngửa đầu lên lưng ghế, đôi mắt nhắm nghiền như đã lạc vào giấc ngủ cuối cùng. Tôi đứng dậy đến bên cửa sổ nhìn mông ra ngoài trời. Tiếng cô em tôi thì thào ở phía sau.

"Để cho bà ấy ngủ. Cả ngày chẳng có lúc nào yên với bà ấy. Nằm bệnh viện mà ồn ào như đi dự party ấy!"

Tai Eva chắc thuộc loại tai cọp. Tiếng thì thào của cô em tôi vừa dứt thì bà choàng tỉnh, gợi chuyện một cách sỗ sàng.

"Này ông, sao không thấy ông hỏi tại sao tôi lại lưu lạc sang tới tận cái xứ Canada lạnh lẽo này nhỉ."

Cô em tôi nguýt dài, lầu bầu với tôi.

"Chuyện bà ấy thì thây kệ bà ấy chứ ăn nhậu gì tới người ta. Rõ vô duyên!"

Cô em tôi khó chịu thì nói vậy chứ thực ra Eva nói chuyện khá có duyên. Cái miệng bà nói đã nhiều nhưng đôi mắt và điệu bộ của bà còn nói nhiều hơn nữa. Chúng đẩy câu chuyện đi một cách rộn ràng như tiếng trống tiếng kèn làm tăng thêm bầu không khí hội hè đình đám. Tính tôi lại vốn ưa lễ lạc mới chết chứ.

"Chắc bà đâu có thể lội bộ qua tới bên đây được!"

Eva cười nhẹ.

"Ông tính, vừa ra khỏi trại tập trung, chân cẳng tôi như vậy thì làm sao mà lội bộ được! Tôi bay bằng cái tính ngang ngạnh của tôi ông ạ! Lúc đó, trận chiến vừa tàn, sau những đổ nát tan vỡ con người có nhiều từ tâm hơn. Các hội thiện đua nhau hoạt động hầu có thể xoa dịu những khổ đau do chiến tranh gây ra. Tôi bơ vơ chẳng còn thân thích, chưa thành niên nữa chứ, là mục tiêu xứng đáng cho các tay nghĩa hiệp. Người ta bảo tôi muốn trở về quê hương hay muốn đi đâu cũng được. Ông tính, về lại quê nhà chỉ thêm buồn, còn gì đâu mà luyến lưu, tôi xin họ cho tôi đi nơi nào xa nhất. Họ ném tôi qua đây!"

Tôi không bỏ lỡ dịp bông lơn với con người mà máu tếu chạy cùng khắp trong các mạch máu này.

"Kể chân tay họ cũng khỏe mạnh đấy chứ!"

Eva rú lên cười, giơ tay làm bộ đập tôi.

"Hồi đó tôi mảnh dẻ như một bông hồng hàm tiếu chứ bộ! Cứ như bây giờ chắc họ phải thuê xe cần cẩu!"

Tới lượt tôi cười lớn tán thưởng sự bén nhậy của Eva. Bà dứt cơn cười, với tay lấy một tờ giấy lau chậm lên mắt.

"Lúc đầu họ cho tôi ở trong một tu viện. Mấy sơ kiếm việc làm cho tôi. Làm ở nhà thương ông ạ. Ở đó tôi gặp một người thương hoàn cảnh của tôi và giúp đỡ tôi rất nhiều. Một thời gian sau, tôi quyết định kết hôn

với anh ấy mặc dầu mọi người ngăn cản. Không phải chỉ có những người quen biết tôi ngăn cản không đâu mà ngay cả gia đình anh ấy cũng khuyên tôi nên bỏ ý định đó đi."

Mắt Eva sụp xuống bất động. Hai tay buông thõng trên thành ghế. Cái giọng sắc mắc sôi nổi biến đi đâu mất tiêu. Cả một thời quá khứ buồn thảm đã chụp bắt bà lại.

"Tôi đã nói với ông là tính tôi rất cương quyết. Tôi đã muốn làm gì thì có trời mới cản nổi. Tôi đã chịu ơn anh ấy quá nhiều để có thể gạt anh ấy ra khỏi đời tôi. Anh ấy bệnh ông ạ. Căn bệnh dằng dai không có hy vọng chữa khỏi. Vậy mà anh ấy cũng đã sống với tôi được tới mười năm. Mười năm có tình thương của tôi có thể là mười năm đẹp nhất trong quãng đời ngắn ngủi của anh ấy. Tôi hài lòng với sự chọn lựa của tôi."

Tôi như nhìn thấy trước mặt tôi một con người khác. Không còn một Eva rộn ràng bép xép mà chỉ có một Eva đang gấp người vào để tính sổ cho một cuộc đời nặng nhọc nhằn. Bà thở dài giọng cố bình thản.

"Cho tới bây giờ tôi vẫn một mình. Cô đơn vẫn hoàn cô đơn. Phải chi tôi có được với anh ấy một đứa con! Nhưng đâu có thể đòi hỏi nơi anh ấy điều anh ấy không thể làm được. Mình cũng đâu có thể tính lời lỗ với cuộc sống của mình được ông nhỉ. Cái được nhiều khi chẳng phải là được. Cái thua nhiều lúc cũng chẳng ra thua. Người ta bảo nó như một trò chơi. Ừ thì chơi! Ông cho tôi mượn cái vai ông một chút được không? Tôi muốn trở về giường. Cái chân tôi nó lại bắt đầu muốn lên tiếng rồi đây!"

Tôi đứng dậy bước sang đứng trước ghế Eva. Bà chống hai tay lên thành ghế nhấc người lên. Chiếc chân đau đung đưa quờ quạng. Tôi giơ tay xốc nách bà đứng dậy. Bà vịn vào vai tôi. Người tôi chĩu xuống một bên. Tôi dìu bà tới giường, thả bà xuống. Vai tôi như trút được cả một trái núi.

Tôi trở lại ghế ngồi mệt lả. Đôi mắt cô em tôi tinh quái nhìn cái rã rượi của ông anh, tiếng cười như còn ngậm ở trong môi. Lúc tôi ra về Eva nói với theo, giọng cố dấu vẻ châm chọc.

"Ông nhớ ghé vào tiệm ăn một đĩa thịt bò bí tết nghe!"

SONG THAO



J.L. BORGES

sa mạc

Trước khi bước vào nơi sa mạc
các binh sĩ đã uống nước thật lâu ở bể nước
Heroclès đã đổ xuống mặt đất
bình nước của mình và nói:
"Nếu chúng ta phải bước vào sa mạc
thì ta đã ở trong sa mạc
Nếu cơn khát đã thiêu đốt ta
thì nó hãy thiêu đốt ta ngay lúc này."
Đây là một bài dụ ngôn.
Trước khi tôi lao mình vào địa ngục
những viên hình sứ của vị thần
                    đã cho phép tôi nhìn ngắm một bông hồng
Bông hồng này đã trở thành nỗi khổ tâm dày vò tôi
                                        ở cõi tăm tối
Một người đàn ông bị một người đàn bà bỏ rơi
Họ quyết định giả bộ một cuộc gặp gỡ cuối cùng.
Người đàn ông nói:
"Nếu ta phải bước vào nơi hiu quạnh
thời ta đã cô quạnh
Nếu cơn khát sẽ thiêu đốt ta
thời nó hãy thiêu đốt ta ngay lúc này"
Đây lại là một bài dụ ngôn khác.
Không có người nào trên trái đất
lại cam tâm làm một người như thế.

(Diễm Châu dịch)



PHAN TAM KHÊ

PHỎNG VẤN ANH LÊ ĐẠT



Xưng danh
Phó thường dân
Phố nhỏ vô danh
Thành tích
Mấy trang giấy sờn
Mấy câu mưa bụi
Núi Vu Sơn
(Bóng Chữ)
Truyền thần:
Tuổi lú lẩn
Ngược nhầm ga trẻ dại
Hay ngây ngô, không biết lối về già
Thơ thẩn chữ ngã ba.
(Bóng Chữ)

Đại để thân thế và dáng dấp nhà thơ Lê Đạt chỉ có thế. Tôi đến thăm anh Lê Đạt trong một căn gác nhỏ tại trung tâm khu phố La-tinh vào một sáng mưa thu như muốn trùm kín cả Paris. Anh Lê Đạt người nhỏ nhắn nhưng lại có giọng nói sang sảng hồn nhiên và đầy nghị lực.

1/ Thưa anh, anh có thể cho chúng tôi biết một vài nét về anh và về bối cảnh lịch sử của đất nước khi anh vừa lớn lên.

LĐ: Tôi sinh ở Yên Bái. Yên Bái là một tỉnh thượng du nơi đó sống nhiều dân tộc khác nhau. Ở đó người ít hơn cây, có lẽ vì thế nên suốt đời tôi là người thiểu số và mang tâm tính dân du mục. Thuở nhỏ tôi theo học tiểu

học ở Yên Bái, khi đỗ xong lớp nhất tôi về Hà Nội theo học trường Bưởi (Lycée du Protestorata) cho đến lúc cách mạng. Tôi là người lúc nhỏ đã yêu mến nền văn học Pháp và đặc biệt là nền thơ ca Pháp, bạn đường của tôi là Villon, Ronsard và cho đến gần đây là những người như René Char. Tôi tham gia kháng chiến từ lúc đầu, và trên con đường kháng chiến ấy đã có một lần khi vào chiếm Lào Cai tôi đã tìm thấy trong đống sách của trại lính Tây hai quyển thơ của Appolinaire, và tôi cho đó là một chiến lợi phẩm quí nhất của tôi.

2/ Thưa thế thì anh thích nhà thơ nào nhất của Pháp?

LĐ: Thích nhất thì chẳng thích nhất đâu, nhưng tôi có thích một số nhà thơ như Mallarmé, Appolinaire, Reverdi, còn thời xưa thì tôi rất thích Villon và Ronsard.

3/ Mallarmé thì ngay ở Pháp cũng có nhiều người cho là khó hiểu.

LĐ: Khó hiểu vì người ta không yêu thơ ông ta thôi. Cũng như có nhiều người cho thơ tôi là khó. Cái người làm thơ thì phải đọc rất nhiều và tôi cho là một người làm thơ hiện đại bao giờ cũng là một bộ hành, phải cố gắng đi qua nền thơ ca của nhân loại, như vậy anh mới có thể biết họ đi đến đâu, để rồi từ đấy anh khỏi dẫm lên những bước mà người ta đã đi qua. Tôi đọc rất nhiều, và khi đọc xong thì tôi gắng quên tất cả để tôi có thể là tôi.

4/ Xin anh cho biết những đóng góp của anh trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

LĐ: Khi hòa bình lập lại, thì tôi là một trong những người xướng ra phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Phong trào này, theo tôi lúc đầu chỉ là những đòi hỏi tự do sáng tác của nhóm văn nghệ sĩ. Tôi có nói với anh Trần Dần, anh Văn Cao, anh Tử Phát và anh Hoàng Cầm rằng, bây giờ hòa bình rồi, chúng ta có thể in ra một tập văn thơ mà trong đó mỗi người phải chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình, không ai kiểm duyệt ai cả, và mọi người đều tán thành. Lúc đầu chúng tôi chỉ nghĩ in ra một tập thơ để anh em vui chơi với nhau thôi. Tập thơ được nhà in Minh Đức in ra, anh Minh Đức cũng là người kháng chiến ở Thanh Hóa mới về. Khi tập thơ được in ra thì nó gây một tiếng vang rất lớn mà chính tôi cũng không ngờ được. Lúc bấy giờ đi đâu cũng nghe người ta nói đến bài thơ của anh Trần Dần:

"Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ".

Và mấy câu thơ của tôi:

"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi, như dãy bình vôi

Càng sống càng tồi, càng sống càng bé lại..."

Quyển ấy bị tịch thu.

5/ Thưa, anh không còn giữ lại được bản nào?

LĐ: Không, mà nếu còn thì cũng không giữ được, vì sau này qua giai đoạn đấu tranh mạnh, nhà tôi đã đốt hết các bản thảo và sách vở của tôi. Lúc quyển thơ bị tịch thu thì hai anh Trần Dần và Tử Phát đang ở trong quân đội, để bắt hai anh ấy, người ta gán cho cái tội: vô kỷ luật. Còn tôi thì bị đưa lên Ban Tuyên Huấn kiểm thảo mất mười lăm ngày. Đó là những ngày trước tết năm 1956. Sau đó tôi đến gặp anh Tố Hữu tại nhà riêng, vì anh Tố Hữu là người phụ trách tuyên huấn và tôi trước kia là cán bộ tuyên huấn, chúng tôi rất quen nhau, nhưng tự nhiên nó xảy ra vụ này thì mỗi người đi một đường thôi. Khi đến nơi, thì anh Tố Hữu còn ở trên gác, tôi thấy quyển Giai Phẩm nằm ở trên bàn và bên cạnh bài "Nhất Thắng" của anh Trần Dần thì chằng chịt những dấu hỏi, và bên cạnh câu: "Bay cho cao, bay cho xa" trong bài Ông Bình Vôi của tôi, có ba dấu hỏi và ghi chú: "Bay đi đâu, có phải bay vào miền Nam không?" - Tôi thấy tình hình nguy rồi (Lê Đạt cất giọng cười sang sảng). Tôi nghĩ chúng mình nói đến một chuyện không dính gì đến chính trị cả mà tự nhiên vấn đề trở thành gay go.

Thế thì giai phẩm bị đánh như thế đó, và lúc đó cũng chưa có phong trào gì ở Trung Quốc cả, và giai phẩm mùa xuân cũng chỉ là một tờ báo của anh em văn nghệ sĩ đi kháng chiến về muốn thử một cách sáng tác mới, thế thôi. Khi làm ra tờ Nhân Văn Giai Phẩm chúng tôi có đề ra hai nguyên tắc với anh em: một là mỗi người phải chịu trách nhiệm về sáng tác của mình mà tôi gọi đó là tự do sáng tác, hai là chống lại mọi công thức và sơ lược trong đời sống, các bạn phải biết là lúc ấy, sau khi ảnh hưởng của Trung Quốc lan sang Việt Nam thì cuộc sống công thức và sơ lược vô cùng. Tất cả anh em đều đồng ý. Tờ báo chỉ mang tính cách văn hóa và xã hội thôi, chứ chẳng ai nghĩ đến chính trị cả. Như các bạn đều biết, tất cả chúng tôi đều là những cán bộ kháng chiến. Chúng tôi hãy còn rất trẻ, tôi chỉ mới có 26, 27 tuổi thôi, và chúng tôi chỉ nghĩ đến chuyện đùa chơi, chẳng ai nghĩ đến chuyện tày trời (đó là thời điểm tháng Giêng năm 1956, tết sau hòa bình hai năm).

6/ Cao trào văn nghệ phản kháng bùng nổ vào năm 1956 rồi 1986. Khoảng cách giữa hai cao trào là 30 năm. Theo anh thì những khát vọng của văn nghệ sĩ ngày nay có khác gì những khát vọng của các anh ngày xưa không?

LĐ: Lúc ấy thì cũng chưa có sự phản kháng và chúng tôi cũng không

nghĩ đến sự phản kháng. Chúng tôi đều là đảng viên. Tôi là đảng viên, Trần Đần và Văn Cao cũng là đảng viên, chỉ có anh Hoàng Cầm là chưa vào đảng mà thôi, và các bạn cũng biết bối cảnh lịch sử của đất nước lúc ấy là như thế nào rồi. Người ta đã bắt đầu phát hiện ra những sai lầm của phong trào cải cách ruộng đất, và cũng bắt đầu nhận ra những lỗi lầm về chính trị. Đo bị ảnh hưởng của Trung Quốc, khi tiếp quản những vùng đồng bằng trước khi bị tây chiếm, phần lớn các đồng chí trung kiên và dũng cảm trong các chi bộ đều bị tình nghi là do ngụy cài lại, mặt khác, đại hội đảng lần thứ 20 ở Liên Xô người ta đã phát hiện ra những sai lầm, mặc dù lúc đó tôi đọc được bản báo cáo của Khruchtchev; vì vậy chúng tôi nghĩ là phải làm một số điểm cho chủ nghĩa Cộng Sản được dân chủ hóa hơn. Và chúng tôi đã làm với tư cách của những người Cộng Sản. Những đòi hỏi của chúng tôi là những đòi hỏi chính đáng của nhân dân chứ không bao giờ nghĩ đến sự lật đổ chính quyền. Những đòi hỏi của chúng tôi cũng giống như những đòi hỏi của các văn nghệ sĩ ngày nay, chỉ có một điều khác nhau là chúng tôi đã đòi hỏi quá sớm.

7/ Có phải văn nghệ sĩ ngày nay được cởi trói chính là nhờ những hy sinh khốc liệt của các bậc đàn anh trước đây 30 năm chăng?

LĐ: Cái đó là điều tất nhiên, nhưng chữ "đàn anh" ở đây tôi nghe nó hơi hạn hẹp, phải nói là "thế hệ" hoặc "nhân dân" thì đúng hơn. Tôi thấy dân Việt Nam quá khổ, tôi chưa thấy có một nhân dân nào phải chịu hy sinh nhiều đến thế, và nhân dân Việt Nam đáng được hưởng những thay đổi. Công lao trong cuộc thay đổi ấy có chúng tôi, nhưng cũng có sự góp phần của tất cả nhân dân cả của những người đã nằm xuống trong các cuộc chiến đấu vừa qua.

8/ Cuốn Hèn Đại Nhân của anh ít người có dịp đọc, vậy xin anh sơ lược nội dung để cho độc giả được biết qua.

LĐ: Cuốn Hèn Đại Nhân in ra được 2500 quyển, đối với Việt Nam như vậy là nhiều lắm rồi, vì sách của tôi nên không được quảng cáo rộng rãi, thế nhưng đã bán hết ngay. Đại để là tôi nói đến nhân cách của người văn nghệ sĩ trong thời cuộc bây giờ trước hai sức ép, một bên là tham nhũng của bộ máy quan liêu, một bên là cái cám dỗ của kinh tế thị trường, hàng ngày hàng giờ nó muốn biến mọi người thành hàng hóa.

9/ Tôi không được rõ lắm, hình như anh vẫn thường viết văn xuôi, bỗng lại cho ra rất nhiều bài thơ mà lại là thơ tình nữa, phải chăng đó là một thay đổi hoàn toàn tâm linh của một người đã đánh mất tuổi thơ hay chỉ là một

hình thức khác của một sự phản kháng để đi đến một đổi mới?

LĐ: Tôi là người làm thơ và văn xuôi chỉ là tay trái thôi. Khi tôi làm những bài thơ tình này thì tôi có một ý thức rất rõ rệt: Tôi phải gạt hết mọi vấn đề chính trị qua một bên. Tôi đang thử và đang cố gắng đổi mới cái thơ của nền văn thơ Việt Nam. Tôi không muốn mọi người lẫn lộn hình thức và vấn đề nội dung về chính trị, cho nên tôi ý thức rõ rệt là phải gạt mọi vấn đề chính trị qua một bên, như vậy không ai có thể bảo tôi làm chính trị được, người ta có thể chê thơ tôi là tồi hoặc không hay thế thôi.

10/ *Xin anh cho biết quan niệm của anh về sự liên quan giữa tuổi tác và sáng tác?*

LĐ: Tôi thì bao giờ cũng là người chống lại tuổi trời. Tôi cho rằng người ta trẻ hay không là do người ta có tiếp được cái mới hay không? Tuổi là vấn đề quan trọng chứ không phải là vấn đề quyết định.

11/ *Năm 1957 khi hội nhà văn ra đời thì anh có chân trong hội không?*

LĐ: Tôi là một trong những người đầu tiên có chân trong hội nhà văn.

12/ *Trong thơ anh thường thấy anh nhắc đến "Bích Câu". Vì sao? Phải chăng người trong mộng vẫn quyến rũ anh hơn người trần tục?*

LĐ: Không phải thế đâu, nhưng tôi cho rằng chữ bao giờ cũng là cái bóng, người chơi thơ mà yêu chữ thì trong đời ít nhất cũng gặp được tiên một lần.

13/ Ngày *xưa khi Lê Quí Đôn bàn về thơ thì có nói: "... làm thơ có ba điều chính: một là tình, hai là cảnh ba là sự, thế nhưng theo chỗ tôi nhận xét sau khi đã đọc thơ anh, thì phải thêm vào ba điều trên một điều khác nữa: cách chơi chữ, cách thao tác chính xác của anh trong vấn đề cắt đặt ngôn từ làm cho độc giả ngạc nhiên thích thú. Ví dụ như trong bài Hát Đôi:*

Lốm đốm *nhị* chiều *mai độ* hoa (cắt: nhị độ mai)
Như chữ "cởi" trong câu:
Cô gái trộm sen về ủ tuổi
Lỏng khung cài, gió *cởi* một dòng hương
(Bạch Cư Dị)
Hay:
Nắng tạnh heo mây hoa lạnh
Mimoza chiều khép cánh *mi-môi-xa*
(Mimoza)

v.v. và v.v.

Vậy có phải thuật dùng chữ trong thơ anh là then chốt của sự thành công?

LĐ: Theo tôi thì cái sai lầm của con người là tưởng rằng ngôn ngữ là do trời sinh ra. Nói đến ngôn ngữ, người ta cứ nghĩ tự nhiên nó có. Không phải thế, ngôn ngữ là do con người sinh ra, và con người có thể thay đổi được. Muốn thay đổi cái nếp nghĩ của con người thì việc đầu tiên là phải thay đổi ngôn ngữ, thay đổi cách nói. Tôi cho đó là cách thay đổi căn bản nhất, chứ còn chỉ thay đổi ý nghĩ này bằng ý nghĩ khác, mà vẫn dùng ngôn ngữ cũ thì chẳng khác gì thay đổi dấu trừ bằng dấu cộng và dấu cộng bằng dấu trừ. Cái thay đổi triệt để nhất là thay đổi cách nói.

14/ *Có người bảo là ngâm thơ anh rất khó và hiểu được thơ anh thì chỉ có người Bắc Hà chính cống, thưa như vậy có đúng không?*

LĐ: Tôi nghĩ là có nhiều cách ngâm thế thôi. Bây giờ thì tôi xin trở lại vấn đề chơi chữ, bạn nói đúng nhưng tôi cần phải bổ sung thêm - cái chơi chữ của tôi không phải đơn thuần là chơi chữ, đó là cái chơi của cả một cuộc đời - C'est le jeux du destin - Đó là cái chơi của số phận, của con Tạo. Nếu một nhà thơ chỉ biết chơi chữ thôi, thì theo tôi nhà thơ đó chỉ thuộc vào loại bình thường. Khi chơi chữ như thế là tôi đã đưa cả cuộc đời tôi vào cuộc chơi ấy, và khi chơi chữ tôi có thể đánh mất cả cuộc đời tôi, tôi sẽ trở thành thằng ngọng, thằng rồ, và đánh mất cả một sự nghiệp văn thơ, như bạn đã biết lúc ấy tôi đã là một nhà thơ có tiếng ở Việt Nam - Không phải tôi chơi chữ đâu, nhưng vì mình không có chữ gì khác để diễn tả đấy thôi. Chính vì thế mà tôi không thích Francis Ponge, vì ông ta đứng ngoài cuộc đời, chỉ nghĩ đến việc đùa giỡn cùng với chữ, tôi không thấy ông ta bận tâm về thân phận con người. Một nhà thơ dù chơi gì thì chơi, nhưng có lúc cũng phải đem chính đời mình ra làm trò chơi, như vậy thì tôi phải bảo rằng cách viết của tôi là vừa chơi chữ vừa chơi đời.

15/ *Theo anh thì kinh tế thị trường có ảnh hưởng gì vào giới văn nghệ sĩ không?*

LĐ: Ảnh hưởng rất nhiều. Có một nhà báo ngoại quốc hỏi tôi: "Thế nào thơ hiện đại?" Tôi bảo thơ hiện đại có hai điểm chính: một là vô ích hai là cấp thiết. Vô ích là vì nó chẳng mang lại đồng đôla để tôi có thể nuôi vợ con tôi. Cấp thiết vì nó có thể chống lại mọi mưu toan hàng hóa hóa con người. Tôi nghĩ chắc không thể nào dễ bán tôi được.

16/ *Anh nghĩ thế nào về câu tuyên bố của ông Lech Valessa: "Chủ*

nghĩa cộng sản là một con đường dài nhất để đi từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư bản"?

LĐ: Tôi chưa có dịp nghĩ nhiều về ông Lech Valessa, thế nhưng tôi chắc con người phải tìm ra một con đường. Chủ nghĩa Cộng Sản đã thất bại ở Liên Xô như mọi người đã thấy. Nói như thế không có nghĩa là chủ nghĩa Tư Bản đúng, nếu lý luận như trên thì rất nguy. Vào cuối thế kỷ 20, loài người đang trải qua một cuộc khủng hoảng lớn, ai cũng đòi tự do, nhưng theo tôi thì tự do để làm gì mới là điều quan trọng. Nếu tự do để chẳng làm gì cả, tự do để đi buôn, để đánh bạc, thì thứ tự do đó có ích gì? Theo tôi "Tự do để làm gì?" đó là câu hỏi lớn nhất của loài người hiện nay.

17/ *Dân tộc Việt Nam đã bỏ ra bao nhiêu xương máu để đánh Tây đuổi Mỹ. Nay thời thế bắt buộc nước ta phải mở cửa để họ trở vào, nhiều người cho vậy là bất công với những gia đình đã chịu thiệt thòi vì chiến tranh, và những người nằm xuống. Theo anh thì sao?*

LĐ: Tôi rất thông cảm với ý nghĩ đó của nhiều người, nhưng theo tôi thì nó hơi hạn hẹp vì sự kiện thì giống nhau nhưng tư thế lại khác nhau. Ngày xưa nó vào nước mình, mình là một thằng nô lệ, nay nó cũng lại vào nước mình nhưng mình là một người tự do, hai sự kiện khác nhau mà mình chỉ nghĩ nó vào thôi, thì ý nghĩ đó sai lầm và nông cạn.

18/ *Vừa thoát khỏi bộ máy kiểm duyệt, giới văn nghệ sĩ lại sa vào cạm bẫy của kinh tế thị trường. Cuộc chiến thứ hai này, theo anh có gay cấn hơn cuộc chiến thứ nhất không?*

LĐ: Cuộc chiến nào cũng gay go cả. Nhưng kinh tế thị trường là một cơ quan kiểm duyệt rất gay gắt, nó gay gắt ở chỗ là nó không lộ mặt, và chúng ta đang bị nó thao túng.

19/ *Anh nghĩ sao về các vụ nhà văn, nhà thơ thi nhau mở quán ăn, phải chăng đó là một hình thức phản kháng?*

LĐ: Tôi không nghĩ đó là phản kháng, người ta có nhiều cách phản kháng (*Lê Đạt cất tiếng cười sang sảng*), nhưng thật ra thì anh em cũng túng và nói như nhà thơ Maiakovski thì "Một nhà thơ thiên tài nhất cũng cần ăn" (*lại cười*).

20/ *Ở Paris, những người yêu mến và bạn bè anh rất ao ước được gặp anh, thế nhưng thời gian biểu của anh lại quá sát sao và anh lại vội vã ra về, tại sao?*

LĐ: Chắc tôi có ở đến một năm cũng không thể đi thăm hết mọi

người được. Thật vậy, thời gian của tôi cũng rất hạn hẹp vì cơ quan mời tôi có sắp đặt cho tôi một chương trình làm việc. Và việc vội vã ra về vì trước mắt tôi có nhiều việc phải làm. Tôi còn một truyện ngắn chưa viết xong, và tôi lại hứa với Centre Cultural dịch thơ của tôi để họ còn xuất bản. Và cái gì thèm thuồng cũng rất đáng yêu. Biết đâu Lê Đạt sẽ trở lại Paris và sẽ lãi rong chơi cùng bạn bè.

21/ *Anh thích gì nhất ở Paris?*

LĐ: Tôi thích cả thành phố Paris, vì nó giữ được truyền thống văn hóa của nó và là một thành phố có nhiều ân tình, không lạnh lùng như những thành phố khác mà tôi có dịp đi qua.

22/ *Anh còn muốn nhắn nhủ gì với anh em bên này không?*

LĐ: Đứng về tình cảm thì tôi thấy rất quí, chắc là khi tôi rời Paris thì hành trang sẽ nặng, không phải vì đồ đạc mà vì tình cảm của mọi người đối với tôi, và tôi chỉ mong ở anh em Việt kiều Paris làm sao đối với nhau một cách ấm áp hơn nữa, độ lượng hơn nữa và bạn bè hơn nữa. Bởi vì trong một thành phố rộng lớn như Paris, mà chúng ta có rất ít người thì nhiệm vụ của chúng ta là phải yêu quí nhau hơn. Và tôi mong ước là lần sau khi đến Paris, tôi có thể ở bất cứ nhà người nào mà không làm phiền người khác.

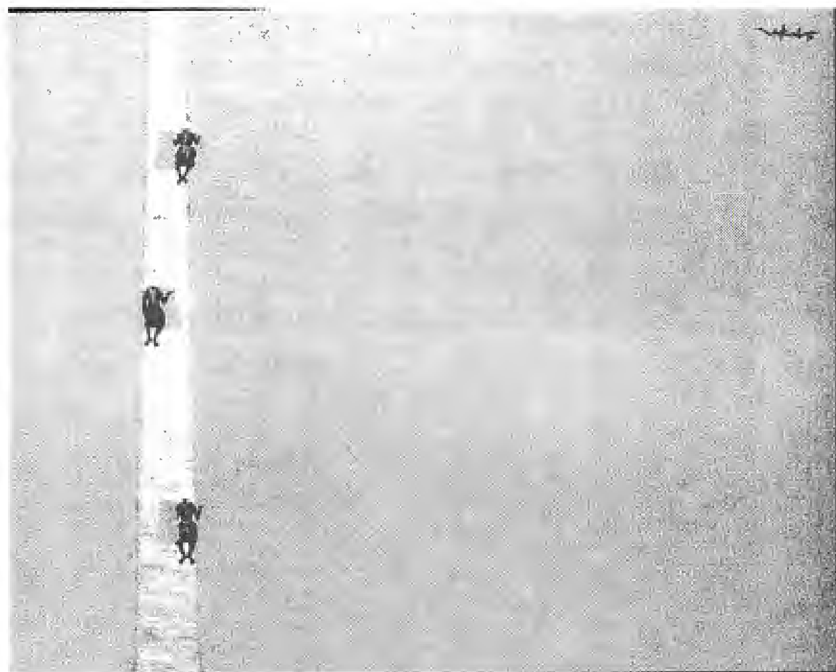
- Thành thật xin cám ơn anh Lê Đạt.

PHAN TAM KHÊ *thực hiện*



NGU YÊN

HỘI HỌA BÊN TRONG VIỆT NAM



Mùa Vàng (1997), Võ Tá Hùng, *sơn dầu 105X134cm*

Từ năm 1985, khi chính quyền Cộng Sản bắt đầu chính sách Đổi Mới, những chỉ đạo và cưỡng bách trong sáng tác nhẹ dần đi hoặc ngấm ngầm chuyển sang những dạng quyền lực khác. Trong các ngành nghệ thuật, hội họa và âm nhạc đã nhanh chân theo sát bóng kinh doanh, chiếm nhiều ưu thế trong nội địa cũng như ra hải ngoại. Nhất là hội họa, nhờ xử dụng một loại "ngôn ngữ" quốc tế nên sự phát triển xa hơn âm nhạc. Kiếm được tiền,

dòng nghệ thuật thương mãi lớn mạnh. Nhờ vậy nuôi được những nghệ sĩ chân chính muốn sáng tác những tác phẩm có giá trị. Tuy nhiên, nhiều nhà phê bình ghi nhận những tác phẩm có giá trị nầy còn "hốt hoảng" vì sự thay đổi bất ngờ.

Tại sao gọi là bất ngờ?

Sự đổi mới lúc đầu được nhìn ngắm như là cái bẫy. Người Việt bản tính hoài nghi lại thích tụ tập bàn tán đặt ra nhiều giả thuyết và lập luận, thích bi kịch hóa mọi chuyện xảy ra xung quanh, thường thích thú khi điều suy nghĩ lý luận của mình làm người khác sợ hãi và cuối cùng thường tin luôn những điều do chính mình đặt ra. Những nghệ sĩ còn bị tấm gương Nhân Văn Giai Phẩm ám ảnh, nên không mấy ai thật sự tin vào chính sách Đổi Mới, kể cả những nghệ sĩ công bộc. Cho đến khi họ phát giác chính quyền buộc phải chấp nhận tình trạng đổi mới để sống còn. Bất ngờ quá. Khoan khoái quá. Hăng hái quá. Họ lẫn lộn. Họ bối rối. "Sự tự do mới này mang lại những thử thách mới cho giới nghệ sĩ dù tác phẩm của họ thuộc về Ấn Tượng hay Trừu Tượng, Thể Nghiệm hay Cổ Điển". Hội họa hiện đại hoặc hiện nay ở Việt Nam như thế nào?

Hội họa Việt Nam thời hiện đại có thể xem như bắt đầu từ 1925 khi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương ra đời cho đến hiện nay. Đa số họa phẩm của họa sĩ Việt chịu ảnh hưởng của hội họa Pháp, nhất là phái Ấn Tượng và Hậu Ấn Tượng. Trộn lẫn những nét đặc thù của Đông phương như nét vẽ đơn sơ của tranh Thủy Mặc, không gian tỉnh lặng của tinh thần Thiền Tông, những suy tư của Tam giáo...............Trong những thập niên về sau, họa phẩm Việt có thể phân ra nhiều nhánh chính dựa theo sự ảnh hưởng từ Lập Thể qua Trừu Tượng, Tượng Trưng cho đến Phong Cảnh. Nói chung ngoại trừ những cá nhân xuất sắc mang được phong cách sáng tạo riêng lên khung bố, nền hội họa Việt Nam vẫn nằm trong hành trình diễn tiến chậm, theo sau, bị thần tượng hóa bởi các danh họa thế giới và có lẽ trì trệ nhất là tinh thần mặc cảm.

"Từ năm 1991 trở đi, tiếng đồn về nền hội họa hiện đại Việt Nam đã lan tràn không những ở địa phương mà còn lan rộng quanh thế giới. Hội họa quốc tế rất thích thú trong khám phá những họa phẩm ở các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng.... Rất nhiều bàn tán về sự "'Bùng Nổ' của nền hội họa ở Việt Nam" (Asian Art News, Vietnamese Appearances. Nguyễn Quân).

Trong thập niên 90 này, ngoại trừ những người yêu mến hội họa đã về tận Việt Nam truy lùng thưởng ngoạn, đã có rất nhiều cuộc triển lãm



Sơn dầu 1997, 85x 100 cm., Đỗ Quang Em.

từng nhóm hoặc cá nhân của các họa sĩ Việt Nam ở Âu Châu và trong vài khuôn viên đại học ở Mỹ. Sự chú ý của người ngoại quốc về tranh Việt trước hết là do sự tò mò của lòng yêu hội họa hoặc lòng độ lượng của người dư văn hóa. Ở diện khác, đây là sự cố gắng của một số người muốn phát triển hoặc giới thiệu nền hội họa Việt hiện nay đến thế giới.

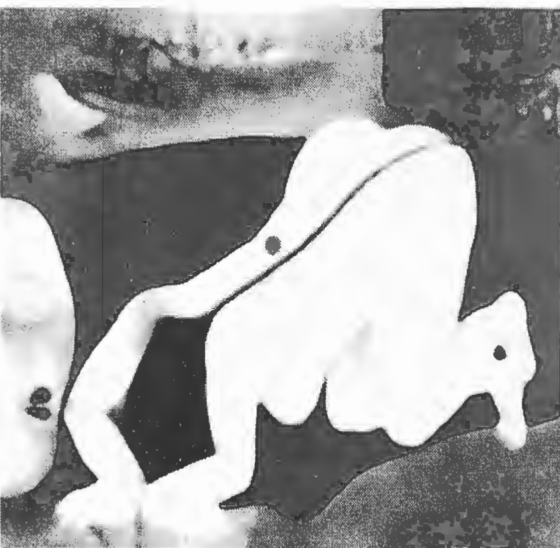
Trong bài giới thiệu khái quát này, chúng tôi trích in một số tranh của các họa sĩ Việt Nam, không dựa trên tiêu chuẩn nào, chỉ cốt chọn những tranh vẫn còn tương đối dễ nhìn khi chuyển sang trắng đen.



Con Gái và chim, *sơn mài 80x70cm,* Hồng Việt Dũng

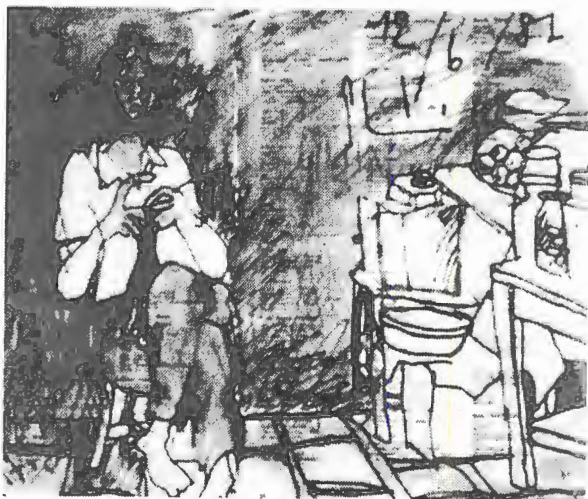


Con Trai và lá sen,
sơn mài, 80x80cm
(1997), Hồng Việt Dũng

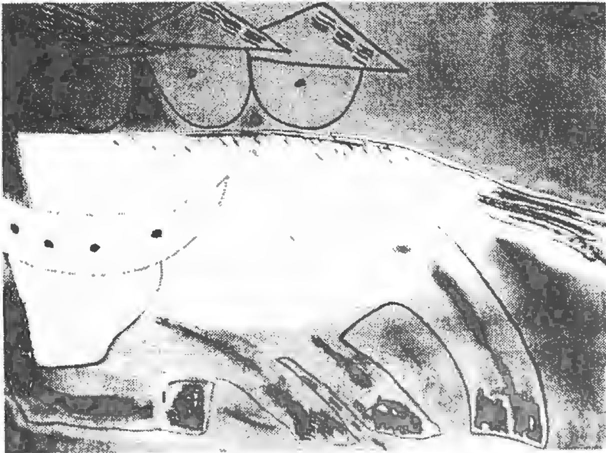


Mad Woman, 1997,
88x100cm, Nguyễn Quân

Sơn dầu
150x150,
Bùi Hữu Hùng



Vô Đề,
bột màu trên giấy bào,
30x40cm,Bùi Xuân Phái



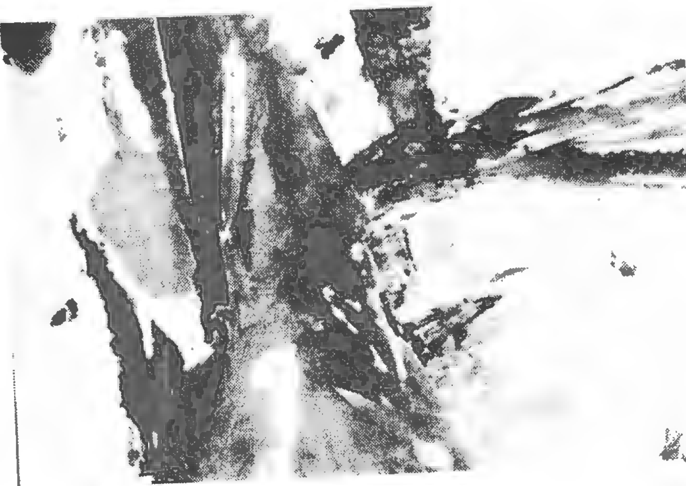
Xuân hát,
lụa 65x65cm,
Nguyễn Bảo Toàn



Khỏa thân,
sơn mài 160x100cm
Đình Quan



Trâu nước,
sơn mài 95x110cm
Nguyễn Sĩ Bách



Người đàn bà trong gió
Màu Nước 50x70cm,
Thúy



I and Me, *sơn mài 160x110cm* Thành Chương

thơ LÊ ĐẠT

TỪ TÌNH EPPHEN

Tạp chí THƠ xuất bản
P.O.BOX 1745, Garden Grove, CA 92683. USA



TRẦN DOÃN NHO

Tuyển Tập "NHỮNG TRUYỆN NGẮN HOA KỲ HAY NHẤT NĂM 1997"*



Tuyển tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất Hoa Kỳ 1997" (The Best American Short Stories 1997) * xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1915 và từ đó đến nay, tuyển tập được ấn hành đều đặn hàng năm, bao gồm những truyện ngắn hay nhất của năm trước đó. Chủ bút đầu tiên của tuyển tập là Edward J. O'Brien. Kế đó là Martha Foley. Foley qua đời năm 1977. Người kế tục là Shannon Ravenel. Chủ bút hiện nay là Katrina Kenison, đảm nhiệm chức vụ từ năm 1990. Hai người chủ bút đầu tiên tự mình chọn lựa truyện để đưa vào tuyển tập. Đến thời Ravenel, ông thay đổi phương pháp làm việc bằng cách mời thêm một nhà biên tập khác giúp chọn lựa lần cuối cùng. Kenison theo phương pháp này. Bà đọc hết những truyện ngắn đăng tải trong khoảng 250 tạp chí văn học lưu hành toàn quốc có đăng truyện ngắn. Sau đó, bà chọn ra khoảng 120 truyện và chuyển cho bà E. Annie Proulx, một nhà biên tập khách (guest editor) được mời để chọn lựa lần cuối 21 truyện hay nhất đưa vào tuyển tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất Năm 1997".

Kenison cho biết năm nay, bà bắt đầu đọc truyện phát hành trên mạng lưới Internet. Tuy nhiên, tuyển tập này chưa đăng truyện nào lấy từ Internet, vì theo bà, cho đến nay, những truyện ngắn hay nhất vẫn thường xuất hiện trên các tạp chí văn chương dưới hình thức in. Đồng thời, bà cũng

cho hay, trong lúc thế kỷ 21 đang đến gần, bà dự tính sẽ cho ấn hành một tuyển tập đặc biệt gồm những truyện ngắn hay nhất lựa ra từ những tuyển tập đã ấn hành từ năm 1915. Tuyển tập này sẽ ra mắt ngay đúng vào đêm giao thừa của hai thiên niên kỷ.

Những truyện ngắn hay nhất được chọn đăng ở tuyển tập là những truyện ngắn: - được đăng tải trên các tạp chí văn chương định kỳ của Canada và Hoa Kỳ phát hành toàn quốc. -viết bằng tiếng Anh của những nhà văn Mỹ hoặc Canada, hoặc bất kỳ nhà văn nào chọn Mỹ hoặc Canada làm quê hương. - được chính tác giả xem là truyện ngắn, chứ không phải là trích đoạn từ truyện dài.

Nhận xét về truyện ngắn, nhà biên tập khách E. Annie Proulx viết: "Truyện ngắn là một hình thức văn chương khó khăn, đòi hỏi nhiều sự chú ý để kiểm soát và cân đối hơn truyện dài. Nó là sự chọn lựa của hầu như mọi nhà văn khi mới bắt đầu viết lách, vì bị lôi cuốn bởi sự ngắn gọn của nó, sự gần gũi bên ngoài của nó đối với những chủ đề đơn giản, hoặc ngay cả xem chức năng của nó như một nơi thử nghiệm tài năng trước khi viết truyện dài hàng mấy trăm trang. Những truyện ngắn kết thúc lửng lơ (casual endings) lần đầu tiên xuất hiện trên The New Yorker nhiều thập niên trước đây - những truyện, theo Randall Jarrel, không chấm dứt mà chỉ tạm dừng - hình như cho nhà văn những lối ra dễ dàng, mặc dầu lối kết thúc mềm này, nếu không khéo, có thể biến một truyện ngắn thành một giai thoại" (tr. XVI, phần Dẫn Nhập).

Từ đó, bà cho rằng lối kết thúc này hình như góp phần vào việc tái định nghĩa truyện ngắn Hoa Kỳ như là một trích đoạn từ một cuộc đời, một hồi ức hay một truyện dài. Một số lượng lớn những truyện ngắn chỉ là trích đoạn từ các tác phẩm dài hơn. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, tuyển tập chỉ chọn những truyện được tác giả xem là truyện ngắn, mặc dù, một số truyện này sau đó được tác giả phát triển thành truyện dài..

Annie Proulx cho biết sự chọn lựa cuối cùng những truyện in trong tuyển tập này dựa trên ưu điểm và sức thuyết phục của câu chuyện, văn hay, cân đối về mặt cấu trúc và nói lên được những kinh nghiệm sâu sắc của cuộc nhân sinh.

*

Tuyển tập gồm 21 truyện ngắn của 21 tác giả được đăng tải trên các tạp chí văn chương nổi tiếng như *The Paris Review, The New Yorker, The Southern Review, The Atlantic Monthly* và một vài tạp chí khác như *The Oxford American, The Yale University.* Tất cả các tác giả đều là những nhà

văn thành danh. Người nào cũng đã có tác phẩm xuất bản từ những năm trước đó. Nhiều người đoạt được những giải thưởng văn chương ở Hoa Kỳ như Ha Jin (giải *PEN/Hemingway Award & Flannery O'Connor Award*), Robert Stone (giải *National Book Award*), Richard Bausch (giải *Award in Literature* của Viện Hàn Lâm Văn Học Nghệ Thuật Hoa Kỳ), June Spence (giải *Willa Cather Award*), Cynthia Ozick (giải *Rea Award*). Một số là giảng viên tại các trường đại học như Ha Jin, Robert Stone, Michell Cliff, Pam Durban, Tobias Wolff, Alison Hagy.

Tuyển tập được sắp xếp theo 4 đề mục:

- **Manner & Right Behavior** (Cách Xử Sự): gồm những truyện đề cập đến sự phản bội, nói dối, lừa gạt.

-**Identifying The Stranger** (Nhận Biết Người Lạ): đề cập đến sự phát hiện lý lịch hoặc trạng thái tâm lý, tình cảm, tinh thần của Người Chưa Quen Biết (The Unknown One) xuất hiện trong cuộc sống.

-**Perceived Social Value** (Các Giá Trị Xã Hội): đề cập đến sự phân ly gia đình, sự chết, ly dị, phân biệt chủng tộc

- **Rites of Passage** (Nghi Lễ Vượt Giai Đoạn): gồm những truyện đề cập đến sự khởi đầu, sự chuyển dịch từ tuổi thơ đến tuổi trưởng thành, và những chặng khác của đời sống, những nghi lễ tôn giáo.

Ngoài các phần trên, tuyển tập còn để dành phần cuối khá thú vị gọi là "Contributors' Notes". Phần này, ngoài một số giòng tóm tắt tiểu sử tác giả, còn ghi lại lời phát biểu riêng của tác giả về cách dựng truyện, các chi tiết hiện thực giúp chất liệu để xây dựng truyện, những điều tác giả muốn gửi gắm qua truyện. Qua phần này, chúng ta thấy hầu như tất cả các truyện đều được tác giả lấy chất liệu từ cuộc sống của mình hay chung quanh mình. Có tác giả cố gắng ghi lại thật đầy đủ nhiều dáng vẻ của cuộc sống để nói lên sự sống động của nó. Có tác giả lấy những chi tiết đó để tô vẻ cho cách đánh giá của mình về hiện thực.

*

Về phương diện kỹ thuật, tôi cho rằng tất cả các truyện trong tuyển tập không thể hiện một khám phá mới mẻ nào. Truyện nào cũng có độ dài vừa phải, vừa đủ để tác giả muốn nói hết đôi điều muốn nói, và đủ để độc giả không nhàm chán và sốt ruột. Không có loại truyện thật ngắn, như ta thường thấy xuất hiện gần đây trên một số tạp chí văn học Việt Nam. Truyện có nhân vật chính, phụ , có bố cục chặt chẽ, cân đối và theo một trình tự dễ hiểu. Hầu hết các tác giả đều có một lối hành văn giản dị, trong sáng, để cho câu chuyện diễn tiến một cách tự nhiên qua các sự kiện, hành

động và đối thoại. Không có những màn độc thoại nội tâm dài dằng dặc, cũng như không có những nhận xét triết lý vớ vẩn chen vào giữa truyện. Trừ những truyện có tính cách hồi ức, hầu hết các tác giả đều xử dụng đối thoại, vừa như một cách thông tin vừa như để biểu lộ các trạng thái tâm lý.

Về nội dung, nhận xét đầu tiên của tôi là trong tất cả các truyện, hầu như vắng bóng những đề tài nóng bỏng của xã hội Hoa Kỳ hiện nay: xung đột, kỳ thị chủng tộc, đồng tính luyến ái, xung đột gia đình (domestic violence) đưa đến những bi kịch lớn như con giết cha mẹ, cha mẹ giết con, những rối loạn trong học đường, những hư hỏng của lớp trẻ vị thành niên. Nói khác đi, truyện hoàn toàn xa lạ với những tin tức chúng ta nhận được hàng ngày trên các hệ thống truyền thông. Đặc biệt, không có truyện nào có tính "sex". Chẳng những thế, có truyện lại nhuốm vẻ đạo đức kiểu cũ. Thực ra, cũng có hai truyện phảng phất chút "thời sự". *"Killing Babies"* của Coraghessan Boyla nói đến việc phá thai vốn đang là đề tài tranh cãi ở Hoa Kỳ và các nước Âu Châu. Có điều, truyện không đề cập đến ngay vấn đề phá thai, mà chỉ mô tả các hành vi bạo động liên hệ đến chuyện đó mà thôi. *"Missing Women"* của June Spence mô tả một vụ mất tích tập thể của ba người đàn bà, những vấn đề phát sinh từ đó và sự bất lực của chính quyền địa phương trong việc tìm ra manh mối. Điều này nhắc ta đến nhiều vụ mất tích khá bí ẩn hiện nay trong xã hội Hoa Kỳ, chẳng bao giờ tìm ra manh mối.

Có lẽ chỉ trừ truyện *"Air Mail"* đề cập đến cuộc hành trình về phương Đông tìm chân lý của một thanh niên Mỹ, hầu hết các truyện đều không đưa ra một chủ đề nào lớn. Tất cả chỉ xoay quanh những mẩu, những mảnh đời sống vụn vặt hàng ngày, những xung đột, va chạm, những yêu thương, hờn giận rất "đời thường". Sự khác biệt về sở thích cá nhân bào mòn dần tình yêu của một cặp vợ chồng trẻ trong một chuyến du lịch châu Âu (*Bob Darling* của Carolyn Cooke) ; tâm trạng buồn vui lẫn lộn của một bà mẹ có con gái chậm phát triển vừa đi lấy chồng (*Eternal Love* của Karen Bender); một người đàn ông đột nhiên yêu đắm đuối một cô gái điếm tình cờ gặp, nhưng bị từ chối vì cô ta chỉ yêu thích nghề làm điếm (*A Girl with A Monkey* của Leonard Michaels); tâm trạng của một đứa trẻ con có một người cha độc đoán, ích kỷ và thiếu đạo đức (*Fiesta* của Junot Díaz); Hồi ức của một người con gái về mẹ mình bị ám ảnh suốt đời bởi cái chết bí ẩn của một người anh họ mà bà yêu từ hồi còn nhỏ (*From Willow Temple* của Donald Hall). Lạ hơn một chút, ta có truyện một anh chàng tiểu thương không con, mua được một đứa con gái thổ dân với giá hời, hóa ra bị lừa(*Transactions* của Michell Cliff); một cô gái Nga giả mạo giấy tờ để được qua Mỹ, luôn luôn bị ám ảnh bởi công an mật vụ nhà nước Cộng Sản,

nhưng không chịu ở lại Mỹ xin tỵ nạn, mà lại kiếm tiền trở lại Nga để sống với người yêu (*Save My Child* của Cynthia Ozick).

Tôi chú ý một số truyện sau:

* *Saboteur* (Kẻ Phá Hoại): Truyện do Ha Jin, một nhà văn Mỹ gốc Trung Hoa viết. Ông hiện đang dạy tại đại học Emory, Atlanta. Ông đã xuất bản hai tập thơ và hai tuyển tập truyện ngắn.

Nhân vật chính là giáo sư Chiu. Trên đường đi hưởng tuần trăng mật về với cô vợ mới cưới , ông dẫn vợ ghé vào một tiệm ăn. Trong lúc đang ăn, một tay công an ngồi bàn kế bên ném một tách trà về phía hai người và làm ướt giày cô vợ. Ông Chiu cự nự với tay công an về hành vi thiếu lịch sự đó. Thay vì nhận lỗi, tay công an lại ra lệnh thuộc hạ bắt ông Chiu, nhốt ông trong phòng thẩm vấn, và bắt ông ký nhận tội phá hoại. Ông không chịu ký. Vợ ông nhờ một luật sư trẻ tuổi, học trò của ông Chiu đến can thiệp, nhưng anh ta cũng bị bắt luôn. Rốt cuộc, vừa bị thuyết phục vừa bị đe dọa, ông Chiu phải ký giấy nhận tội "phá hoại" để được trả tự do. Quá tức giận, ông Chiu nghĩ ra một cách trả thù rất độc đáo: truyền bệnh viêm gan mà ông đang mắc cho nhiều người cùng bị bệnh.

"Ông Chiu lần lượt mua bún, hoành thánh, cháo, xúp gà tại bốn tiệm ăn khác nhau. Trong khi ăn, ông tiếp tục lẩm bẩm qua kẽ răng: "Giá mà tao giết hết được cái bọn thối tha đó!". Ở quán ăn cuối cùng, ông chỉ húp một ít xúp mà chẳng đụng gì đến thịt gà và nấm"

Sau đó thì: "Trong vòng ba tháng, trên tám trăm người bị nhiễm bệnh viêm gan ác tính ở thành phố Muji. Sáu người chết, kể cả hai trẻ con. Không ai biết bệnh đã xuất phát như thế nào" (tr. 13)

Chủ đề tư tưởng muốn nói lên trong truyện này, theo tác giả, là "Ông Chiu lúc đầu vô tội, nhưng khi đã bị quy cho là kẻ phá hoại, ông bắt đầu thay đổi. Cuối cùng, ông trở thành phá hoại thật sư. Tội ác là cái tiềm ẩn bên trong. Những người Cộng Sản vốn là những nạn nhân, nhưng khi cho họ có cơ hội, họ sẽ trở thành những kẻ áp bức" (Contributors'notes, tr. 349).

* *Eternal Love* (Tình Yêu Vĩnh Cửu). Tác giả là một phụ nữ, bà Karen E. Bender. Truyện của bà đăng trên các tạp chí Granta, The Iowa Review, The Kenyon Review.

Nhân vật chính là Ella. Bà có một đứa con gái tên là Lena. Lena bị bệnh chậm phát triển nên mãi đến năm 30 tuổi, cô mới có bạn trai, tên là Bob. Sau một thời gian tìm hiểu dưới sự giám sát kín đáo Ella và chồng là ông Lou, cô và Bob quyến định làm đám cưới. Ella theo dõi cuộc tình của con trong một tâm trạng vui, buồn lẫn lộn với lo âu. Dù cũng sung sướng vì thấy con gái có đôi, nhưng bà cảm thấy cô đơn vì Lena cứ như xa dần khỏi

bà. Sau lễ cưới tại nhà thờ Eternal Love, hai vợ chồng già theo đôi vợ chồng mới cưới đi hưởng tuần trăng mật. Tại khách sạn, Ella buộc hai vợ chồng phải ở riêng trong hai ngày đầu, Lena ngủ với bà còn Bob ngủ với ông Lou, để bà có dịp dặn dò con gái về những điều cần thiết khi làm vợ. "Ella nói chuyện về tình dục với Lena ở trong một phòng đợi yên tĩnh nằm kế sòng bài chính của khách sạn El Tropicale. Cô con gái ba-mươi-tuổi của bà ngồi một cách kiên nhẫn, tay vân vê cái túi nhựa nhỏ đựng tiền lẻ có khắc giòng chữ: LAS VEGAS: THÀNH PHỐ CỦA MAY MẮN. Ella bắt đầu: - "Con bây giờ đã là một người vợ". - "Có đôi điều mẹ có thể giúp con chứ.". Cô con gái mỉm cười. - "Trước hết". Ella nói, rồi ngừng lại. "Mà này, con cảm thấy ra sao khi Bob hôn con?" - "Con cảm thấy miệng ươn ướt". - "Vậy thì con... con có thích không?" - - "Con thích". Lena ngừng lại. "Thỉnh thoảng anh ấy rà lưỡi anh ấy vào sâu trong miệng con, con không thích thế". Một tấm bảng quảng cáo trước Canary Room viết: "8 giờ tối nay: Hilo và ban nhạc Hạ Uy Di". Những người du lịch ồn ào ùa vào phòng đợi để qua sòng bài. - "Những người đã làm lễ cưới rồi nằm trần truồng trên giường, Lena a". Ella nói. - "Trần truồng". Lena nói kèm theo một tiếng rít nhỏ. Ella cảm thấy như có cái gì to lớn chậm rãi đổ sập vào lòng bà. - "Đừng sợ con ạ." Bà nói, cố giữ giọng mình thật dịu dàng. "Đó mới chỉ làngoài da". - "Con thích anh ấy sờ vào đây". Lena nói, tay đưa lên ép chặt ngực. - "Nó làm chuyện ấy ở đâu?" - "Trong phòng tắm". Cô khúc khích. - "Đừng thế." Ella nói. "Con không được làm như thế trong phòng tắm. Con không được làm thế ở bất cứ nơi công cộng nào. Con chỉ làm cái đó trong phòng ngủ. Ngoài ra là không được". -"Chỉ trong phòng ngủ của con". Lena lập lại." (tr. 117) Sau khi dặn dò kỹ lưỡng mọi điều, bà mẹ mới chịu để cho con gái mình về ngủ chung với người chồng mới cưới. Đêm đó, hai vợ chồng già thao thức, phập phồng chờ đợi. Nửa đêm, nghĩ là mọi chuyện đã xong, Ella mở cửa phòng ngủ con gái để chắc rằng con mình vừa bước qua ngưỡng cửa đời con gái một cách an toàn. Bà giúp con gái mọi thứ như người y tá săn sóc bệnh nhân sau một ca giải phẫu quan trọng. Khi cửa phòng con gái lại khép lại, bà trở về phòng mình, uống một cốc rượu và thấm thía nỗi cô đơn. "Bà đến với Lou và hôn ông. Họ hôn nhau trong căn phòng sạch sẽ, xa lạ, bao quanh bởi những chụp đèn, ra trải giường, bàn trang điểm chẳng là của họ. Bà để cho chồng hôn lên cổ, lên ngực, lên đầu gối, đủ mạnh để xóa tan đi hình ảnh của Lena. Bà không muốn nghĩ là bà đã bị bỏ rơi. Bà không muốn nghĩ là cánh cửa đóng lại sau lưng Lena khiến cho bà quay lại với chồng" (tr. 132).

Air Mail (Thư Hàng Không). Tác giả là Jeffrey Eugenides. Nhân vật chính là một thanh niên con nhà giàu tên là Michell được cha mẹ cho tiền

làm một chuyến du lịch về phương Đông. Anh cùng bạn và một vài thanh niên Âu Châu và Úc đến trú tại một cái lều nhỏ trong một đảo hoang ngoài khơi vịnh Thái Lan. Dù bị đau, anh quyết định nhịn ăn theo kiểu thánh Gandhi, tập thiền định và thuyết phục một cô gái Đức cùng làm như thế. Từ nơi này, anh liên lạc với cha mẹ bằng cách gửi thư, trong đó, anh ghi lại những cảm nghĩ của anh trong chuyến đi. "Tôn giáo phương Đông dạy rằng tất cả chuyện trên đời đều là ảo ảnh. Cái đó bao gồm mọi thứ, nhà cửa, mỗi một bộ áo quần của ba, mỗi một giỏ treo cây trồng của mẹ - tất cả đều là tuồng ảo hóa (maya), theo Đức Phật. Phạm trù này dĩ nhiên cũng bao gồm cả thân thể. Và có một ít điều con đi đến chỗ tin tưởng. Và rồi thử nghiệm. Một trong những điều đó là chúng ta có thể kiểm soát cơ thể chúng ta bằng chính tinh thần của chúng ta. Có những nhà sư Tây Tạng có thể dùng tinh thần để điều hòa cơ chế sinh lý của họ. Họ chơi trò gọi là "Bàn tay tuyết". Họ để một cục tuyết trên lòng bàn tay, rồi ngồi thiền, tập trung chuyển tất cả sức nóng bên trong vào bàn tay. Ai làm tan cục tuyết trước, người đó sẽ thắng" (tr. 235-236) Michell tin tưởng ở phương pháp nhịn đói để chữa bệnh. Vì thế, dù bị kiết nặng, anh vẫn tiếp tục nhịn đói chứ không chịu dùng thuốc và ăn. Anh viết: "Thật khó mà tin được là biết bao nhiêu năng lực bị mất đi cùng với hành vi tiêu hóa thức ăn. Thay vì làm một vài phép xưng tội, nhịn đói thực sự là một phương pháp khoa học và đứng đắn để làm dịu lại cơ thể, để tắt bộ máy cơ thể. Và khi cơ thể tắt, tinh thần sẽ vận chuyển. Kinh Sanskrit gọi là Moksa, nghĩa là một sự giải thoát hoàn toàn khỏi cơ thể." (tr. 239) Khác với cô gái Đức, Michell cảm thấy khỏe và rất thoải mái. Anh tiếp tục nhịn đói cho đến khi cảm thấy khỏe hẳn. Mọi người trên đảo kéo đến chúc mừng anh và mang thức ăn, thuốc men đến cho anh. Đêm đó, một bữa tiệc được dọn ra ngoài trời, dưới ánh sáng trăng. Cảm thấy hưng phấn , anh bơi ra ngoài biển, lúc đầu với người bạn, sau bơi ra thật xa một mình. "Có một cái gì thoát ra khỏi anh, thoát hẳn. Anh cảm thấy bên trong anh hoàn toàn trống không. Cảm giác gây ra bởi nước trượt qua anh không còn khiến anh đau hay khó chịu nữa. Nó đã trở thành một giòng đều đặn của bản chất anh trôi vào thiên nhiên. Lát sau, Michell cảm thấy như thể anh đang rơi sâu vào trong nước và không còn cảm giác gì về mình nữa cả. Anh chẳng còn là người ngắm trăng và nghe tiếng chuông nữa. Tuy nhiên, anh biết rõ chúng. Trong một thoáng, anh nghĩ anh nên báo tin cho cha mẹ anh, nói với họ rằng đừng lo gì về anh nữa. Anh đã tìm thấy thiên đàng ở bên kia hòn đảo. Anh cố gắng thu hết sức lực đọc một lời nhắn tin sau cùng, nhưng ngay sau đó, anh nhận ra rằng chẳng còn cái gì ở nơi anh để thực hiện điều đó - chẳng còn gì cả- chẳng còn ai để giữ một cây bút hoặc gửi lời báo tin cho những người anh yêu

mến, những người sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi anh" (Tr. 249) Michell chết trong biển như một người đã giác ngộ. Tác giả cho biết ông đã "viết câu chuyện, trong đó, cái chết và sự giác ngộ là không thể phân biệt được" (Contributors' Notes, tr. 358)

*

Những truyện ngắn trong tuyển tập *"Những Truyện Ngắn Hoa Kỳ HaB Nhất Năm 1997"* tất nhiên là hay. Giá trị của những tuyển tập như thế này không có gì đáng phải bàn cãi. Chúng tồn tại đã 80 năm nay. Nhưng theo thiển ý, một số truyện không hay bằng nhiều truyện ngắn Việt Nam hải ngoại hiện nay. Tôi tự hỏi: tại sao chúng ta không thực hiện một tuyển tập truyện ngắn như thế hằng năm? Từ ý nghĩ đó, thay cho phần kết, tôi xin đưa ra một đề nghị: thực hiện một tuyển tập *"Những Truyện Ngắn Việt Nam Hải Ngoại Hay Nhất"* hàng năm, trước mắt là *"Những Truyện Ngắn Hải Ngoại Hay Nhất Năm 1998"*. Các nhà xuất bản, nhà văn, nhà biên khảo và quý vị mạnh thường quân cũng như những kẻ yêu văn chương nghĩ sao?

TRẦN DOÃN NHO
(6/98)

(*) Seleted from U.S and Canadian Magazines by E. Annie Froulx with Katrina Kenison. Houghton Mifflin Company Boston. New York 1997



HỒ TRƯỜNG AN

ĐỌC "SƯ PHỤ" CỦA TRẦN LONG HỒ



Sau khi quyển "Ông Kỳ Lân" ra đời được gần một năm, Trần Long Hồ vừa cho ra mắt quyển "Sư Phụ". Đây là tập truyện ngắn huyền thoại gồm có 6 truyện, trong đó có một số truyện đã được đăng rải rác trên các báo văn học.

Khi viết loại truyện tâm linh, Trần Long Hồ không phải thuần túy dựa vào kinh nghiệm tư duy riêng tư, mà anh lấy tư tưởng của Lão Tử trong "Đạo Đức Kinh" làm kim chỉ nam, làm địa bàn để dệt những giả tưởng, những huyền thoại cho tác phẩm của mình. Song từ tư tưởng Lão Trang, anh tư duy theo cái sở tri của anh, theo kinh nghiệm của anh để tác phẩm thấm nhuần tinh thần sáng tạo hơn.

Chúng ta hãy trở về thời dĩ vãng xa xăm mịt mù, khi mà ngài Lão Tử (cũng gọi là Lão Đam) cưỡi con trâu xanh ung dung đi vân du khắp phương Nam nước Tàu. Và trước khi đến phương Tây, tại cửa ải Hàm Cốc, ngài có trao cho một vị quan lệnh (kẻ giữ cửa ải) quyển "Đạo Đức Kinh" để phổ biến trong dân gian.

Đạo Lão căn cứ vào cái VÔ, vào cái gọi là "vạn pháp quy nhất" (muôn sự quy về một). Con trâu mà ông cưỡi trong một số tranh Tàu thì có hai sừng, nhưng trong một vài truyền thuyết nó chỉ có một sừng. Một sừng ở đây là một tượng trưng, một ẩn dụ. Đó ám chỉ cái nhất thể, cái then chốt vạn pháp quy nhất, quay về cái VÔ (xin được viết chữ hoa từ đầu tới cuối). VÔ theo Lão Tử là cái có một không hai, cái nguồn cội đưa chúng ta vào ĐẠO (cũng xin viết chữ hoa từ đầu tới cuối). ĐẠO vốn khó nghĩ khó bàn, chúng ta không thể nói năng và mường tượng ĐẠO được, chỉ có vấn đề chứng được ĐẠO hay không thì mới biết rõ ĐẠO được. Cho nên ĐẠO vốn

không có tên nên miễn cưỡng gọi là ĐẠO. Đó là cái giả danh. Bởi thế, trong "Đạo Đức Kinh" có câu khởi đầu là: "ĐẠO khả ĐẠO phi thường ĐẠO", tức là ĐẠO mà được gọi rằng ĐẠO không phải là ĐẠO thường. Nó cũng được hiểu theo câu: "Cái LÝ mà chúng ta dùng để lý luận không phải là cái LÝ VĨNH CỬU của thiên nhiên". ĐẠO hay LÝ ở cái nghĩa thật rốt ráo, thật tận gốc không phải là thứ để chúng ta lý luận bằng ngôn ngữ và để chúng ta mường tượng được bằng khái niệm.

Cũng vậy, bên đạo Phật, Niết Bàn là cái thực thể của muôn loài (vạn pháp). Con người làm sao hiểu được Niết Bàn nếu chưa chứng được Niết Bàn? Niết Bàn mà ta nghĩ tới chưa phải là Niết Bàn thực sự mà là Niết Bàn đối đãi với Địa Ngục, còn ở trong vòng khái niệm chúng ta. Niết Bàn thật sự là cái vượt ra khỏi khái niệm chúng ta; chúng ta chỉ mượn đỡ cái tên Niết Bàn để gọi cái mà ta chỉ mường tượng được. Đó là cái giả danh. Chừng nào ta thực chứng vào Niết bàn ta mới biết được Niết Bàn ra sao. Đức Thích ca và ngài Lão Đam gặp nhau ở điểm nầy.

Từ thời Xuân Thu, thời Chiến Quốc có biết bao người suy gẫm và hành trì "Đạo Đức Kinh", cho nên tâm thức của các Đạo gia đã thấm nhuần cái VÔ của Lão Tử. Đến khi Sơ tổ Thiền Tông là Bồ-đề Đạt-ma từ bên Thiên Trúc (Ấn Độ) sang qua Trung Nguyên (Tàu) vào thời vua Lương Võ Đế ở Kim Lăng, rồi lên Lạc Dương vào triều đại vua Hậu Ngụy Minh Đế để rồi nhiều năm sau mới truyền tâm ấn Thiền Tông cho sư Thần Quang. Từ đó, Thiền Tông được lưu hành khắp Trung Nguyên và chính tại đây, Thiền Tông bừng trổ sung mãn hơn ở nước Thiên Trúc. Vì sao? Bởi cái tâm thức của các Đạo gia hay những người dù không theo đạo của Lão Đam, nhưng cũng ảnh hưởng cái VÔ của ngài nên tâm thức của họ như một bãi đất đã được dọn sạch cỏ hoang gai rậm (tức là những thiên kiến mà Phật gọi là những pháp hí luận) để tiếp nhận dễ dàng hạt giống của pháp môn Thiền. Lão Tử dù không phải là kẻ khai sáng Thiền Tông, nhưng ngài đã có công làm cho Thiền Tông ở bước đầu được thuận lợi đâm chồi nẩy lộc để rừng Thiền về sau được sum sê thịnh mậu, trải qua nhiều triều đại, để rồi vượt qua khỏi Trung Nguyên để sang qua Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam.

Đạo của Lão Tử chấp cái VÔ, cho nên ĐẠO có câu: "VÔ, danh thiên địa chi thủy; HỮU, danh vạn vật chi mẫu. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền, huyền chi hựu huyền chúng diệu chi môn" (KHÔNG là tên gọi nguồn cội của trời đất; CÓ là tên gọi mẹ của muôn loài. Hai cái cái đó xuất hiện cùng một lúc song mang tên khác nhau, nhưng đều gọi là "huyền" tức mịt mờ, mịt mờ rồi lại mịt mờ vì là cửa ra vào của mọi sự huyền diệu). Cũng vậy, bên Phật giáo, cái SẮC (tức cái CÓ) và

CÁI KHÔNG ĐỐI ĐÃI CÁI CÓ (bên đạo Lão gọi là VÔ) vẫn không lìa nhau. Chúng là mặt sấp và mặt ngửa của một đồng tiền. Nhưng cái VÔ bên Đạo vẫn là cái đối đãi của cái CÓ, còn ở trong vòng khái niệm của chúng ta. Còn cái KHÔNG bên Phật giáo là cái KHÔNG BÁT-NHÃ. Cái Không nầy chỉ hiện hữu khi ta diệt cái CÓ, và diệt luôn cái KHÔNG ĐỐI ĐÃI CÁI CÓ. Đây mới chính là cái KHÔNG TUYỆT ĐỐI mà nhà Phật gọi là cái KHÔNG BÁT-NHÃ, lọt ngoài vòng khái niệm chúng ta. Cái VÔ của ngài Lão Tử vẫn còn đối đãi với cái CÓ, phải lột xác thêm một lần nữa mới đến cái KHÔNG BÁT-NHÃ của Đức Phật. Cái KHÔNG BÁT-NHÃ còn có thêm cái kỳ diệu nữa là vẫn không phủ nhận và cũng không chấp cái CÓ và cái KHÔNG ĐỐI ĐÃI, bởi vì CÓ ở chỗ nầy thì KHÔNG ĐỐI ĐÃI ở chỗ kia, ngược lại KHÔNG ĐỐI ĐÃI ở chỗ nầy thì CÓ ở chỗ kia. Tùy theo trường hợp, CÓ hoặc KHÔNG ĐỐI ĐÃI hiển lộ. Ngộ được tánh VÔ, phải tiến tới cho bằng được cái tánh KHÔNG TUYỆT ĐỐI lọt ngoài vòng đối đãi thì chúng ta mới đạt tới cái bản thể, cái rốt ráo, cái chân lý.

Bây giờ, chúng ta đi vào từng truyện ngắn trong quyển "Sư Phụ". Tôi viết theo thứ tự các truyện của Trần Long Hồ mà tôi đã đọc chứ không theo sự sắp xếp các truyện trong sách:

* Truyện "**Món Đồ Cổ**":

Câu truyện được kể như sau: Ông họ Lê là tay giàu có lớn chuyên sưu tầm và mua đi bán lại đồ cổ. Nhà ông ở thành Sài nước Việt, nhưng không rõ ở vào thời đại nào. Ông sống độc thân, có nhặt được đứa bé bị bỏ rơi dung mạo xấu xí lại tàn tật, nó đã mù một mắt mà còn đi đứng xiêu vẹo. Ông đặt nó tên là Củng, một cái tên chẳng có nghĩa gì đáng mọi người lưu tâm cũng như sự hiện diện của nó trong cuộc đời nầy. Củng đần độn, nhút nhát.

Một hôm nọ, ông Lê nằm chiêm bao thấy một lão già ăn mặc như dân miền sơn cước, cách ăn nói ngang tàng, lời lẽ phóng khoáng, trặc trẹo, trái hẳn những quan niệm mà Đức Khổng Tử giáo hóa. Tuy nhiên, chúng có nhiều chỗ đạt tình đạt lý. Đó là những quan niệm khuynh đảo những quan niệm đóng khung trong lề thói của người xưa. Lão già tặng cho ông Lê cục đá đẹp, nhưng ông Lê không nhận. Sau cùng lão xin gửi cục đá lại cho ông Lê nhờ ông giữ hộ, và bảo rằng một ngày kia dù lão không đến đòi, nhưng chính ông Lê phải đem cục đá ấy trả cho lão dù lão không cho ông biết lão ở đâu. Khi lão nói xong thì trên trời có tên tiểu đồng dắc trâu sa xuống đưa lão già quái dị về trời. Khi bóng người lẫn bóng trâu mất hút thì từ trên trời có tiếng trâu rống vọng lại.

Khi tỉnh cơn dị mộng, ông Lê thấy mình cầm cục đá trong tay và được

thằng Củng cho biết cục đá đó do chính nó gặp trong vườn và nó giấu sau cánh cửa, nhưng không biết vì sao ông tìm ra cục đá đó?

Như lời cụ già trong chiêm bao, cục đá ấy không có trên thế gian, loài người chưa tìm thấy nó, hồi cả triệu năm trước vốn là hòn núi do loại dung nham kết thành, sau bao năm bị soi mòn vì thiên tai thủy ách, sau cùng trở thành hòn đá ấy.

Ông Lê từ đó thường trầm ngâm nhìn hòn đá, lòng bỗng dưng nguội lạnh với món đồ cổ tàng trữ trong nhà mình. Sau đó, ông qua đời, hòn đá đặt trên bụng. Trong lễ động quan, giàn đạo tỳ không nhấc lên nổi chiếc quan tài ông để đưa ra huyệt vì quan tài quá nặng, không sao lay chuyển nó được. Chính thằng Củng đem hòn đá đặt lên nắp hòm. Chiếc hòm nhẹ bổng, giàn đạo tỳ không cần dùng sức mà vẫm khiêng nổi. Lúc đó có tiếng trâu rống từ ở xa vọng về. Sau việc ma chay, không ai thấy thằng Củng nữa. Và tác giả kết luận: "Thằng Củng đến với cuộc đời, không ai biết. Nó ra khỏi cuộc đời cũng không ai biết".

Cái then chốt trong cậu chuyện là: sự hiện hữu của thằng Củng, lão già trong giấc chiêm bao của ông Lê, hòn đá, tiếng trâu rống trong giấc mơ ông Lê và tiếng trâu rống hôm cất đám ông.

Thằng Củng là một nhân vật huyền hoặc; ông Lê chỉ biết nó là đứa bé bị bỏ rơi, nhưng ông làm sao biết những vận sự xung quanh cái giỏ đựng nó? Độc giả có thể nghĩ rằng chưa chắc nó chỉ là một hài nhi do tinh cha huyết mẹ tạo nên, mà có thể là một nhân vật của một thế giới thần thoại nào đó đến ông. Nó sống bằng con người ngờ nghệch nhút nhát như bao đứa trẻ ở giai cấp hạ lưu. Nhưng ai biết chỉ bằng một con mắt còn lại, nó nhìn sự vật qua một trực giác thù thắng mà người phàm phu thế tục không hề có. Vận sự nó kể cục đá do nó xới đất trong vườn tìm ra chưa hẳn đúng như lời nó kể. Cho nên khi ông Lê tỉnh cơn dị mộng, thấy cục đá cầm trong tay; biết đâu nó đặt sẵn vào tay ông khi còn ngủ mê. Và ở đoạn cuối, tại sao nó biết được chỉ đặt hòn đá lên quan tài ông Lê thì quan tài nhẹ bổng? Đó đâu phải là cái biết của thằng bé ngu đần? Và biết đâu giấc mộng ông Lê là do nó tạo ra? Và cũng biết đâu nó là ông lão già ương ngạnh thác vào trong giấc mơ của ông Lê? Hay nó là thằng chăn trâu dắc trâu từ Thiên Đình đưa lão già về trời? Các độc giả cứ tha hồ tự hỏi. Dù họ nghĩ đúng hay nghĩ sai, tôi tin chắc rằng tác giả sẽ mỉm nụ cười khoái hoạt. Bởi vì anh biết rằng mỗi tình tiết trong truyện anh tạo rất nhiều thắc mắc, nghi vấn cho độc giả mà những cây viết hiện thực hay tân hiện thực không thể làm được như thế. Điều đáng nói là cái đẹp, cái hay của câu chuyện đâu phải ở chỗ tác giả trình bày tình tiết minh bạch, có lời giải thích hợp lý, khúc chiết, rõ ràng. Cái đẹp của truyện là ở chổ độc giả chạm phải cái không khí mơ hồ, nửa

hư nửa thực từ sự hiện hữu của thằng Củng, từ giấc mộng ông Lê cho tới sự hiện diện của cục đá. Cái rõ ràng của câu truyện không thể áp dụng cho các truyện huyền thoại được? Nó như một thân thể lõa lồ dù có đẹp đi nữa vẫn không tạo một chút tưởng tượng nào cho người ngắm. Độc giả sành điệu không cần biết rõ câu chuyện cùng cái ẩn dụ của câu chuyện. Họ chỉ cần nắm bắt rằng thằng Củng hiểu cái mầu nhiệm của hòn đá. Và họ biết rằng sự hiện hữu của thằng Củng cũng như sự hiện hữu của hòn đá được hình thành do óc tưởng tượng mạnh mẽ và phong phú của tác giả. Điều đó chứng tỏ cái thần trí sáng tạo khá đặc biệt của một nhà văn ưa tìm tòi những điều bí ẩn thấp thoáng bóng quái dị sau lưng cuộc sống như Oscar Wilde khi viết quyển "Le Portrait de Dorian Gray". Cái huyền hoặc của thằng Củng làm cho thân thế nó quyến rũ vô ngần và làm cho câu chuyện đẹp huyền ảo không thể tả. Những nhà văn thường cho nhân vật nam một cái ngoại hình tuấn tú, cho nhân vật nữ cái ngoại mạo rực rỡ như mỹ ngọc và sáng đẹp như minh châu. Nhưng họ lại cho các nhân vật ấy sinh hoạt trong bối cảnh không hề khơi dậy cho độc giả một ấn tượng rờn rợn, không hề khơi dậy một cảm giác phiêu phưởng cho độc giả vì họ không được bắt gặp cái thế giới kỳ ảo tràn ngập bóng tâm linh. Thằng Củng xấu xí, vóc mình cong vẹo, chân đi khập khiểng hoạt động trong một bối cảnh vắng vẻ, gần như bị bỏ quên trong một góc đời tối tăm. Nhưng chung quanh nó có một cái không khí gì lạ lẫm, chập chờn hư ảo và nửa nhuốm một chút thần tiên nửa nhuốm một chút ma quái lôi cuốn óc tưởng tượng của chúng ta đi thật xa, vào những thế giới chỉ có trong truyện cổ tích hay trong kinh điển mà thôi. Về phương diện nghệ thuật, đó là một nhân vật độc đáo và thập phần thú vị.

Lão già trong giấc chiêm bao là ai? Chúng ta có thể nghĩ đến Lão Tử vẫn được kia mà. Ngày xưa Lão Tử đã từng cưỡi trâu dạo khắp phương Nam đất Trung Nguyên trước khi qua ải Hàm Cốc. Mà dù tác giả Trần Long Hồ không ám chỉ Lão Tử đi nữa thì những lời lẽ lão già kia vẫn nhuốm khẩu khí của thứ ngôn ngữ vô vi, thứ ngôn ngữ thoát thai từ "Đạo Đức Kinh". Hãy nghe:

Chẳng qua, ngươi tự cho ngươi là lớn nên có kẻ nhỏ. Ngươi tự cho ngươi là cao nên có kẻ thấp. Ngươi tự cho ngươi là già nên có kẻ trẻ. Người đời cũng đồng ý với ngươi như vậy.

Ở trong cõi đời, tất cả mọi sự việc đều ở trong vòng đối đãi cả: mỗi hành động, mỗi vấn đề, mỗi ý niệm v.v... Bởi có cao nên mới có thấp, bởi có lớn nên mới có nhỏ, bởi có già nên mới có trẻ. Ngài Lão Tử không có óc so sánh phân biệt. Đức Phật cũng không có cái óc ấy. Ở đây cả hai chẳng gặp nhau là gì?

Trong chiêm bao, khi ông Lê vái lạy lão già, thì lão nói:

— *Ngươi lại học thói xấu của người đời rồi, chuyện vái lạy là điều không nên làm. Sự thần phục sẽ làm mờ tâm trí ngươi. Lòng thương yêu sẽ làm suy kiệt trí phán đoán của ngươi.*

Về cái đẹp và nghệ thuật chơi đồ cổ, lão già nói:

— *Suốt đời ngươi chỉ quanh quẩn trong thứ nghệ thuật của con người. Ngươi không biết đến nghệ thuật của tạo hoá.*

... *Những thứ mà ngươi có, người ta cho là cổ, chẳng qua là tác động của tạo hóa qua thời gian và không gian. Tạo hóa đã đóng dấu ấn vào món đồ cổ của ngươi, cho nên nó được cho là cổ. Về tuổi tác, những thứ ngươi có đều quá trẻ.*

Vậy thì hòn đá là một tác phẩm của tạo hóa với làn nứt đẹp có màu đỏ tươi, màu đen óng, màu xanh biêng biếc.... Nó biến chuyển từ dung nham, sang qua hòn núi, rồi bị gió, nước, lửa bào mòn mới thành hình cái cục bằng nắm tay trơn láng với những lằn nứt đẹp. Nó không hẳn trải qua nhiều thế kỷ, mà phải trải qua nhiều kỷ nguyên.

Cái ẩn dụ ở đây là thời gian để con người nặn ra các món cổ ngoạn nào thấm tháp gì đối với thời gian Tạo hóa hình thành một cục đá từ một hòn núi? Cục đá đó đã nhắc nhở, dạy dỗ ông Lê một điều gì đó chỉ có ông ta biết. Bởi tác giả không nói ra nên độc giả không biết ông Lê lãnh hội được những gì? Lãnh hội được bao nhiêu? Và tâm thức ông biến chuyển ra sao? Nhưng họ biết chắc chắn là cục đá làm khuynh đảo mọi nền mống suy nghĩ, mọi then chốt quan niệm của ông Lê. Rồi khi ông chết đi, vì ông không mang được nó theo để đi trả cho cho lão già trong giấc chiêm bao năm nào; cho nên hồn phách ông làm cho cái quan tài thêm nặng, sức người không di chuyển nổi. Biết đâu chỉ có thằng Củng mới biết được rằng chỉ có lúc chết là lúc ông phải trả hòn đá? Hòn đá ấy là cái chứng tích để ông bao năm ông tư duy về cái bí nhiệm của cuộc đời, cái bài toán vĩ đại mà người phàm phu thế tục không thể giải quyết nổi. Cho nên khi Củng mới đặt hòn đá trên quan tài thì quan tài nhẹ bổng và giàn đạo tì mới có thể đem quan tài ra huyệt. Có phải chăng nó đến ông Lê để giúp ông tìm cái lẽ Đạo mà ông có cơ duyên từ bao kiếp trước mà kiếp nầy ông quên lãng đi. Sứ mệnh đã làm xong, nó không còn lý do gì mà còn hiện hữu trước cặp mắt dân chúng ở trong vùng nữa.

Cuộc đời đối với người chưa biết lẽ đạo (trong đó có độc giả như chúng ta) là một dấu hỏi lớn. Truyện huyền thoại của Trần Long Hồ đưa cho chúng ta nhiều dấu hỏi, tuy rằng khá phức tạp, nhưng vẫn là những dấu hỏi lý thú. Chúng ta càng hỏi, càng ham đi sâu vào lãnh vực tâm linh, có phải?

* Truyện "**Sư Phụ**":

Đây là truyện dài nhất, đã từng đăng ba kỳ trên nguyệt san Văn (do Nguyễn Xuân Hoàng chủ trương). Truyện kể rằng: Cậu bé Huỳnh Đệ không phải là đứa trẻ trì độn, nhưng ưa mơ mộng và không thích học. Cho nên cha mẹ cậu gửi cậu cho phương trượng chùa Bạch Vân để cậu tu hành. Cậu lại không chịu học nên bị đày ra nhà chứa củi ở ngoài vòng tường của chùa, ở phía trước rừng cây. Tại đây A Đệ (pháp danh của Huỳnh Đệ) gặp một ông già quét lá kỳ dị, tuy quét lá mà vẫn nhắm nghiền mắt, tóc để dài trái hẳn sư sải trong chùa. Ông ta xưng là Lão Cuồng hồi sáu mươi năm về trước vào chùa nầy tu, nhưng bị phương trượng đời trước đuổi ra nhà chứa củi vì phạm tội cho phương trượng uống nước tiểu của lão và phạm tội trét phân vào giày của ngài. Thật ra pháp danh của lão là Vô Chấn, cùng một thầy với phương trượng của chùa (pháp danh Vô Chung).

Trong những năm tháng bị đày ở nhà chứa củi, chú bé Đệ lần hồi yêu mến tâm hồn khoáng đạt tiêu dao của Lão Cuồng. Lão không bao giờ ép buộc Đệ việc gì, nhất là việc học hành. Nhưng ở lão, cậu bắt gặp những tư tưởng rất khế hợp với căn cơ nguyện vọng của cậu. Những tư tưởng khuynh đảo mọi nguyên tắc, lề thói trong cuộc sống đó làm Đệ thích học mọi điều ở lão. Cậu chịu học chữ do lão dạy, chịu đọc những quyển sách mà lão lấy trộm ở Tàng Kinh Các trong chùa đem về. Cậu tuy học hỏi ở Lão Cuồng, nhưng không dám gọi lão là sư phụ vì lão ngăn cấm.

Năm qua tháng lại, Đệ trưởng thành. Lão Cuồng khuyên cậu lập thân nhập thế. Số là cứ bảy năm một lần, triều đình cho người đi tuyển sư phụ cho vua. Chùa Bạch Vân là nơi chọn làm trường thi. Đề thi do một vị vua đời trước bày ra gần một thế kỷ. Đó là bài thơ khắc trên bia đá, viết bằng chữ cổ. Trong lúc thi, họ đặt bia đá vào bồn nước, rồi múc nước đổ vào bồn ngập tấm bia. Trong thời gian ngắn ngủi đó, thí sinh nào nhớ hết bài thơ đó chép ra giấy trình lên ban giám khảo thì được coi như trúng tuyển.

Huỳnh Đệ dự cuộc thi, không dùng bằng mắt mà dùng tâm não nhìn vào bài thơ trên tấm bia để học thuộc lòng bài thơ. Chàng đã trúng tuyển. Các quan giám khảo cho tăng chúng trong chùa biết rằng Đệ thuộc bài thơ nầy thì đúng là hậu thân của tiên hoàng đế, người đã chế ra bia đá và trước tác bài thơ. Thế là chùa Bạch Vân nhờ A Đệ mà trở nên Quốc tự, lại còn thọ hưởng ân sủng và bổng lộc của triều đình. Còn Đệ được rước về triều đình, được làm thái sư kiêm tể tướng. Ông sống trong cảnh sang giàu, được vua yêu quan chuộng. Ông cho người lén lút phục vụ Lão Cuồng, nhưng lão từ chối, càng ngày càng tỏ ra điên cuồng hơn. Tể tướng Huỳnh Đệ nghe tin liền bỏ quan tước tiền của để được về nhà chứa củi của chùa Bạch Vân, để được gần gũi Lão Cuồng. Ông kêu lão là sư phụ, lão trách mắng ông: "Sao

ngươi gọi ta là sư phụ?". Tể tướng bảo: "Sư phụ là sư phụ mà cũng không là sư phụ. Tại sao sư phụ lại trói mình trong hai tiếng sư phụ?". Bây giờ Lão Cuồng mới tỉnh ngộ bởi vì đối với một Đạo gia thì cách gọi sư phụ hay Lão Cuồng có khác gì nhau đâu?

Trước hết, điều làm cho chúng ta chú ý là nhà chứa củi ở ngoài vòng tường của chùa. Nhà chứa củi đâu phải chỉ là cái thế giới, cái môi sinh của Lão Cuồng và Đệ. Nó còn ẩn dụ cho lãnh vực tâm linh của cả hai. Vòng tường là cái ranh giới phân chia lãnh vực giữa chùa Bạch Vân (tượng trưng cho lãnh vực Phật Giáo) và lãnh vực nhà chứa củi phía trước rừng cây (tượng trưng cho cõi tiêu dao, gần gũi với thiên nhiên). Hai lãnh vực đó gần nhau, nhưng mỗi cái có vị trí riêng biệt, sắc thái riêng biệt. Lão Cuồng là một Đạo gia, sống phóng khoáng, suy nghĩ phóng khoáng, không chặn ngăn dòng sống hồn nhiên trôi chảy, không muốn làm cho dòng sống ứ nghẹn hoặc làm lệch lạc cái chiều xuôi tự nhiên do Trời đất đặt ra. Đó là môn đồ của ngài Lão Đam.

Ở đây, còn thêm một vấn đề đặt ra: Cái khế hợp của căn cơ. Lão Cuồng chọn đạo Lão bởi tâm tánh lão vốn phóng khoáng, còn Đệ vốn không thích sự câu thúc thể xác và tinh thần nên chối bỏ nhà chùa. Đâu phải luật lệ nhà chùa dễ cảm hóa được bất cứ ai ai. Đệ không chịu học chữ dưới mái nhà chùa mà lại chịu học ở ngoài nhà chứa củi. Đó là bởi cái căn cơ của cậu không chấp nhận sự rúng ép của giới luật nhà chùa. Cậu đi theo đúng cái hoài bão, cái căn cơ, cái bản nguyện của cậu: đó là sự tự do. Ở trong chùa, cậu sẽ không còn là một nguồn sống bất tuyệt, cậu sẽ không sống cuộc đời đáng sống, sẽ không sống tràn đầy và nguyên vẹn chất sống từ thể xác đến tinh thần. Như vậy mầm mống tâm linh sẽ bị thui chột đi. Chỉ có ở nơi nhà chứa củi, dưới sự hướng dẫn Lão Cuồng, cậu tìm được tự do, để trở nên một con người sống xuôi theo bản tánh. Tại đây cậu được nở hoa từ ngoại giới lẫn nội giới. Cây tâm linh của cậu không thể chấp nhận nước pháp của nhà Phật để được trở nên xanh tốt, mà nó chỉ có thể được tưới tẩm bằng nguồn sống Vô Vi của đạo Lão. Đó là vấn đề khế hợp với căn cơ của từng cá thể. Đó cũng như trường hợp thức ăn bổ dưỡng có thể hợp với tạng người nầy giúp cho đương sự nầy được khang kiện, nhưng lại không hợp với người kia và sẽ làm cho đương sự kia phải nôn mửa hoặc nhiễm bệnh.

Vấn đề thứ hai là chiêu cảm. Đối với người trong chùa thì nhà chứa củi ở ngoài vòng tường của chùa là trại trừng giới, là nơi dành cho kẻ sa đọa, kẻ phạm tội. Nhưng đối Lão Cuồng và Đệ là nơi để họ làm nẩy nở cái bản tính chuộng sự phóng khoáng, để họ giải phóng tâm thức khỏi những trói buộc bởi lề thói và nguyên tắc của nhà chùa. Và nhất là để họ làm nẩy

nở cái nguồn sống bao la ở chính họ, từ đó cây tâm linh của họ được lớn mạnh và rườm rà xanh tốt. Và chùa Bạch Vân mà các sư sải coi như là cây thang để họ leo lên cảnh giới Niết Bàn thì trái lại đối với Lão Cuồng và Đệ chỉ là vòng cương tỏa không thể làm cho tinh thần và tâm linh họ phát triển sung mãn được.

Đúng vậy, Huỳnh Đệ không phải là đứa trẻ có trí óc thông minh tồi tệ. Khi còn ở ngoài thế tục, cha mẹ cậu bắt cậu học chữ ở nhà trường, cậu cảm thấy mất tự do. Cậu tìm một cách tự do khác là "mộng ngoài cửa lớp" (nói theo Đinh Hùng) khi thể xác cậu bị giam trong lớp học. Đến khi cậu ở chùa thì chú tiểu A Du dùng quyền huynh trưởng nhồi nhét chữ nghĩa vào đầu óc cậu; đây là sự rúng ép thô bạo nên cậu có phản ứng mạnh: hành hung A Du. Thế nhưng, dù đầu óc cậu không thể tiếp nhận chữ nghĩa ở nhà trường, chữ nghĩa do A Du nhồi nhét vào óc cậu, nhưng khi nghe được những tư tưởng phóng khoáng nhưng khó hiểu (và có vẻ trái đời là khác), cậu cảm nhận được liền, cảm thấy chúng hợp với cậu biết ngần nào:

— *Nếu ngươi nhìn bằng mắt thì ngươi chỉ thấy được những gì phía trước mặt, không thấy được phía sau lưng. Nếu ngươi suy nghĩ bằng não thì ngươi chỉ hiểu những gì có mà không thể hiểu những gì không có.*

... Nếu ngươi không chỉ nhìn bằng mắt mà nhìn bằng não thì không những ngươi thấy được những gì trước mặt mà còn thấy cả phía sau lưng và tất cả mọi vật ở mọi nơi. Nếu ngươi suy nghĩ bằng tâm linh thì ngươi hiểu những gì có mặt và và cả những gì không có.

Chính nhờ nhìn bằng não mà Đệ nhớ hết bài thơ trong một thời gian ngắn và được trúng tuyển sau nầy. Chính nhờ nhìn sự vật bằng tâm linh mà cậu đi theo con đường mà Lão Cuồng đã đi và đang đi. Và nhờ yêu thích tư tưởng của lão mà cậu đòi học chữ dưới sự dạy dỗ của lão để cùng đọc những sách mà lão đọc. Và cũng để được cùng làm bạn đồng hành với lão trên cái Đạo được đặt trên nền tảng thuyết Vô Vi.

Lão Cuồng đã từng dạy A Đệ rằng:

— *Người đời dạy cho ngươi phải đi tới, ta chỉ cho ngươi biết nơi đâu nên dừng lại và phải biết đi lùi.*

... Người đi tới thì nhanh và dễ dàng. Ngươi đi lui khó khăn và chậm chạp. Tại vì mắt ngươi ở phía trước mặt.

Chính trong cuộc thi, sở dĩ Đệ nhớ hết bài thơ không những nhờ nhìn bằng thơ bằng não mà trước đó, còn nhờ cậu biết áp dụng cái nghệ thuật "đi lùi" và "đi ngược" của Lão Cuồng:

"Giữa vùng tối mờ, hiện ra trước mặt Đệ nguyên tấm bia đá với trọn cả bài thơ. Đệ lại nghe lời Lão Cuồng nhắc nhở, người ta đi tới thì ngươi phải biết đi lui, người ta đi thuận thì ngươi phải biết đi ngược... Vừa nghe xong, Đệ

tỉnh ngộ ngay. Đệ bắt đầu đọc ngược từ chữ cuối cùng, đi trở lên. Người ta đọc từ phải qua trái thì Đệ nhớ từ trái qua phải. Lạ lùng thay, khi đọc ngược, thì nghĩa bài thơ bày tỏ ra rõ ràng. Đệ vừa cố đọc vừa cố nhớ. Đệ nhớ chừng phân nữa bài thơ thì tấm bia đá với bài thơ trước mặt vụt biến mất.

Đệ mở mắt ra, bị chi phối bởi hình ảnh rối loạn và âm thanh xao động ầm ĩ. Trong bồn, nước đã ngập gần nửa tấm bia. Đệ nhìn kỹ cố nhớ rồi nhắm mắt lại. Lần này, Đệ nhớ thêm một phần tư nữa của bài thơ thì hình ảnh trong não lại biến mất. Đệ mở mắt ra, nước trong bồn lên xấp xỉ ba phần tư tấm bia rồi. Đệ theo phương pháp của Lão Cuồng đã chỉ, nhắm mắt nhớ phần còn lại. Khi Đệ nhớ trọn bài thơ thì tiếng chuông vang lên...

Khi đã leo chót vót trên đỉnh giàu sang danh vọng rồi, tể tướng Huỳnh Đệ vẫn còn nhớ lời dặn của Lão Cuồng trước khi ông sửa soạn lên đường về triều đình:

— Giữ làm chi cho nhiều không bằng thôi bỏ bớt. Trau chuốc chi cho bén nhọn mà không giữ được lâu dài. Của cải chi cho nhiều để mang thêm phiền lụy. Công thành, việc trọn, nên lui.

Như vậy khi quyết định trở về chùa Bạch Vân, tể tướng Huỳnh Đệ biết rằng mình đã đi tới quá nhiều trên bước hoạn lộ, giờ là lúc nên lui. Xưa kia, ông dự thi vì Lão Cuồng khuyên ông nên tiến. Bởi có tiến thì mới có lui, chứ ở mãi tại nhà chứa củi thì vẫn ở hoài một chỗ, thì làm sao có cơ hội tiến lui?. Làm quan là tiến, cáo quan là lui vậy.

Tể Tướng Huỳnh Đệ dặn dò người thuộc hạ thân tín của mình mang ấn tín và kiếm trả nhà vua, đem ba phần tư gia tài cho người nghèo, còn một phần tư thì đó là phần ông tặng cho đương sự. Sau đó, ông về chùa Bạch Vân để gặp Lão cuồng tại nhà chứa củi.

Đoạn chót, tể tướng Huỳnh Đệ giúp cho Lão Cuồng phá chấp ngôn ngữ trong cách xưng hô (kêu bằng "sư phụ" có khác gì kêu bằng "Lão Cuồng"). Và lão rất ung dung tự toại khi Huỳnh Đệ nhắc lão có con chim đậu trên vai lão mà lão không thấy vướng bận, cũng như trước đó cả hai nhắc nhở nhau về hai chiếc lá rơi, một rơi sau lưng Huỳnh Đệ, một rơi trước mặt lão.

Ở đây, sự phá chấp ngôn ngữ, phá chấp chướng ngại vật vãnh giống như những nhát kéo cuối cùng không hẳn chỉ cắt đứt hai thầy trò với cái thế giới tục lụy mà cắt đứt những cái phiền toái còn sót lại trong tâm thức của cả hai. Một đoạn kết mạnh bạo, gọn gẩy, không một chữ dư thừa, đẹp như một vết chém thật ngọt.

* Truyện "**Đệ Tử**":

Đây là truyện tiếp theo truyện "Sư Phụ". Truyện kể rằng hai thầy trò

Lão Cuồng và Huỳnh Đệ đang vui sống ở nhà chứa củi thì một hôm Hình Bộ Thượng Thư và Lễ Bộ Thượng Thư cùng hai sứ giả và đám quân sĩ vâng lịnh vua mang chiếu của vua tới tìm Huỳnh Đệ để vời ông về triều bàn kế chống xâm lăng. Sau khi Huỳnh Đệ vừa theo hai sứ giả lên đường về triều thì hai ông Thượng thư ra lệnh đốt nhà chứa củi và cây mà Lão Cuồng trèo lên để tị nạn. Họ muốn giết lão để Huỳnh Đệ không có lý do gì trở lại với lão. Riêng hai sứ giả trên đường đưa Huỳnh Đệ về triều lén bỏ thuốc độc vào trà cho ông uống, cốt làm cho ông suy yếu không thể quay về nhà chứa củi của chùa Bạch Vân. Vì họ tiên liêu rằng trên đường về triều, khi Huỳnh Đệ nếu chợt thấy khói lửa bốc từ phía Bạch Vân Am thế nào ông cũng đoán việc không hay xảy đến Lão Cuồng mà trở lại cứu lão.

Giữa lúc Huỳnh Đệ tiến thoái lưỡng nan vì kiệt sức bởi thuốc thì có chàng Dũng Tướng, viên thuộc hạ cũ của ông đến giải vây cho ông, cõng ông trở về nhà chứa củi của Bạch Vân Tự. Nguyên viên Dũng Tướng từ khi ông bỏ triều đình về chung sống với Lão Cuồng nên cũng bí mật lặn lội theo ông, rồi xin làm sư nấu bếp cho nhà chùa để có dịp hầu hạ ông và Lão Cuồng.

Tại chùa Bạch Vân, Huỳnh Đệ bao phen cãi vả, biện bác với hai ông Thượng thư mới ngăn được họ bỏ ý định giết Lão Cuồng. Lão được đem từ trên ngọn cây trú ẩn xuống đất, được cứu sống. Nhưng người Dũng Tướng lại chết vì kiệt sức. Vì quá thương cảm Huỳnh Đệ phun máu lên trời kêu thảm thiết. Lão Cuồng lướt tới, một tay xách Huỳnh Đệ, một tay xách Dũng Tướng bay lên trời. Hai vị Thượng thư và quân sĩ nhìn lên thấy mặt trời bị che khuất, đầu họ bị đạp mạnh. Thật ra, Lão Cuồng đã đạp lên đầu họ, chạy bay xuống núi để về kinh đô.

Ở truyện nầy, lại thêm một lần nữa, chúng ta học đường cái triết thuyết của ngài Lão Đam qua lời Lão Cuồng:

— *...Còn ngươi, sống với ta ở nơi núi rừng nầy. Ngươi không có vinh quang mà chẳng có nhục nhằn. Ngươi không có của cải nên chẳng sợ bị mất mát. Ngươi không có quyền cao nên chẳng sợ mất chức. Ngươi không ở trên ai nên không sợ ngồi dưới ai. Ngươi cùng ta sống đạm bạc nên chẳng sợ cực khổ. Ngươi cùng ta chẳng quan tâm sống chết nên chẳng sợ chết sống. Ngươi không cố lấy thêm nên chẳng sợ mất đi. Ngươi không vui vì được nên chẳng buồn vì mất. Nếu ngươi đã là cát bụi thì sợ gì bụi cát.*

Huỳnh Đệ đã hiểu lẽ ĐẠO nên đâu màng triều chính, danh vọng, bã vinh hoa. Đó là một người thức tỉnh, quyết sống hết mình với sự thức tỉnh ấy. Đó là một hành giả biết rằng "cái thân ngoại vật là tiên trong đời". Lão Cuồng đã cảm hóa ông, ung đúc ông thành một Đạo gia. Và chính cái đức độ ông đã cảm hóa Dũng Tướng. Nhưng chúng ta đừng nghĩ rằng viên

Dũng Tướng chỉ hy sinh tất cả cuộc đời luôn cả tính mệnh cho ông. Vì rằng qua ông, đương sự nắm bắt được lẽ ĐẠO. Dũng Tướng vào sinh ra tử để đưa ông về nhà chứa cũi thật ra cũng là ý chí và hành động hy sinh cho ông, nhưng đương sự cũng hy sinh cho luôn ĐẠO. Ở đương sự, ông chủ Huỳnh Đệ của y ta và ĐẠO chỉ là một. Giữa họ, ngoài chuyện yêu mến giữa người chủ và kẻ thuộc hạ, còn là sự yêu mến của những kẻ đồng tâm, đồng chí, đồng đạo nữa.

Đoạn kết câu chuyện ghê rợn nhưng làm nổi bật cái giá trị của truyện "Đệ Tử". Lúc đầu tác giả cho Lão Cuồng hai tay xách Huỳnh Đệ và Dũng Tướng đạp lên đầu hai vị Thượng thư và đám quân sĩ để bay về Trời. Tới đây, ai cũng tự hỏi có phải Lão Cuồng là hóa thân của ngài Lão Đam hay không? Hay lão là một trong Đạo gia đã đắc quả thiên tiên? Nếu tác giả viết cái kết cuộc có hậu như vậy thì tầm thường quá. Ở đây, anh đã tạo một cái kết cuộc lơ lửng làm độc giả thắc mắc nhiều vấn đề. Có phải Lão Cuồng đưa cả hai về kinh đô để Huỳnh Đệ thực hiện lời hứa sẽ giúp vui bàn kế chống ngoại xâm? Còn vận sự mọi người thấy lão cắp hai người bay lên trời thì sao đây? Đó có phải họ đồng thấy cái ảo giác hay không? Hay ở đây tác giả báo cho độc giả biết rằng rồi mai sau đây, những con người như lão, như Huỳnh Đệ và như Dũng Tướng sẽ được chứng ngộ vào đạo, sẽ đến một cảnh giới cao như ở một tầng trời nào đó? Và có người sẽ tự hỏi Huỳnh Đệ hộc máu như thế, viên Dũng Tướng kiệt sức như thế liệu có chết không? Nếu cả hai chết thì Lão Cuồng đưa họ về kinh đô phỏng có ích lợi gì nữa? Và cũng có người tự hỏi đã ở gần Lão Cuồng khá lâu, lẽ nào Huỳnh Đệ không hiểu rõ cái lẽ sống chết là một hay sao mà khi thấy đôi mắt viên Dũng Tướng đứng tròng, ông quá đổi thương tâm phải phun máu, phải hét la?

Chúng ta thừa biết rằng chỉ có Lão Cuồng mới là kẻ chứng ngộ vào ĐẠO. Lão đã sống trọn vẹn cho ĐẠO thì không thể bị tiêu diệt được, dù là gặp biết bao trở ngại. Bởi ĐẠO dựa trên cái VÔ. Mọi chướng ngại đến lão thì làm sao trói buộc lão vào vòng cương tỏa như giam hãm, hành hình hay hủy hoại thân xác lão. Chạm vào lão là chạm vào cái VÔ, chạm vào lão khác nào muốn như lấy gươm chém cái bóng thay vì chém người, khác nào muốn lấy chày giã nát ánh trăng thay vì giã nát mặt trăng. Chúng ta hãy nghe thử một câu thần chú do Lão Cuồng đọc trong lúc tỉnh toạ để phục hồi sức lực sau bao ngày nhịn đói nhịn khát khi trèo trên cây để tàng ẩn. Nhưng câu thần chú nầy không phải chỉ để lão nói về phép hành trì đạo của mình mà là để nhắn nhủ Huỳnh Đệ, kẻ chưa được lợi căn như lão:

— *Nâng chở hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo*

lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nương cậy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Còn Huỳnh Đệ thì không được đắc quả như Lão Cuồng. Ông chỉ giác ngộ lẽ Đạo, chứ chưa chứng ngộ. Lão Cuồng đã đạt chứng quả tức là thực chứng vào ĐẠO khi đạt được kết quả tối hậu trên đường hành đạo. Trong khi đó, Huỳnh Đệ thì đâu được như vậy. Ông chỉ giác ngộ được lẽ ĐẠO tức là ông vẫn còn là một hành giả, còn phải tiếp tục hành trì trên bước đường tu. Cho nên ông vẫn còn những tình cảm rất người. Nỗi đau đớn của ông lúc đầu làm cho thức giả cảm thấy ông có phản ứng như người phàm phu thế tục. Nhưng ngẫm kỹ thì chúng ta nắm bắt các điểm xương sống như sau: giác ngộ và hành trì ĐẠO vẫn chưa phải thực chúng vào ĐẠO. Thực chứng vào ĐẠO đòi hỏi hành giả biết bao thời gian và công phu tu tập. Cho nên Huỳnh Đệ trước cảnh thương tâm to tát nên quên phắt mình là một hành giả. Và cái phản ứng của ông chẳng làm cho thức giả thấy đó là một phản ứng trái cựa, vô lý.

Cái kết cuộc truyện "Đệ Tử" nầy nêu rất nhiều vấn đề. Sức dung chứa nó thật thăm thẳm bao la.

* Truyện **"Thánh Sống"**:

Truyện kể rằng Được tuy xấu xí ở diện mạo và dáng dấp, nhưng là một kẻ siêng năng, giỏi việc, tánh tình trung hậu. Đặc sắc nhất là nó có một khiếu thưởng ngoạn tinh nhuệ về thú uống trà nên được chủ của nó là Lão Gia tin cẩn và cho nó hầu trà.

Lão Gia vào tuổi ngũ tuần, nhưng bạc nhược, có vợ và nhiều thê thiếp nhưng Phu Nhân chỉ sinh được có một tiểu thư mà thôi. Phu Nhân mới ba mươi bốn tuổi, còn bóng bẩy trẻ đẹp. Tiểu Thư thì vào tuổi mười sáu tròn trăng, đẹp thuộc loại vô song phẩm.

Lão Gia và Phu Nhân quyết lòng đi cầu tự ở đền một bậc Đạo tiên mà thiên hạ gọi là Thánh Sống để có chút con trai nối giõi tông đường. Trong chuyến đi nầy, Lão Gia cho Tiểu Thư và một số gia nhân trong đó có Được cùng đi.

Không có kẻ hành hương nào được gặp mặt vị Thánh Sống nầy. Phải chờ tới ba ngày, Lão Gia mới được vào đền của Thánh Sống. Nhưng Thánh Sống ở bên trong bức màn đỏ nói vọng ra, chứ không cho Lão Gia được diện kiến. Thánh Sống cho ông biết sở dĩ ông không có con trai nối dòng vì mắc lời nguyền từ đời trước. Người hiện thân lời nguyền là đứa con gái của Lão Gia. Để giải lời nguyền ấy, Thánh Sống buộc Lão Gia chẳng những phải để Phu Nhân nhận được phép do Thánh Sống ban cho mà Tiểu Thư cũng phải chịu lễ trừ tà.

Vậy là Phu Nhân và Tiểu Thư được vào đền để Thánh Sống ban phép vào một đêm tối không trăng. Được và bọn tùy tùng phải ở ngoài. Hai đệ tử gác cửa cũng phải đứng cách cửa chính thật xa. Từ trong đền mùi hương kỳ dị bay ra làm cho thần trí của Được và đám tùy tùng nửa thức nửa ngủ.

Sau ba đêm chịu lễ ban ơn như vậy, Phu Nhân và Tiểu Thư lồ lộ vẻ đầy tràn sinh lực. Phu Nhân một tháng sau cho chồng biết mình thọ thai. Còn Tiểu Thư thì ba tháng sau bị ngã bịnh.

Riêng thằng Được vào một buổi sáng tinh sương bị đánh thức dậy. Nó bị gia nhân lôi kéo ra sân, bị họ trói và bắt quì. Được chợt thấy Tiểu Thư cũng bị trói và bắt quì trong sân như nó. Lão Gia thét hỏi nó đã làm gì Tiểu Thư. Nó nào biết mình đã làm gì mà bị Lão Gia quát tháo giận dữ và bị xử bỏ đói khát ngoài sân dưới cơn mưa lâm râm và những trận gió lạnh buốt.

Khi mọi người bỏ đi, Tiểu Thư cho biết rằng mình có thai. Và cô cũng cho Được biết luôn cô đã khai với Lão Gia đứa con trong bụng cô là con của Được. Được ngỡ ngàng quá sức tưởng tượng. Tiểu Thư tình nguyện làm vợ Được. Và cô cho biết chỉ có Được mới cứu sống được cô. Chỉ có Được mới là người tốt, xứng đáng làm chồng cô dù ở ngoại mạo nó là kẻ xấu xí và có vẻ đần độn, nhưng bên trong đó là người chân phác. Dưới nhãn quan của cô, đó là kẻ hèn mọn mà thanh cao, ở chỗ thấp mà lòng không thấp, làm mà không tỏ, nên việc mà không kể.

Sau hết, Phu Nhân giúp tiền bạc, hành lý và xe để Được đưa Tiểu Thư đi chỗ khác xây tổ ấm.

Không biết Được đã nghĩ gì và hiểu được gì về cái bào thai của Tiểu Thư. Độc giả chỉ biết nó cúi đầu về hướng núi Di Thần, nơi có đền của Thánh Sống, bái tạ:

— Cám ơn Thánh Sống. Nhờ ngài mà con thoát kiếp tôi đòi và được cả Tiểu Thư. Tạ ơn Thánh Sống.

Truyện nầy nhằm đả kích bọn tả đạo bàng môn lợi dụng lòng mê tín của kẻ quá tin tưởng phù phép và thần thông của mình để làm điều sằng bậy. Đạo Lão là đạo rời bỏ thế gian vượt thế gian. Vậy mà về sau, bọn tà đạo bày ra việc luyện phù phép để gạt gẫm ngu dân hoặc kẻ cuồng tín. Họ luyện phép trường sinh bằng cách giao hợp với các trinh nữ từ mười bốn tới hai mươi tuổi, họ bào chế thuốc tráng dương, thuốc đậu thai, thuốc phá thai, bùa yêu v.v.. Chúng ta thử xem truyện "Trần Vân Thê" trong "Liêu Trai Chí Dị" thì thấy đền thờ ông Tiên Lữ Đồng Tân (một trong tám ông Tiên của Đạo Lão) là nơi để cho các Đạo cô hành dâm với các ông khách đến hành hương. Lại nữa trong pho "Kim Bình Mai", một Đạo sĩ Đạo Lão là thứ người thích kê gian với bọn trai trẻ. Lão dùng chỗ thờ phụng ngài Lão Đam để hành dâm với anh chàng Trần Kính Tế đẹp trai nhưng rất lưu

manh giảo hoạt.

Đạo Lão hay bất cứ đạo nào cũng có kẻ vầy người khác. Bên đạo Phật cũng những tên ác tăng, những mụ vãi sằng bậy, lợi dụng cửa Thiền để làm chỗ dâm bôn khoái lạc và thâu dụng đồ cúng dường của thiện nam tín nữ. Tệ trạng đó đã được danh sĩ Đường Bá Hổ, một họa gia lỗi lạc ở triều đại nhà Thanh viết nên cuốn "Tăng Ni Nghiệt Hải" dùng để công kích những kẻ tu hành phạm giới ấy.

Cái bào thai của Phu Nhân và của Tiểu Thư dù không được tác giả nói boong ra ai là tác giả, nhưng cái hành tung của Thánh Sống, lễ ban ơn nửa đêm và mùi hương kỳ dị có tánh chất muội hương và mê hồn hương đã là những cây đinh, những mấu chốt để chúng ta dò tìm sự thật.

Truyện "Thánh Sống" không phải chỉ là bức tranh xã hội trong chế độ phong kiến quan lại mà thôi đâu. Qua trực giác thù thắng cùng cái nhân sinh quan của Tiểu Thư, chúng ta còn bắt gặp trong truyện nầy cái tâm hồn chân phác như tâm hồn trẻ thơ của Được dễ cảm hóa một cô gái lá ngọc cành vàng vừa trải qua một kinh nghiệm đau thương như Tiểu Thư. Thánh Sống đến với cô bằng thủ đoạn. Được đến với cô bằng tấm chân tình mộc mạc, không có ý mong cầu, chiếm đoạt. Được gần gũi với những nhạn vật của Kim Dung như Hư Trúc trong "Lục Mạch Thần Kiếm" hay như Quách Tĩnh trong "Anh Hùng Xạ Điêu".

Sau hết, ở truyện nầy, chúng ta được tác giả hướng dẫn thú uống trà. Hãy đọc:

"*Một gia nhân mang vào lò và ấm nước đang sôi. Được ra dấu cho hắn đặt xuống. Trong lò, lửa nóng hừng hực. Lửa bốc từ một thứ củi rất cứng, hầm thành than, nên nóng mà không khói. Do đó nước sôi được kềm, không sôi ùng ục, bọt lên cỡ mắt cua.*

Được bày khay trà ra giữa chiếu. Một bình nhỏ cỡ nắm tay, màu nâu, trơn láng, không có chạm khắc hay hình vẽ. Đây là bình trà có từ đời ông nội của Lão Gia. Nhân một chuyến du lịch sang Trung Hoa, cụ nội cùng ông cố của Được đã mua nó ở Nghi Hưng. Trên khay có có chén đong trà bằng gỗ, một cái gắp, một gạt tre.

... Được ngắm cái bình để đo lường dung tích rồi thong thả cho trà vào đong. Anh thả trà vào bình, những cánh trà nhỏ li ti, màu xanh xám. Được đưa cái ấm cao qua ngực, cho tia nước nóng chảy đều vào chén tống.

Được chế nước sôi từ chén tống vào bình, rửa trà thật nhanh rồi đổ nước đi. Anh chế nước tiếp từ chén tống vào bình, rồi để cái nắp bên ngoài, không đậy vội lại.

Bây giờ trà bốc mùi thơm dìu dịu, tựa như hương hoa lan quyện với mùi cỏ trong sương. Hương trà thơm nhẹ, bốc lên thoang thoảng, không nồng

như sự chế biến nhân tạo.

...Sau cùng, Được rót trà lần lượt vào chung. Màu trà vàng lợt và xanh nhạt. Hương trà bốc lên thơm ngát.

... Nước trà xanh nhạt, thơm dìu dịu, nhưng tỏa lên ngạt ngào. Khi thấm vào môi, nước trà làm cho người thưởng thức cảm thấy vị ngọt, mùi thơm và tâm hồn lâng lâng sảng khoái.

Qua đoạn văn nầy, Trần Long Hồ gợi cho ta thú uống trà trong quyển "Bà Chúa Chè" của Nguyễn Triệu Luật, trong quyển "Vang Bóng Một Thời" của Nguyễn Tuân và trong quyển "Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp" của bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, có phải?

* Truyện **"Sinh Tử Phù".**

Nguyễn Sinh nhà nghèo, cư ngụ bên bờ Tiền giang, chỉ còn một mẹ già để phụng dưỡng. Chàng vốn giòng trâm anh thế phiệt, vì cảnh gia biến nên mới sinh nhai bằng nghề chài lưới, nhưng tuy làm lụng vất vả mà chàng vẫn không đủ ăn. Bà mẹ lại mang chứng bịnh trầm kha, đầu óc lú lẩn. Biết bệnh mẹ không thể nào chữa khỏi, nhất là trong cảnh túng quẩn, cho nên một hôm, Nguyễn Sinh đem ghe chở mẹ và con mèo ra giữa sông, định hất xuống sông, rồi chàng sẽ tự tử chết theo. Nhưng khi thuyền ra giữa sông thì Nguyễn Sinh gặp một ông già ngồi xe, có chín người đệ tử trai có, gái có theo hầu. Ông già nầy buộc tội Nguyễn Sinh bất hiếu vì toan bức tử mẹ. Ông hứa sẽ giúp chàng cứu mẹ khỏi bịnh nặng với điều kiện sau khi mẹ chàng khỏe mạnh thì chàng mang bệnh mà chết. Nguyễn Sinh vâng chịu. Ông già trao cho chàng quyển sách gồm ba thanh tre có khắc chữ. Hai thanh đầu chỉ cách thực hiện, thanh chót ghi thần chú.

Dữ có thực hành theo lời dặn, nhưng khi đọc nghìn lần câu thần chú Nguyễn Sinh hôn mê. Tới chừng tỉnh dậy, chàng thấy bệnh mẹ chẳng những không thuyên giảm mà mẹ còn ngã lăn xuống đất. Chàng chèo ghe đưa mẹ và con mèo ra giữa sông toan tìm lại ông già với chín người đệ tử kia, nhưng lại gặp ông già khác cùng với tên tiểu đồng cưỡi trâu đi trên sóng nước. Theo quan niệm ông nầy thì cái ý đồ giết mẹ của Nguyễn Sinh không phải là một ý đồ của kẻ bất hiếu. Ông ta bảo:

— Ngươi phải biết rằng chuyện sinh tử là lẽ tự nhiên của tạo hóa. Mọi sinh vật đều có sinh và có diệt. Sinh và diệt không có nghĩa là có và mất. Sinh và diệt chỉ là hai dạng của một thể mà thôi. Con người được sinh ra bởi khí, rồi khí chuyển qua vật thể mà thành người. Khi con người hết dạng thể rồi sẽ trở về dạng khí để chuyển hóa đi. Nếu ngươi biết được như vậy thì không sợ chết nữa. Vì ngươi có sợ cũng không thể tránh khỏi. Khi ngươi hiểu được lý lẽ của tạo hóa thì an nhiên sống và thản nhiên chết. Ngươi đã được tạo ra từ khí thì sẽ trở về khí. Cái hình hài chỉ là dạng thể ngắn ngủi của đời

tạm. Mẹ ngươi cũng vậy.

Nguyễn Sinh, sau khi ông già cưỡi trâu biến mất, hất mẹ và con mèo xuống sông cho nước cuốn đi và chàng dùng dao tự tử chết theo. Đây là một cuộc thảm sát không giống bất cứ cuộc thảm sát nào trên thế gian nầy. Nó được tô điểm bởi tư tưởng triết học Lão giáo với cái hào khí an nhiên siêu thoát. Ông già cưỡi trâu nào ngờ hơn ba nghìn năm sau trên đất nước Phú-lang-sa có một nhà triết học tên Jean Paul Sartre chủ trương chống cái độc tài của Thượng Đế (của Thiên Chúa Giáo) bằng cách tự tử để phản đối Thượng Đế. Trong kinh sách, Thượng Đế của tôn giáo nầy đã lỡ dại tuyên bố rằng tội tự tử sẽ đời đời kiếp kiếp không được cứu xét, cho nên ông Sartre phẩn nộ, chủ trương một cuộc phản kháng như vậy. Nhưng than ôi, đây chỉ là thứ phản kháng ngu xuẩn và tiêu cực, được xây dựng trên một số hí luận phát sinh từ sự kiêu căng, không có trí tuệ siêu việt và sự minh triết soi sáng.

Chúng ta có thể tự hỏi: "Ông già ngồi trên cổ xe với chín người đệ tử kia là ai? Có phải là ngài Khổng Khưu chăng?". Nhưng sao Đức Khổng Tử có học trò trai lẫn gái, trong khi đó đọc qua tiểu sử của ngài, chúng ta chỉ thấy toàn là nam đệ tử? Có phải chăng đây là cái ẩn dụ của tác giả? Vì rằng trong số chín người đệ tử kia, phải chăng có những kẻ ôn nhu tế nhị được vẽ vời qua hình ảnh đàn bà vì họ uyển chuyển và mềm mỏng trong cách xử thế như Nhan Hồi, Nhiễm Hữu và Công Tôn Hoa. Và song song đó, có phải chăng những kẻ được tác giả vẽ qua hình ảnh đàn ông vì họ có tính cương cường quyết liệt và đầy sinh động như Tử Lộ, Mạnh Tử chăng? Cái quan niệm hiếu đạo của ông già nầy vẫn là cái quan niệm trong tam cương ngũ thường của Đức Khổng Tử, quan niệm của kẻ nhập thế, lấy cái CÓ làm gốc cho đạo của mình. Còn ông già cưỡi trâu với thằng tiểu đồng làm chúng ta liên tưởng tới ngài Lão Đam. Quan niệm của lão vẫn là quan niệm của Lão Tử, lấy cái VÔ và cái nhất lý làm gốc cho đạo mình. Câu nói của ông văng vẳng trong phút lâm chung của Nguyễn Sinh như sau:

— Sống và chết chỉ là hai dạng thể của đời người. Cây sinh ra từ đất thì rụng lá về cho đất. Nước chảy từ nguồn thì hóa hơi thành mưa trở lại nguồn. Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa đúng hẹn...

Nếu chúng ta không đồng ý với tác giả về vụ giết mẹ và con mèo để rồi tự sát bằng cách đâm dao vào ngực; đó không phải là điều tác giả quan tâm. Ở đây, anh muốn nhấn mạnh cái then chốt của câu chuyện là Nguyễn Sinh đã giác ngộ được cái bản thể giữa CÓ và VÔ, sau khi chàng nghe lão già cưỡi trâu khuynh đảo tư tưởng lão già có chín người đệ tử theo hầu mà chàng đã gặp lần trước.

Vậy thì, CÓ và VÔ hoặc Sống và Chết đều nằm trong cái nhất lý, như

hai mặt của một đồng tiền, tuy Hai mà Một, tuy Một mà Hai. Sống hay Chết cũng như nhau, có chi đáng bận lòng đối với con người đã hiểu biết cái nhất lý của chúng. Nếu đọc chuyện huyền thoại mà chúng ta đòi hỏi cái hợp lý của câu chuyện thì làm sao chúng ta nắm bắt được cái cốt lõi tư tưởng mà tác giả muốn nêu ra? Các bạn mỗi người cứ tha hồ nêu lên một giải pháp để cứu được mẹ Nguyễn Sinh, cứu được con mèo và tránh cho chàng cuộc tự sát rùng rợn kia, rồi mỗi người cũng có thể bày cách cho chàng đi theo những lời ông già cưỡi trâu kia. Nhưng đó vẫn là những cái phụ. Cái chính của câu chuyện không phải ở chỗ Nguyễn Sinh hành động đúng hay sai theo quan niệm người đời. Ở đây tác giả muốn nêu lên cái quyết định lần thứ hai của chàng khác hẳn cái quyết định lần đầu tức là lần trước khi gặp ông già với chín người đệ tử kia. Hai lần quyết định để cả hai mẹ con và con mèo cùng chết, nhưng lần đầu là vì sợ chết đói mà chàng tìm cái chết, nhưng lần sau, chàng quyết định chết bằng ý thức sáng trưng. Đó mới chính là cái chủ định chính của tác giả: soi rọi sự thật nằm trong hai cái quyết định kia và làm sáng ngời cái tư tưởng của lão già cưỡi trâu trên sóng nước.

* Truyện **"Thầy Bắt Bóng"**:

Quan Tổng Đốc Nguyễn Đà xấu tướng. Lại nữa, về tâm tánh, ông thuộc vào hạng người mà kẻ chuyên chép tiểu sử nhận định rằng không có tài mà đòi trèo cao, không có công mà ham hưởng bổng lộc, không có đức mà muốn người đời tuân phục. Cho nên khi ông nhờ các họa gia vẽ chân dung ông, dù ông hứa trả cho họ năm chục lượng vàng nếu họ sửa bỏ mấy chấm mụn trên mặt ông, nhưng họ vẫn từ chối. Đã vậy người chép tiểu sự dù bị tên Tùy Hầu của ông đánh đập, nhưng anh ta nhất định không chép vào tiểu sử phần công đức của ông. Đã vậy anh ta còn nói trắng những nhận xét của anh ta về ông cho tên cho Tùy Hầu rõ. Sau khi trừng phạt các họa gia và người chép tiểu sử, Tổng Đốc Nguyễn Đà do lời xúi biểu của Tùy Hầu để viếng nhà Thầy Bắt Bóng ở lưng chừng Hòn Cao của núi Bích Kê. Ông muốn nhờ thầy cho ông biết vì sao mà ông mang nhiều nỗi bất hạnh. Ông giữ quyền cao tước trọng trong hai mươi năm qua, chăn dắt trăm họ, trên tuân phục triều đình, dưới hết lòng với dân, không nề hà gian lao cực khổ. Dân chúng sống nhờ ông mà yên lành sung túc. Vậy mà người đời vẫn không thèm phục ông.

Không ai biết tên thật của Thầy Bắt Bóng là gì. Thầy chuyên môn nhìn bóng để đoán chuyện người nên dân chúng trong vùng và quanh vùng gọi thầy là Thầy Bắt Bóng. Thầy sống với một thằng tớ trai tên Côn, tuy xấu xí nhưng khôn lanh, đảm đang mọi chuyện trong nhà.

Thầy Bắt Bóng xem chuyện riêng của quan Tổng Đốc bằng cách bảo ông hãy cử động để cái bóng rung chập chờn trên vách. Và khi đã thấy mọi cử động của chiếc bóng quan Tổng Đốc Nguyễn Đà xong, Thầy Bắt Bóng ngất xỉu. Sau đó thầy cho ông biết rằng:

— Đại nhân giữ chức cao, quyền hạn lớn, không tham ô, trên dưới phân minh, nhưng người dân không phục ngài vì một kẻ chận đường.

... Kẻ cản trở đại nhân không ở đâu xa, lúc nào cũng ở bên cạnh ngài.

... Kẻ đó chính là cái bóng của đại nhân.

... Đại nhân hãy suy nghĩ cho kỹ. Nếu cái bóng cản trở đại nhân thì một khi còn có nó nữa, người đời sẽ tâm phục ngài.

Nhưng khi Nguyễn Đà bảo thầy giải thích cho rõ ràng hơn thì thầy chỉ bảo:

— Đạo có thể nói được không phải là đạo thường; tên có thể gọi được không phải là tên thường. Không, là cái gọi trước trời đất; có, là gọi mẹ muôn loài.

Khi ra về, Nguyễn Đà bực dọc, những chấm mụn nhỏ trên mặt lại to hơn, những chấm mụn to lại mưng mủ. Tùy Hầu an ủi ông rằng lão Thầy Bắt Bóng già cả lẩn lộn, chắc gì đương sự nói đúng. Theo hắn thì "cái bóng của đại nhân là từ đại nhân sinh ra. Người ta thường nói, như hình với bóng, không có hình làm sao có bóng" (sic). Khi biết Nguyễn Đà muốn giết cái bóng thì Tùy Hầu can rằng cái bóng của ông và ông là một. Nếu cái bóng bị giết thì ông cũng chết theo.

Vậy là Tổng Đốc Nguyễn Đà tức giận, âm mưu với Tùy Hầu giết Thầy Bắt Bóng. Tùy Hầu đưa cho thằng Côn gói trà có tẩm thuốc độc. Thầy Bắt Bóng ngộ độc, trước khi chết có dùng ngón tay chấm vào trà viết mấy chữ trên bàn. Nhưng thằng Côn không hiểu thầy viết những gì.

Côn chuẩn bị hỏa táng Thầy Bắt Bóng, còn nó uống bát nước trà còn lại trước khi châm lửa vào giàn. Lửa bốc cháy, Côn quăng mình vào lửa, tự tử chết theo thầy.

Riêng Nguyễn Đà khi biết cuộc mưu sát của mình được hoàn tất, ông bỗng dưng thấy qua ảo tưởng, cái bóng ông đã mất. Thật ra, dưới ánh nắng chênh chếch bóng ông dài thêm. Ông chết đi vì hoảng hốt.

Nếu chúng ta hiểu cái bóng qua tư tưởng Phật Giáo là cái nghiệp của Tổng Đốc Nguyễn Đà vẫn thú vị như thường. Vì trong kinh Phật có câu: "Nghiệp theo đuổi chúng sanh như hình với bóng". Theo người Phật tử thì bởi vì Nguyễn Đà trong hiện kiếp hoặc từ trong bao tiền kiếp đã tạo nhiều nghiệp xấu nên ông phải lãnh cái ác quả ở kiếp nầy: không ai chịu tâm phục ông. Cái chết của ông cũng là sự trả quả theo câu ca dao: "Ngày xưa trả báo trời chầy. Ngày nay trả báo một giây nhãn tiền". Nếu chúng ta hiểu

truyện "Thầy Bắt Bóng" nầy qua kiến thức Phật học của lớp người bình dân thì Trần Long Hồ sẽ mỉm một nụ cười hoan hỉ như thường. Còn gì sung sướng cho anh hơn khi tác phẩm của anh được lồng qua lăng kính đạo Phật, trong khi đó anh dựa theo đạo Lão để làm cuộc bút trình cho văn chương mình. Trượt qua lãnh vực Phật giáo, mà vẫn giữ cái tinh túy của Lão giáo há không phải là điều thú vị cho anh hay sao?

Ở đây cái bóng là cái ẩn dụ cho dục vọng nói chung, tham vọng xấu nói riêng. Dục vọng là những mấu chốt, những cái ngăn, cái đập, những chướng ngại cản trở và phá hoại dòng sống tự nhiên lúc nào luân lưu thoải mái của chúng ta. Nguyễn Đà luôn bị chi phối bởi cái tham vọng muốn thiên hạ tuân phục mình nên ông không đạt được điều ông mong mỏi vì ông đã làm cho dòng luân lưu ấy chảy theo một hướng lệch lạc. Ông giết Thầy Bắt Bóng tức là ông làm cho cái hướng lệch lạc đó thêm trầm trọng. Đạo Lão không có nói về chuyện nhân quả. Nguyễn Đà chết vì ông đã ngăn chận dòng sống luân lưu của Thầy Bắt Bóng. Và đạo Lão vốn dựa trên cái vạn thể nhất lý (ta và người đều là Một). Nếu ta cắt đứt dòng sống luân lưu của tha nhân, tức là ta cắt đứt dòng sống luân lưu của ta.

Cái bóng thêm dài dưới ánh nắng còn có thêm cái ẩn dụ cho dục vọng Nguyễn Đà thêm nặng vì chuyện mưu sát Thầy Bắt Bóng. Qua lăng kính Phật giáo thì đó là cái nghiệp thêm nhiều, thêm kết nặng.

*

Những chuyện huyền thoại dựa trên tư tưởng của "Đạo Đức Kinh" tô đậm sắc thái riêng biệt cho văn chương của Trần Long Hồ. Nó lại còn thắp sáng cuộc hành trình văn chương của anh trong vấn đề soi rọi cái hiện hữu và cõi tâm linh của con người. Trước anh đã có Vũ Khắc Khoan viết về tư tưởng Lão Trang trong quyển "Thần Tháp Rùa". Song ông Vũ vốn thích ôm đồm. Ông chủ trương cái Tam Giáo Đồng Hành trong văn chương của ông. Ông lượm lặt một nhúm tư tưởng của ông Thích ca để bỏ vào bài văn nầy, nhặt nhạnh một vốc tư tưởng của ông Lão Đam để rải vào áng văn kia, tìm kiếm một ít tư tưởng của ông Khổng Khưu để gắn vào một áng văn khác nữa. Ông không thích nắm bắt một số lượng lớn của bất cứ tư tưởng nào để viết thành một tập truyện dựa hoàn toàn trên Lão giáo.

Trần Long Hồ thì khác. Anh chỉ chuyên biệt về ông Lão Đam. Nếu anh có trượt qua ông Khổng Khưu hay ông Thích Ca thì đó là ngoài ý muốn của anh. Anh như kẻ ăn một miếng cơm, nhai thật kỹ để biết thật rõ và hưởng thật trọn vẹn cái ngon của nó.

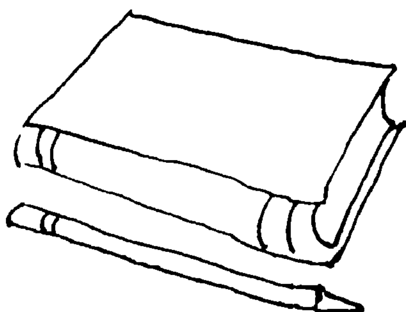
HỒ TRƯỜNG AN

Hiếu Thủy Thư Trai ngày 18 tháng 03 năm 1998.



LỆ HẰNG

NGÀY... THÁNG...



Áo quần và quần áo

Lần nào cãi lý với Hoàng tôi cũng ngao ngán chịu thua. Thứ Bảy tuần trước ỷ mình một cây viết truyện tình bạo phổi mê ly ướt át, tôi hăm hở vác chuyện nam nữ ra hỏi khó, một chủ đề dễ gây cảm cúm nhất... hồi còn đạo mạo thủ diễn vai giáo sư, chàng diễn Nôm diễn Hán mần tuồng ngang dọc làm sao ổn, để bình giảng chủ trương nam nữ thụ thụ bất thân qua hai câu thơ để đời của cụ Nguyễn Đình Chiểu:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai!

Hoàng cười hô hố trả lời một lèo thẳng băng không ngần ngừ nửa phút gọi là làm duyên với vợ: Thụ với không thụ gì! Bà phải nhớ rõ ngày xưa ông bà mình không có nhà tắm marble với lại vòi sen vòi táo gì ráo trọi, cũng không có khăn tắm khăn rằn chi hết, cứ tỉnh khô tắm sau bếp hay ngoài giếng, ngoài cầu ao, bến sông... rồi lúc lắc chờ khô mặc quần áo lại, vải vóc đâu bày vẽ áo tắm, áo choàng, khăn lông khăn liếc cho mệt, càng văn minh nhiễu sự càng khổ thân với đời. Vân Tiên đang tắm ở truồng, chắc như bắp là phải truồng cởi rồi không nhưng nhị chi hết, nghe Nguyệt Nga rục rịch trong nhà, Vân Tiên tưởng Nguyệt Nga đủng đỉnh xuống bếp nhãn tiền trông thấy của riêng còn một chút này... làm le, đành phải la làng lên như cụ Khổng nạt vợ... "Khoan khoan ngồi đó chớ ra!"

Tôi ngớ người ra... đành phải giả bộ thua để chàng lên giây cót giây thiều mở máy nói. Muốn cãi bướng cũng chịu, không hiểu hai câu thơ theo

văn cảnh trạng huống đó thì cũng chẳng còn cách nào lội ngược thời gian để rung cảm nổi ý thơ của tiền nhân.

Không biết Hoàng nói thật đến đâu và xạo tới cỡ nào qua lối bình giảng cắc cớ đó... Cũng không biết từ lúc nào loài người thủa hồng hoang biết ăn biết mặc, biết che bụng trên đậy bụng dưới? Chẳng rõ tới niên kỷ nào các cụ dòng Việt tộc mới chằng đụp khố chuối che thân hay dùng lá khô đậy những chỗ coi như cần phải dấu? Cũng chẳng rõ con người dùng áo quần cốt để che thân chống nóng chống lạnh hay dùng áo quần để che dấu thân xác vẫn được tôn giáo nghiêm nghị răn đe là tù ngục của tâm hồn, là đầu mối của bao nhiêu tội lỗi xấu xa? Hay thân xác chỉ là cái giá cho người ta treo móc áo quần để chưng diện thời trang bốn mùa xuân hạ thu đông như mấy cô kiểu mẫu thời nay?

Những câu hỏi đó cứ quần đi quần lại trong cái đầu bướng bỉnh của tôi nhân một chuyện tréo cẳng ngỗng vừa xảy ra ở Thị Xã Manly miền Đông Sydney.

Sydney vốn nổi tiếng là một trong những thành phố đẹp nhất của thế giới, có biển rộng núi hồ, nghỉ Hè có du thuyền, nghỉ Đông gần núi tuyết. Quanh cửa biển Sydney có nhiều bãi biển, trong đó một số được mặc nhiên dành riêng cho những người muốn tắm táp thoải mái tự do triệt để như Lục Vân Tiên của Hoàng. Cả đàn ông lẫn đàn bà cứ thênh thang dạo lên dạo xuống trên bãi biển như tổ tiên Adam và Eve ngày xưa nhông nhông trong vườn Địa Đàng. Hoàng kể hồi mới qua, một số anh em chân ướt chân ráo từ trại tỵ nạn đến Úc, một hai cứ nằn nì đòi Hoàng dẫn họ đến tận nơi thăm thú sự tình một vòng các bãi tắm khỏa thân như Lady Jane ở Watsons Bay hay Washaway ở Balgowlah cho đỡ ấm ức. Hoàng e ngại bảo họ chớ vội vã ham, khoan khoan đừng tưởng bở. Họ cả quyết đòi, dao quắm hải tặc, cá mập còn không sợ, ngán chi ba thứ súng bắn nước, cà nông cà cộ hay ngao sò ốc hến của người da trắng, trời cho dịp được tự do thưởng thức, dại gì không nghể, có mòn đi đâu mà sợ... Hoàng đành dẫn họ đi cho... biết mùi. Đến nơi dù còn ở xa bãi tắm, các cậu bắt đầu co vòi lại, chẳng người nào dám xông lên nhông nhông như thiên hạ, cậu nào cũng che chắn, lom khom thụt lùi, mắt cứ nhớn nhác đảo lên đảo xuống rồi thao láo như mèo thấy mỡ, không có cậu nào dám xông xuống bãi tắm, chim cò trót đành bày biện xớ rớ góc bụi đằng xa. Vậy nhưng cậu nào cũng chữa thẹn bô bô đòi lần sau phải trở lại đem theo mấy cái ống nhòm cực mạnh!

Hội đồng Thị Xã Manly năm ngoái đã ra lệnh đóng cửa bãi biển khỏa thân Reef Beach thuộc quyền quản nhiệm của mình. Nói "đóng" cho văn vẻ, biển của trời đất làm sao đóng mở, bãi vẫn tênh hênh sóng cát giữa trời, chỉ cấm tiệt người tắm không được trần như nhộng. Cấm cứ việc cấm, toàn

bãi có ma nào tắm táp kiểu thường tình thiên hạ đâu? Những kẻ nhút nhát lúc nào cũng phải cầu viện quần áo giây rợ chằng chịt có dám mon men mò đến loại bãi tắm đặc biệt này đâu! Cuối cùng bãi cấm tắm truồng vẫn ngông nghênh toàn những người mê trò chơi tiền sử bì bõm với nhau. Hội Đồng Thị Xã thấy lệnh của mình không nghiêm ức bụng quá phái nhân viên đi tuần các bãi biển "nude", gặp kẻ nào bất tuân cảnh cáo biên giấy phạt mỗi người một trăm tì Úc. Năm ngoái, hai nhân viên tuần tra của Thị Xã Manly đã biên phạt được mười người. Dân Úc đã được dịp ôm bụng cười bò khi tivi chiếu cảnh một đấng đại diện công quyền quần áo chỉnh tề, mũ áo đồng phục kín bưng từ đầu xuống chân khốn đốn ghi chép giữa một đống người trần truồng như nhộng vây trong vây ngoài ngồn ngộn toàn mông với mông. Giấy phạt đi, gửi đi gửi về không ai đóng phạt, họ ở trần, một chéo vải trên người không có mò đâu trên thân họ mẩu giấy ủy thân chỉ rõ họ tên và địa chỉ!? Những kẻ phạm luật cứ việc nghiêm chỉnh khai tên những Hawke, những Keating, Howard ai làm gì được họ? Thượng Đế thủa xưa có nhọc hơi bày ra những cái trò vớ vẩn đóng mộc này mộc kia trên thân thể mỗi người để giữ rịt lấy license sáng tạo của ngài đâu? Tốn tiền thuế dân cuối cùng truy ra giấy phạt chép toàn tên ma. Hội Đồng nóng mặt muốn truy tố ke khai gian ra tòa cũng chẳng biết truy ai?

Suốt cả mùa hè chỉ biên phạt được mười người, thành tích kể cũng không có gì đáng để City Council Manly một khu vực nghỉ mát nổi tiếng sang trọng huênh hoang tự hào. Nhưng nghĩ lại cho kỹ, ghi được tên tuổi địa chỉ những mười người truồng cời giữa thanh thiên bạch nhật, chuyện không ngon xơi chút nào, bao nhiêu nhân viên công lực xém mang bệnh tâm thần vì thành tích này rồi đó. Cảnh một nhân viên tuần tra áo quần đầy đủ chặn một người đang tồng ngồng hóng gió trên bãi biển hoặc kêu một người đang bì bõm nhảy sóng bắt lên bờ, hỏi tên tuổi, địa chỉ? Chuyện gì xảy ra nếu đày tớ của nhân dân Úc chặn phạt một người khác phái? Phải đối mặt với người khác phái hoàn toàn lõa lồ, vây quanh khoảng 7, 8 người cũng trần truồng đứng coi "kẻ lạ mặt" quần áo kín bưng như người hành tinh để chọc ghẹo hay hiếu kỳ xầm xì bình phẩm? Các vởi bạn nhân viên tuần cảnh chắc chắn rủn hết người, mắt hoa lên còn thấy trời trăng thiên địa gì nữa hòng ghi giấy phạt theo nghiêm lệnh của cấp trên? Kẻ đó chỉ còn đường ôm đầu chạy lui như mấy người anh em của Hoàng thôi! Chưa xong; thấy một người đang trần truồng bì bõm dưới nước kêu lên biên phạt, kẻ ở truồng giả điếc tiếp tục chơi với sóng, người hành luật biết xoay sở sao đây? Chẳng lẽ để nguyên quần áo nhảy tòm xuống lôi người đó lên? Ướt như chuột lột còn chi thể thống của nhà nước? Cho nên suốt cả mùa hè ghi phạt được mười người vi phạm lệnh cấm, kể cũng đáng chép vào thành tích

vẻ vang dân Úc rồi đấy!

Thua keo này bày keo khác, Hội Đồng Thị Xã Manly không phải là Hội Đồng Chuột để dân ở truồng dỡn chơi qua mặt như vậy được. Council họp lên họp xuống tìm biện pháp mới để truy kích những người ngoan cố trốn phạt. Hội Đồng lấy công quĩ tranh bị cho nhân viên tuần tra mỗi người một máy hình, phạt ai, a lê hấp bấm lách cách chụp ngay hình người đó in vào phim về bót in ra làm bằng chứng truy tố đương sự ra tòa nộp phạt. Nhưng chụp hình thế nào đây? Núp trong bụi lén hay xông ra công phai chận đường xin chụp hình ngực mông đùi vế như mấy ký giả chụp hình tài tử? Mặt khác, làm thế nào để biết chắc các nhân viên tuần tra của thị xã không cất riêng những lô hình quí báu ngoạn mục đó làm collection

chơi hay đem bán cho mấy tờ Playboy, Penthouse, People...? Chưa chừng tới lúc đó dân truồng cời tức khí hè nhau đi kiện hội đồng tội toa rập với Playboy, Penthouse làm tiền bất chính trên thân thể da thịt rất ư kín đáo và riêng tư của người dân?

Còn mấy năm nữa nhân loại bước vào thế kỷ 21 vẫn có những người vờ vịt ngất ngơ muốn ôm đầu máu lội ngược về thế kỷ 15, 16. Hội Đồng Thị Xã Manly này... chắc bị bệnh hoang tưởng. Con người khi lọt lòng mẹ có ai súng sính quần này áo nọ đâu? Hoa hồng hoa huệ, lan, cúc, cẩm chướng anh đào, tulip... cỏ cây muôn loài chẳng hoa nào chịu mặc quần vẫn cứ đẹp như thường? Tại sao con người phải hổ thẹn với chính thân xác của mình?

Thành phố thiên thần

NgƯỜI Mỹ rất hãnh diện về Los Angeles, họ gọi đó là thành phố của thiên thần. Từ khắp các tiểu bang, những đàn ông đàn bà nhiều ngƯỜi rực rỡ hơn cả thần nam thần nữ trong huyền thoại Hy Lạp đã đổ xô về Los để săn lùng một thứ tương lai chói chang nào đó. Nếu bạn kẻng trai đẹp gái hơn thiên hạ, hoặc có một nhân dáng xù xì cổ quái, hoặc tài ba láu vặt hay ma thuật võ thuật tài tình, lọt vào đôi tay phù thủy của một ông đạo diễn, bạn có thể biến thành một siêu sao điện ảnh, tiền tình danh vọng sẽ ùa đến với bạn nhanh hơn gió bão. 'Eo Lê' nói theo lối Mỹ, tắt gọn, nuốt giọng nuốt chữ. Tôi nhớ mãi những ngày đầu ngơ ngác đặt chân xuống Los, mấy cô con gái dặn đi dặn lại, mẹ nhớ lấy bankcard thủ sẵn đi một vòng shop Eo Lê mua áo quần mốt nhất diện sang một chút, đền cho những năm kẹt ở Việt Nam mặc hoài áo cũ. Tôi cứ trợn mắt vểnh tai nghe hoài không thủng, phải nửa giờ sau Eo Lê thế này Eo Lê thế nọ tôi mới ngã ngửa ba công nương của tôi đang kể chuyện The Boulevard, The Sunset Avenue của Los.

Chính ở Eo Lê này có một cặp vợ chồng già, chuyện của họ đang làm cho dân Mỹ cười nát cả lòng, cười chảy nước mắt. Bà cụ tên Mary 71 tuổi, ông cụ Raymond 75 tuổi. Hai ông bà sống bằng tiền già khoảng 940 đô la một tháng. Tháng trước sở thuế báo cho ông bà biết bắt đầu từ tháng Tám sắp tới nhân viên công quyền của Hiệp Chủng Quốc sẽ khấu trừ mỗi tháng một nửa số tiền già của ông bà để trừ nợ.

Sinh ra, lớn lên, rồi già đi vội vàng ngay trong lòng nước Mỹ, hơn ai hết vợ chồng già hiểu Sở Thuế oai quyền tối thượng như thế nào rồi, hai ông bà run rẩy nhìn nhau. Vài hôm sau, ông bà lại hân hạnh được sở nhà đất dọa sẽ truy thâu khoảng 1200 đô la thuế thổ trạch đã mấy năm chồng lên nhau, hai cụ lú lẫn quên không chịu trả cho nhà nước, hai ông bà càng rụng rời hơn, không biết moi tiền đâu ra để đóng. Bà cụ Mary ngoài bệnh

già khó ăn khó ngủ, thêm bệnh tiểu đường mỗi ngày một nặng. Thân già còn nặng nợ, nợ ai không nợ nhè ngay nhà nước Mỹ hùng cường hạng nhất để mắc nợ, nghiệt hết sức. Tiền già thiếu hụt cũng vì nước mắt muôn đời cứ chảy xuôi, hai ông bà lọm khọm cứ mủi lòng tiếp tay đỡ đần con gái khi một trăm khi năm chục, chưa kể quà bánh cho cháu ngoại hai tuổi rưỡi. Cặp vợ chồng trẻ này như hàng trăm triệu gia đình nghèo ở Mỹ lúc nào cũng thiếu trước hụt sau,theo thiên hạ bù đầu, hai lỗ tai lúc nào cũng lùng bùng nghe như đạn réo, nghĩ cha mẹ có tiền già, lúc ngặt vẫn bò về xin xỏ. Cớ sự là như vậy. Mấy ngày liền bà Mary ngậm miệng không ca cẩm than thở nửa lời với ông lão như mọi khi vẫn than. Ông lão ra vẻ cũng chăm chú nghe ngóng dòm chừng bà lão, thỉnh thoảng ông thấy mặt bà lão nghiêm hẳn lại, hình như trong bụng bà đã quyết làm một cái gì đó để cứu gia đình, giúp những người thân yêu của cụ thoát cảnh nợ nần túng rối. Ông lão chịu không sao mò ra nổi, thân già, bà lão có thương chồng thương con đứt ruột cũng phải bó tay giữa một xứ sở hàng đầu của loại kinh tế thiên la địa võng này. Đêm Thứ Bảy 4.4 Cụ bà lục đục trong nhà một lúc rồi lái xe xông vào đêm tối. Vài giờ sau bà lão lặng lẽ trở về, cụ có vẻ căng thẳng lắm nhưng quyết không để cho người thân trong nhà thấy mặt cụ xọm đi, cụ lật bật leo lên giường nằm co ro ôm bụng. Bà lão nằm chưa nóng chỗ, xe cảnh sát hụ còi ập đến vây chặt bốn phía, đèn pha mấy ngàn watts rọi sáng trưng từ đầu tới cuối đường, bắt loa hạ lệnh mọi người trong nhà phải lần lượt ra đầu hàng. Cụ Mary hai tay dơ lên đầu lủi thủi bước ra cho cảnh sát còng tay dẫn đi. Chuyện xảy ra hồi hộp gay cấn như phim ảnh... bà lão lọm khọm biến thành kẻ cướp có vũ trang. Lúc xẩm tối bà lão đã lén lút mang khẩu súng cà cộ thời đệ nhị thế chiến của gia đình lái thẳng xe đến một trạm xăng vắng khách trong vùng, bắt chước người trong phim, bà lão cũng dõng dạc chỉa nòng súng vào ngực chủ trạm xăng ra lệnh chủ trạm có bao nhiêu tiền phải vét hết cho cụ. Quầy tiền ở sau khung kính chắn đạn, cụ cứ lăm lăm chĩa súng vòi tiền. Cụ có bắn cũng chẳng chết thằng ma rốc nào, người chủ trạm xăng cố nín cười, tỉnh bơ bốc điện thoại gọi cảnh sát. Thấy hỏng giò, ăn cướp không phải một nghề dễ học, bà lão Mary làu bàu rủa thầm mình ỷ già không chịu học hỏi thủ thuật của hậu sinh kỹ hơn, cụ vụng về nhét súng vào xắc rồi hối hả bỏ đi. Lúc cụ chui vào xe, người chủ trạm xăng đã nhanh mắt ghi được số xe của cụ. Cảnh sát lục nát nhà tìm thấy khẩu súng han rỉ không có đạn. Khán giả truyền hình toàn nước Mỹ há hốc miệng khi người chủ trạm xăng nói với phóng viên truyền hình: 'Lúc đó tôi thật không dám tin vào lỗ tai của tôi nữa kìa, bà lão chĩa súng ra lệnh cho tôi có bao nhiêu tiền tống hết vào bao đưa cho cụ, cấm cự nự, cấm không được gọi cảnh sát!' Viên sĩ quan cảnh sát, người chỉ huy vụ lùng bắt 'lão bà

đạo tặc' đã buồn rầu tuyên bố với báo chí : 'Suốt 32 năm lăn lộn trong nghề, tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chém giết tàn sát, nhưng đây có lẽ là chuyện đau lòng nhất mà tôi đã phải trông thấy, tệ hại hơn tôi phải dự phần bắt giữ một bà lão lúc dơ tay đầu hàng, hai chân run lẩy bẩy như bà cụ Mary này.

Một bà già 71 tuổi bị bệnh tiểu đường sắp chết, dùng một khẩu súng cà tàng không có đạn âm mưu đánh cướp một trạm xăng, ngờ nghệch đến nỗi không biết tấm kiếng chống đạn ở quầy thu tiền là thứ quái quỉ gì, không biết ngụy trang bịt mặt, không che bảng số xe hoặc tiện dụng hơn lái xe ăn cắp để hành sự. Những nguyên tắc sơ đẳng này tên cướp hạng bét nào cũng phải biết. Lúc cảnh sát ập đến, súng ống đầy người lão bà chỉ còn đường líu ríu dơ tay cho cảnh sát bấm còng, không la lối chống cự, không cúi đầu chùm khăn che mặt, cũng không thề thốt van xin chạy tội. Cụ định làm một vố vừa đủ để thanh toán nợ nần với nhà nước. Bà lão không phải là kẻ ham tiền, cụ chỉ muốn làm tròn phận sự của kẻ đang mang công mắc nợ ông nhà nước giàu muôn tỉ là nước Mỹ của cụ. Cụ không xông vào ngân hàng để cướp tiền bằng bao bố. Cụ chiếu cố trạm xăng nhỏ ế ẩm vắng khách hy vọng cướp được một số tiền nhỏ giúp gia đình qua cơn túng ngặt.

Uổng hết sức, cụ bà Mary Blanco không phải là một Calamity Jane, một Bonnie & Clyde, một Bad Girl của Mỹ hay một Phoolan Devi Nữ Hoàng Đạo Tặc của Ấn Độ. Cũng một hàng đạo tặc với nhau, bà Devi vừa đắc cử ghế dân biểu tiểu bang Attar Pradesh trong quốc hội Ấn. Trước đây bà Devi từng làm rúng động giai cấp qúi tộc và chính quyền Ấn khi ra tay hạ sát 22 người đàn ông Hindu thuộc giai cấp thượng đẳng, sau đó bà bị cảnh sát săn lùng, bị kết án, ra tù, bà được liệt kê vào danh sách những người đàn bà quyền lực nhất của thế giới. Cuộc đời ly kỳ của bà đã được dựng thành phim. Cuối cùng nhờ giàu có bà Devi trở thành dân biểu, thắng ông Virender Singh 6700 phiếu. Giá chi cụ Mary Blanco đừng nóng vội, biết đâu cụ cũng có cơ may trở thành Bandit Queen như ai vậy, chưa chừng còn được đóng phim hốt bạc triệu dễ như bỡn. Thất bại quá sớm, cụ chỉ là hiện thân thê thảm của một xã hội kẻ ăn không hết người mò không ra. Tại sao bà lão Mary đạt kỷ lục lạ đời- trở thành m cướp có súng già tuổi nhất của thế giới? Kỷ lục này đáng cho dân Mỹ hãnh diện hay gục mặt xuống đất? Sở thuế, sở nhà đất, cảnh sát, những ông bà chúa ngục chắc chắn sẽ không mất công hỏi nhau Why này? Why nọ? như các nhà hiền triết. Cụ Mary ăn cướp có súng, có dự mưu, có tang vật, có bằng chứng đủ để nhốt cụ, đưa cụ ra toà, tống cụ vào tù, hoặc đưa cụ lên ghế điện nếu cụ lỡ tay gây thêm cảnh chết người. Luật pháp không mất công tìm tòi những lý do tại sao có tội ác? Hoàn cảnh nào đẩy con người nhúng tay vào tội? Họ nhất

dịnh làm lơ né thật xa những vấn nạn này. Bởi đào sâu tới cùng cội nguồn của tội ác có hai điều chắc chắn sẽ xảy ra: hoặc ai cũng có tội, hoặc chẳng ai có tội cả. Người công chính nhất của nhân loại chính là Jesus, Ngài đã phán đi phán lại nhiều lần trong kinh thánh: 'Đừng kết án nếu người không muốn bị kết án.' Jesus dạy như vậy, ai cũng cúi đầu dạ vâng. Nhưng tuân theo ý Chúa đóng cửa nhà tù, bãi bỏ luật pháp, xã hội sẽ loạn. Những người nghèo như bà cụ Mary cả nhà sống nhờ tiền dưỡng lão 'đông ke' họ sẽ rung đùi ngủ thẳng giấc. Chính những ông nhà giàu, những tai to mặt lớn của ăn của để đời con, đời cháu không biết vứt lỗ nào cho ổn mới là kẻ sợ loạn hơn ai hết. Chính họ đẻ ra luật, bắt ép dân chúng hành luật gắt gao để ngừa loạn. Vo tròn bóp méo luật pháp cũng họ, luồn lách phù phép qua mặt vù vù những bộ luật dầy cộm bí hiểm cũng họ. Nước Mỹ mạnh dữ mới có thể sản xuất ra một hiện tượng quái dị bi hài như cụ Mary Blanco! Cụ là một sản phẩm made in USA thứ thiệt. Cụ là biểu tượng sống động nhất của tinh thần cow boy, có súng là có tất cả. Nếu không tin vào súng, và nếu không có súng cụ sẽ không đời nào tính chuyện đi ăn cướp với con dao làm bếp hay cây gậy đánh chó của cụ. Chuyện gì sẽ xảy ra cho gia đình ông bà Blanco? Dân Mỹ dấu mặt đi hay vênh vang kiêu hãnh trước câu hỏi này? Điều chắc chắn con cháu cụ sẽ nheo nhóc hơn, ông cụ Blanco sẽ héo mòn sau vụ nầy và có thể qua đời không thấy mặt vợ. Bà lão nếu không chết rũ trong tù cũng chết lần chết mòn trong dưỡng trí viện nào đó vì... bệnh điên.

LỆ HẰNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



SÓNG TỪ TRƯỜNG, tiểu luận phê bình của Thụy Khuê. Bìa tranh Lê Bá Đảng, Khánh Trường trình bày. Phụ bản gồm hai tranh sơn dầu (in màu) của họa sĩ Lê Thị Lựu. Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK.

Tác phẩm thứ hai sau *Cấu Trúc Thơ* cũng do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1995. *Sóng Từ Trường* tập hợp những bài viết đã đăng rải rác trong vòng mười năm qua (1988-1998) trên các tạp chí văn chương hải ngoại, liên quan đến một số tác giả tác phẩm thuộc mọi lĩnh vực: Ca sĩ (Thái Tanh); Nhạc sĩ (Phạm Duy); Điện ảnh (Trần Anh Hùng); Họa sĩ (Lê Bá Đảng, Phạm Tăng, Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Bé Ký); Nhà văn (Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Võ Thị Hảo); Nhà thơ (Lê Đạt, Nguyễn Thị Thanh Bình).

Rất quen thuộc với thính giả quốc nội qua chương trình Văn Học Nghệ Thuật của đài phát thanh RFI (Pháp), cùng độc giả của các tạp chí văn chương tại hải ngoại nhiều năm nay, Thụy Khuê được đánh giá là một ngòi bút lý luận, phê bình có sức làm việc mạnh mẽ, có tầm nhìn bao quát, và nhất là có một tấm lòng tha thiết rất mực với văn học, nghệ thuật Việt Nam.

KHÔNG MỘT VÒNG HOA CHO NGƯỜI CHIẾN BẠI, truyện dài Thế Uyên. Bìa tranh Nguyên Khai. Xuân Thu xuất bản. Giá 15MK.

Trong "Ghi chú cho lần in thứ nhất", tác giả đã giới thiệu "Không Một Vòng Hoa Cho Người Chiến Bại" *là "chuyện đời thường" của bốn anh em một gia đình ven ở Hồ Tây, Hà Nội, phiêu lưu trong cuộc đời của họ*

trong nửa thế kỷ vừa qua, từ miền Bắc xuống miền Nam của Việt Nam, từ Việt Nam đến tận Hoa Kỳ, với tất cả những thăng trầm yêu đương tình dục của họ. Và ông khẳng quyết: *độc giả nào chỉ thích đọc loại văn tải đạo, sách tuổi hồng tuổi xanh, đề cao anh hùng liệt nữ, sách chống cái này theo cái kia về chính trị, thì không nên đọc truyện dài này*

Qua những dòng giới thiệu trên, độc giả đã có thể mường tượng phần nào nội dung của cuốn sách.

Từng được đánh giá là nhà văn "cấp tiến" trong mọi thời điểm, tác phẩm của Thế Uyên thường gây ra nhiều phản ứng trái ngược từ dư luận độc giả. Lắm người thích, không ít người chê, tuy nhiên, dù chê hay khen, tất cả đều đồng ý: Ông là một nhà văn có cá tính mạnh.

SƯ PHỤ, tập truyện Trần Long Hồ. Tranh bìa: Tranh thủy mặc vẽ Lão Tử, không đề tên tác giả. Minh Văn xuất bản. Giá 11MK. Liên lạc: Minh Văn, 2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042. USA. Tel: (703) 698-8490. Fax: (703) 538-6403.

"Sư Phụ" gồm sáu truyện ngắn trong loạt truyện được sáng tác dựa trên những huyền thoại, truyền kỳ xa xưa (đã xuất bản một cuốn: "Ông Kỳ Lân", Minh Văn, 1996). Theo tác giả, loạt truyện ngắn này thoát thai từ cốt tủy của Đạo Đức Kinh, tuy chỉ nói đến những chuyện "đời xưa", nhưng đó là những chuyện của muôn đời, mãi mãi, không bao giờ cũ.

Chưa vội bàn đến nội dung, chỉ nói đến "tốc độ" sáng tác, Trần Long Hồ đã làm mọi người kinh ngạc: Trong vòng 7 năm, ông cho ra đời 14 tác phẩm, trong đó, có bộ trường thiên "Dung Thân" đã viết và xuất bản được 3 tập. Kinh ngạc hơn nữa: viết văn lại là nghề tay trái của Trần Long Hồ. Là một bác sĩ, Trần Long Hồ phải dành toàn thời gian cho công việc y khoa tại phòng mạch riêng, ông chỉ sáng tác được sau giờ làm việc, hoặc những khoản thời gian ngắn hiếm hoi khi vắng bệnh nhân.

LẦN CUỐI, SÀIGÒN, thơ, truyện, tiểu luận Nguyễn Quốc Trụ, Bìa Khánh Trường. Văn Mới xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: nhà xuất bản Văn Nghệ.

"... người Việt Nam bỏ nước ra đi, khi họ quyết định lấy "nước" thay vì "đất" để dựng nước, tất cả đều cảm nhận, đã có một đứt đoạn lịch sử với quá khứ, với truyền thống, theo nghĩa, họ không còn trông mong sự lập lại, không mong ở quá khứ một niềm an ủi mà là một quyết tâm, một khởi đầu. Tất cả là khởi đầu, ở nơi đất lạ, thiên nhiên, con người đều tỏ vẻ thù nghịch, hội nhập là vấn đề sống chết, có người đành hy sinh hoàn toàn quá khứ, có người đành phải kéo dài...

"Dòng văn chương hải ngoại... Sau một phần thư tuy đau xót nhưng là "tất yếu" đối với chúng ta, sau sự đứt đoạn, bắt buộc phải có một nghệ thuật khác, nghệ thuật của sự cứu rỗi.

"Ở đây, cuốn sách nhỏ bé này, chỉ là sự cứu rỗi cho một cá nhân, một gia đình..." (Bạt, tác giả)

"Lần Cuối, Saigòn" là tác phẩm thứ hai của Nguyễn Quốc Trụ. Cuốn đầu, "Những Ngày Ở Saigòn" do Đêm Trắng xuất bản năm 1970 tại miền Nam Việt Nam.

NÓI THẦM VỚI ĐÁ, tập truyện Lệ Hằng. Bìa Khánh Trường, Tân Thư xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Tân Thư, P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA.

Lệ Hằng, tác giả của 14 tác phẩn đã xuất bản trước 1975 tại Saigòn, và 5 cuốn khác đã xuất bản tại hải ngoại là một tên tuổi quá quen thuộc với độc giả Việt Nam.

Từng được mệnh danh là một Francoi Sagan Việt Nam, hầu hết tác phẩm của bà đều khá táo bạo, nếu so với các tác giả cùng thời.

Người đọc nhận thấy một khoảng cách rất rõ rệt giữa Lệ Hằng trước 75 và Lệ Hằng bây giờ. Nói cách khác, bút pháp của bà trưởng thành tỉ lệ thuận với tuổi tác. Vẫn mạnh mẽ, táo bạo nhưng trầm tĩnh và chín hơn, mỗi truyện ngắn của Lệ Hằng hôm nay có thể xem như một công trình mỹ thuật tiến khá gần đến sự hoàn chỉnh.

HƯƠNG PHẤN TRÙNG KHƠI, thơ Diên Chi, tác giả xuất bản, bìa Hồ Hữu Hiền, tựa Võ Long Tê. Không ghi giá bán. Liên lạc: 1800 De Lorimier, Longueuil, Kebec, Canada, J4K 3N5.

ÁNH MẮT, Tập truyện Trương Anh Thụy, Cành Nam xuất bản, bìa Khánh Trường, phụ bản Võ Đình, giới thiệu Nguyễn Ngọc Bích, bạt Nguyễn Mộng Giác. Giá 13MK. Liên lạc: 2607 Military Rd., Arlington, VA 22207. USA.

Gồm 14 truyện ngắn được viết bằng một bút pháp torng sáng, nhân hậu. Có truyện hư cấu hoàn toàn; có truyện dựa từ một mẩu tin ngắn đã đăng trên báo tuần, báo ngày; có truyện thoát thai từ kinh nghiệm của chính bản thân, hoặc của bằng hữu thân sơ mà tác giả từng có dịp tiếp xúc.

Nếu chức năng của nhà văn là rao giảng mọi điều thiện, thì Trương Anh Thụy đã làm tròn chức năng ấy một cách chu đáo. Trong truyện ngắn của bà không có cái ác, cái xấu, hoặc nếu có chăng nữa thì cũng được bà soi nhìn bằng con mắt bao dung, tha thứ.

Đọc *Ánh mắt* để thấy cuộc đời dù thế nào, vẫn đáng yêu, đáng sống.

SOUS UNE PLUIE D'ÉPINES, tập truyện Trần Vũ, Phan Huy Đường chuyển sang Pháp Văn, nhà xuất bản Flammarion. Giá 105.00 FF.

Gồm sáu truyện ngắn được rút từ hai tập truyện *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* (Thời Văn, California, 1989) và *Cái Chết sau Quá Khứ* (Hồng Lĩnh, California 1993)

Được đánh giá là một trong vài nhà văn sáng giá của văn học hải ngoại, nhiều năm nay, tên tuổi Trần Vũ hẳn không xa lạ gì với độc giả trong cũng như ngoài nước.

Flammarion là một nhà xuất bản lớn, uy tín của Pháp, và qua khả năng dịch thuật vững vàng của dịch giả Phan Huy Đường, người ta hy vọng tác phẩm sẽ tạo được tiếng vang tốt trong giới độc giả thông thạo Pháp ngữ.

Chúng tôi còn được biết thêm, cuối năm nay, nhà xuất bản Hyperion tại Mỹ sẽ phát hành một tập truyện ngắn cũng của Trần Vũ được chuyển sang Anh ngữ bởi Nina McPheson & Phan Huy Đường mang tên The Dragon Hunt (Săn Rồng).

BÊN KIA LÀ NÚI, truyện dài Lệ Hằng, bìa Khánh Trường, Mõ Làng xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: 774 Gheqry St., San Francisco, CA 94109. USA

Như chúng tôi vừa nhận xét bên trên về tập truyện "Nói Thầm Với Đá": văn chương Lệ Hằng hôm nay trầm tĩnh hơn, sâu lắng hơn, và nhất là vững vàng hơn về mặt kỹ thuật. Nhận xét này cho chúng ta một cái nhìn lạc quan: Lệ Hằng là một trong số rất ít những nhà văn của Sài Gòn còn tiếp tục cầm bút ở hải ngoại sau cuộc bể dâu 1975, đã vượt được chính mình, để tiến về phía tương lai bằng những thành tựu bứt phá.

QUẢNG ĐÀ, đặc san biên khảo văn học nghệ thuật, bìa Hạ Quốc Huy, Sông Thu xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: P.O.Box 428, Rosemead, CA 91700. USA.

Một tuyển tập thơ văn biên khảo trọng lượng (nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) do nhà thơ Thái Tú Hạp và Ái Cầm chủ trương, xuất bản định kỳ mỗi năm hai số.

Gần 100 tác giả gốc Quảng Đà hoặc liên hệ ít nhiều với Quảng Đà đã góp mặt trong đặc san này. Nhiều bài chuyên khảo và sáng tác thơ văn giá trị, xứng đáng được tìm mua, tìm đọc, nhất là những độc giả ghiền xơi... mì

Quảng Vĩnh Điện, cao lầu Hội An.

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH, U HOÀI, CÚI ĐẦU, Một truyện ngắn và hai truyện vừa của Doãn Quốc Sĩ in chung thành một tập. Bìa Ngọc Dũng. Văn Hóa xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc: 2606 Main St # 112 Houston, TX 77002. USA.

Như chúng tôi đã giới thiệu trong mục này ở những số đã qua, nhà văn Doãn Quốc Sĩ đã giao cho nhà xuất bản Văn Hóa in lại toàn bộ tác phẩm của ông dưới tên DOÃN QUỐC SĨ TOÀN TẬP. Công trình này dự trù hoàn tất trong vòng ba năm tới, gồm tất cả 9 tập. Đây là tập thứ III.

VIỄN KHÁCH, kịch thơ của Hoa Thu, Lê Huyền Linh. Bìa Phan Tại. Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội. Không ghi giá bán.

Trong vòng 50 năm nay, nhiều người hiểu lầm kịch thơ Viễn Khách là của Hoàng Cầm, rồi Hoàng Công Khanh.

Trong tờ chương trình của ban kịch Hồn Nước khi trình diễn vở "Bến Nước Ngũ Hồ" của Hoàng Công Khanh tại thành phố Long Beach, California, Hoa Kỳ có ghi trong phần tiểu sử Hoàng Công Khanh: Năm 1952: viết kịch thơ *Viễn Khách*, bút hiệu Hoa Thu.

Trên báo Văn Nghệ của Hội Nhà Văn Việt Nam số 49 năm 1993 chính Hoàng Cầm đã lên tiếng trong bài viết "Ai Làm Viễn Khách, Ai Là Hoa Thu?" phủ nhận gán ghép sai lạc kia: "... đó là một kịch bản bằng thơ hoàn toàn không có một dấu hiệu gì của tôi từ câu chuyện, nội dung, đến từng câu, từng chữ...". Hoàng Cầm còn "ngạc nhiên" hơn khi thấy sự gán ghép sai lạc này được đội thêm một cái mũ chính trị: "... trong một tờ báo của người Việt tại Mỹ (...) khẳng định rằng Hoàng Cầm viết vở Viễn Khách hồi đầu kháng chiến chống Pháp và trong nội dung kịch bản, Hoàng Cầm ngỏ ý muốn bỏ kháng chiến, về thành! (...) Tôi luôn nghĩ đến sự cần thiết phải đính chính những lầm lẫn ấy cho đúng với sự thực lịch sử..."

Ngày nay, kịch thơ có lẽ không còn là món ăn hợp khẩu vị của hầu hết khách thưởng ngoạn. Tuy nhiên, những sự kiện xảy ra chung quanh vở kịch này có thể xem là một giai thoại văn học khá thú vị.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



Bà **Nguyễn Huỳnh Nh.** (Seattle): Chúng tôi đã nhận được phiếu mua dài hạn. Đã gửi báo hạng Fisrt Class như bà yêu cầu, nhưng bưu điện trả lại, ghi "Không người nhận". Rất tiếc bà không cho biết số phone nên chúng tôi chả thể liên lạc để hỏi lý do. Rất mong bà cập nhật địa chỉ chính xác qua điện thoại, hoặc mail để chúng tôi gửi bù. Kính

Bà **Trần Văn A.** (Seattle): Cảm ơn cuốn kịch thơ Viễn Khách bà gửi tặng. Giai thoại chung quanh tác giả và tác phẩm khá thú vị. Rất tiếc, đúng như bà nói, cuốn sách lỗi chính tả nhiều quá, người chịu tránh nhiệm biên tập và sửa bản in có vẻ tắc trách.

Theo chúng tôi nghĩ thì cuốn kịch thơ Viễn Khách được in lại là điều tốt. Nó là một tư liệu văn học quí, tuy nhiên, nếu bà định in thêm một bản ở hải ngoại e.... không nên. Chắc chắn sẽ không bán được, thơ, đã khó bán, huống hồ kịch thơ. Ngay như các loại tiểu thuyết và tuyển tập truyện ngắn hình như cũng đã... hết thời. Sách in khoảng từ 300 đến 500 bản, bán mãi vài năm chưa hết. Nhiều vị in xong, phải khuân vác đi "lưu diễn" khắp nơi, gọi là "ra mắt sách" để nhờ bạn bè, chiến hữu (quân đội, đảng phái, các tổ chức tôn giáo...) ủng hộ. Mỗi nơi bán được vài chục cuốn, một hai trăm cuốn (coi như "thành công lớn"). Khổ nổi, lối bán rao này, xét sâu, rất lấy làm tủi hổ! Thiên hạ mua vì lý do tình cảm, hoặc, vì "nó mời, mình không thể không đi, đã đi, không thể không mua", hoặc tệ hơn, "quảng cáo cho tên tuổi và cơ sở thương mại của các ông bà chủ tiệm": mua một cuốn sách với giá "ủng hộ" vài ba chục, thậm chí vài ba trăm, để được đăng tên tuổi lên các báo, nhờ thế, hãng làm kẹo kéo hay hãng sản xuất xì dầu nước tương của "ông / bà chủ" được "đồng hương" quen mặt, biết tên, tạo tương quan nhân quả: hàng họ của quí ông / bà ấy sẽ bán chạy hơn. Với loại "độc giả"

này, chín mươi bốn phẩy bảy phần trăm sách của các tác giả sẽ, trong tương lai rất gần (chiều hôm ấy, tối hôm ấy, hay có thể liền tù tì sau khi khách mua rời nơi "ra mắt"), sách sẽ nằm chung chạ với... rác trong một thùng rác ở góc đường. Khá hơn một tí, sẽ lăn lóc mốc meo trong garage, làm mồi cho côn trùng! Thật, chưa có thời nào chữ nghĩa bị "hạ phẩm giá" thê thảm như thời này!

Chỉ có một loại còn tương đối "ăn khách" là hồi ký chính trị của những nhân vật "phản kháng" hay "ly khai" với chế độ Việt Nam hiện thời.

Qua hiện tượng trên, người ta dễ dàng suy ra: tại hải ngoại, độc giả trẻ hầu như không có (và nếu có, họ cũng không mấy quan tâm đến chuyện chính trị, nhất là thứ chính trị một chiều của lớp cha chú trong cũng như ngoài). Vậy, lớp người còn chịu khó đọc sách tiếng Việt đều trên tuổi bốn lăm. Ở tuổi này, ông nào bà nào cũng đã là cha, mẹ, hoặc ông bà nội ngoại, tiểu thuyết hoặc truyện ngắn ái tình linh tinh hẳn nhiên không thể hợp khẩu vị nữa rồi, mà chuyện triết lý cao xa, sâu thẳm, hay chuyện "sứ mệnh cao cả và thiêng liêng của văn chương" cũng trở thành chuyện tầm phào. Họ đọc sách (hồi ký) để hy vọng tìm thấy chút dĩ vãng của mình, của thế hệ mình còn lẩn khuất đâu đó trong những trang chữ. Để mỗi sáng, lê la ở các quán cà phê "văn nghệ", tán lảm nhảm nhăng nhít với nhau chuyện quê hương, đất nước, chế độ, nhân vật này, tên tuổi nọ... cho ra điều ta đây cũng ưu thời mẫn thế! Có người bảo đó là "trò yêu nước hàm thụ" nặng tính chất bi hài của người Việt (trung niên và già) ở hải ngoại.

Có dịp ghé Seattle, sẽ xin được gặp bà và "dông dài" ba điều bốn chuyện, gọi là "mua vui cũng được một vài trống canh". Kính.

Anh **Lê Văn Ph.** (Florida): Tòa soạn xin lỗi đã gửi báo hạng tư thay vì hạng nhất đến anh. Người đánh máy cập nhật danh sách độc giả chỉ quên đánh mẫu tự F trên label là báo bị gửi "xuống cấp" ngay. Chúng tôi đã điều chỉnh. Mong cảm thông. Thân mến.

Ông **Trần Văn Đ.** (Thụy Sĩ): Không nhiều, thưa ông. Do không có người đại diện. Nếu ông nhận làm đại diện thì hay và cảm ơn lắm. Kính

Nhắn tin chung **các độc giả ở Á châu**: Báo gửi qua Á châu thường khó khăn, dễ thất lạc (số vừa qua chúng tôi nhận trả về những 6 cuốn). Đề nghị quí ông / bà nên mua hạng nhất, chúng tôi sẽ gửi bằng Global Priority mail, chắc chắn và nhanh hơn. Kính.



PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
(SUBSCRIPTION FORM)

Họ và tên / *Full name*: ....

Điện thoại / *Phone*: ....

Địa chỉ / *Address*: ....

Đặt mua tạp chí Việt / *I would like Viet delivered to me:*

2 số / *2 issues* • 4 số / *4 issues*

Bắt đầu từ số / *Starting from issue No* ....

GIÁ BÁO / *SUBSCRIPTION RATE (postage included)*:

2 số / *2 issues*:

Australia: A$ 12.00

Overseas: US$ 16.00 (airmail)

4 số / *4 issues*:

Australia: A$ 20.00

Overseas: US$ 30.00 (airmail)

Các chủ đề của Việt:

Số 1 (đầu năm 1998): **Thơ**

Số 2 (giữa năm 1998): **Sống và viết ở hải ngoại**

Số 3 (sẽ ra vào đầu 1999): **Cái mới trong văn chương**

Ngân chi phiếu xin trả cho: **TẠP CHÍ VIỆT** và gửi về địa chỉ toà soạn dưới đây / *Please make the cheque / money order payable to **TAP CHI VIET** and forward to*:

VIỆT
P.O.BOX 64
ALTONA, VIC 3018
AUSTRALIA
(Tel: 03-9688 4049; Fax: 03-9688 4063)



Thư,, bài vở, ngân phiếu đề: BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)
Fax: từ Pháp 01 45 88 54 58 - Quốc tế: 33 1 45 88 54 58.
Email: diendan_forum@hol.fr
Tổng biên tập: **Hà Dương Tường**

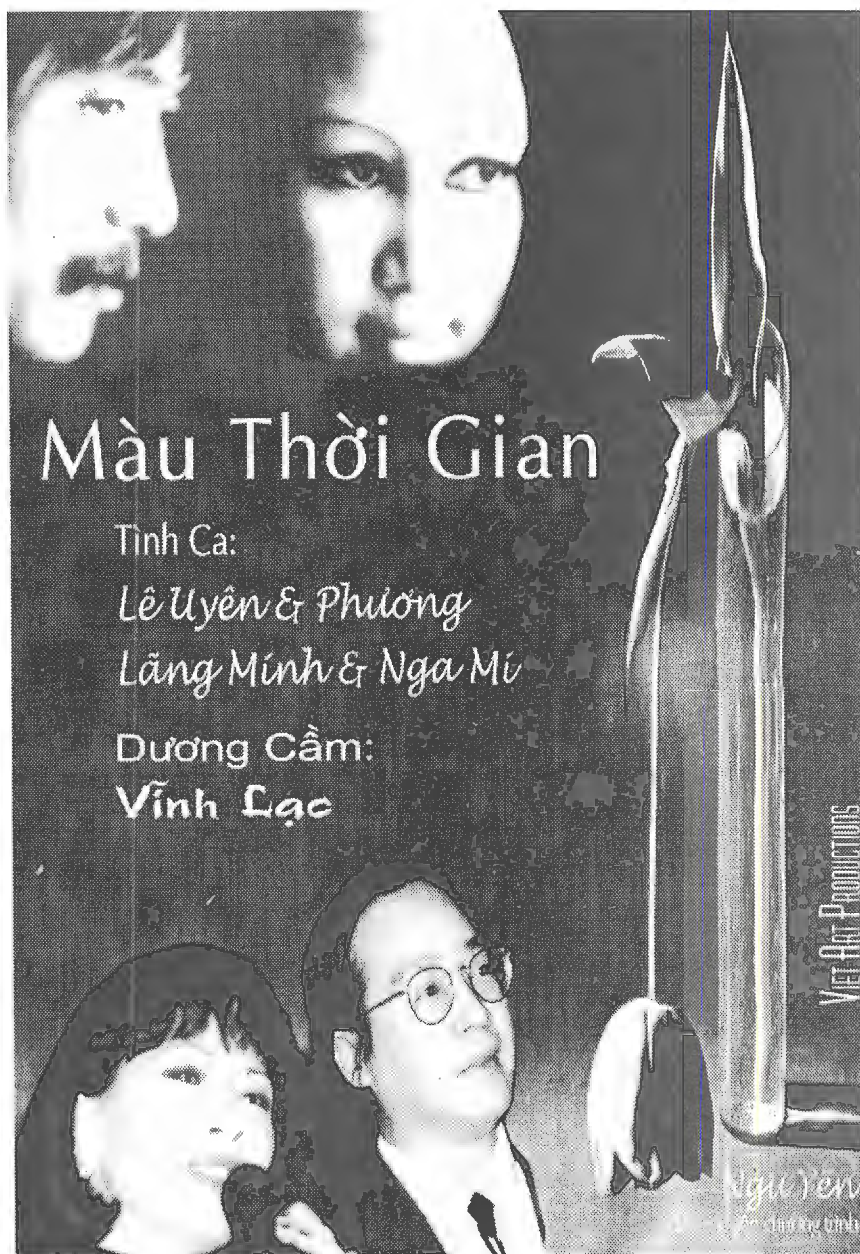
THỂ LỆ MUA DÀI HẠN DIỄN ĐÀN FORUM

Họ và tên ______________________________
Địa chỉ ______________________________
____

mua một năm báo Diễn Đàn (11 số) kể từ số........... (tức số........)
Kèm theo đây là ngân phiếu........................FF
Pháp (kể cả các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM): 250FF
Châu Âu ngoài Pháp: 280FF
Các nước ngoài châu Âu: 330FF

Ngân phiếu đề: DIENDAN FORUM, địa chỉ ghi trên.

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris.
Bạn đọc ở **châu Âu** thuộc khối liên hiệp kinh tế UE có thể đến bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của DIỄN ĐÀN. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80FF lệ phí mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.
Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** (trả bàng check), ở **Canada** và **Úc** (trả bằng Money Order) trị giá 60USD đề tên Mr. HOANG NGUYEN, và gửi về tòa soạn (*xem trên*).
Bạn đọc ở **Ba Lan** giá đặc biệt: số tiền zloti tương đương với 15USD / năm, sec đề tên P. LE DUC, tài khoản PKOS.A., IVO.W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (*for Forum*).
Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1: xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).
Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi sec 80DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung): DIEN DAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: NO. 380 48 94 76: BLZ 752 500 00)



Chủ Nhật, 16 tháng 8, từ 3-5:30 giờ chiều

Rice University

Hí viện Hamman Hall * Houston, Texas

Viet Art Productions. 713-942-8777

Tạp chí VĂN hân hạnh giới thiệu

PHÙNG NGUYỄN

tháp ký ức

tập truyện



văn

Tập truyện đầu tay của một tác giả
đang được độc giả tìm đọc.



tạp chí sáng tác và nhận định

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

SUBSCRIPTION FORM

3 số / năm - 3 issues / year

Tên *Name*

Địa chỉ *Address*

Điện thoại *Phone*

Điện thư *Email*

Hoa kỳ và Gia nã đại *(U.S. & Canada)*	☐ US $20.00 cho một năm *(for one year)*
Âu châu *(Europe)*	☐ US $25.00 cho một năm *(for one year)*
Á châu và Úc châu *(Asia & Australia)*	☐ US $30.00 cho một năm *(for one year)*
Ủng hộ *Donation*	☐

Chi phiếu xin đề *(Check payable to)*: THƠ

Và gửi về *(and send to)*:
TẠP CHÍ THƠ
P.O. Box 1745
Garden Grove, CA 92842, USA

- **Delivery by first class and airmail**

▫ email: tctho@aol.com ▫ website:http: //www.vietbay.com/tctho



P.O.Box 277 - Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 537-5229 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ Tên / Full name xin viết chữ in (please print)

Địa chỉ / Address

Điện thoại / Phone) Điện thư / Email

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / One year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from issue #: ____________

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):
Một năm / One Year:
• Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
Hai năm / Two years:
• Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$96.00

Âu châu (Europe):
Một năm / One year:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
Hai năm / Two years:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):
Một năm / One year:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
Hai năm / Two years:
• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Airmail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ*), money order (*Gia Nã Đại, Âu, Úc, Á châu*) để HOP LUU / Check (*US*), money order (*Canada, Europe, Asia & Australia*), in US funds, pay to HOP LUU

Thay đổi địa chỉ, xin cho biết trước và gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change address & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên và cuối cùng in trên nhãn gửi báo / The first and the last subscribed issues are printed on the label

LẦN CUỐI, SÀI GÒN

THƠ, TRUYỆN, TẠP LUẬN



NGUYỄN QUỐC TRỤ

Doãn Quốc Sỹ
TOÀN TẬP

Dòng sông định mệnh

VŨ THƯ HIÊN



MIỀN THƠ ẤU

HỒI KÝ



VĂN NGHỆ

Ba tác phẩm của
VŨ THƯ HIÊN
NGUYỄN QUỐC TRỤ
DOÃN QUỐC SĨ



42 Giá 8MK